

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Sơ thảo

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN NGHĨA HÀNH
(1930 • 1975)



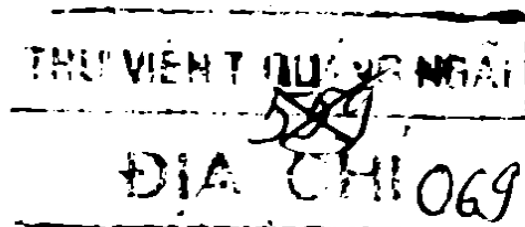
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN NGHĨA HÀNH ● 1997

**SƠ THẢO LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN NGHĨA HÀNH (1930 - 1975)**

**SƠ THẢO LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN NGHĨA HÀNH (1930 - 1975)**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SƠ THẢO
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN NGHĨA HÀNH
(1930 - 1975)



BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN NGHĨA HÀNH 1997

**CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY NGHĨA HÀNH**

**CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
CAO BÁ CHIẾN
NGUYỄN VĂN QUÝ**

**BAN BIÊN TẬP
TRẦN VĂN THẬN (Chủ biên)
PHẠM THIÊN
NGUYỄN THÁI BÌNH
TRẦN MỘNG NAM
CAO CHU
TẠ THANH**

**BIÊN TẬP VÀ HIỆU ĐÍNH
TRẦN VĂN THẬN**

**Ảnh : PHẠM DÂN, VÕ DUY CỨ, CAO CHU
và ẢNH TƯ LIỆU LƯU TRỮ**

In 1000 cuốn khổ 13x19cm tại Xí nghiệp In Báo Cao Su Việt Nam. Giấy
phép xuất bản số 31/XBNT-VHTT, ngày 21/05/1997. Do Sở VHTT Quảng
Ngãi cấp. In xong và nộp lưu chiểu tháng 07/1997.

LỜI GIỚI THIỆU

Xét về mặt hành chính, huyện Nghĩa Hành chỉ mới chính thức ra đời cách đây hơn một thế kỷ, nhưng mảnh đất này được khai phá từ rất lâu, con người nơi đây đã đến định cư từ nhiều trăm năm trước, gắn chặt với những thăng trầm của lịch sử đất Quảng Ngãi nói riêng và lịch sử dân tộc nói chung. Quá trình đấu tranh với tự nhiên và xã hội, đấu tranh chống ngoại xâm un đúc cho người Nghĩa Hành những đức tính quý báu: cần cù nhẫn nại, sống thuận phác và biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, đoàn kết và dũng cảm đấu tranh để sinh tồn. Những đức tính quý báu đó, suy cho cùng, đã làm cái nền cho các cuộc đấu tranh yêu nước trước năm 1930 cũng như sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

Ngay từ những năm đầu của thế kỷ 20, nhiều nhà nho yêu nước đã đứng lên vận động, tập hợp nhân dân đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống sưu cao thuế nặng, chống bắt lính bắt phu dưới chế độ thực dân - phong kiến thối nát.

Từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, truyền thống yêu nước và cách mạng vốn có của người dân Nghĩa Hành đã nhân lên gấp bội. Biết bao người con thân yêu của Nghĩa Hành đã sớm giác ngộ và sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng, để lại những tấm gương sáng ngời như cụ Nguyễn Công Phương và các bậc lãnh đạo khác. Sau 15 năm đấu tranh bí mật đầy đau thương, các thế hệ nhân dân lại tiếp bước, không quản gian khổ, hy sinh, cùng nhân dân toàn tỉnh và toàn dân tộc đấu tranh chống lại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược kéo dài suốt 30 năm đến ngày thắng lợi hoàn toàn. Lịch sử Đảng bộ huyện Nghĩa Hành là quá trình tổ chức và xây dựng, quá trình đấu tranh chinh phục thiên nhiên, chống áp bức bóc lột, chống ngoại xâm để vươn lên cuộc sống ấm no hạnh phúc. Lịch sử đó là một bộ phận khăng khít và góp phần to lớn cho những trang sử hào hùng của quê hương, đất nước, không thể để cho mai một mà không được kể tạc và phát huy. Từ yêu cầu thực tiễn ấy, Huyện ủy Nghĩa Hành

chủ trương sưu tầm, biên soạn lịch sử Đảng bộ Huyện, để ghi lại dấu ấn lịch sử cho đời sau, để từ đó đảng viên đúc rút những kinh nghiệm và nhân dân trong huyện kế thừa truyền thống quý báu của các thế hệ trước, tiếp tục công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong hiện tại và tương lai.

Để thực hiện được kỳ vọng lớn lao đó, Huyện ủy đã cùng ban biên soạn tổ chức sưu tầm tài liệu, thu thập ý kiến của những người trong cuộc, mở các cuộc tọa đàm, hội thảo nhằm phản ánh một cách trung thực lịch sử Đảng bộ huyện. Tuy nhiên do trình độ có hạn của ban biên soạn, nhất là tài liệu lịch sử thiếu thốn nên không thể tránh khỏi những nhầm lẫn, thiếu sót. Bởi vậy, công trình này chỉ mới dừng lại ở dạng sơ thảo, mong đợi sự tiếp tục đóng góp ý kiến bổ sung để hoàn chỉnh cho những lần xuất bản sau.

Tập sơ thảo này ra đời nhờ sự đóng góp nhiệt tình của nhiều đồng chí cách mạng lão thành trong và ngoài huyện, của các đồng chí đã sống và chiến đấu trên đất Nghĩa Hành, của hội đồng hương Nghĩa Hành ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, của nhiều cán bộ và nhân dân các địa phương trong huyện. Ban Thường vụ Huyện ủy Nghĩa Hành chân thành cảm ơn những đóng góp quý báu ấy và trân trọng giới thiệu tập sách cùng bạn đọc.

Nghĩa Hành đầu năm 1997

TM. BAN THƯỜNG VỤ

HUYỆN ỦY NGHĨA HÀNH

BÍ THƯ

Cao Bá Chiến

PHẦN MỞ ĐẦU

VÀI NÉT VỀ ĐẤT NƯỚC - CON NGƯỜI - TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI NGHĨA HÀNH TRƯỚC NĂM 1930

Chương I

ĐẤT NƯỚC - CON NGƯỜI NGHĨA HÀNH

Nghĩa Hành là một huyện của tỉnh Quảng Ngãi, cách tỉnh lỵ 9 km về phía tây-nam, bắc và đông bắc giáp huyện Tư Nghĩa; nam giáp huyện Ba Tư và Mộ Đức, tây giáp huyện Minh Long, đông và đông - nam giáp huyện Mộ Đức.

Địa hình Nghĩa Hành không thuần nhất. Phía tây có nhiều đồi núi, thung lũng, giống trung du. Phía đông, tuy còn rải rác nhiều gò đồi nhưng địa hình thoái dần và hòa vào đồng bằng rộng lớn của các huyện Tư Nghĩa và Mộ Đức.

Đồi núi có hai nhánh. Phía bắc sông Vệ, dọc ranh giới Minh Long - Nghĩa Hành có núi Đầu Tượng (cao 692m), núi Kỳ Lân (922m), núi Muồng, núi Hồng Bà (Hành Dũng và Hành Nhân), núi Đình Cương (Hành Đức) với những Hang Hồ, đèo Chim Hút, hố Bà Năm, đèo Eo Gió, đèo Đá Bàn với nhiều truyền thuyết. Phía nam sông Vệ có núi Ôn Lành (673m), núi Tai Mèo (607m), núi Giàng (còn gọi núi

Nhàn) đều nằm ở Hành Tín, Hành Thiện và tạo ranh giới thiên nhiên giữa Nghĩa Hành và Mộ Đức. Ngoài ra còn có nhiều núi đồi thấp nhỏ như núi Ngang, núi Huỳnh, núi Nhà, núi Rố, núi Châu Me và các đèo Đá Chát, đèo Lộc Lành, đèo Quán Thơm, đèo Lỗ Tây, đèo Mẻ Sơn gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử.

Núi rừng Nghĩa Hành xưa có nhiều gỗ quý như sến, nhụ, huỳnh đàn, sơn, xoay... đặc biệt có nhiều loại cây có dầu gọi là cây dầu rái. Thú rừng có gấu, hổ, nai, mang, heo rừng... chim có công, trĩ, khướu ... Do nạn phá rừng nối tiếp nhiều thế kỷ và sau này do chất độc hóa học của đế quốc Mỹ hủy diệt, cây cối cạn kiệt, chim thú hầu như bị tiêu diệt.

Nằm cách biển 7km theo đường chim bay, Nghĩa Hành không có bờ biển nhưng có hai hồ lớn là Bàu Lát và La Bàng (còn gọi là Sa Bàng). Dựa vào ván thuyền, neo thuyền loại lớn thỉnh thoảng bắt gặp, người ta cho rằng từ xa xưa nơi này từng là vũng sâu nối liền với biển cả, bị bồi lấp lâu đời, đường thông thương bị mất, trở thành hồ khép kín. Có hai con sông chảy qua phần phía nam và phía bắc huyện. Sông Vệ, một trong bốn sông lớn của Quảng Ngãi, bắt nguồn từ Ba Tư, len lách qua các dãy núi non hiểm trở rồi xuyên qua địa phận các xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Phước trước khi chảy qua các xã đồng bằng huyện Mộ Đức - Tư Nghĩa rồi đổ ra biển. Sông Phước Giang (sông Văn) nhỏ hơn, bắt nguồn từ Long Sơn (huyện Minh Long) chảy qua Kim Thành (Hành Dũng) hợp với sông Giăng (bắt nguồn từ đèo Chim Hút) tạo thành dòng

lớn chảy qua Hành Dũng xuống Hành Minh rồi chia hai ngã đi Hành Thuận và Hành Đức, Hành Trung. Cũng giống các sông khác ở miền Trung, sông Vệ và sông Phước Giang đều ngắn và dốc. Mùa mưa thường đầy áp nước, chảy xiết, gây lũ lụt lớn, phá hoại nhiều nhà cửa, mùa màng. Về mùa nắng hai dòng sông nước cạn, chảy chậm. Nhưng hai con sông này là nguồn nước và nguồn phù sa quan trọng cung cấp cho ruộng lúa, nương dâu xanh tốt. Sông Vệ còn là đường giao thông quan trọng giữa miền xuôi và miền ngược trước đây.

Nghĩa Hành nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới-gió mùa, khác nghiệt như các tỉnh, huyện khác ở miền Trung. Nhiệt độ trung bình khoảng 26°C . Nhiệt độ trên gắn liền với hai mùa mưa nắng khá rõ rệt. Mùa nắng dài hơn, thường bắt đầu từ tháng 2 đến thượng tuần tháng 9, có lúc nhiệt độ lên đến 37°C , 38°C . Mùa mưa ngắn hơn, bắt đầu từ hạ tuần tháng 9 đến thượng tuần tháng giêng. Đây cũng là mùa lạnh nhưng nhiệt độ không bao giờ xuống dưới 18°C . Lượng mưa hàng năm ở Nghĩa Hành lớn hơn các huyện đồng bằng lân cận, trung bình vào khoảng 2.200mm, và thường tập trung vào 4 tháng cuối năm⁽¹⁾. Các tháng khác thường khô hạn, thỉnh thoảng mới có các trận mưa rào vào các buổi chiều ở vùng nhiều núi. Bão tố thường diễn ra từ tháng 8 đến tháng 11 hằng năm, nhưng nhờ nằm sâu trong đất liền và núi non che chắn nên ít bị thiệt hại nặng như các huyện lân cận ở ven biển.

(1). Các số liệu trên đều dựa vào số thống kê năm 1996

Nghĩa Hành vốn là địa bàn cư trú lâu đời của cư dân ven biển miền Trung, có nền văn hoá Sa Huỳnh nổi tiếng. Thời Hồng Bàng (2879TCN - 258TCN), Nghĩa Hành thuộc đất Việt Thường Thị. Ba lần Bắc thuộc kéo dài hàng ngàn năm (207TCN - 939) Nghĩa Hành thuộc đất các châu, quận khác nhau của phong kiến Hán, Tùy, Đường ở phương Bắc. Thời Đinh - Lê (939 - 1009) đất này bị Chiêm Thành chiếm và nằm trong Cổ Lũy động. Nhà Hồ đánh bại Chiêm Thành thu hồi đất ấy, đổi tên là Tư Châu và Nghĩa Châu. Đất Nghĩa Hành thuộc Nghĩa Châu, được một thời gian lại mất về Chiêm Thành⁽¹⁾. Đến thời Hồng Đức nhà Lê (1470-1497) vua Lê đại thắng chiếm cứ Chà - Bàn (Bình Định) từ đó đất Nghĩa Hành thuộc Nghĩa Giang, phủ Tư Nghĩa (đổi Cổ Lũy động thành Tư Nghĩa phủ).

Thời Nguyễn Hoảng vào trấn thủ Thuận - Quảng Tư Nghĩa phủ được đổi thành Quảng Nghĩa phủ. Nghĩa Hành là bộ phận của Quảng Nghĩa phủ. Thời Tây Sơn đây là một bộ phận của Hoà Nghĩa phủ, thời Gia Long thuộc Quảng Nghĩa dinh. Năm Minh Mạng thứ 10 (1829) đổi dinh trấn thành tỉnh hạt, Quảng Nghĩa dinh thành Quảng Nghĩa tỉnh⁽²⁾, có 3 huyện Bình Sơn, Chương Nghĩa và Mộ Hoa. Đất Nghĩa Hành là một phần của huyện Chương Nghĩa. Thành Thái năm thứ 2 (1890) đặt thêm 3 châu Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Đức Phổ. Từ đó địa danh Nghĩa Hành chính thức ra đời, nhưng địa lý hành chính là nửa phần phía nam của huyện Chương Nghĩa được tách ra bao gồm: các thôn, xã nằm ở phía bắc sông Vệ và huyện Minh Long hiện nay. Năm Thành Thái thứ 11 (1899) tách Minh Long

lam đồn và xem là đơn vị hành chính riêng biệt. lại lấy thêm phần đất phía tây bắc huyện Mộ Đức dọc phía nam sông Vệ (gồm 3 xã Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Tín hiện nay) hợp với phần phía bắc đã có lập thành địa lý hành chính ổn định của huyện Nghĩa Hành từ đó đến nay.

Dưới chế độ thực dân - phong kiến, huyện Nghĩa Hành được chia làm 3 tổng: Hành Trung, Hành Thượng, Hành Cận với 61 xã, thôn lớn nhỏ khác nhau. Sau cách mạng tháng 8/1945, huyện Nghĩa Hành mang tên huyện Lê Đình Cẩn - tên một nhà chí sĩ yêu nước của huyện nhà - một thời gian rồi lấy tên Nghĩa Hành lại như cũ. Cũng từ sau cách mạng tháng Tám, đơn vị hành chính cấp tổng được xóa bỏ, các xã, thôn được nhập lại thành xã lớn.

Thời Mỹ - ngụy tên các xã thay đổi, nhưng vẫn giữ nguyên cương giới cũ. Với diện tích tự nhiên 255.500 km², Nghĩa Hành hiện nay được chia làm 10 xã là: Hành Thuận, Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Đức, Hành Trung, Hành Phước, Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh và thị trấn Chợ Chùa (huyện lỵ)⁽¹⁾.

Chúng ta chưa đủ cứ liệu để hiểu về nguồn gốc, biến đổi của con người thời Việt Thường Thị. Từ thời Bắc thuộc đến nhà Hồ, người bản địa bao gồm nhiều bộ tộc khác nhau có ngữ hệ Môn - Khơ me, dòng Nam Á, và một thời gian khá dài sống trong hai vương quốc Lâm Ấp và Chiêm Thành nối tiếp nhau. Họ có ngôn ngữ đa âm, ở nhà sàn,

(1). Hiện nay còn những ngôi mộ Chăm ở Gò Đình (An Chí - Hành Phước), di tích Tháp Chăm ở Mỹ Hưng (Hành Thịnh).

(2). Theo Đại Nam Nhất thống chí - quyển 2.

biết trồng lúa, có phong tục tập quán và nền văn hóa riêng. Riêng dân tộc Chăm đã có chữ viết, có nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc độc đáo, biết đóng thuyền lớn và tổ chức giao thông trên biển.

Người Việt đã có mặt tại đây từ thời Lý-Trần (1010-1400), nhưng mới chỉ rất ít người đi lại trao đổi hàng hóa; về sau có thêm các cơ binh đồn trú và tù nhân bị đày đi viễn châu được tổ chức thành đơn vị đưa đến khai phá các vùng đồi núi, tạo lập các trang trại mới, canh tác theo phương thức ở quê hương.

Thời Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận - Quảng, có thêm người có học vấn, có nghề nghiệp giỏi, thạo việc nông trang, thủy lợi được nhà nước phong kiến chiêu mộ, tuyển lựa đưa vào. Đặc biệt từ thời Trịnh - Nguyễn phân tranh (1613-1773), nhân dân Đàng Ngoài nhất là nhân dân Thanh, Nghệ, căm ghét chúa Trịnh, ồ ạt kéo vào Đàng Trong. Chúa Nguyễn cũng đã nhiều lần kéo quân ra đánh phá và bắt dân nhiều làng, không kể già trẻ, trai gái đưa về Nam. Giống với các tỉnh, huyện miền Nam Trung bộ, những thế hệ người Việt nối tiếp nhau đến Nghĩa Hành, sống hòa hợp và tiếp thu một số tinh hoa của người bản địa, lo việc định cư, khai khẩn đất đai, thiết lập cuộc sống gia tộc theo truyền thống văn hóa vốn có, hình thành các khu dân cư đông đúc với nhiều dòng họ lớn và trở thành tiền hiền, hậu hiền của các làng xã.

Định cư ở quê mới nhưng lòng vẫn nhớ về quê cũ, đó là dấu ấn tình cảm còn lưu lại trong một bài vế ngày xưa

(1). Xem phụ lục

hiện còn lưu giữ được :

Chiều chiều lên đỉnh núi Giàng

Trông về xứ Nghệ mà lòng quặn đau...

Trải qua thời gian, đến đầu năm 1996 này, dân số huyện Nghĩa Hành có 93.881 người⁽¹⁾, riêng nữ có 49.359 người, trong đó có 401 người dân tộc Hre sống rải rác ở hồ Bà Năm (Hành Dũng) Trường Khánh, và nhiều nhất là ở Trưng Kè (35 hộ) thuộc xã Hành Tín.

Bên cạnh những nét chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, cuộc sống mỗi dân tộc có những nét khác nhau. Đồng bào Thượng thường sống tập trung ở miền rừng núi, sống dựa vào phát nương làm rẫy, thu lượm lâm thổ sản, săn bắt thú rừng, chủ yếu là tự cung, tự cấp, ở nhà sàn, làm tục lệ cúng bái, kiêng cử. Đời sống luôn luôn thiếu thốn khó khăn nhưng không trộm cắp nhau, không ăn xin, không cờ bạc. Con trai con gái không hòa gian⁽²⁾, rất ghét áp bức bóc lột, có tinh thần đấu tranh ngoan cường, từng là chỗ dựa của cách mạng trong hai cuộc chiến đấu chống Pháp, chống Mỹ vừa qua. Đồng bào Kinh thường sống tập trung ở vùng đồng bằng rộng và dọc theo các thung lũng ven sông, chuyên trồng lúa nước và ngô khoai, phương thức canh tác có tiến bộ hơn, biết dùng trâu bò làm sức kéo, dùng cày bừa để lật xáo đất, biết chọn giống cây trồng thích hợp, bón phân để tăng năng suất, đặc biệt biết phát huy mọi sáng tạo như đào ao, vát giếng, dùng các loại gàu, guồng để đưa nước lên ruộng, đắp đập ngăn sông, dựng các bờ xe nước đưa nước sông Vệ tưới cho những cánh đồng cao ở hai bên bờ sông.

Ngoài nghề nông là chính, người Nghĩa Hành còn làm các nghề thủ công như nghề rèn, giới kỹ thuật tôi luyện ở Hành Dũng, nghề mộc thao chạm khắc trên gỗ ở Hành Minh, nghề làm guồng nước, bờ xe ở An Chi (Hành Phước), nghề trồng dâu nuôi tằm ở Nhơn Lộc (Hành Tín), Đồng Xuân, Mỹ Hưng (Hành Thịnh), An Chi, Đê An (Hành Phước), Bình Thành (Hành Dũng), nghề nấu đường ở hầu hết các xã trong huyện. Đặc biệt nghề dệt lụa Bình Thành nổi tiếng một thời đưa bán khắp thị trường trong nước. Ngoài ra còn có nghề đan nong nia ở Hiệp Phố, Kỳ Thọ (Hành Đức), đan rổ rá, thúng mùng ở Long Bàn (Hành Minh), An Định (Hành Dũng), nghề chằm nón, đan tơ ở Đê An (Hành Phước) nhưng chỉ trao đổi trong phạm vi hẹp, khó tiêu thụ, thu nhập thấp cho nên không mấy người sống chuyên với nghề của mình, mà đa số chỉ làm thêm lúc nông nhàn. Ngày nay đồ nhựa thay thế hầu hết các vật dụng kể trên nên các nghề này cũng thu hẹp và mất dần.

Trước cách mạng tháng Tám, cả huyện có khoảng 15 chợ lớn nhỏ phân bố khá đều trong toàn huyện. Lớn nhất là chợ Chùa (thị trấn Chợ Chùa) họp hàng ngày, chợ Tam Bảo (Hành Dũng) họp theo phiên vào các ngày 2, 12, 22, và 7, 17, 27 âm lịch hàng tháng, trao đổi lâm thổ sản và thực phẩm giữa đồng bằng và miền núi. Cả huyện chỉ có hai con đường từ thị xã Quảng Ngãi đi Minh Long qua thị trấn Chợ Chùa và từ Chợ Chùa đi Cây Bứa là đường ô tô

(1). Sau cách mạng tháng Tám tháng lợi : 8-1945 có 39.000 người. Đầu năm 1970 ước khoản 45.000 người.

(2). Từ cổ có nghĩa không quan hệ bất chính giữa nam nữ với nhau.

có thể chạy được, còn hầu hết là đường đất nhỏ hẹp, mùa nắng thì bụi bặm, mùa mưa thì lầy lội. Việc đi lại rất khó khăn. Nói chung kinh tế Nghĩa Hành trước cách mạng tháng Tám là kinh tế tiểu nông phân tán, lạc hậu, các ngành nghề không phát triển, việc giao lưu trao đổi rất khó khăn, chủ yếu là tự cung tự cấp, chỉ mới xuất hiện vài yếu tố của kinh tế hàng hóa như một ít người có tiệm buôn, cửa hiệu mua bán hàng tạp hóa ở quanh các chợ và thị trấn Chợ Chùa, nhưng chỉ ở mức tiểu thương. Cũng có một vài người buôn bán lớn như Quản Giám, đại lý Cừu thu mua đường muông từ Nghĩa Hành, sơ chế rồi chở đi Thu Xà (qua đường sông Vệ) để ghe bầu đưa ra bán ở Thanh, Nghệ, Nam Định v.v.....

Ngày trước mỗi khi nói đến Suối Bùn (Hành Tín), phiên Tam Bảo (Hành Dũng), Chợ Chùa (thị trấn Chợ Chùa) là nói đến Nghĩa Hành giàu có. Suối Bùn nhiều ruộng đất phì nhiêu, nhiều lúa gạo, ngô khoai, phiên Tam Bảo lâm thổ sản phong phú; Chợ Chùa mua bán sầm uất. Nhưng cũng chính nơi đây tập trung nhiều bất công xã hội và mâu thuẫn giai cấp diễn ra sâu sắc. Là một huyện chủ yếu sống bằng nghề nông, nhưng việc phân bố ruộng đất quá bất hợp lý. Địa chủ, phú nông chiếm 17% dân số, bao chiếm đến 75% ruộng đất. Một vùng nhỏ thuộc xã Hành Phước đã có 4 địa chủ lớn chiếm đại bộ phận ruộng đất và toàn là ruộng đất phì nhiêu trong vùng⁽¹⁾. Mười địa chủ lớn nhất tỉnh Quảng Ngãi (chiếm 100 mẫu trở lên), riêng Nghĩa Hành có đến hai người chính gốc: Nguyễn Văn Trình

(1). Câu nói dân gian ngày trước đã xếp thứ tự như sau : Nhất Triết (Bá Mọi), nhì Hoành (Lê Hoành), tam Ngô (Bá Ba), tứ Trục.

(Hành Minh) chiếm 348 mẫu. Phan Quang Chương (Hành Phước) chiếm 125 mẫu. Ngoài ra còn hai địa chủ lớn người ở huyện khác là Nguyễn Hy (Nghĩa Phú. Tư Nghĩa) có 600 mẫu và Nguyễn Thượng Hiền (Tân Hội. Đức Phổ) có 485 mẫu ruộng đất, phần lớn nằm ở Nghĩa Hành⁽¹⁾. Nhà chung, nhà chùa cũng chiếm đến hàng ngàn mẫu. Ở một số thôn, xã có ruộng công điền, tiếng là để cấp cho tráng đinh (nam giới từ 18 tuổi trở lên) thực ra đã bị bọn cường hào, địa chủ bằng uy quyền, bằng nợ nần (do vay nặng lãi hoặc tô tức) đã bao chiếm gần hết. Trừ một số ít nhờ làm ăn giỏi, sống tần tiện mua được 5,7 sào, hoặc lãnh canh của địa chủ nộp địa tô có cuộc sống không đến nỗi đứt bữa, nhưng chủ yếu nhờ vào khoai ngô độn gạo và luôn luôn sống trong tình trạng bấp bênh. Còn lại hầu hết là những người cày không có ruộng, sống nhờ vào cày thuê, cấy mượn lay lắt qua ngày. Một số không ít người vì thuế má, nợ nần lâm vào cảnh bán thân, ở đợ, phải làm lụng, phục dịch trong nhà địa chủ. Bất công xã hội sâu sắc dẫn đến những cuộc xung đột đẫm máu, từng làm rung động cả tỉnh trước đây. Đã thế, nạn sưu thuế, nhất là thuế đinh, đánh thẳng vào đầu người, càng làm cho người dân sống triền miên trong cảnh bán cùng.

Về văn hóa, giáo dục, người Nghĩa Hành cũng xây dựng cuộc sống trên cơ sở gia tộc, hiếu đễ trong gia đình, thờ cúng tổ tiên, tôn trọng tình làng, nghĩa xóm, gắn bó với cộng đồng, trọng nghĩa khinh tài, xây chùa thờ Phật, hướng

(1) Dẫn theo "Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi 1885 - 1945..." của Bùi Định. Ban NCLS Đảng và Sở VH-TT Nghĩa Bình xuất bản - trang 12.

về điều thiện, xây đền thờ cúng tiên hiền, hậu hiền ghi nhớ công ơn những người đã có công xây dựng quê hương, bảo vệ đất nước. Một số ít theo các tôn giáo như Thiên chúa giáo, Cao đài. Trừ một vài người cầm đầu thuộc tầng lớp trên bị thực dân xúi giục, gây chia rẽ lương giáo, còn hầu hết tín đồ vẫn là những nông dân chân lấm tay bùn, đói cơm, lạt muối, sống trong cuộc sống nghèo khổ chung và cũng đều là nạn nhân của chính sách ngu dân của chế độ thực dân phong kiến.

Về giáo dục, dưới thời phong kiến chỉ có một số nhà giàu rước thầy đồ về nhà dạy con cháu và một ít người trong họ tộc. Người biết đọc thông viết thạo trong mỗi xã chỉ được năm ba người. Số đậu Tú tài, Cử nhân trong cả huyện chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay. Có đến 97% dân số mù chữ. Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam gọi là giúp việc khai hóa, bỏ chữ Hán, mở trường dạy Quốc ngữ, nhưng thực chất vẫn là duy trì chính sách ngu dân; cả 4, 5 thôn mới có một trường với vài lớp đồng ấu, dự bị với 60, 70 học sinh vừa thoát mù chữ, biết ghi chép, vừa đủ người chọn làm lý hương của chúng là thôi. Cả huyện có một trường tiểu học (gọi là trường bị thể) nhưng cho mãi đến trước cách mạng tháng Tám vẫn chưa có đủ 5 lớp, mới có lớp nhì đệ nhị (cours moyen 2e année), chưa có lớp cao đẳng (Superieur) nên chưa đủ trình độ thi Pơ-ri-me (tốt nghiệp tiểu học).

Đời sống vật chất và tinh thần hết sức nghèo nàn, lạc hậu. Việc chăm sóc sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh hoàn toàn không có. Khi đau ốm, nhân dân phải tự chạy chữa

bằng y học cổ truyền, hoặc cúng tế tà ma. Báo chí rất hiếm hoi, chỉ một vài nhà thật giàu có, thuận tiện việc đi lại, mới đặt mua nổi một vài tờ báo. Còn sách báo có ít nhiều để cao lòng yêu nước, tuyên truyền tư tưởng tiến bộ đều bị nghiêm cấm.

Về thể chế, cũng như các huyện khác, ở Nghĩa Hành dịch duy trì bộ máy thống trị phong kiến tay sai dưới sự giám sát, đôn đốc ngặt nghèo của chế độ thực dân tàn bạo của chúng. Bộ máy thống trị chỉ chuyên việc bóc lột và đàn áp. Ở huyện có tri huyện và một bộ máy gồm thừa phái, lục sự chuyên lo việc đôn đốc thu thuế, bắt sưu dịch, theo dõi và đàn áp những cá nhân và tổ chức chống lại trật tự bất công mà chúng đã áp đặt. Ở tổng có bang tá, chánh tổng, phó tổng chuyên lo điều khiển các xã đoàn (gồm đoàn phu, đoàn thập - giống như dân vệ) lo việc canh gác và truy bắt những người yêu nước, các tổ chức cách mạng, nhất là từ năm 1930, khi có phong trào Cộng sản.

Ở mỗi xã, thôn có hội đồng kỳ hào làm cố vấn và một bộ máy hành chính, đứng đầu là lý trưởng chịu trách nhiệm mọi mặt, có ngũ hương gồm: hương bộ lo việc hộ tịch, phân loại tráng lão, chánh ngụ; hương mục lo việc cầu cống, đường sá; hương bồn giữ tiền và tài sản; hương kiểm lo việc canh gác, trị an; hương dịch lo các tạp dịch trong những ngày lễ hội và một vài người chạy giấy tờ, truyền mệnh lệnh gọi là trùm. Bộ máy với chức năng bóc lột và đàn áp đó không có gì thay đổi khi phát - xít Nhật vào Đông Dương. Chính sách bản cùng hóa, ngu dân hóa của phong kiến kéo dài qua nhiều thế kỷ, lại thêm chính sách

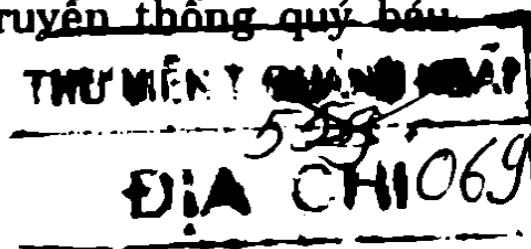
tàn bạo, xảo quyệt của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phát - xít đã kìm hãm nhân dân ta nói chung, nhân dân Nghĩa Hành nói riêng trong cuộc sống nghèo nàn cơ cực, dân trí thấp kém, sống kéo dài trong những mê tín, dị đoan, trong các phong tục tập quán lạc hậu.

Nhưng cũng qua cuộc vật lộn dai dẳng với thiên nhiên khắc nghiệt, với xã hội bất công, để bảo tồn sự sống, người Nghĩa Hành đã rèn cho mình đức tính cần cù, nhẫn nại, thích tìm tòi cái mới, ham học hỏi, đặc biệt là nuôi dưỡng một ý chí căm thù và tinh thần đấu tranh bất khuất, dám hy sinh quên mình trong sự nghiệp cứu nước, cứu dân trong suốt chiều dài lịch sử.

Chương II

TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN NGHĨA HÀNH TRƯỚC NĂM 1930

Nhân dân Nghĩa Hành cũng như nhân dân các huyện khác đều khao khát một đất nước độc lập, một cuộc sống ấm no, nhưng hết đời nọ đến đời kia vẫn đói khổ, khốn cùng. Đất nước bị kẻ thù xâm lược, thực dân và phong kiến lại câu kết với nhau đàn áp và bóc lột, cuộc sống nhân dân càng thêm cơ cực. Người Nghĩa Hành ý thức được rằng chỉ có đấu tranh chống bất công, chống kẻ thù xâm lược mới cứu được đất nước, mới bảo vệ được giống nòi. Tinh thần đấu tranh và yêu nước đã được un đúc qua nhiều thế hệ và đã trở thành truyền thống quý báu.



1- THỜI PHONG KIẾN :

Tương truyền bài thơ sau đây là của ông Trần Đại Lực, một nông phu trong đội binh điền của chúa Nguyễn đã định cư ở vùng Thiên Xuân (Hành Tín), Vạn Xuân (Hành Thiện):

*...Vi sao lâm cảnh dọa dầy
Xương vùi tốt lúa, máu xanh cây
Mồ hôi trộn lẫn mồ cơm hẩm
Nước mắt chan hòa gói muối cay
Làm chẳng kịp ăn quan cướp sạch
Ngủ chưa ấm cật cạp phanh thây
Ly quê, thêm nặng tình đồng cảnh
Trả thù, rửa hận phải chung tay ⁽¹⁾*

Qua thơ, chúng ta biết được cuộc sống vô cùng gian truân, khốn khổ của thế hệ đầu tiên đến định cư ở quê mới dưới mọi sự đe dọa hiểm nguy đè nặng lên thân phận con người. Lời kêu gọi chung sức, chung lòng tự cứu lấy mình cũng không kém phần quyết liệt. Nhưng phải chờ đến phong trào nông dân Tây Sơn, những con người cùng khổ ấy mới vùng lên được. Căn cứ vào những địa danh như gò Ông Súng, gò Ông Sách (Đề An), gò Ông Voi (Hòa Vinh) xã Hành Phước và những câu chuyện lưu truyền về nó thì cư dân Nghĩa Hành đã tham gia tích cực vào nghĩa quân Tây Sơn ngay từ đầu. Cả vùng Hành Tín, Hành Thiện, Hành Phước, Hành Thịnh ngày nay là căn cứ địa Tây Giang, với điểm huấn luyện bộ binh ở Trường Luyện (nay là Khánh Giang - Trường Lệ), huấn luyện thủy quân ở Ba

1). Theo tài liệu Quảng Ngãi với Tây Sơn Hưng quốc vận của Nguyễn Hồng Sinh-bản in rônêo - Trang 34.

Vực, đúc súng đạn ở Gò Ông Súng, Gò Ông Sắt, lại có cả 4 đồn điền ở Phú Khương, Phú Thọ, Thiên Xuân, Vạn Xuân lo cày cấy sản xuất lúa gạo và tập trung xuống Bến Thóc (Hành Thịnh) đưa lên thuyền theo sông Thoa đi Mỹ Á, vào Quy Nhơn từ trước cuộc khởi nghĩa Tây Sơn⁽²⁾. Căn cứ địa Tây Giang với những hoạt động kể trên đều do ông Nguyễn Văn Xuân tổ chức và lãnh đạo. Bài thơ dài, tương truyền là của chính ông Nguyễn Văn Xuân, người chỉ huy căn cứ Tây Giang, về sau là trấn thủ phủ Hòa Nghĩa, có đoạn đã nói lên được phần nào không khí hào hùng của nhân dân Quảng Nghĩa nói chung, Nghĩa Hành nói riêng trong những ngày quật khởi:

*... May sao quốc vận phục hưng
Lá cờ đại nghĩa Tây Sơn đẹp loàn
Quân dân Kinh- Thổ hân hoan
Theo lá cờ hồng, rầm rập bước mau
Từ rừng núi đến trung châu
Chỉ trong một trận, đập nhào sạch trơn...⁽³⁾*

Rồi phong trào nông dân Tây Sơn bị tiêu diệt trong sự trả thù tàn bạo. Ước mơ xóa bỏ bất công, làm chủ cuộc đời cũng ngậm ngùi trong thất bại và tiếp tục chịu đựng những bất công mới do chế độ phong kiến nhà Nguyễn gây ra. Chưa được bao lâu thì thực dân Pháp kéo đến bán những phát súng đầu tiên vào Đà Nẵng, đe dọa nền độc lập của đất nước. Người Nghĩa Hành đã có mặt ngay từ đầu trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược.

2). Xem thêm bài "Đi tìm cứ liệu phong trào Tây Sơn" - Lê Hồng Long. Tạp chí Cẩm Thành Số 6 - trang 33.

(3). Quảng Ngãi với Tây Sơn Hưng quốc vận - Tài liệu đã dẫn - Trang 41

Đó là ông Võ Duy Ninh quê ở Đại An (Hành Thuận) đỗ cử nhân khoa Giáp ngọ (1834) làm tổng đốc Định - Biên, năm 1858, khi ông đang về cư tang mẹ ở quê nhà thì thực dân Pháp chuẩn bị đánh thành Gia Định. Để đôn đốc việc chống giữ, triều đình Huế cử Võ Duy Ninh làm Hộ đốc, vào Gia Định đốc chiến. Khi ông vào đến nơi được 2 hôm thì quân Pháp đánh thành. Võ Duy Ninh cùng chỉ huy chiến đấu rất anh dũng. Ngày 17-2-1859 (4 tháng giêng Kỷ mùi) thành Gia Định thất thủ. Ông bị thương bất tỉnh. Quân lính đưa ông về phía sau, đến khi tỉnh dậy, biết thành đã rơi vào tay giặc, ông đã tự sát.

Võ Duy Thành cũng quê Đại An, đỗ Phó bảng năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), đang làm quan ở Nam bộ, cũng bỏ quan theo Trương Định chăm lo việc mua sắm và rèn đúc khí giới đánh Pháp. Rồi cũng như Võ Duy Ninh, Võ Duy Thành đã chết theo nạn nước và thuộc lớp người hy sinh đầu tiên cho sự nghiệp cứu nước nửa cuối thế kỷ XIX.

Từ nhu cầu hỗ trợ cho cuộc chiến đấu chống Pháp của đồng bào ta ở Nam bộ, Nghĩa hội với tên Bảo quốc ở Quảng Nghĩa được hình thành, sau đổi tên là Bình Tây Bảo quốc với việc xây dựng các lực lượng Hương binh, Đoàn kiệt, quỳên góp tiền bạc, tích lũy lương thực, mua sắm khí giới.v... sẵn sàng đánh Pháp, trong đó ở Nghĩa Hành, các nhà nho mà tiêu biểu là các ông Lê Quán, Lê Triết tham gia rất tích cực. Với chính sách xâm lược “khuân từng gói nhỏ” (Systeme de conquete par petits paquets), ngày 5-7-1885 (tức ngày 23 tháng 5 Ất Dậu) thực dân Pháp đánh chiếm kinh đô Huế, vua Hàm Nghi xuất bôn và kêu gọi

Cần vương. Nghĩa quân Quảng Nghĩa dưới sự lãnh đạo của các ông Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân đã kéo cờ hưởng ứng, các ông Lê Quán, Lê Triết cũng kéo Hương binh. Đoàn kiệt vùng Nghĩa Hành về hợp sức đánh chiếm thành Quảng Nghĩa. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông Lê Trung Đình bị bắt và bị giết ngày 11-6 (tức là ngày 23 tháng 7 năm 1885). Lê Quán cũng bị bắt, bị tra tấn và giam ở nhà lao Trì Bình. Ra tù ông lại kết giao với các nhân sĩ tìm cách cứu nước và che giấu bảo vệ Lê Đình Cương (còn gọi là Viên Rền) con trai nhà yêu nước Lê Trung Đình, đang bị bọn thống trị truy, nã. Ông bị bắt và bị tra tấn nhiều lần, thành bệnh nặng và chết ngày 21 tháng 1 năm Bính thìn (1896) lúc mới 45 tuổi. Sau cách mạng tháng Tám, làng Kim Thành (Hành Dũng) một thời gian mang tên ông. Nhân dân Nghĩa Hành dưới sự lãnh đạo của các nhà nho, tiếp tục tham gia phong trào Cần vương do các ông Nguyễn Bá Loan (1885-1888), Thái Thú (1894), Trần Du (1896) lãnh đạo. Đặc biệt trong phong trào Cần vương do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo, vùng đất Nghĩa Hành ngày nay được xem như căn cứ địa, nơi cung cấp sức người, sức của, nơi cất giấu kho tàng, khí giới, nơi những người chỉ huy khởi nghĩa cư trú và họp bàn kế hoạch cộng thủ. Nhưng các cuộc khởi nghĩa đó lần lượt thất bại, và phong trào yêu nước mang tư tưởng dân chủ tư sản ra đời.

2- THỜI THỰC DÂN - PHONG KIẾN :

a) Hội Duy tân và phong trào yêu nước những năm 1904-1908:

Thực dân Pháp ngày càng củng cố vững chắc nền thống

trị trên toàn cõi Việt Nam. Triều đình Huế càng lộ rõ bộ mặt bán nước. Mặt khác, chính sách khai thác của thực dân Pháp đã tạo nên những biến đổi cơ bản trong xã hội Việt Nam. Một số thành thị, xí nghiệp mọc lên, các giai cấp mới như tư sản, tiểu tư sản, công nhân và một tầng lớp trí thức mới ra đời. Trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản xâm nhập vào Việt Nam bằng những con đường khác nhau và hình thành nhiều tổ chức yêu nước khác nhau ở Quảng Ngãi. Các nhà yêu nước đứng đầu là các cụ Lê Đình Cẩn, Nguyễn Bá Loan, vốn là người của Nghĩa hội Cần vương, đã liên hệ với các tổ chức trên, nhưng không theo hẳn tổ chức nào, tự đứng ra tổ chức Hội Duy tân với nội dung hoạt động yêu nước mang màu sắc dân chủ tư sản, theo quan điểm của mình. Hội chủ trương mở trường dạy học chữ quốc ngữ, dạy “cách vật trí tri”, vận động bỏ hủ tục, bỏ khăn đen, áo dài, cắt búi tóc, bài trừ ngoại hóa, tổ chức nông hội, thương hội... dùng nội hóa với ý thức là nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, bỏ ỷ lại, bỏ đợi chờ, phải “tự cứu lấy mình”, “phải tự lập chăm làm cho nổi, phải tự cường cật hãn nhân dân” đồng thời bí mật cử người đi du học theo chủ trương Đông du của cụ Phan Bội Châu để có sẵn nhân tài, chờ thời cơ để “Giang sơn thu phục về mình”⁽¹⁾. Hội đã mở được nhiều trường học, một số nông hội, thương hội, thành lập một nông trại, tổ chức các cuộc vận động hớt tóc, xóa bỏ hủ tục, làm nhiều thơ ca hò vè vạch trần tội ác của quân xâm lược, bộ mặt bán nước, hại dân của triều đình Huế, cổ vũ tinh thần tự lực, tự cường,

(1). Các ngoặc kép đều trích trong bài Xin đúc một chữ đồng của Lê Đình Cẩn.

động viên lòng yêu nước thương nòi phổ biến trong nhân dân.

Do ảnh hưởng của Lê Đình Cẩn, nhiều học trò của ông (trường do ông mở ở Hòa Vinh, Hành Phước) như các ông Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Công Phương (Hành Phước), Lê Triết (Hiệp Phố, Hành Đức) Tú tài Nguyễn Tấn Quyền, Mai Hành (Hành Dũng), hoạt động rất tích cực, đưa việc hoạt động xóa bỏ hủ tục, phổ biến thơ ca, hò vè đến từng thôn, xóm, nhiều hàng hội được thành lập. Ông Lê Tự Khiết (người An Ba, Hành Thịnh) đứng ra lập hiệu buôn thuốc Bắc và lập hội buôn Quảng Tín tại tỉnh lỵ. Đặc biệt Nghĩa Hành đã giúp Tỉnh hội thành lập được nông trại ở làng Tình Phú. Trong nông trại có cả trường dạy học cho trại viên và người các xã xung quanh. Nông trại cũng là nơi liên hệ và hội họp bí mật của Tỉnh hội. Nông trại do Nguyễn Bá Loan làm Hội trưởng, Nguyễn Đình Nghi làm phó, Nguyễn Công Phương làm thư ký, Nguyễn Thượng Văn làm kiểm soát viên và các ông Phạm Soạn, Hưng Dư, Thừa Hưng làm ủy viên⁽²⁾.

Hoạt động của Hội ngày càng mạnh mẽ, sâu rộng, góp phần khơi dậy lòng yêu nước sôi nổi cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Bọn thực dân thống trị theo dõi chặt chẽ, rất căm tức, tuy chưa đủ cơ để đàn áp phong trào, nhưng chúng tìm mọi cách ngăn cản, bắt bớ và giam cầm ông Lê Đình Cẩn, người lãnh đạo phong trào.

Lê Đình Cẩn sinh năm 1870 người gốc làng La Hà (Tư Nghĩa), sau đưa gia đình về ở Hòa Vinh (Hành Phước,

(2). Dẫn theo Tìm hiểu của phong trào yêu nước chống Pháp... của Bùi Định Sứ - trang 55.

Nghĩa Hành). Ông học chữ Hán, đỗ Cử nhân và được cử làm Huấn đạo Mộ Đức; từng tham gia phong trào Cần vương. Về sau, tiếp thu tư tưởng dân chủ, ông bỏ làm quan, về quê mở trường dạy học tại nhà, cùng nhiều nhà nho khác như Nguyễn Bá Loan (Mộ Đức), Nguyễn Đình Quang (Sơn Tịnh), Trần Kỳ Phong (Bình Sơn), Phạm Cao Chấn (Tư Nghĩa), Nguyễn Tuyên (Đức Phổ) tổ chức Hội Duy tân, chỉ đạo các hoạt động của Hội, sáng tác nhiều thơ văn chứa chan lòng yêu nước, căm thù giặc như “Xin đúc một chữ đồng” “Cố quốc Sơn hà trọng” Ông ngang nhiên đi lại, đấu tranh lý lẽ trực diện với kẻ thù. Bọn quan lại đầu tỉnh, kể cả tên Công sứ người Pháp cũng kiêng nể ông. Ông bị tìm cơ bắt bỏ tù nhiều lần. Không khuất phục được ông, chúng nhốt ông trong một cái kho và bỏ đói để giết ông vào năm 1914. Đến chết, ông vẫn hiên ngang giữ tròn “tiết nghĩa”, như lời thơ ông viết trong “Xin đúc một chữ đồng”:

*... Cường quyền coi chúng như không
Dọc ngang một cõi vẫy vùng bốn phương
Trong chính sử giữ đường tiết nghĩa
Việc ở ăn vẹn chữ kiên trinh
Gặp cơn sóng gió bất bình
Chẳng dèi, chẳng nhiều, chẳng khinh, chẳng sờn...*

Ông là một trong những nhân vật tiêu biểu của Quảng Ngãi. Sau cách mạng tháng Tám, huyện Nghĩa Hành trân trọng mang tên ông.

b) Phong trào chống sưu thuế (1908) :

Nhân dân bị bóc lột sưu thuế nặng nề nên từ đầu năm

1908. phong trào khất sưu thuế nổ ra ở Quảng Nam, có tiếng vang ra nhiều nơi. Một số nhân sĩ, hương lý kỳ hào các nơi trong tỉnh Quảng Ngãi qua lại hiệu buôn Quảng Tín gặp ông Lê Tự Khiết phàn nàn về thuế nặng, xâu cao. Ông Lê Tự Khiết trả lời: "Thuế xâu quá nặng thì phải đi xin, một người xin không được thì nhiều người cùng đi xin..." Ý kiến đó được lan truyền gần như một ý kiến chỉ đạo, vì không ít người biết ông là người của Hội Duy tân. Đầu tiên là Bình Sơn, Sơn Tịnh từng đoàn 400, 500 người, rồi đến 1.500 người, kéo nhau về tỉnh thành đòi giảm thuế. Bọn thống trị bắt giam một số người với ý định là đe dọa, đàn áp để phá tan phong trào. Không ngờ, quần chúng càng bất bình, các cuộc biểu tình càng đông hơn và lan rộng ra các huyện trong tỉnh. Hàng ngày có hàng nghìn người kéo nhau về vây quanh thành, bên cạnh yêu cầu khất thuế, giảm xâu lại xuất hiện thêm các yêu sách có tính chất chính trị như đòi đưa Cản chánh Nguyễn Thân về tỉnh xét trị, đưa Tuần vũ Lê Từ ra hỏi tội. Nhân dân Nghĩa Hành có cả hương lý và người giàu có cũng bất bình với sưu cao, thuế nặng cùng kéo nhau đến tụ họp ở đình làng, sắp xếp đội ngũ, kéo nhau về tỉnh thành tham gia phong trào đấu tranh chung. Cuộc đấu tranh đã kéo dài hàng chục ngày (24-3-1908 đến 6-4-1908) và mỗi lúc một đông đảo, căng thẳng. Riêng ở Nghĩa Hành phong trào đã có một hành động quyết liệt là bắt Tri huyện Nguyễn Hoàn nhốt vào cũi khiêng theo cuộc biểu tình với lời thỉnh cầu: "Nghĩa Hành huyện viên Nguyễn Hoàn kêu ngạo. khinh rẽ đồng bào, nhục mạ toàn dân tư ân đài hội giao Tỉnh tòa nghị trị" (Tri huyện Nghĩa Hành Nguyễn Hoàn

là người kiêu ngạo, khinh rẽ đồng bào, mắng chửi toàn dân. Nay xin khiêng về giao cho Tỉnh tòa xét trị). Bọn thống trị hoảng sợ cho quân lên đến bắt ông Lê Tựu Khiết (ngày 7-4-1908) và hơn 10 ông cử, tú khác, phái lính lên nông trại Tình Phú bắt các ông Nguyễn Bá Loan và Nguyễn Công Phương đưa về thành giam giữ. Quân chúng càng phần nộ đòi thả các nhà yêu nước bị bắt. Chiều 8-4-1908 công sứ Dodet ra lệnh cho lính đứng trên thành bắn xả vào dân chúng đang vây quanh thành làm hàng trăm người bị thương, nhiều người chết ngay tại chỗ. Đồng thời dịch cho quân ngăn chặn, bắn xả vào quân chúng biểu tình đang kéo về tỉnh lỵ, làm hàng trăm người khác bị chết và bị thương. Sáng ngày 23-4-1908, Pháp đem các ông Lê Tựu Khiết, Nguyễn Bá Loan, Trần Chót và Nguyễn Đến ra chém vì bị kết tội là những người chủ mưu của phong trào. Chúng còn kết án tù chung thân đày đi Lao Bảo, Phan Thiết hàng chục người khác. Cuộc đấu tranh chống xấu, thuế bị chìm trong bể máu. Lê Tựu Khiết nổi lên như một nhân vật tiêu biểu của đất Nghĩa Hành.

Lê Tựu Khiết, hiệu Dương Phong, tự Huy Thanh, sinh ngày 21-6 Đinh tỵ (16-7-1857), con trai cụ Tuấn phủ Lê Diễn, quê ở An Ba (xã Hành Thịnh), đỗ Cử nhân năm Nhâm ngọ (1882) từng làm quan đến chức Bố chánh, công vụ trong đội quân sơn phòng dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Thân. Khi biết việc làm của mình chẳng khác nào nổi dậy cho giặc, giết hại đồng bào, ông bỏ quan về quê mở hiệu buôn thuốc Bắc, tham gia phong trào Duy tân. Năm 1908 tham gia phong trào chống thuế, bị xem là người cầm đầu

phong trào, ông rất khảng khái khi bước ra đoạn đầu dài. Ông là tấm gương tiêu biểu cho lớp trí thức quan lại biết tình ngộ quay về với dân với nước và sẵn sàng hy sinh vì nghĩa cả. Sau cách mạng tháng Tám, trường phổ thông trung học đầu tiên của tỉnh mang tên ông.

c) *Tham gia hoạt động khởi nghĩa của Việt Nam quang Phục hội (1908 - 1916) :*

Trong phong trào chống sưu, thuế, các nhà yêu nước người bị xử tử, người bị đày, những người sống sót đã trốn tránh nhưng không nản chí cứu nước, lại tiếp tục hoạt động bí mật. Các ông Lê Triết (Hiệp Phố, Hành Trung) Nguyễn Công Mậu bí mật liên hệ với ông Thái Phiên và thống nhất với nhau một số chủ trương như tổ chức lực lượng, chờ thời cơ, vận động binh sĩ tham gia phong trào yêu nước. Cử người Đông du, Quảng Ngãi cử đi 6 người, trong đó có Đào Trọng Đường người Hành Trung, Nghĩa Hành. Nhưng mãi đến khi Lâm Quán Trung (tức Vũ Quán) từ Trung Quốc về gặp ông Thái Phiên thành lập phân bộ Việt Nam Quang phục hội miền Nam Trung bộ, phong trào yêu nước Quảng Ngãi mới có chủ trương đường lối rõ ràng: đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, xây dựng nước Cộng hoà dân quốc Việt Nam, kinh đô tạm thời đóng ở Quy Nhơn, theo sự chỉ đạo của cụ Phan Bội Châu. Nghĩa Hành đã tham gia đóng góp về nhiều mặt:

- Ông Nguyễn Công Mậu được cử cùng ông Bùi Phụ Đặc (Tư Nghĩa) bí mật sang Xiêm, liên hệ bộ phận hải ngoại của Hội.

- Thực hiện chủ trương xây dựng căn cứ của Hội. Một vùng căn cứ từ Nghĩa Hành lên Minh Long, lên Ba Tư đến tận Mang Đen (Kon Tum), An Đô (Bình Định) được xây dựng, cả đường sang Lào cũng được khai thông.

- Bí mật tổ chức nghĩa quân ở các xã, riêng Nghĩa Hành được 100 tân binh (trong số 600 tân binh ở các huyện phía nam Quảng Ngãi) được Tỉnh hội giao cho ông Nguyễn Công Phương chỉ huy. Ngoài ra, Nghĩa Hành còn vận động được 40 lính khố xanh với vũ khí của họ, có cả đội xếp Trần Luận, đang đồn trú tại Nghĩa Hành sẵn sàng làm nội ứng khi khởi nghĩa nổ ra.

Công việc đang phát triển thuận lợi, không khí chuẩn bị khởi nghĩa rất khẩn trương vì theo kế hoạch thì vào giờ Tý đêm 1 rạng ngày 2-4 năm Bính thìn (3-5-1916) các tỉnh miền Nam Trung bộ sẽ đồng loạt khởi nghĩa. Ông Lê Triết đã được giao cho việc chỉ huy khởi nghĩa ở cánh phía nam. Ông Nguyễn Công Mậu được điều lên phụ trách tài chính và lo việc cung cấp mọi nhu cầu cho các cánh quân. Gần đến những giờ phút cuối cùng thì bại lộ từ một cơ sở trong binh lính địch. Bọn thống trị ra lệnh cấm trại quân đội, tăng cường canh gác các nơi xung yếu và cho truy bắt ngay các ông Nguyễn Thụy, Lê Ngung lãnh đạo của phong trào ở tỉnh. Ở các tỉnh khác cũng bị lộ. Ở Huế, vua Duy Tân - người được Hội vận động tham gia và sẽ phát lời kêu gọi khởi nghĩa - đã được bí mật đưa đến núi Ngũ Phong (Hà Trung) thì bị bắt. Các nhà lãnh đạo của Hội đều bị xử chém. Ở Quảng Ngãi, ngoài hai ông Nguyễn Thụy, Lê Ngung lãnh đạo của phong trào ở tỉnh, có hàng

chục người khác bị xử chém vào ngày 9-4 năm Bính thìn (10-5-1916) và hàng trăm người khác, bị lưu đày đi khắp nơi, trong đó có nhiều người Nghĩa Hành. Cả vua Duy Tân cũng bị đày.

d) Các phong trào cải lương và ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Nghĩa Hành :

Cuộc khởi nghĩa (1916) bị thất bại và bị đàn áp dã man, phong trào yêu nước ở tỉnh Quảng Ngãi cũng như huyện Nghĩa Hành càng bế tắc về đường lối, phương hướng. Các nhà yêu nước phải lẩn tránh chờ thời, người ở tù lần lượt mãn hạn được quay về, chí không nản nhưng “không có đường ra” mỗi người tham gia một hoạt động nào đó mà tự mình cho là thích hợp.

- Ông Lê Triết ra tù cùng một số người lập hội buôn Quảng Chánh, buôn thuốc Bắc và tạp hóa theo phong trào Chấn hưng công nghiệp khá sôi nổi trong tỉnh. Một số hội được thành lập như Hội những người kéo sợi ở Bình Thành (Hành Dũng). Việc vận động dùng đồ nội hóa, mặc quần áo cộc, bỏ khăn đen, áo dài lại rộ lên sôi nổi như thời Duy Tân trước kia. Các hội tương tế, vòng công cũng được khôi phục lại ở khắp trong huyện.

- Ông Nguyễn Công Phương ra tù cùng liên kết với bạn bè lập trại Lò Đò sản xuất nông nghiệp, mở đường, mở chợ theo hướng cải lương hưng chính đang sôi nổi như ở Sơn Tịnh.

- Các nhà yêu nước và những người có học, có tâm huyết ở Nghĩa Hành cùng về tỉnh đòi thả cụ Phan Bội Châu và truy điệu cụ Phan Châu Trinh.

Về mặt tư tưởng, nhiều người truyền bá học thuyết của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi và cách mạng Tân hội của Trung Quốc, truyền cả tin đồn về ông Nguyễn Ái Quốc và chủ nghĩa cộng sản. Về học thuyết của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, người ta truyền bá rồi tranh luận, tìm sách vở để đọc, nhưng càng đọc lại càng không tin ở lý thuyết cách mạng dân chủ tư sản vì chẳng khác gì nội dung hoạt động của Việt Nam Quang Phục hội đã không thành công. Còn về chủ nghĩa Cộng sản, mục tiêu thì rất hay, nhưng cách làm như thế nào thì tìm chưa ra sách báo. Khi các tổ chức Cộng sản hình thành trong tỉnh thì mỗi tổ chức lại có hoạt động khác nhau. Những người yêu nước Nghĩa Hành đã chăm chú theo dõi và tiếp thu một cách thận trọng. Phải đến năm 1930, khi các tổ chức Cộng sản được thống nhất lại và Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập vào ngày 3-2-1930 do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì và Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư được thành lập, thì Đảng bộ huyện Nghĩa Hành mới ra đời với vai trò truyền bá và tổ chức hết sức quan trọng của đồng chí Nguyễn Công Phương.

Suốt chiều dài lịch sử, ngay từ khi chưa hình thành một huyện, người Nghĩa Hành đã phải chinh phục mảnh đất lắm sông, nhiều núi, nước độc rừng sâu để duy trì sự sống. Không cam chịu cảnh sống nô lệ, người Nghĩa Hành đã không ngừng đấu tranh cho độc lập, cho cuộc sống no ấm, công bằng. Vì thế không có phong trào đấu tranh nào trong tỉnh lại vắng bóng người Nghĩa Hành.

Với đức kiên trung, bền bỉ rèn luyện được trong cuộc

sống của con người Nghĩa Hành, với vị trí thuận lợi cho việc giao lưu với nhiều huyện, nhất là các huyện miền núi, thuận lợi cho công - thủ, che giấu lực lượng khi cần thiết, triển khai lực lượng khi có thời cơ. Nghĩa Hành nhiều lúc gần như là căn cứ địa tin cậy cho các phong trào đấu tranh cách mạng, nhất là các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp cứu nước vừa qua. Hầu như không có lãnh tụ các phong trào cứu nước nào của tỉnh là không đến Nghĩa Hành, sống dựa vào Nghĩa Hành. Và cũng vì thế mà Nghĩa Hành không phải chỉ có tấm lòng rộng mở, còn có cả tình cảm yêu thương gắn bó sâu sắc với cách mạng, gắn bó máu thịt với chủ nghĩa Mác - Lênin, với Đảng, bất chấp mọi thử thách trong 45 năm (1930 - 1975) có nhiều biến động dữ dội của đất nước vừa qua.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐẢNG BỘ HUYỆN NGHĨA HÀNH RA ĐỜI VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, GIÀNH CHÍNH QUYỀN VỀ TAY NHÂN DÂN (1930 - 1945)

Chương III

ĐẢNG BỘ NGHĨA HÀNH RA ĐỜI - CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931

I. SỰ TRUYỀN BÁ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO NGHĨA HÀNH VÀ SỰ RA ĐỜI ĐẢNG BỘ HUYỆN

Tại Quảng Ngãi chủ nghĩa Mác - Lênin được đưa vào qua những học sinh yêu nước học ở Huế, Hà Nội, qua những nhà yêu nước vừa mãn tù Côn Đảo về, hoặc qua sách báo tiến bộ bí mật truyền vào từ những năm 1920 - 1921, nhất là từ sau năm 1926, khi Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội được thành lập rồi sau đó các tổ chức Cộng sản lần lượt ra đời.

Ở Nghĩa Hành, người có công đầu tiên gieo hạt giống chủ nghĩa Mác - Lênin là đồng chí Nguyễn Công Phương. Nguyễn Công Phương sinh năm 1888, trong một gia đình nho giáo, có truyền thống yêu nước, cha và anh đều tham gia phong trào Cần vương, quê ở thôn Hòa Vinh, xã Hành

Phước, huyện Nghĩa Hành. Thuở nhỏ ông tên là Nguyễn Công Từ, hiệu là Phụng Can. là học trò của nhà cách mạng Lê Đình Cẩn. Nguyễn Công Phương sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1907 ông cùng thầy Cẩn tham gia phong trào cắt tóc ngắn, mặc áo cộc, vận động Duy tân chống Pháp, thành lập Hội Canh nông ở thôn Tình Phú, xã Hành Minh. Năm 1908, ông tham gia phong trào chống thuế ở Quảng Ngãi, thất bại bị Pháp kết án 3 năm tù. Năm 1912 ông tham gia phong trào Việt Nam Quang phục hội vận động binh lính dịch. Đến tháng 4-1916, phong trào bị Pháp đàn áp và ông bị bắt giam 4 tháng. Nguyễn Công Phương đã liên tục tham gia các phong trào vận động cứu nước theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản đều không thành công. Đầu năm 1917, ông cùng một số bạn bè lên Minh Long thuê ruộng, một số của đại địa chủ Nguyễn Thân (đại thần của Nam triều về hưu tại Phú Thọ, Tư Nghĩa) và khai hoang thêm, lập trại Lò Đò để làm ăn. Thật ra trại Lò Đò là một giai đoạn nuôi chí, chờ thời, kết giao với bạn bè cùng chí hướng.

Mùa xuân năm 1922 đánh dấu bước ngoặt quan trọng nhất trong nhận thức mới về con đường cứu nước của Nguyễn Công Phương, đó là cuộc gặp gỡ với nhà yêu nước kỳ cựu Trần Kỳ Phong vừa ở tù Côn Đảo về⁽¹⁾. Ông cùng với Bùi Tá Hiệp (vừa là bạn đồng tâm, vừa là cháu gọi ông bằng

(1). Cụ Trần Kỳ Phong, sinh năm 1872, tại làng Châu Me, huyện Bình Sơn, đậu Tú tài năm 1902 là chí sĩ yêu nước từng tham gia các phong trào Cần vương, Duy tân, Khất thuế, bị thực dân Pháp và Nam triều kết án tù nhiều lần, từng ở tù Côn đảo hơn 10 năm. Đến tháng 3-1921 mới ra tù, Cụ đã tiếp thu chủ nghĩa cộng sản và đã truyền bá, diu dắt thanh niên. Sau khi Đảng bộ Quảng Ngãi được thành lập, Cụ tham gia hoạt động trong các phong trào đấu tranh dân tộc dân chủ như một đảng viên cộng sản cho đến trọn đời.

cậu) đến thăm cụ Trần Kỳ Phong. Sau khi biết tâm huyết của các bạn trẻ, cụ tú Trần đã bảo “Muốn sự nghiệp cứu nước thành chỉ có tin theo chủ nghĩa ông Mác (Các Mác), Liệt Ninh (Lênin), làm như cách mạng Nga, làm chung, ăn chung, không bóc lột”. Cụ còn bảo: “Giai cấp công nhân sẽ là người thay ông Bàn Cổ xoay trời lại”, “người mình đã có ông Nguyễn Ái Quốc tìm gặp được chủ nghĩa đó rồi, các chú còn trai trẻ ôm ấp hy vọng rồi sẽ được gặp”.

Mặc dù những hiểu biết về chủ nghĩa Cộng sản, về “thế giới đại đồng”, về nước Nga của cụ Tú Trần hết sức sơ lược, nhưng đã gây ấn tượng mãnh liệt trong lòng những người thanh niên yêu nước. Nguyễn Công Phương và Bùi Tá Hiệp suy ngẫm và thử áp dụng “đời sống Cộng sản” ở trại Lò Đò của mình.

Gần trăm nông dân nghèo khó, theo sự vận động của Nguyễn Công Phương lên trại Lò Đò phát rẫy, vỡ đất làm chung, hưởng chung theo tinh thần tương thân tương ái. Với nhiều hoạt động như làm thuốc chữa bệnh có các ông Học Dương (Hành Dũng), Học Triết (Hiệp Phổ - Hành Đức); dạy võ nghệ có ông Cai Ngang; nấu rượu có ông Cửu Hội (Hòa Vinh, Hành Phước). Ngoài ra cùng có nhiều bạn bè cùng chí hướng ở các huyện lân cận tham gia như ông Đoàn Khâm (cha vợ đồng chí Trần Nam Trung ở Nghĩa Thương (Tứ Nghĩa), các ông Bùi Đặc, Võ Hiến (Nghĩa Trung, Tứ Nghĩa)... Trại Lò Đò đã có cơ ngơi đáng kể, hàng chục đôi trâu cày, thu hoạch mỗi mùa hàng mấy trăm tấn lúa. Mở được trường học cho 30 học sinh con em đồng bào Kinh

và Thượng (Hre), mở được chợ ở bến dò Lò Đò. Thanh thế lan rộng, khách vãng lai tấp nập. Kiểm lý Minh Long Nguyễn Đức Tôn lo sợ buộc Nguyễn Công Phương giải tán trại vào năm 1923.

Trại Lò Đò bị giải tán, Nguyễn Công Phương vẫn tiếp tục liên hệ với bạn bè cùng chí hướng. Năm 1925 ông tham gia phong trào đòi ân xá cho cụ Phan Bội Châu, phong trào cải lương hương tục, học sinh bãi khóa và phong trào truy điệu cụ Phan Châu Trinh. Thời gian này Nguyễn Công Phương thường gặp gỡ những bạn tù cũ có tư tưởng Cộng sản như Trần Hàm, Nguyễn Tín là những người hiểu biết hơn về chủ nghĩa Cộng sản. Thông qua họ, Nguyễn Công Phương đã nâng cao được nhận thức của mình, đồng thời tuyên truyền giáo dục lại cho một số bạn bè thanh niên yêu nước ở Nghĩa Hành như các ông Bùi Tá Hiệp, Lê Quang Tán (người Mộ Đức lên làm thuốc và dạy học ở Hành Tín), Lê Hoàng, bà Nguyễn Thị Nhạn, các ông Nguyễn Hoàng, Nguyễn Đăng Vân, Nguyễn Thượng Tứ v.v...

Giữa năm 1929, Nguyễn Công Phương xin được gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội Quảng Ngãi, nhưng vì tuổi lớn không được vào Hội. Rất buồn nhưng không nản chí, Nguyễn Công Phương tiếp tục tìm hiểu. Mùa xuân năm 1930, được tin Đảng Cộng sản ra đời, ở Quảng Ngãi cũng đã có Đảng, Nguyễn Công Phương cùng với Bùi Tá Hiệp, Lê Quang Tán lập nhóm "Tâm giao" quyết tâm tìm Đảng. Cứ đến ngày rằm, ba anh em gặp ở bến tám cầu ông Khổng (nay là cầu Dài xã Hành Minh, trên đường Nghĩa Hành đi Minh Long) để trao đổi tin tức.



**Đồng chí NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG, Bí thư Huyện
ủy đầu tiên của Đảng bộ Nghĩa Hành, nhà cách mạng
lão thành và là người con ưu tú của huyện nhà**

Tháng 5-1930. Nguyễn Công Phương gặp đồng chí Trần Hàm (bấy giờ là Tỉnh ủy viên, phụ trách kinh tài cứu tế đói, đang vận động tiền ủng hộ cứu tế ở Sông Vệ) và được đồng chí Trần Hàm giới thiệu với đồng chí Nguyễn Nghiêm (Bí thư Đảng bộ tỉnh) được đồng chí Nguyễn Nghiêm đồng ý kết nạp vào Đảng ngày 2-6-1930 tại nhà ông Nguyễn Dy Tích ở Sông Vệ. Có hai người giới thiệu và chứng kiến là đồng chí Trần Hàm và Nguyễn Tín (đều là Tỉnh ủy viên).

Qua giới thiệu của đồng chí Nguyễn Công Phương, các đồng chí Tạ Dinh, Phạm Mậu, Bùi Tá Hiệp (sau về Tư Nghĩa), Lê Quang Tán (sau về Mộ Đức) cũng được đồng chí Nguyễn Nghiêm trực tiếp kết nạp Đảng. Ba đồng chí Nguyễn Công Phương, Tạ Dinh, Phạm Mậu đầu tiên thành lập thành tổ Đảng, sau này nâng lên thành chi bộ. Thế là đến cuối tháng 6-1930, chi bộ đầu tiên của Nghĩa Hành được thành lập, là một trong số 26 chi bộ toàn tỉnh⁽¹⁾. Tiếp theo nhiều người được giới thiệu và được kết nạp vào Đảng, nhưng nhiều nhất là ở Hành Phước như các đồng chí Lê Hoàng, Phan Nguyên, Nguyễn Đăng Vân, Nguyễn Đàm, Huỳnh Chấm.

Theo chỉ thị của đồng chí Nguyễn Nghiêm, đồng chí Nguyễn Công Phương tiến hành lập Huyện ủy. Đồng chí Nguyễn Công Phương giới thiệu thêm 2 đồng chí Nguyễn Đăng Vân, Lê Hoàng. Danh sách ba đồng chí Huyện ủy này được thông qua trong buổi hội nghị chính thức, có đại diện Tỉnh ủy là đồng chí Trần Hàm tham dự. Đồng chí

(1). Theo Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945). Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình, năm 1985 - Trang 47 và trang 52.

Nguyễn Công Phương được chỉ định làm Bí thư.

Như vậy từ tháng 9-1930 (tháng 8 Canh Ngọ) Đảng bộ huyện Nghĩa Hành được thành lập⁽²⁾.

II. ĐẢNG BỘ HUYỆN LÃNH ĐẠO CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931 Ở NGHĨA HÀNH

Đảng bộ Nghĩa Hành được thành lập trong tình hình phong trào cách mạng cả nước phát triển mạnh mẽ. Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhanh chóng lao vào cuộc đấu tranh một mất một còn với kẻ thù. Trong lúc đó cuộc khủng hoảng của thế giới tư bản đang có tác động trực tiếp vào Đông Dương. Nhân dân Đông Dương chưa bao giờ lâm vào tình cảnh khốn khổ như lúc này. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân đang vùng lên đấu tranh quyết liệt ở khắp nơi, vang dội nhất là phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh.

Cuối tháng 9-1930, Tỉnh ủy họp có đồng chí Nguyễn Phong Sắc là Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Trung kỳ, tham dự và truyền đạt chủ trương mới của Đảng. Chủ trương của Tỉnh ủy là:⁽¹⁾

- Tuyên truyền sâu rộng đường lối chủ trương của Đảng được đề ra trong "Chính cương và sách lược vắn tắt", giác ngộ và tập hợp sâu rộng quần chúng đấu tranh cách mạng.

- Đấu tranh thực hiện mục tiêu độc lập, tự do và ruộng đất, đồng thời đòi các quyền lợi trước mắt như xóa bỏ sưu và các thứ thuế vô lý, nhất là thuế thân (đình), giảm thuế điền.

(2). Có ý kiến cho rằng đồng chí Nguyễn Công Phương vào Đảng ngày 2-8-1930 và Huyện ủy lâm thời Nghĩa Hành thành lập tháng 10-1930. Chúng tôi xin ghi lại chỗ còn chưa thống nhất để tiếp tục xác minh.

- Vạch trần sự tàn ác, lừa bịp của đế quốc và phong kiến, trừng trị những tên gian ác, hạ uy thế bọn cường hào, địa chủ buộc chúng xóa nợ lãi, giảm tô tức, nâng tiền công cấy, công gặt và trước mắt là tổ chức biểu tình ủng hộ phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh.

Phong trào ở Quảng Ngãi bùng nổ, mở đầu bằng cuộc biểu tình của 5 nghìn người huyện Đức Phổ xông vào huyện đường đốt phá công văn hồ sơ, làm chủ huyện lỵ, rồi Mộ Đức nổi dậy, tiếp đến là Sơn Tịnh, Bình Sơn.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, công tác trọng tâm của Đảng bộ huyện là khẩn trương xây dựng, phát triển tổ chức Đảng, tổ chức các đoàn thể cách mạng, nhanh chóng tập hợp quần chúng để kịp thời đưa vào cuộc đấu tranh. Nhờ đó, các cơ sở Đảng phát triển rất mạnh. Từ 3 đảng viên thuộc chi bộ đầu tiên, Đảng đã phát triển lớp đảng viên tiếp theo là Lê Hoàng, Nguyễn Đăng Vân, Phan Nguyên, Nguyễn Đàm. Ở Hành Tín có Trương Đình Khánh, Võ Thi, Huỳnh Chấm. Rồi từ các đảng viên đó giới thiệu và nhiều người được xét kết nạp vào Đảng, nhiều nhất vẫn là Hành Phước. Đến đầu tháng 11/1930 đã có nhiều chi bộ và đảng viên như sau :

Ở Hành Phước ngoài các đồng chí lớp trước còn có các đồng chí Nguyễn Thượng Tứ, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Dư, Nguyễn Thiệu, Nguyễn Tục, Trần Sách, Trần Bình, Nguyễn Thị Nhận, Trần Nghinh.

Ở Hành Đức ngoài đồng chí Tạ Dinh còn có các đồng

(1). Theo Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945). Sđd - trang 47, 52.

chí Võ Liễu, Đoàn Kỳ (ở Phú Châu) Phạm Nga, Phan Trọng, Võ Kiên (Kỳ Thọ)...

Ở Hành Minh có các đồng chí Nguyễn Dinh, Đại lý Phúc, Nguyễn Thới, Ngô Liễu, Nguyễn Đóa.

Ở Hành Dũng có các đồng chí Phan Khắc Tường, Mười Viêm, Lê Rác, Lê Thí.

Ở Hành Thịnh có các đồng chí Huỳnh Kỳ, Huỳnh Bá, Cao Sung, Cao Bái, Cao Liên.

Ở Hành Thiện có các đồng chí Huỳnh Dụng, Huỳnh Liên.

Ở Hành Tín ngoài các đồng chí lớp trước còn có Nguyễn Hiếu (Hoàng), Nguyễn Thị Thản (đồng chí Thản ở Ba Tơ được kết nạp ở Ba Tơ, sau lấy đồng chí Trương Đình Khánh về cùng sinh hoạt ở Hành Tín). Như thế đến tháng 11-1930 ở phần lớn các xã (tính theo hiện nay đều đã có chi bộ với tổng số gần 30 đảng viên⁽¹⁾.

Song song với việc phát triển đảng viên, huyện Đảng bộ rất chú trọng việc phát triển các đoàn thể quần chúng như Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ, Hội phụ nữ, Tự vệ đỏ v.v...

(1). Theo 2 đồng chí Nguyễn Thượng Tú và Trần Bình (đảng viên thời đó) thì còn có một số đồng chí nữa. Hành Phước còn thêm Nguyễn Công Mậu, Hòa Vinh còn Lê Hồ, Nguyễn Thị Thông, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Xuân Dương, Phạm Bá, Trần Kỳ. Hòa Quý còn Trần Nghinh, Lê Hiến, Lê Nguyên, Nguyễn Hiến, Nguyễn Quảng, Trần Thất. Thuận Hòa có Văn Thượng, Nguyễn Thị Lý, Võ Sổ. An Chỉ có Phan Bùng, Hành Đức còn có Phạm Tấn Phú. Nhưng có một số đồng chí cho rằng lúc bấy giờ chưa thể có số đảng viên đông như vậy. Có thể có những người có tên trên, lúc bấy giờ một số còn là hội viên các hội quần chúng cách mạng như Cứu tế đỏ, Nông hội đỏ... Về sau các đồng chí ấy mới là đảng viên. Do đã quá lâu và lúc bấy giờ cũng ít phân biệt rạch ròi, cho nên các đồng chí Nguyễn Thượng Tú, Trần Bình có thể nhớ nhầm. Chúng tôi xin ghi cả những ý kiến phân vân để tiếp tục xác minh thêm.

Do đặc điểm tình hình huyện đa số là nông dân lao động, suốt đời là đối tượng áp bức bóc lột tàn tệ của bọn cường hào, ác bá ở nông thôn, nên việc giáo dục và tổ chức Nông hội đỏ rất thuận lợi. Ở đâu có đảng viên là ở đó bí mật tổ chức Nông hội đỏ. Quần chúng rất hăng hái tham gia Nông hội đỏ và Nông hội đỏ thực sự là cánh tay đắc lực, là nguồn phát triển của Đảng. Toàn huyện đã tổ chức được 15 tổ Nông hội, mỗi tổ tối đa là 20 người, Đảng đưa đảng viên làm tổ trưởng, hàng tháng có sinh hoạt bí mật, đóng nguyệt phí 5 xu.

Bên cạnh các tổ chức quần chúng, Đảng còn lập ra các tổ chức chuyên môn :

- Tổ ấn loát làm nhiệm vụ in, viết truyền đơn, biểu ngữ. Lúc này Đảng bộ huyện cũng đã in và phát hành tờ báo Con đường sống bên cạnh tờ Dân cày, Ban gái của Tỉnh ủy, Lưỡi liềm của Sơn Tịnh, Lao động của Tư Nghĩa, và Tiến bộ của Mộ Đức... Tổ ấn loát gồm các đồng chí Nguyễn Thượng Tứ, Nguyễn Kiên, Trần Dem... do đồng chí Trần Bình làm tổ trưởng. Tổ ấn loát Nghĩa Hành về sau, khi Tỉnh ủy dời về Hòa Vinh (Hành Phước), lại đảm nhận in ấn cho Tỉnh ủy.

- Tổ xích vệ làm nhiệm vụ bảo vệ cảnh giới cho các cuộc họp, cho cơ sở in ấn gồm các đồng chí Nguyễn Bươn, Nguyễn Trú, Bùi Trọng...⁽¹⁾ do đồng chí Lê Nguyên làm tổ

(1). Từ tháng 10-1930, bọn thống trị tổ chức đoàn phu, đoàn thập và lập xã đoàn ở các thôn, xã để chống lại phong trào cách mạng. Nghĩa Hành đã tổ chức đoàn phu, đoàn thập đó vào Nông hội đỏ. Vì thế đoàn phu, đoàn thập bị vô hiệu hoá, thậm chí còn lấy danh nghĩa của mình để đi canh gác để bảo vệ đồng chí Nguyễn Nghiêm và cuộc biểu tình sau này. Tư liệu do đồng chí Nguyễn Thượng Tứ cung cấp.

trường.

- Tổ giao liên làm nhiệm vụ liên lạc từ các xã lên huyện, lên tỉnh, đưa đón cán bộ, gồm phần lớn là các nữ đồng chí như Trần Thị Viêm, Lê Thị Giao, Nguyễn Thị Thông (Hành Phước).

- Về tài chính: chủ yếu là vận động những người giàu yêu nước, những đảng viên có nhiều sự sản và nguyệt phí của Nông hội đỏ.

Vừa mới ra đời, Đảng bộ huyện Nghĩa Hành một mặt bắt tay xây dựng cơ sở Đảng và các đoàn thể, mặt khác tích cực chuẩn bị đưa nhân dân tham gia vào cao trào cách mạng nhằm hưởng ứng và ủng hộ các huyện bạn, ủng hộ Xô-viết Nghệ Tĩnh theo chủ trương của Tỉnh ủy. Một không khí đấu tranh sôi sục đã nổi lên trong toàn huyện. Thơ ca, hò vè mang nội dung đả đảo đế quốc Pháp và phong kiến Nam triều, chính quyền về tay công nông binh và ruộng đất cho dân cày, giảm thuế điền, thuế đình, thuế dò, thuế chợ, bỏ xâu, nam nữ bình quyền, ủng hộ Nghệ An đỏ...được Đảng bộ phổ biến sâu rộng và được đông đảo đồng bào Nghĩa Hành truyền miệng cho nhau. Truyền đơn, cờ búa liềm xuất hiện nhiều nơi trong huyện.

Tháng 10 và tháng 11 năm 1930, cờ Đảng xuất hiện ở núi Lá Hai, Cây Da Thẻ (Hành Phước), Rừng Phát (Kỳ Thọ - Hành Đức), nhà địa chủ bang Trình (Hành Minh), ông Nguyễn Phiên (Mười Phiên) treo cờ ở trại bà Huyền, ông Phạm Hạnh (tức Giáo Điểm) treo cờ ở cây đa An Hòa (Hành Dũng). Cờ cũng xuất hiện ở Đông Giữa, đèo Lộ Lãn (Hành Tín), ở cây sanh Ba Bình, ở núi Rố và cây

đa đầu cầm ông Thi, gò Mã Đức, Thuận Phong (đều thuộc xã Hành Thịnh). Ông Huỳnh Dụng (Mễ Sơn) treo cờ ở trường Vạn Xuân. Đảng còn có chủ trương cho người bí mật dùng nhiều hình thức cảnh cáo để răn đe, ngăn chặn bớt tình trạng chống đối của bọn địa chủ, cường hào gian ác. Tất cả những hoạt động trên làm cho một số tay sai đế quốc và phong kiến lo sợ không dám lộng hành như trước, quần chúng nhân dân rất phấn khởi. Một số tên tay sai phản động điên cuồng ráo riết truy lùng những người cộng sản. Tình hình rất căng thẳng, quyết liệt, báo trước cho một cuộc đấu tranh lớn.

Ngày 13-10-1930, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp ở nhà bà Hương Bái tại thôn Nghĩa Lập, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, dưới sự chủ tọa của đồng chí Nguyễn Nghiêm. Hội nghị kiểm điểm, đánh giá những thắng lợi cùng các khuyết, nhược điểm cần phải khắc phục trong đợt biểu tình đấu tranh ở các huyện Đức Phổ, Sơn Tịnh và các huyện khác trong tỉnh, đồng thời đề ra những biện pháp giữ vững phong trào, phát động một đợt đấu tranh mới.

Về tổ chức, để đề phòng sự truy lùng của kẻ thù, hội nghị đã quyết định chia Tỉnh ủy làm hai bộ phận để lãnh đạo cho sát hợp với cao trào cách mạng lên cao trong toàn tỉnh. Bộ phận phía nam sông Trà Khúc do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư. Đồng chí Nguyễn Công Phương được cử vào Ban chấp hành Tỉnh ủy và làm dự bị Bí thư, thay thế đồng chí Nguyễn Nghiêm khi vắng. Bộ phận phía bắc sông Trà Khúc do đồng chí Phan Thái Ất đảm nhiệm⁽¹⁾.

(1). Theo Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1925 -1945), Sđd - Trang 58.

Trong hội nghị này, khi nhận định tình hình các huyện, Tỉnh ủy khen ngợi phong trào cách mạng của huyện Nghĩa Hành, dù mới thành lập nhưng qua thực tế đấu tranh đã tỏ ra là một Đảng bộ mạnh. Đồng chí Nguyễn Công Phương đại diện cho Đảng bộ Nghĩa Hành báo cáo với Tỉnh ủy sẽ đưa đồng chí Lê Hoàng vào Ban Chấp hành Huyện và cử làm Bí thư dự bị. Tỉnh ủy nhất trí và phân công đồng chí Nguyễn Tín là Tỉnh ủy viên có nhiệm vụ giúp đỡ cho Đảng bộ Nghĩa Hành.

Sau khi họp tỉnh về, ngày 18-10-1930, đồng chí Nguyễn Công Phương triệu tập ngay cuộc họp Huyện ủy để phổ biến chủ trương của Tỉnh ủy, đồng thời bàn công tác mới. Huyện ủy đánh giá phong trào của huyện trong thời gian qua là tốt, quyết tâm đẩy mạnh đấu tranh theo chủ trương của Tỉnh ủy, nhưng lần này chú trọng thêm việc phát triển lực lượng quần chúng ở thị trấn Chợ Chùa, ở các thôn thuộc Hành Thuận và từng bước liên hệ với đồng bào Thượng miền núi. Nội dung tuyên truyền đấu tranh lần này thêm các yêu sách như tăng công cày, cấy gặt cho nông dân, giảm hoãn nợ lãi lúa tô, bỏ sưu thuế; chú ý phát triển mạnh lực lượng xích vệ, tự vệ...

Về tổ chức, Huyện ủy bổ sung đồng chí Lê Hồ, Trương Đình Khánh và Nguyễn Thị Nhạn vào Ban Chấp hành, cử đồng chí Lê Hoàng làm Bí thư dự bị thay cho đồng chí Nguyễn Công Phương.

Lúc này bọn mật thám đã dò tìm được tung tích các đồng chí trong Tỉnh ủy Quảng Ngãi, chúng lùng sục truy bắt đồng chí Nguyễn Nghiêm một cách ráo riết. Đồng chí

Nguyễn Nghiêm chuẩn bị đi Bình Định hoạt động một thời gian. Các đồng chí khác cũng thoát ly, đồng chí Trần Hàm về ăn náu ở Hành Thịnh với sự nuôi giấu của chi bộ Hành Thịnh. Đồng chí Nguyễn Tín về ăn náu tại nhà đồng chí Nguyễn Đăng Vân, nhưng bọn tề điệp theo dõi gắt gao, đồng chí Tín phải mang tài liệu và truyền đơn mới in chạy lên nhà đồng chí Nguyễn Công Phương ở Kỳ Thọ Nam (Hành Đức).

Đồng chí Nguyễn Công Phương sau khi họp Huyện ủy đã bàn công tác và dặn dò các đồng chí trong cấp ủy mới, nhất là đồng chí Bí thư Lê Hoàng. Sáng sớm ngày 22-10-1930, đồng chí Nguyễn Công Phương đi Sông Vệ tìm đồng chí Nguyễn Nghiêm để hội ý trước khi đồng chí Nguyễn Nghiêm đi Bình Định. Chiều tối đồng chí về đến nhà thì bị Tri huyện Nghĩa Hành sai xã Đoàn đến bắt, cùng với đồng chí Nguyễn Tín (dọ sự chỉ điểm của một tên phản bội).

Đồng chí Nguyễn Công Phương và đồng chí Nguyễn Tín bị bắt là một tổn thất lớn nhất cho Tỉnh ủy nói chung, Đảng bộ Nghĩa Hành nói riêng tính đến lúc này. Một vài tuần sau, địch lần lượt bắt đồng chí Nguyễn Đăng Vân, Nguyễn Đàm, rồi đồng chí Phan Nguyên ở An Chi. Địch tra tấn dã man đồng chí Nguyễn Công Phương và đồng chí Nguyễn Tín. Nhưng mặc dù tra tấn, đánh đập chết đi sống lại nhiều lần, chúng cũng không moi được gì ở các đồng chí. Riêng đồng chí Nguyễn Công Phương địch bắt mang gông tạ, bị tra tấn điện suốt bốn tháng liền. Sau đó Tuấn vũ Quang Ngãi Nguyễn Bá Trác bày trò dụ dỗ. Trác là bạn của cụ Nguyễn Hanh (thân phụ đồng chí Nguyễn

Công Phương), lấy tình cảm quen biết cũ. Trác dụ dỗ nếu đồng chí đồng ý cộng tác với chúng, chúng sẽ cho làm quan, xây nhà lầu. Nhưng chúng không hề khuất phục được người cộng sản mẫu mực này. Cuối cùng chúng phải tuyên án 7 năm tù, dày đồng chí Phương đi Ban Mê Thuộc.

Mặc dù một số đồng chí trong Huyện ủy và một số đảng viên bị bắt, mặc dù địch tăng cường khủng bố, lòng sục khắp nơi, những tháng cuối năm 1930, số Huyện ủy viên còn lại (các đồng chí Lê Hồ, Trương Đình Khánh, Nguyễn Thị Nhận và được bổ sung thêm đồng chí Trần Bình, do đồng chí Lê Hoàng làm Bí thư), vẫn tiếp tục lãnh đạo phong trào. Các cơ sở Đảng được giữ vững và phát triển. Riêng chi bộ Hành Dũng có các đảng viên Nguyễn Hữu Sào (Điển Nha), Nguyễn Văn Bạch (tức Kế), Nguyễn Diên Bật (tức Hợi), Nguyễn Yên (tức Khuế) và Phạm Khắc Tường do đồng chí Lê Mai làm Bí thư, tự đặt tên là nhóm Ngọ Vĩ (được kết nạp cuối năm Ngọ), mỗi đồng chí được cấp một tấm thẻ nhỏ có ghi hai chữ Ngọ Vĩ, hoạt động rất hăng hái.

Ngày 6-1-1931 nhóm Ngọ Vĩ treo cờ búa liềm và tổ chức diễn thuyết tại núi Đất, có hàng trăm người dự, nhưng chỉ mấy hôm sau đều bị địch bắt, các đồng chí Lê Mai và Phạm Khắc Tường lãnh án tù 5 năm.

Sau hội nghị Tỉnh ủy, tháng 12-1930 đồng chí Nguyễn Nghiêm quyết định bí mật chuyển chỗ ở về Nghĩa Hành, vừa để đánh lạc hướng địch, vừa để trực tiếp chỉ đạo phong trào Nghĩa Hành. Giữa tháng 1-1931, đồng chí cải trang về Hòa Vinh (Hành Phước), được Huyện ủy bố trí ăn ở và

làm việc ở trên rầm nhà đất của bà Trần Thị Hội. Các đồng chí Trần Thị Viêm và Nguyễn Thị Nhuận làm liên lạc⁽¹⁾. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Nghiêm, Huyện ủy Nghĩa Hành tích cực chuẩn bị một cuộc đấu tranh lớn.

Ngày 10 tháng 12 Canh Ngọ (1-1931), Huyện ủy Nghĩa Hành họp dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Hoàng, tại nhà của đồng chí Trần Nghinh (Hòa Vinh - Hành Phước), bàn việc tổ chức cuộc biểu tình lớn quy mô toàn huyện. Kế hoạch như sau:

Huyện ủy chia làm hai bộ phận: một bộ phận trực tiếp lãnh đạo nhân dân biểu tình gồm đồng chí Lê Hoàng, Lê Hồ, Trương Đình Khánh v.v... một bộ phận dự bị không tham gia biểu tình gồm đồng chí Nguyễn Thị Nhuận, Trần Bình v.v... lo giải quyết công việc sau khi biểu tình. Để đề phòng trường hợp xấu nhất có thể xảy ra, Huyện ủy bàn giao các cơ sở cách mạng ở các xã cho bộ phận dự bị để sau này tiếp tục lãnh đạo phong trào.

Cuộc biểu tình sẽ chia làm hai cánh:

- Cánh phía đông bắc sông Vệ do đồng chí Lê Hoàng, Lê Hồ dẫn đầu, đồng chí Lê Hồ và Nguyễn Thị Kỳ cầm cờ xuất phát từ Hòa Vinh lên, dự định trên đường đi sẽ trưng trị một số lý hương phản động ở An Chỉ, Kỳ Thọ, Hiệp Phố.

- Cánh phía tây nam sông Vệ do đồng chí Trương Đình Khánh lãnh đạo và đồng chí Nguyễn Thị Thảng cầm cờ

(1). Đồng chí Trần Thị Viêm là mẹ đồng chí Nguyễn Thị Nhuận.

chi huy từ Suối Bùn (Hành Tín) xuống, trên đường đi sẽ trưng trị một số lý hương phản động.

Hai đoàn biểu tình sẽ gặp nhau ở Phú Lâm, cùng nhau đánh chiếm huyện lỵ Nghĩa Hành (tại Phú Lâm, Hành Thiện ngày nay).

Nội dung các khẩu hiệu, truyền đơn dùng trong cuộc biểu tình là “Đả đảo đế quốc Pháp và phong kiến tay sai”, “Việt Nam hoàn toàn độc lập”, “Bỏ thuế đinh, giảm thuế điền”, “Trả lại ruộng đất cho nông dân”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”. Bộ phận in ấn truyền đơn tích cực làm việc ngày đêm. Cờ búa liềm dùng trong cuộc biểu tình có 3 cỡ : Cờ tổng chi huy của huyện $1,4^m \times 1^m$, cờ chỉ huy của tổng $1^m \times 0,8^m$, cờ chỉ huy của xã (tương đương đơn vị thôn ngày nay) $0,8^m \times 0,5^m$. Địa điểm may cờ là tại nhà bà Nguyễn Thị Thông (em ruột đồng chí Nguyễn Công Phương).

Có 7 đội xích vệt, có nhiệm vụ bảo vệ và trực tiếp chiến đấu trong cuộc biểu tình, mỗi đội gồm 20 người trang bị vũ khí giáo, mác, dao, gậy... Ngoài ra các đội xích vệt còn phải canh giữ các trục đường chính như đèo Đá Bàn, đèo Quán Thơm, đường đi Sông Vệ, đường đến Chợ Chùa, đường đi cầu Cây Búa...

Ngày 15 tháng 12 Canh Ngọ (4-2-1931), Huyện ủy cho liên lạc đi các xã phát cờ và truyền lệnh. Đến 6 giờ tối hôm đó, đồng bào nhất tề nổi trống mõ, tù và, đèn đuốc rợp trời xuống đường theo đội ngũ đã được phổ biến trước (nòng cốt là tổ Nông hội đỏ). Đoàn Hành Thịnh sang sông Vệ nhập đoàn An Chỉ; đoàn Hòa Vinh nhập với Hiệp Phổ,



Nhà bà Võ Thị Tuyết, thôn Phú Bình, xã Hành Minh (nay là thị trấn Chợ Chùa) nơi ở, làm việc, cũng là nơi qua đời của Cụ Huỳnh Thúc Kháng và là trụ sở Ủy ban KCHC Nam Trung Bộ (Di tích Quốc gia).



Núi Tai Mèo - thôn Trường Khánh, gần ngã ba huyện Ba Tơ - Đức Phổ - Mộ Đức, từng là căn cứ kháng chiến suốt trong các thời kỳ lịch sử.

trên đường đi đến vây bắt bọn lý hương phản động nhưng hầu hết bọn chúng đã chạy trốn. Quân chúng nổi lửa đốt nhà. Một tên lý hương định chạy lên huyện báo tin cho bọn quan lại, vừa đến đèo Đá Bàn thì bị xích vạ đuôi bắt và xử tử.

Cuộc mít-tinh tuần hành đã lôi cuốn gần 2000 người tập trung tại một gò đất (Nghĩa Lũng, Kỳ Thọ, Hành Đức) để nghe diễn thuyết cho đến 2 giờ sáng ngày 16 tháng 12 Canh Ngọ và định sau đó sẽ tiến lên tấn công huyện lỵ Nghĩa Hành. Giữa khi đồng chí Lê Hồ đứng trên một mô đất cao để diễn thuyết thì hàng trăm tên lính lê dương, khố xanh, khố đỏ (từ thị xã Quảng Ngãi lên) kéo đến bao vây. Chúng đã man xả súng bắn thẳng vào đám biểu tình. Đồng chí Nguyễn Văn Tuệ đang phát cờ đỏ búa liềm và 16 người khác hy sinh, hàng chục người bị thương, đám biểu tình phải giải tán.

Trong khi đó, cánh tây nam sông Vệ cũng phối hợp nhịp nhàng ngay từ 6 giờ tối ngày 15 tháng 12 âm lịch. Đồng bào Hành Tín rầm rập xuống đường tuần hành và làm chủ một vùng nông thôn Hành Tín, Hành Thiện, vây bắt và đốt nhà mấy tên cường hào gian ác và kéo xuống hướng Phú Lâm vào khoảng hơn 2 giờ sáng. Nhưng khi mọi người nghe thấy tiếng súng nổ dữ dội của bọn lính khố xanh, khố đỏ Pháp đàn áp cuộc biểu tình cánh phía đông bắc sông Vệ, cuộc biểu tình phía nam sông Vệ tự giải tán.

Sáng ngày 16 tháng 12 âm lịch, Huyện ủy họp khẩn cấp sơ bộ đánh giá tình hình biểu tình, củng cố tinh thần

dàng viên và quần chúng để sẵn sàng đối phó các cuộc càn quét, khủng bố mà nhất định bọn đế quốc và phong kiến tay sai sẽ tiến hành rất khốc liệt trong những ngày tháng tới; vận động đảng viên, quần chúng tiếp tục treo cờ, rải truyền đơn. Huyện ủy phân công các đồng chí Nguyễn Thị Nhạn, Trần Bình phụ trách công việc chôn cất và điều trị, giúp đỡ những đồng bào bị chết, bị thương.

Các đồng chí Lê Đình Thiên, Lê Nguyên thuê thuyền ra Sông Vệ mua hòm, vải, chiếu mang về chợ Đá Hai, đồng chí Trần Thị Viêm đứng ra cấp phát cho từng gia đình có người hy sinh. Những đảng viên Hành Phước đã làm hết sức mình trong việc vận động, an ủi, giữ vững tinh thần cho bà con, gia đình những người bị thương, bị chết. Huyện ủy còn bố trí 4 thập đoàn phu và đoàn thập (đều là hội viên của Nông hội đỏ) xã Hành Phước đến bảo vệ hiện trường và giúp đỡ việc chôn cất những đồng bào bị nạn. Nếu gặp hương lý hoặc lính pháp bảo là thực hiện nhiệm vụ canh tuần. Các đồng chí, đồng bào hy sinh được chôn cất đàng hoàng, chung trong một nghĩa địa, đồng chí Trần Bình và Nguyễn Thượng Tú tổ chức 50 người dân cải trang làm người đi cắt cỏ, thăm ruộng... ra nơi chôn cất để chào vĩnh biệt những đồng chí, đồng bào thân yêu của quê hương Nghĩa Hành.

Đồng bào Hành Tín, Hành Thiện dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, mà trực tiếp là các đồng chí Trương Đình Khánh, Nguyễn Thị Nhạn v.v... đã tiếp tục giữ vững khí thế đấu tranh. Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm xuất hiện liên tục, đặc biệt là chủ trương dùng trống lớn bí mật đánh giục già

gây tiếng vang (không ứng) làm dịch ăn không ngon, ngủ không yên, trống vang trời thôn Tân Phú, Long Bình, Nhơn Lộc, Vạn Xuân, Thiên Xuân.

Trước khí thế sôi sục của quần chúng mà đỉnh cao là đêm biểu tình tuần hành thị uy 15 tháng 12, một vùng nông thôn rộng lớn của Nghĩa Hành đã thuộc về nhân dân, bọn địch rất lo sợ. Nghĩa Hành thực sự bước vào cao trào đấu tranh đúng như yêu cầu của Đảng bộ tỉnh.

Đế quốc Pháp tăng cường lực lượng quân sự, mật thám, nhất là ở đồn Đá Hai và huyện lỵ. Mặt khác, chúng tăng cường chủ trương “lấy quan làng trị dân làng” trong chính sách “Dùng người Việt trị người Việt”, chúng trọng dụng những tên lý hương gian ác phản động nhất, tăng cường bộ máy đàn áp tay sai ở cơ sở (tổng đoàn, xã đoàn, đoàn thập, đoàn phu) bắt nhân dân tập trung canh ở các ngã đường trọng yếu. Đồng thời chúng đẩy lên một làn sóng bắt bớ, khủng bố bao trùm trong toàn huyện. Hàng loạt người bị bắt, bị tra tấn rất dã man. Địch tiến hành phân loại nhân dân, bày trò quy thuận⁽¹⁾. Đỉnh cao tội ác của chúng là khi tên quan khố xanh đã kéo lính về diên cưỡng đốt một lúc 200 nóc nhà của đồng bào Long Bình, Đồng Miếu, Phú Khương, Phú Thọ (Hành Tín)⁽²⁾. Nhà đồng chí Trương Đình Khánh ở Nhơn Lộc cũng bị chúng đốt trụ.

Với chủ trương “Bắt lắm hơn bỏ sót” của địch, nhiều cán bộ, đảng viên Nghĩa Hành lần lượt sa vào tay giặc.

(1). Nhiều tấm gương đồng bào đồng chí đã anh dũng hy sinh, nổi bật như ông Tám Mộc (An Chỉ - Hành Phước), quần chúng cách mạng khi bị bắt đã anh dũng nhận mình đã giết xã Ba Luân thay cho đồng chí Phan Nha, liền bị địch đem xử tử.

(2). Nhà của nhân dân Long Bình bị đốt gần hết, chỉ còn lại đình làng Long Bình.

Phần lớn các đồng chí trong Huyện ủy bị bắt, trong đó có cả đồng chí Bí thư Lê Hoàng⁽¹⁾. Trong lúc tình hình Nghĩa Hành đang hết sức căng thẳng thì đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy, cũng bị bắt tại cấm "Giám Tộ" thuộc làng Nhu Năng (xã Nghĩa Hiệp hiện nay). Nguyên trước đó đồng chí đã bí mật về Nghĩa Hành và trực tiếp chỉ đạo phong trào Nghĩa Hành. Trong và sau những ngày Tết nguyên đán Tân mùi, đồng chí được bố trí ở trên một cái rầm đất nhà bà Cửu Hội (mẹ đồng chí Nguyễn Thượng Tứ). Tình cờ một hôm đồng chí gặp mặt tên lý trưởng Hòa Vinh. Sợ bị lộ, Huyện ủy đã bí mật đưa đồng chí sang Nghĩa Lập (thuộc Đức Hiệp), từ đó đồng chí chuyển dần đến Nhu Năng và do sự phản bội của tên Nguyễn Hòa (làm việc tại tiệm buôn Nghĩa Hiệp (Sông Vệ) cơ quan liên lạc của Đảng bộ) chỉ điểm, đồng chí đã bị bắt vào ngày 6 tháng 3 năm 1931 (tức 18-1 Tân mùi). Lo sợ phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng rộng, và để răn đe phong trào cách mạng Quảng Ngãi, thực dân Pháp và bè lũ tay sai đã vội vàng xử chém đồng chí vào ngày 23-4-1931 tại bãi sông Trà Khúc. Huyện ủy Nghĩa Hành đã phân công đồng chí Trần Thị Viêm⁽¹⁾, Lê Tuận cải trang đến tận nơi lo khám liệm và mai táng người cách mạng ưu tú của nhân dân Quảng

(1). Đồng chí Lê Hoàng bị bắt và bị kết án tù 5 năm, đày đi Ban Mê Thuột. Bị tra tấn và chế độ lao tù khắc nghiệt, đồng chí bị nhiều thương tật và lao phổi. Hết hạn tù đồng chí về quê cùng đồng chí Huỳnh Thế Dân lập trại sản xuất nông nghiệp ở Hồ Cả (Phú Lâm - Hành Thiện) làm cơ sở cho cách mạng. Không bao lâu, đồng chí ốm nặng và qua đời.

(1). Đồng chí Trần Thị Viêm quê ở Hành Phước là nữ đảng viên kiên cường, suốt đời đấu tranh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng. Theo nhiều người kể lại các đồng chí Trần Thị Viêm, Lê Tuận cải trang làm người đi buôn, tình cờ đến chỗ đồng chí Nguyễn Nghiêm bị giết. Chính tay đồng chí Trần Thị Viêm đã khâu dấu vào thân đồng chí Nguyễn Nghiêm trước khi khám liệm và mai táng

Ngài, người Bí thư đầu tiên và là người đồng chí kính yêu mà những ngày tháng cuối đời mình đã gắn bó với phong trào cách mạng huyện Nghĩa Hành. Tỉnh ủy phát động "Tuần lễ căm thù" và chuẩn bị đấu tranh nhân ngày 1-5-1931. Đảng bộ Nghĩa Hành đã bàn công tác phát động quần chúng rải truyền đơn, treo cờ và truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm. Phụ nữ Nghĩa Hành mà nòng cốt là các nữ đồng chí Trần Thị Viêm, Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Thị Thản, Nguyễn Thị Thông, Nguyễn Thị Kỳ... đã vận động phụ nữ để tang đồng chí Nguyễn Nghiêm với các hình thức như đội nón quai đen để dài xuống ngực, đeo băng đen ở tay hoặc ngực. Huyện ủy Nghĩa Hành còn phân công các đồng chí Trần Thị Viêm, Nguyễn Thị Thông vận động chị em lo cơm nước cho tù chính trị mà bọn đế quốc phong kiến bắt làm khâu đắp đường từ Hòa Vinh Tây lên đèo Đá Bàn⁽¹⁾.

Đến cuối tháng 7-1931, một số đồng chí bị địch bắt giam được thả về lại tiếp tục hoạt động, Huyện ủy được tăng cường gồm các đồng chí Nguyễn Thị Nhạn, Trần Bình, Lê Nguyên, Lê Hiến, Nguyễn Thiệu, Cao Nguyên⁽²⁾. Đồng chí Nguyễn Thị Nhạn làm Bí thư, đồng chí Cao Nguyên làm phó Bí thư. Cơ quan huyện đóng ở Xuân Đình (Hành Thịnh). Với sự kiên cường và thông minh của đồng chí Nguyễn Thị Nhạn, các chi bộ ở các xã vẫn hoạt động, vẫn giữ được liên lạc giữa huyện và cơ sở, mặc dù địch tiếp tục khủng bố điên cuồng, bắt bớ rất dã man. Đến tháng 12-1931,

(1). Theo Sơ thảo phong trào phụ nữ tỉnh Nghĩa Bình, in rônêo - Trang 13.

(2). Theo đồng chí Nguyễn Thượng Tú thì có 5 đồng chí: Nguyễn Thị Nhạn (Bí thư), Nguyễn Quảng, Nguyễn Hiếu, Cao Nguyên và Nguyễn Thị Thản. Theo đồng chí Trần Bình thì có 3 người gồm Nguyễn Thị Nhạn (Bí thư), Trần Bình và Nguyễn Hiếu. Xin ghi lại những điểm chưa thật thống nhất để tiếp tục xác minh.

đồng chí Nguyễn Thị Nhuận sau một thời gian chạy tránh vào núi Lớn (thuộc Đức Phú, Mộ Đức) và một số đồng chí khác bị địch bắt, chỉ lọt lưới các đồng chí Trần Bình, Cao Nguyên. Đồng chí Trần Bình thay thế đồng chí Nguyễn Thị Nhuận. Nhưng các cơ sở đều bị đánh phá ác liệt, không chấp nổi được. Mấy ngày sau, đồng chí Trần Bình cũng bị bắt nốt, phong trào cách mạng của huyện tạm thời lắng xuống.

III. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CAO TRÀO 1930-1931 Ở NGHĨA HÀNH:

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa mới ra đời đã anh dũng lãnh đạo nhân dân lao vào cuộc đấu tranh một mất một còn với đế quốc, phong kiến tay sai. Hòa vào khí thế chung của cao trào cách mạng cả nước, tỉnh Quảng Ngãi nói chung và huyện Nghĩa Hành nói riêng, đã phát huy truyền thống yêu nước chống xâm lăng từ các phong trào cứu nước trước kia, tiếp thu ngay chủ nghĩa Mác-Lênin từ khi mới truyền vào. Việc ra đời của Đảng bộ Cộng sản Nghĩa Hành là điều tất yếu. Đảng bộ đã tổ chức quần chúng biến căm thù thành hành động, tự giác đấu tranh mạnh mẽ với kẻ thù mà đỉnh cao là cuộc biểu tình của nhân dân toàn huyện.

Mặc dù quần chúng cách mạng làm chủ hầu hết vùng nông thôn của huyện chỉ mới trong một đêm lịch sử 15-12 Canh Ngọ, trừng trị được một số tên phản động, nhưng sức mạnh của quần chúng và uy tín lãnh đạo của Đảng đã được xác lập. Qua đấu tranh, năng lực tổ chức của Đảng bộ và phẩm chất người đảng viên được rèn luyện, thử thách. Nhân dân Nghĩa Hành đã ý thức rằng: dù còn nhiều khó khăn

túi nhục, nhưng trên quê hương mình đã thực sự xuất hiện một đội ngũ, một lực lượng cách mạng dám hy sinh cho dân tộc, cho đồng bào. Niềm tin về một ngày mai thắng lợi, cởi bỏ được xiềng xích nô lệ, được hình thành.

Đảng đã tổn thất, đã hy sinh rất lớn. Những người con trung hiếu của Đảng bộ, của quê hương sa vào tay giặc vẫn giữ vững phẩm tiết của người chiến sĩ cách mạng.

Về phía kẻ thù, từ đây báo hiệu một giai đoạn “ăn không ngon, ngủ không yên”, một thời mặc sức tác oai, tác quái, áp bức người nông dân nghèo khổ phải chấm dứt, đã xuất hiện một tình thế mới, hoàn toàn bất lợi cho chúng. Phần lớn tay chân của đế quốc, phong kiến Nghĩa Hành lo sợ trước khí thế của cách mạng, đặc biệt là khâm phục khí tiết của người cộng sản. Chúng bớt hung hăng, có tên đã tỉnh ngộ.

Lực lượng cách mạng Nghĩa Hành mà nòng cốt là nông dân, một khi được giác ngộ sẽ trở thành sức mạnh bão táp; những thế hệ đảng viên buổi đầu của Nghĩa Hành phần lớn là những người thanh niên có học, là trí thức nông thôn từ lập trường yêu nước tiểu tư sản bước sang lập trường yêu nước của giai cấp công nhân, là chiếc cầu nối chủ nghĩa cộng sản với nông dân Nghĩa Hành và đã trở thành hạt nhân của tổ chức, của phong trào. Tính tự giác, tính tổ chức của Đảng bộ Nghĩa Hành ngay từ buổi đầu dựng Đảng đã được xác lập khá vững chắc.

Cũng ngay buổi đầu xây dựng Đảng, vai trò vị trí của những nữ đảng viên cộng sản rất xuất sắc. Phụ nữ Nghĩa Hành đã xuất hiện những đồng chí kiên cường, lãnh đạo

rất thông minh. liên lạc rất tài giỏi, nuôi giấu cán bộ tỉnh, huyện, dùng cảm trong mọi tình huống. Những nữ đảng viên cộng sản còn để lại những tấm gương kiên trung, bất khuất, sống chết vì cách mạng, vì phong trào, vững vàng trước mọi thử thách của đòn thù trong tù ngục, tiêu biểu như đồng chí Trần Thị Viêm, Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Thị Thông, Nguyễn Thị Thán...

Chương IV

ĐẢNG BỘ NGHĨA HÀNH LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1932-1939)

I. THỜI KỲ CÁCH MẠNG NGHĨA HÀNH TỪ 1932 -1935 .

Sau cao trào cách mạng 1930 -1931, Đảng ta bị hy sinh, tổn thất nặng nề. Nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng là ra sức khôi phục và phát triển phong trào cách mạng, củng cố tổ chức và xây dựng Đảng.

Riêng huyện Nghĩa Hành, sau khi đồng chí Bí thư Nguyễn Thị Nhạn bị bắt vào tù năm 1931, một không khí khủng bố diễn ra trong toàn huyện. Địch bắt giam hàng trăm đồng bào, đảng viên, kêu án hàng chục người. Chúng tăng cường bộ máy cai trị nông thôn, thay thế những tên chánh tổng, lý hương bị chúng tình nghi “thỏa hiệp với cộng sản”. Pháp còn đặt thêm chức bang tá để tăng cường đàn áp, đánh phá phong trào cách mạng ở từng tổng, từng xã. Mỗi bang tá có một đội lính từ 10 đến 12 tên, có quyền

bắt người, tra tấn, bán giết những người tình nghi là cộng sản.

Ở xã, ngoài lý trưởng và ngai hương, chúng còn đặt thêm hội đồng hào mục, do đại hào mục cầm đầu. Trong từng gia tộc, chúng tổ chức Hội đồng tộc biểu, kiểm soát, giám sát bà con trong dòng họ. Chúng đẩy mạnh chính sách "lấy quan làng trị dân làng", cấm người lạ vào làng, cấm người lạ cư ngụ ban đêm. Chúng còn bày trò dụ dỗ mua chuộc, buộc những gia đình cách mạng treo cờ "qui thuận" màu vàng, kêu gọi người thân trở về, nếu không sẽ bị đốt nhà, cướp của. Trước khủng bố trắng tàn bạo của địch, một số ít mặc mưu của địch như Cao Nguyên đã qui thuận và làm tay sai cho địch.

Về quân sự, địch điều thêm lính lê dương và khố đỏ từ Quảng Ngãi vào bổ sung cho huyện Nghĩa Hành và các đồn Hòa Vinh, Đá Hai. Lính khố xanh và lính bang tá đóng ở huyện, tổng. Dân binh (đoàn phu) là lực lượng bán vũ trang không thoát ly sản xuất, không có lương. Cứ 10 đến 15 đoàn phu chúng phiên chế thành một thập, vũ khí có gậy, dây để đánh, trói người.

Ngoài ra chúng còn tăng cường mạng lưới tế điệp cơ sở nội gián (AB⁽¹⁾ đoàn) phá hoại lực lượng từ bên trong Đảng ta.

Cũng thời gian này, bên cạnh làn sóng khủng bố ác liệt về chính trị, do mất mùa và do ảnh hưởng nặng nề cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, lương thực thiếu, hàng hóa

1). AB: viết tắt chữ Anti-bonchévick : chống cộng

khan hiếm, giá cả cao, nông thôn xơ xác, đời sống nhân dân càng thêm cùng cực. Phong trào cách mạng cả tỉnh nhiều nơi lắng xuống.

Mùa xuân năm 1932, Tỉnh ủy mới của Quảng Ngãi được thành lập do đồng chí Võ Sĩ làm Bí thư, tiếp tục khôi phục và phát triển phong trào cách mạng toàn tỉnh. Tỉnh ủy chủ trương:

- Nhanh chóng củng cố và phát triển cơ sở Đảng và các đoàn thể quần chúng.

- Liên hệ với tổ chức Đảng trong nhà lao Quảng Ngãi và các nhà lao khác.

- Vận động binh lính địch làm binh biến.

- Chuẩn bị kỷ niệm 3 đồng chí "L" (Lê-nin, Liép-néc, Luc-xăm-bua).

- Mở rộng tuyên truyền vận động, giáo dục, rèn luyện tư tưởng, giữ vững chí khí cách mạng cho đảng viên và quần chúng.

Đồng chí Trần Khuy (tức Trần Nam Trung, Trần Lương) được Tỉnh ủy phân công về Mộ Đức và Nghĩa Hành để gây lại phong trào (tái tổ Đảng Cộng sản). Đồng chí Trần Khuy về ở Hòa Vinh (Hành Phước) trong tình hình Huyện ủy Nghĩa Hành thực chất chỉ còn Chi bộ Hành Phước hoạt động được. Đồng chí Trần Khuy gặp đồng chí Trần Thị Viêm, củng cố lại Huyện ủy gồm các đồng chí Trần Thị Viêm, Lê Nguyên, Nguyễn Thiệu và quyết định móc nối lại các cơ sở. Trừ một số ít còn nằm im, còn đa số các đồng chí và các cơ sở đã hoạt động trở lại. Công việc đang tiến

triển tốt thì đồng chí Vô Sĩ bị địch bắt vào tù. Trong tù, đồng chí Vô Sĩ thông qua đồng chí Nguyễn Thị Nhạn (cũng đang ở tù) nhắn tin hướng dẫn công tác về (đồng chí Trần Thị Viêm mang tin) cho đồng chí Trần Khuy. Một thời gian sau, đồng chí Vô Sĩ cũng đưa tin báo đồng chí Trần Khuy phải trốn ngay. Đồng chí Trần Khuy đang ẩn trong nhà đồng chí Nguyễn Thị Viêm được Huyện ủy Nghĩa Hành bố trí ra soi mía Hoà Vinh để ẩn náu, có bà Đào Thị Loan và ông Trần Nghinh lo cơm nước, đồng chí Lê Nguyên cảnh giới bảo vệ. Suốt thời gian một tháng, đồng chí Trần Khuy thường xuyên liên lạc, bàn bạc với Huyện ủy Nghĩa Hành về tổ chức Đảng, về đường dây liên lạc từ huyện xuống các Chi bộ xã.

Cuối tháng 4-1932, địch đánh hơi được tung tích của đồng chí Trần Khuy, chúng huy động cả một đội lính khố xanh và lính đoàn phu bao vây cả soi mía, bắt được đồng chí Trần Khuy. Vài hôm sau chúng bắt luôn đồng chí Trần Thị Viêm và đồng chí Trần Bình. Các nhà tù chật ních những tù cộng sản. Sự tra tấn của địch cộng với cảnh ốm đau, thiếu đói đã quật ngã nhiều đồng chí. Hình thức giúp đỡ trong tù rất cần thiết nổi bật là các nữ đồng chí Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Thị Thông, Trần Thị Viêm. Nữ đồng chí Trần Thị Viêm là người tận tình giúp đỡ chăm sóc anh em như ruột thịt, có hạt gạo là nấu cháo, lấy giấy, que, rơm rác làm củi, giặt biết đồ đi, lại nấu tiếp. Đồng chí có nhiều bài thuốc nam gia truyền chữa sốt, khớp... tích cực chữa chạy cho anh em, suốt ngày đêm ngồi khâu vá áo quần rách, mặc dầu bản thân già yếu, lại bị tra tấn nặng

nê⁽¹⁾.

Địch tiếp tục tăng cường đàn áp, khủng bố gắt gao. Các cơ sở, các xã bị vỡ nhiều. Huyện ủy Nghĩa Hành không thể liên lạc được với cơ sở (trừ Hành Phước). Đến tháng 5-1932 Huyện ủy bị bắt không còn người nào. Việc chỉ đạo từ trên xuống bị đứt hẳn. Ở các Chi bộ vẫn còn một số đảng viên. Chi bộ Hoà Vinh, Hoà Quý còn các đồng chí Lê Hiến, Nguyễn Thiệu, Lê Nguyên, Trần Thuật, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Tâm. Chi bộ Hành Minh còn đồng chí Nguyễn Đóa. Chi bộ Hành Đức còn đồng chí Phạm Tấn Phú v.v... Nhưng chi ủy không còn ai, Huyện ủy lại không còn, thiếu cả người hướng dẫn, chỉ đạo. Các đảng viên tự đề ra chủ trương, vận động quần chúng thực hiện, tùy theo tình hình ở nơi mình sinh sống.

Đầu năm 1933, nhờ sự tự động công tác của các đảng viên còn lại, truyền đơn và cờ đã xuất hiện ở Suối Bùn (Hành Tín), Hoà Vinh, An Chi (Hành Phước). Sự kiện nổi bật của quần chúng Nghĩa Hành trong thời gian này là cuộc đấu tranh lớn của 300 nông dân các xã Hành Minh, Hành Đức ngày 22-6-1933, phản đối bọn chủ thầu đập Suối Đá tự ý tăng thủy lợi phí (do một số đảng viên Kỳ Thọ, Tình Phú làm nòng cốt).

Cùng với sự kiện lớn này, nhân dân đã lập các tổ chức biến tướng như hội tương táng, nhóm vòng đổi công, đoàn cày, đoàn gặt, từng bước đấu tranh tăng công cày cấy, đòi bỏ bớt địa tô phụ (như tá điền chịu giống mạ), đòi chia

(1). Theo Sơ thảo phong trào phụ nữ Nghĩa Bình - Tidd trang 17.

lại ruộng đất công và đấu tranh chống bọn cường hào mượn cơ làm đình làng, làm cầu cống, dùng quỹ công của làng để chè chén. Công việc gây được tiếng vang rộng rãi là việc lãnh đạo nhân dân Hòa Vinh (Hành Phước) đấu tranh chống việc làm đình làng. Các tên đốc công và mật thám Pháp Nguyễn Trung Lương, Bưu Kính bị quần chúng vây đánh làm cho việc xây dựng của chúng không thể tiến hành được. Qua vụ này, quần chúng rất phấn khởi, tin tưởng, mặc dù án sát Nguyễn Đình Nghi về tra xét và kết án các đồng chí của ta như Nguyễn Thượng Ôn, Phạm Bưu, Phạm Giảng 6 tháng tù.

Năm 1934, Tỉnh ủy Quảng Ngãi được thành lập lại do đồng chí Phạm Xuân Hòa làm Bí thư, bắt liên lạc với Nghĩa Hành để thành lập lại Huyện ủy. Song trong khi Huyện ủy chưa kịp thành lập thì Tỉnh ủy lại bị bắt gần hết. Phong trào cách mạng Nghĩa Hành vẫn thiếu bộ phận đầu não chỉ đạo một cách thống nhất.

Ngày 23-7-1935, đồng chí Nguyễn Công Phương mãn hạn tù, lại chịu án quản thúc 7 năm tại quê nhà. Mật thám Pháp giao cho Tri huyện Nghĩa Hành Nguyễn Đình Tường thực hiện. Tường trực tiếp giao cho lý trưởng làng Hòa Vinh Phạm Trinh chịu trách nhiệm quản thúc gắt gao đồng chí Nguyễn Công Phương đến mức đồng chí khi ra khỏi làng phải báo cáo, chúng đồng ý mới được đi. Mặc dù bị địch canh giữ nghiêm ngặt và bị bệnh tật, sức khỏe yếu, đồng chí Nguyễn Công Phương đã nhanh chóng bắt được liên lạc với các đồng chí Nguyễn Tuấn, Võ Hà, Lê Hồ, Võ Quế v.v... (đều ở Hành Phước).

Cũng trong thời gian này, phần lớn các tù chính trị đã mãn hạn được lần lượt thả về, tăng cường sức chiến đấu cho Đảng. Các đảng viên về lại cơ sở các xã bắt đầu hoạt động mạnh. Huyện ủy Nghĩa Hành được đồng chí Nguyễn Công Phương hướng dẫn củng cố gồm các đồng chí Nguyễn Thượng Tứ (Bí thư), Huỳnh Kỳ, Huỳnh Châu (Phó Bí thư), Trần Bình⁽¹⁾. Lực lượng đảng viên đã đông, với khí thế quần chúng đã cao, phong trào cách mạng Nghĩa Hành đã thực sự được khôi phục để bước vào cao trào đấu tranh mới.

II- CAO TRÀO CÁCH MẠNG Ở NGHĨA HÀNH 1936-1939:

Do ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933, quần chúng lao động ở các nước tư bản và các nước thuộc địa rất khốn khổ. Bọn phát-xít Đức - Ý - Nhật lại kết thành phe "trục", ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới, nhằm chia lại thị trường và tấn công Liên Xô, trái tim của cách mạng thế giới.

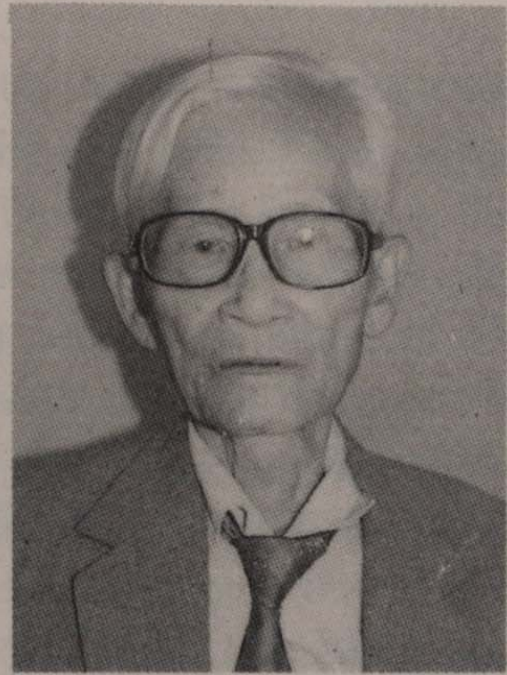
Tháng 7-1935, Quốc tế Cộng sản đại hội lần thứ VII, đề ra nhiệm vụ trước mắt cho giai cấp công nhân là đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít, chống chiến tranh, đòi dân sinh dân chủ, hòa bình, bảo vệ Liên Xô.

Tại Pháp, Mặt trận Nhân dân Pháp mà nòng cốt là Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội Pháp đã giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4/1936, đưa ông Léon

(1). Viết theo tài liệu của đồng chí Nguyễn Thượng Tứ cung cấp. Theo đồng chí Trần Bình, Huyện ủy được củng cố lại gồm 3 đồng chí: Nguyễn Thượng Tứ, Bí thư, Trần Bình, Phó bí thư, Võ Thi (ở Hành Tín) là Huyện ủy viên. Xin ghi chỗ chưa thống nhất để tiếp tục xác minh thêm.



Đồng chí TRẦN BÌNH,
Bí thư Huyện ủy cuối 1931



Đồng chí NGUYỄN THƯỢNG TỬ,
Bí thư Huyện ủy 1936-1939,
1946-1947, 1953-1954



Đồng chí NGUYỄN CÔNG HUẤN,
Bí thư Huyện ủy 1940-1941



Đồng chí NGUYỄN THƯỢNG KINH,
Bí thư Huyện ủy 1941-1942, 1949-1952

Blum lên làm Thủ tướng, đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng 3 nước Đông Dương. Tháng 7-1936 Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp ở Thượng Hải do đồng chí Lê Hồng Phong. Ủy viên Quốc tế Cộng sản chủ trì, đã quyết định trước mắt chưa nêu ra khẩu hiệu đánh đổ đế quốc Pháp và giai cấp địa chủ, giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày, mà chỉ nêu mục tiêu trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát-xít và chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình. Hội nghị chỉ rõ kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân Phản đế Đông Dương (đến tháng 3-1938 đổi tên là Mặt trận dân chủ Đông Dương).

Hội nghị nhấn mạnh phải triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp để tuyên truyền giáo dục, tổ chức quần chúng, đi đôi với củng cố và phát triển các cơ sở bí mật của Đảng⁽¹⁾.

Ở tỉnh ta, từ tháng 8-1935 đồng chí Nguyễn Công Phương đã liên hệ được với các đồng chí Phạm Viết My, Huỳnh Long Thành, Nguyễn Tín, tích cực vận động thành lập Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Nguyễn Công Phương làm Bí thư. Tháng 7-1936, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi họp và đề ra chủ trương :

- Tiến hành củng cố Đảng các cấp từ cơ sở đến các huyện, nhất là thăm tra số đảng viên mới ra tù, xét duyệt kết nạp lại, đồng thời mạnh dạn phát triển thêm đảng

(1). Theo Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi - Sđd - Trang 111.

viên mới, xây dựng cơ sở Đảng thật vững mạnh.

- Cùng cố các tổ chức quần chúng như Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp ở các vùng nông thôn, thành thị.

- Đẩy mạnh đấu tranh công khai hợp pháp, thu thập dân nguyện, đòi cải thiện đời sống cho quần chúng lao động v.v... và quyết định lấy Hòa Vinh làm nơi đóng trụ sở bí mật của Tỉnh ủy, vừa thuận lợi cho đồng chí Nguyễn Công Phương (vì đồng chí đang bị địch quản thúc không đi lại được), vừa tạo sự bất ngờ đối với kẻ địch. Việc chọn Hòa Vinh làm cơ sở cho Tỉnh ủy tạo thuận lớn cho Nghĩa Hành.

Ở Nghĩa Hành cuối năm 1935, không khí cách mạng của quần chúng đã lên cao, một số hoạt động công khai chống chính quyền thực dân và phong kiến ngày càng nhiều, ở khắp các xã.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, nhiều hội biến tướng đã được thành lập, trong đó nổi bật là Hội đọc sách báo trong đó có các đồng chí nòng cốt ở tỉnh như các đồng chí Nguyễn Thành Nghi, Phạm Trung Mưu, Lê Đình Thiên, Nguyễn Thị Nhạn. Phong trào lan rộng khắp các huyện. Các báo thường đọc là : Tiếng dân, Hồn trẻ, Hành lúa, Sông Hương, Dân chúng, Thời thế v.v... Đặc biệt là phong trào đã thu hút rất nhiều phụ nữ có học tham gia mạnh ở các huyện Mộ Đức, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, thị xã Quảng Ngãi v.v...⁽¹⁾

(1). Nhóm đọc báo Nghĩa Hành nòng cốt là các nữ đồng chí Đoàn Thị Như, Nguyễn Thị Toàn, Võ Thị Hiệt, Nguyễn Thị Thông, Nguyễn Thị Nhạn. Nhóm Mộ Đức: Đoàn Thị Mỹ, Đỗ Thị Hống Linh, Đoàn Thị Bảo, Đoàn Thị Hống, Lê Thị Lập, Võ Đình Ú, Nguyễn Đình (đồng chí Đoàn Thị Mỹ là cháu gọi đồng chí Nguyễn Công Phương bằng cậu ruột, làm tổ trưởng đọc báo, lấy tài liệu ở Hòa Vinh về quê chống ở Mộ Đức để phổ biến).

Bên cạnh các sách báo tiến bộ nêu trên, các đồng chí còn chú ý tuyên truyền giáo dục lý luận chủ nghĩa cộng sản bằng các tài liệu như: Lịch sử tiến hóa của loài người, Tư bản luận và tài liệu viết tay trong nhà tù Kiên cố Đảng do đồng chí Nguyễn Công Phương biên soạn v.v...

Khi phong trào quần chúng đã đều khắp các xã trong huyện, đồng chí Nguyễn Công Phương phân công một số đồng chí nòng cốt ở Hành Phước như đồng chí Nguyễn Thượng Tứ, Nguyễn Thị Nhạn⁽²⁾ v.v... đi bắt liên lạc với các đồng chí nòng cốt khác ở các xã Hành Tín (Huỳnh Thắm, Võ Thi, Trương Đình Khánh), Hành Thịnh (Huỳnh Kỳ, Cao Sung, Huỳnh Bá, Cao Liên, Cao Bái), Hành Minh (Đại lý Phúc, Nguyễn Dinh, Nguyễn Thới...) thành lập lại các chi bộ cơ sở. Riêng ở Kỳ Thọ (Hành Đức) đã đủ điều kiện tách khỏi Hành Phước, thành lập chi bộ riêng do đồng chí Phạm Nga và Tạ Vinh phụ trách.

Tháng 5-1936, đồng chí Nguyễn Công Phương chủ trì một cuộc họp thành lập Ban chấp hành Huyện Đảng bộ Nghĩa Hành. Các đồng chí Trần Bình, Huỳnh Châu, Võ Thi⁽³⁾, Huỳnh Kỳ, Nguyễn Thượng Tứ được cử vào Ban chấp hành do đồng chí Nguyễn Thượng Tứ tiếp tục làm Bí thư⁽⁴⁾.

(2). Đồng chí Nguyễn Thị Nhạn là vợ đồng chí Lê Đình Thiên (theo đồng chí Phạm Công Long).

(3). Đồng chí Võ Thi (còn gọi là Sách), người xã Hành Tín được kết nạp vào Đảng năm 1930. Sau biểu tình ở Kỳ Thọ bị bắt và kết án tù 2 năm. Năm 1935 tham gia Ủy ban vận động thả tù chính trị. 1936 bổ sung làm Bí thư Tỉnh Ủy lâm thời. Năm 1939 bị bắt và bị kết án 5 năm tù. Bị ốm cho về quản thúc tại nhà, đến năm 1941 qua đời. Ghi theo xác nhận của đồng chí Nguyễn Công Phương, Nguyễn Thành Nghi.

(4). Viết theo hồi ức của đồng chí Nguyễn Thượng Tứ. Nhưng theo đồng chí Nguyễn Tấn Phước thì Huyện ủy lúc này chỉ có 3 đồng chí: Nguyễn Thượng Tứ, Nguyễn Hoàng, Huỳnh Quang, do đồng chí Nguyễn Thượng Tứ làm Bí thư. Xin ghi chỗ chưa thống nhất để tiếp tục xác minh.

Trong cuộc họp, đồng chí Nguyễn Công Phương phổ biến và phân tích tình hình trong nước và thế giới, đặc biệt nhấn mạnh Đảng đã liên lạc với các Tỉnh ủy, với Xứ ủy. Hội nghị chủ trương nhanh chóng tập hợp và phát triển quần chúng cách mạng vào các Hội tương tế (cày, bừa, may mặc, vòng dôi công) và các Hội biến tướng khác, đồng thời chú ý phát triển đảng viên. Trong thời kỳ này, đồng chí Phan Đăng Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, là bạn tù cũ với đồng chí Nguyễn Công Phương ở Buôn Mê Thuột trên đường đi công tác từ Huế vào Sài Gòn có ghé về ở tại thôn Hòa Vinh. Đồng chí Nguyễn Công Phương nuôi giấu, phân công các đồng chí Nguyễn Thiện, Lê Nguyên canh gác ngày đêm. Trong thời gian ở Nghĩa Hành 2 tuần, đồng chí Phan Đăng Lưu trao đổi công tác và giao cho đồng chí Phương nhiều tài liệu quan trọng như quyển Du kích. Khi đồng chí Phan Đăng Lưu lên đường, Huyện ủy góp tiền tặng đồng chí 20 đồng làm lộ phí. Đến cuối năm 1936, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc vận động quần chúng đón Phái đoàn chính phủ Bình dân Pháp sắp sang thăm, điều tra tình hình Đông Dương và chuẩn bị vận động đưa những người tiến bộ ứng cử vào Viện dân biểu Trung kỳ, Huyện ủy đã thành lập một ban công khai do đồng chí Nguyễn Xuân Dương phụ trách. Ban này đã vận động hàng ngàn chữ ký của nhân dân. Các nữ đồng chí qua Hội phụ nữ của mình đã hoạt động rất sôi nổi như các đồng chí Nguyễn Thị Toàn, Nguyễn Thị Thông (em đồng chí Nguyễn Công Phương) đã vận động hàng trăm chữ ký và đưa ý kiến trực tiếp cho dân biểu Võ Đình Thụy.

Mặt khác, Huyện ủy lãnh đạo các đoàn thể quần chúng tổ chức thêm nhiều hoạt động phong phú và chú trọng các hình thức hoạt động công khai. Phong trào thanh niên dân chủ Nghĩa Hành thời gian này phát triển khá nhanh và hoạt động khá mạnh. Đoàn thanh niên hàng tháng đều tổ chức đi tham quan danh lam thắng cảnh, mỗi lần đi, đều được nâng cao giác ngộ chính trị bằng nhiều hình thức. Hội Nông dân Tương tế, hội Phụ nữ phát triển rộng, đều ở các xã với nhiều hoạt động tương trợ, cứu tế bổ ích. Số quần chúng cốt cán có hàng trăm và hàng chục người được kết nạp vào Đảng. Mạnh nhất là các xã Hành Phước, Hành Tín, Hành Đức. Riêng Hành Phước đã có 6 người là Nguyễn Tấn Thứ, Nguyễn Tấn Phước, Nguyễn Công Huấn, Nguyễn Đạm, Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Xuân Dương được kết nạp vào Đảng trong thời gian này.

Ngày 1-3-1937 (ngày 19-1 Đinh Sửu), gần 3 vạn quần chúng Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đã giương cao băng cờ, khẩu hiệu kéo về thị xã Quảng Ngãi để đón Giuyxtanh Gôđa, phái viên đặc biệt của Chính phủ Pháp. Đoàn do nhà cách mạng lão thành Trần Kỳ Phong dẫn đầu, đã trực tiếp trình bày nỗi thống khổ của nhân dân và đưa bản yêu sách có hàng vạn chữ ký cho phái đoàn. Đoàn biểu tình đón Gôđa của Nghĩa Hành gần 1.000 người tập trung chính tề ở gò Cây Quăng (Hành Phước) kéo xuống Sông Vệ⁽¹⁾ rồi ra Quảng Ngãi, hoà nhập vào đoàn

(1). Đoàn các xã thuộc Hành Tín hiện nay đều đi bằng thuyền và tập trung ở đầu cầu Sông Vệ hòa nhập với các xã khác, cùng kéo ra thị xã, sắp hàng và ngồi ở cửa Tây, nay là đường Lê Trung Đình (theo tường thuật của đồng chí Võ Đình Khánh, người tham dự cuộc biểu tình này).

đấu tranh chung của tỉnh. Qua cuộc vận động lớn này, tinh thần cách mạng của quần chúng lên rất cao, uy tín và cơ sở Đảng phát triển sâu rộng trong nhân dân.

Tháng 5-1937. Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp. Đồng chí Nguyễn Thượng Tứ, Bí thư Nghĩa Hành dự họp và được cử vào Tỉnh ủy. Tỉnh ủy đề ra chủ trương:

- Ủng hộ Mặt trận và Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp, chống bọn phản động thuộc địa, chống phát-xít, chống chiến tranh.

- Đòi chia lại công điền, công thổ, giảm nợ, giảm tô, tăng tiến công lao động cho người lao động ở nông thôn, và thành thị.

- Đòi giảm thuế điền thổ, thuế môn bài, thương chính, đòi bỏ xấu, thuế thân.

- Đòi bỏ quản thúc đối với tù chính trị, đòi toàn xá chính trị phạm.

- Kiên trì vạch mặt, chống lại bọn phá hoại tờ-rốt-kít.

Tháng 8-1937, nhân cuộc bầu cử Viện dân biểu Trung kỳ, quần chúng Nghĩa Hành dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy đã vận động cử tri bầu cho ông Phan Thanh và các ứng cử viên tiến bộ khác của Quảng Ngãi. Các dân biểu này đã thắng lợi trong việc chống các dự án tăng thuế của Pháp đem thông qua ở Viện dân biểu Trung kỳ.

Song song với những hoạt động chính trị có tính chất đấu tranh nghị viện ấy, các chi bộ đã vận động nhân dân thông qua các tổ cày, tổ cấy, nông hội đỏ, đấu tranh đòi giảm địa tô phụ, bỏ hẳn lệ lộc khi đến báo cho địa chủ

ngày thu hoạch lúa, ngày trưng nộp địa tô v.v... và đòi trả tăng công cày, công cấy... Một nơi đấu tranh thành công, nơi khác học tập kinh nghiệm làm theo. Chẳng bao lâu, phong trào phát triển mạnh trong toàn huyện, quần chúng nông dân, nhất là bán, cố nông, rất phấn khởi vì cuộc đấu tranh đã đem lại quyền lợi thiết thực cho bản thân mình.

Trong thời gian này, tài liệu tuyên truyền, báo chí, truyền đơn của Đảng phát triển rất mạnh. Cơ quan ấn loát của Tỉnh ủy đặt tại Hoà Vinh, ở nhà cụ Nguyễn Hữu, do các đồng chí Nguyễn Tấn Thứ, Lê Nguyên, làm công tác ấn loát vừa cho tỉnh vừa cho huyện.

Cuối năm 1937, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy trong việc đòi chia lại công điền, công thổ, nhất là học tập kinh nghiệm cuộc đấu tranh đòi chia lại ruộng đất công ở Thi Phổ nhì (Mộ Đức) do đồng chí Trần Lương lãnh đạo thắng lợi, có tiếng vang trong toàn tỉnh, Huyện ủy Nghĩa Hành có sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Công Phương đã chọn Hoà Vinh (Hành Phước) làm điểm đấu tranh chia lại công điền, công thổ cho nhân dân.

Hoà Vinh là một làng có nhiều ruộng đất công. Phần lớn ruộng đất, nhất là ruộng phì, ruộng tốt đều nằm trong tay bọn chức sắc, lý hương. Theo lệ làng, cứ 3 đến 5 năm chia lại. Nhưng bọn cường hào chia theo nguyên tắc "tọa thứ" (nghĩa là người có chức quyền được nhận trước, dĩ nhiên chúng lấy phần hơn và phần tốt). Quần chúng rất bất bình nhưng đành cam chịu. Chi bộ Hành Phước phân công từng đảng viên đi vận động tranh thủ từng kỳ hào, hương lý và nói rõ sự chia ruộng đất theo lối bóc thăm

“phì giảm sáu gia” là hợp lý nhất, đã được Công sứ và Tuần vũ Quảng Ngãi ủng hộ, nhân dân ở Thi Phổ nhì đã thực hiện. Lý lẽ đấu tranh là: hiện tại hương lý làng ta không thuận theo điều phải, nếu để dân kêu kiện đấu tranh lên tỉnh thì trước sau, Công sứ, Tuần vũ cũng sẽ ủng hộ nhân dân mà làng ta sẽ mang tiếng... Do cuộc vận động tích cực của chi bộ nên một số chức sắc trong làng như Nguyễn Khắc Hoàn, Nguyễn Hoàng, Cửu phẩm, Phạm Bích đã thuận tình. Cuộc họp làng kéo dài cả tuần lễ, nhưng chưa quyết định được cách phân chia. Bát phẩm Nguyễn Liên và Cửu phẩm Võ Lương phản đối mạnh, một số tên còn báo mật thám về rình mò, uy hiếp. Tên chánh mật thám Bùi Trọng Lệ về Hành Phước đã bị chi bộ vận động một số nữ đồng chí nòng cốt cùng đông đảo chị em bao vây ngăn chặn, tên này phải rút lui, không dám can thiệp. Tỉnh ủy đã chỉ đạo chi bộ tích cực tranh thủ sự đồng tình của tri huyện Lê Hoàng Hà về cách phân chia theo lối bốc thăm. Lê Hoàng Hà ủy quyền cho chánh tổng về dự và cho tiến hành phân chia theo lối bốc thăm. Thế là mọi người dân đều được nhận phần ruộng mình bắt được theo cách “phì giảm sáu gia”. Cuộc đấu tranh thắng lợi này dù là mở đầu, ở một làng, nhưng đã gây niềm phấn khởi, tin tưởng cho nhân dân trong toàn huyện. Lần đầu tiên, nhân dân thấy được kết quả thiết thân với mình và chỉ có đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng mới có thể giành được thắng lợi.

Đến tháng 6-1938, Tỉnh ủy Quảng Ngãi triệu tập hội nghị cán bộ mở rộng để ra kế hoạch đấu tranh chống chính

sách vở vét của địch, chống chiến tranh phát-xít, đòi thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân theo khẩu hiệu “phản đối dự án thuế mới”, “thuế điền”, “thuế dò”, đòi thi hành ngay dự án thuế cũ của Viện dân biểu Trung kỳ, ban bố quyền tự do dân chủ, toàn xá chính trị phạm... Trong cuộc họp này, Nghĩa Hành có các đồng chí Nguyễn Công Phương và Nguyễn Tấn Thứ tham dự. Đồng chí Nguyễn Tấn Thứ được đề cử vào Tỉnh ủy và được cử thành vào Thường vụ Tỉnh ủy⁽¹⁾. Huyện ủy vẫn như cũ nhưng có thay đổi. Đồng chí Huỳnh Châu bị ốm nặng, đồng chí Trương Đình Khánh (Bưởi) được bổ sung làm phó Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy Nghĩa Hành chủ trương vận động một số bà con tiểu thương không nộp thuế môn bài, thuế chợ, nổi bật nhất là tổ chức cho quần chúng bãi chợ. Một số nữ đồng chí nòng cốt như Nguyễn Thị Thông, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Toàn, Võ Thị Hiệt, Đoàn Thị Như đảm nhiệm việc vận động bãi chợ phiên Tam Bảo (Hành Dũng) và chợ Suối Bùn (Nhơn Lộc - Hành Tín). Tại chợ Tam Bảo, bọn lính tập đi chợ quá đông, chi bộ Đảng tưởng là địch biết trước và đã lo việc đối phó nên chỉ treo cờ búa liềm, không tổ chức được bãi chợ. Tại chợ Suối Bùn, chi bộ Hành Tín và phụ nữ Hành Tín đã treo cờ, rải truyền đơn và tập trung đồng bào diễn thuyết nhiều lần (do đồng chí Nguyễn Thị Toàn phụ trách) bãi chợ thành công trong 5 ngày.

(1). Giai đoạn 1936-1939 Nghĩa Hành đóng góp với tỉnh thường là 2 Tỉnh ủy viên.

-1936-1937: Đồng chí Nguyễn Công Phương. Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Thượng Tú. Tỉnh ủy viên.

-1938-1939: Đồng chí Nguyễn Tấn Thứ, Thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Công Phương. Tỉnh ủy viên.

Đến giữa năm 1939, thi hành chi thị của Xứ ủy và Tỉnh ủy, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 150 năm cuộc Cách mạng Tư sản Pháp (14-7-1789 -14-7-1939) vận động quần chúng biểu tình đấu tranh chống nguy cơ phát-xít, chống chiến tranh, Huyện ủy Nghĩa Hành đã huy động hàng trăm đồng bào Hành Phước, Hành Tín, Hành Dũng, Hành Minh, Hành Thịnh, Hành Đức chuẩn bị băng cờ, khẩu hiệu "Tự do, cơm áo, hòa bình", "không được tăng thuế, tăng sưu, bắt lính", "tổ chức phòng thủ Đông Dương, chống phát-xít Đức, Ý, Nhật gây chiến tranh".

Trước cuộc biểu tình vài ngày (12-7), bọn mật thám Pháp đã gọi một số đồng chí lãnh đạo có uy tín trong tỉnh đến để răn đe và cấm không được biểu tình, nếu không chúng sẽ đàn áp, trong số ấy có đồng chí Nguyễn Công Phương và đồng chí Nguyễn Thượng Tứ. Nhưng bất chấp sự đe dọa của kẻ thù, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, bộ phận công khai của Đảng vẫn tổ chức biểu tình, diễn thuyết, biến ngày Quốc khánh vui chơi của Pháp thành ngày biểu dương lực lượng và tuyên truyền cách mạng của ta. Đồng chí Nguyễn Xuân Dương, Trưởng ban công khai của Huyện ủy Nghĩa Hành, là một trong 3 người diễn thuyết tại sân vận động Quảng Ngãi, sau vụ biểu tình, đã bị Pháp bắt giam và kêu án một năm tù ở Buôn Mê Thuật.

Đến tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, chính phủ phản động Daladiê Rây nô cấm quyền ở Pháp ra lệnh giải tán Đảng cộng sản Pháp, truy tố Đảng Cộng sản Đông Dương. Bọn phản động Pháp ở Đông Dương ngóc đầu dậy, lập tức thi hành hàng loạt các chính sách nhằm

giải tán các tổ chức yêu nước, đóng cửa các tờ báo tiến bộ, thủ tiêu các quyền tự do dân chủ mà nhân dân đã đấu tranh giành được trong cao trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939).

Trước tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi lớn, ngày 28-9-1939, Tỉnh ủy họp do đồng chí Nguyễn Chánh, Bí thư, chủ trì bàn việc chuyển vào hoạt động bí mật “chuẩn bị tiến tới giành độc lập dân tộc”, trước mắt “chống đàn áp, khủng bố”. Chấp hành Nghị quyết của cấp trên, trong khi Đảng bộ huyện đang khẩn trương cất giấu tài liệu, bố trí cán bộ dự bị, sắp xếp địa điểm dự bị và đường dây liên lạc trong hoạt động bí mật thì tháng 10-1939 thực dân Pháp tiến hành một cuộc vây ráp, bắt bớ, khủng bố trên toàn tỉnh. Nhân cơ bắt được bản thông báo mật “nguy cơ chiến tranh do phát-xít Nhật-Đức” do sơ suất của một đảng viên trong khi lưu giữ, tên mật thám Bùi Trọng Lệ đã tiến hành chính sách “bắt làm còn hơn bỏ sót”, bắt hàng loạt cán bộ, đảng viên. Hầu hết các đồng chí trong Tỉnh ủy, các Huyện ủy và các chi bộ đều bị đánh phá cùng một lúc. Ở Nghĩa Hành cả hai đồng chí Tỉnh ủy viên Nguyễn Công Phương, Nguyễn Tấn Thứ cùng các đồng chí trong Huyện ủy đều bị bắt. Hầu hết các đảng viên ở cơ sở đều bị địch dò tìm và lần lượt bắt giam cầm, tra tấn. Quần chúng bị chúng rà soát, phân loại. Các hội viên trong các tổ chức quần chúng cách mạng cũng bị khống chế, một số bị bắt giam. Địch tiến hành kiểm tra, giám sát hết sức nghiêm ngặt đối với những người hoạt động tích cực trong phong trào 1936-1939, nhất là những người chúng nghi là

đảng viên. Cơ sở Đảng bị đánh pha nặng nề. Phong trào cách mạng Nghĩa Hành lại tạm thời lắng xuống.

Qua cao trào cách mạng 1936-1939, Đảng bộ Nghĩa Hành có thể rút ra những bài học sau đây:

1- Đảng bộ lợi dụng được thế hợp pháp, nửa hợp pháp tuyên truyền giáo dục rộng rãi cho đồng bào về chủ nghĩa cộng sản và chủ trương, đường lối của Đảng, mở rộng được tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng, uy tín và năng lực lãnh đạo của Đảng được phát huy; đảng viên ngày một đông về số lượng và cao về chất lượng; cơ sở Đảng phát triển rộng khắp; liên lạc giữa cơ sở và Tỉnh ủy thông suốt hơn so với giai đoạn 1930 -1931.

Qua đấu tranh, Đảng được tôi luyện trưởng thành, rút được nhiều bài học kinh nghiệm, quý nhất là bài học đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, biết giới hạn mục tiêu, phương pháp đấu tranh để giành thắng lợi cao nhất.

2- Phải nắm vững đường lối và chủ trương của Đảng cấp trên, vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, sát với hoàn cảnh cụ thể của huyện nhà, bám sát quần chúng, quan tâm đến quyền lợi, nguyện vọng thiết tha của quần chúng và có khẩu hiệu đấu tranh thích hợp như đòi giảm thuế, chia công điền, tăng tiền công..., tổ chức và hướng dẫn quần chúng cách đấu tranh, tin tưởng và mạnh dạn đưa họ vào cao trào đấu tranh. Sức mạnh của họ sẽ được phát huy mạnh mẽ, thắng lợi sẽ tăng thêm niềm tin và gắn bó chặt chẽ vận mệnh của họ với sự sống còn của Đảng.

3- Nhờ đường lối đúng, phương pháp đấu tranh linh hoạt, sáng tạo, uy tín của Đảng trong quần chúng ngày một nâng cao. Tư tưởng của Đảng chiếm ưu thế tuyệt đối. Đại đa số quần chúng đều một lòng đi theo Đảng, các tư tưởng phi vô sản khác đều bị quần chúng phê phán. Tư tưởng trốt-kít không có ảnh hưởng, không phá hoại được gì về tư tưởng, tổ chức của Đảng ở địa bàn Nghĩa Hành, mặc dù đám phản động này hoạt động rất mạnh ở 2 huyện lân cận⁽¹⁾.

Tuy nhiên nhìn lại cao trào cách mạng 1936-1939 ở Nghĩa Hành vẫn còn nhiều tồn tại như:

- Phong trào rộng, sâu hơn 1930 -1931, nhưng chưa đều, một số địa bàn do sự khống chế gắt gao của địch và do chưa được tăng cường chỉ đạo, lãnh đạo nên phong trào chưa mạnh, như các xã ở Hành Minh, Hành Thuận, Hành Thiện.

- Đảng bộ chưa đặt vấn đề phối hợp, hợp đồng chiến đấu với các dân tộc miền núi phía tây Nghĩa Hành như phong trào Thượng Hre, Nước Xu đỏ (1937 -1939) ở các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ.

(1). Theo nhận xét của đồng chí Trần Lương.

Chương V

ĐẢNG BỘ NGHĨA HÀNH LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1940-1945

1- SỰ CHUYỂN HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ TÌNH HÌNH CÁCH MẠNG Ở NGHĨA HÀNH 1939 - 1944 :

Tháng 9-1939 chiến tranh thế giới bùng nổ. Tháng 6-1940, phát-xít Đức đánh Pháp, Pháp bại trận. Chính phủ Pê-tanh đầu hàng và làm tay sai cho Đức. Chúng tiến hành đàn áp mọi phong trào yêu nước chống phát-xít ở Pháp và các thuộc địa Pháp.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng ra thông cáo gửi cho toàn Đảng ngày 29-9-1939: “Hiện nay tình hình đã thay đổi nhiều, hoàn cảnh Đông dương sẽ tiến bước đến vấn đề nổi dậy giải phóng, hoàn thành vấn đề ấy mau hay chậm là tùy theo tình hình thế giới và năng lực của các đồng chí...”⁽¹⁾ và ra Nghị quyết chỉ rõ: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng dân tộc...” và chủ trương thành lập “Mặt trận thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”.

(1). Văn kiện Đảng 1939-1945, NXB Sự thật 1963 - Trang 24

Tháng 11-1940, sau khi Nhật xâm chiếm Đông Dương, bọn phản động Pháp ở Đông Dương làm tay sai cho Nhật. Trước tình hình hai kẻ thù Pháp- Nhật cấu kết với nhau bóc lột nhân dân ta, Trung ương Đảng ra Nghị quyết lấy khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc Pháp- Nhật và các thế lực phản động ngoại xâm, đả đảo phong kiến bản xứ phản bội quyền lợi dân tộc”, thay cho khẩu hiệu “Đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát” trước đây. Từ đó một phong trào chống Pháp, chống Nhật cứu nước dâng cao, nổi bật là cuộc khởi nghĩa, binh biến vũ trang ở Bắc Sơn (9-1940) khởi nghĩa Nam kỳ (11-1940), khởi nghĩa Đô Lương (1-1941).

Ngày 8-2-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời, bí mật về nước, từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, đã chủ trì hội nghị Trung ương lần thứ 8. Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương là giải phóng dân tộc. Hội nghị nhấn mạnh “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

Để động viên tất cả mọi lực lượng yêu nước vào công cuộc giải phóng dân tộc, hội nghị đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất để ra từ hội nghị Trung ương 6 (11-1939), thay vào đó là các khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công, tiến tới thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”.

Về mặt trận dân tộc thống nhất, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt

là Mặt trận Việt Minh) thay cho Mặt trận Dân tộc Phản đế Đông Dương (hai dân tộc Lào, Miên thành lập mặt trận riêng), sau khi đánh đổ được đế quốc Pháp - Nhật sẽ thành lập một Chính phủ nhân dân với quốc hiệu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm Quốc kỳ.

Về khởi nghĩa vũ trang, hội nghị nhấn mạnh “cuộc cách mạng Đông Dương kết liễu bằng cuộc khởi nghĩa vũ trang”, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và dân ta trong giai đoạn hiện tại. Khi thời cơ đến thì với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành thắng lợi và mở đường cho một cuộc Tổng khởi nghĩa to lớn.

Như vậy hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) đã khẳng định thêm một bước về sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược Việt Nam trong tình hình mới so với hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939) và lần thứ 7 (11-1940).

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 có ý nghĩa lịch sử vô cùng quan trọng, là một trong những nhân tố cơ bản bảo đảm cho cách mạng tháng Tám thành công.

Ở Quảng Ngãi, sau khi nhận được chỉ thị của Xứ ủy về việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng, tài liệu *Con đường giải phóng* do đồng chí Nguyễn Năng Lự mang về, tháng 4-1940, Tỉnh ủy lâm thời vừa được thành lập xúc tiến việc xây dựng cơ sở và tìm liên lạc với cấp trên, đã bị phá vỡ ngay. Mặc dù đế quốc Pháp, Nhật đàn áp khốc liệt, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi dù liên tục được thành

lập rồi bị phá vỡ, vẫn tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, lãnh đạo được quần chúng Quảng Ngãi chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh thắng lợi tiếp theo.

Ở Nghĩa Hành, Đảng bộ huyện bị tan vỡ vào cuối năm 1939. Trong điều kiện đầy khó khăn thử thách, các đảng viên, các tổ chức cách mạng còn lại với sự che chở đùm bọc của nhân dân vẫn len lỏi hoạt động, giữ được phong trào. Các đồng chí bị tù tìm cách móc nối, liên lạc với bên ngoài, động viên giữ vững khí tiết của người cộng sản. tiến tới xây dựng lại tổ chức Đảng của huyện.

Tại lò gạch gần nhà lao Trà Bồng vào tháng 4 năm 1940, đồng chí Nguyễn Công Phương (đang ở tù) chủ trì cuộc họp gồm các đồng chí Võ Xuân Hào, Võ Xuân Hựu, Nguyễn Trí, Nguyễn Mẹo. Sau khi thành lập Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi do đồng chí Võ Xuân Hào làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Công Phương đã giới thiệu với các đồng chí Tỉnh ủy viên các cơ sở ở các huyện để móc nối xây dựng lại như ở Nghĩa Hành cần móc nối với các đồng chí Nguyễn Đạm (tức Phước), đồng chí Nguyễn Công Huân (Dật Long, cháu gọi đồng chí Nguyễn Công Phương bằng chú ruột), ở Sơn Tịnh có đồng chí Võ Thứ, ở Tư Nghĩa có đồng chí Đặng Hồng, ở Bình Sơn có đồng chí Lê Khoa (tức Lê Ba)... Đến tháng 6-1940, đồng chí Nguyễn Tấn Phước, đảng viên không bị bắt, mượn danh nghĩa đi thăm người nhà bị tù ở nhà lao Trà Bồng để liên lạc với đồng chí Nguyễn Công Phương xin chủ trương hoạt động. Đồng chí Nguyễn Công Phương giới thiệu đồng chí Nguyễn Tấn Phước đến

làng Bồ Đề (Mộ Đức) gặp đồng chí Võ Xuân Hào. Đồng chí Võ Xuân Hào chỉ thị cho đồng chí Nguyễn Tấn Phước về lập lại Huyện ủy lâm thời và gấp rút chấp nối cơ sở, xây dựng lại các chi bộ. Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Tấn Phước quay về, cùng một số đồng chí khác chấp nối các đảng viên và xây dựng lại chi bộ. Chỉ trong vòng một tháng, Hành Phước đã lập lại Chi bộ, Hành Tín cũng liên lạc và lập lại Chi bộ do đồng chí Nguyễn Hiếu phụ trách. Ban chấp hành lâm thời Huyện ủy Nghĩa Hành gồm các đồng chí Nguyễn Công Huấn, Nguyễn Đạm, Nguyễn Tấn Phước (tức Chương) do đồng chí Nguyễn Công Huấn làm Bí thư và phân công như sau: Đồng chí Nguyễn Đạm phụ trách các xã nam sông Vệ (kể cả Minh Long). Đồng chí Phước phụ trách Hành Phước và liên lạc với Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Công Huấn phụ trách chung và các xã còn lại⁽¹⁾. Chi bộ Nhơn Lộc (Hành Tín) bổ sung thêm các đồng chí Huỳnh Quang, Huỳnh Chấm, và đang liên hệ để thành lập lại các chi bộ ở Hành Thịnh và Hành Đức, các đoàn thể cách mạng cũng dần được khôi phục và bí mật tổ chức vào hoạt động, chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy. Huyện ủy Nghĩa Hành đã phát động phong trào quần tiên "*viện Hoa kháng Nhật*", và phong trào vận động mua báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng được nhân dân hưởng ứng rất tốt. Công việc đang triển khai thuận lợi, các xã đã bắt liên lạc được với Huyện ủy, thì đầu tháng 12-1940 mật thám Pháp bắt được

1). Năm 1942, Đảng bộ Nghĩa Hành phụ trách cả Minh Long. Đến năm 1944 Minh Long mới có cơ sở Đảng riêng do đồng chí Trương Đình Khánh và Chín Huyện phụ trách, sau đó đồng chí Nguyễn Đăng Văn phụ trách.

đồng chí Nguyễn Đức Dương, đại diện Xứ ủy Trung kỳ⁽²⁾ và lập tức đánh phá Tỉnh ủy lâm thời (mới lập ở Trà Bồng) và tiến hành truy bắt ráo riết ở Nghĩa Hành. toàn bộ Ban chấp hành Huyện Đảng bộ đều bị bắt và bị kết án 3 năm tù giam tại nhà lao Quảng Ngãi (mãn hạn tù 3 năm đồng chí Nguyễn Công Huân, Nguyễn Đạm bị chúng đưa đi an trí ở Gi Lăng, đồng chí Nguyễn Tấn Phước đi an trí ở Ba Tư, các cơ sở tan vỡ, các đảng viên hầu hết bị vào tù).

Sang đầu năm 1942, một số đảng viên bị Pháp đưa đi an trí tại căng an trí Ba Tư, trong đó có đồng chí Nguyễn Khâm (Nguyễn Đôn) đã bí mật lập ra Ủy ban Vận động Cách mạng. Ủy ban này đã móc nối được với nhiều cơ sở ở Ba Tư, Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh. Riêng Nghĩa Hành, một số đảng viên bắc được liên lạc đã hoạt động mạnh như đồng chí Nguyễn Hiếu, Nguyễn Thị Toàn, Đoàn Thị Mỹ, Võ Thị Hiệt, Huỳnh Thị Cẩm Châu ... Đồng chí Đoàn Thị Mỹ đã tổ chức được các khung dệt ở nhà đồng chí Nguyễn Thị Thông để liên lạc, hoạt động cách mạng, nhất là trong giới phụ nữ. Tiếp đó, đồng chí Huỳnh Tấu rồi đến đồng chí Phạm Kiệt cũng từ nhà tù Ban Mê Thuật bị đưa về căng an trí Ba Tư. Các đồng chí đã bí mật mang về được bản Nghị quyết Trung ương. Chi bộ Đảng ở căng an trí Ba Tư lớn mạnh hơn, đã quyết định thành lập Ủy ban Vận động cứu quốc Quảng Ngãi thay cho Ủy ban Vận động cách mạng. Ủy ban đã đề ra chủ trương khẩn trương bắt liên lạc với các tổng, các huyện và các nhà lao, căng an

(2). Đồng chí Nguyễn Đức Dương vào truyền đạt chỉ thị của Xứ ủy cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Trên đường về Huế, đồng chí bị bắt gần ga Đà Nẵng, trong người có mang danh sách Tỉnh ủy Quảng Ngãi và các Huyện ủy.

trí khác đề truyền đạt tinh thần, chủ trương của Nghị quyết Trung ương 8, trên tinh thần đó tiến hành cùng cố các tổ chức Đảng và mở rộng cơ sở cách mạng trong quần chúng.

Ít lâu sau, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi được thành lập (trong cuộc họp tại trại tằm của đồng chí Trần Toại ở Trường An, Ba Động, Ba Tư), do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư, cơ sở ấn loát của tỉnh đặt tại nhà Bà Võ Thị Ninh ở Suối Bùn (Hành Tín, Nghĩa Hành). Các đồng chí Nguyễn Hiếu, Lê Văn được giao nhiệm vụ in ấn. Các tài liệu đã được in gồm:

- Thư kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.
- Tuyên ngôn, chương trình, điều lệ của Mặt trận Việt Minh.
- Chương trình hành động của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Những tài liệu nói trên, nhất là thư kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã có tác động cổ vũ, thôi thúc, động viên rất lớn đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng. Thư kêu gọi có đoạn viết:

"... Hỡi đồng bào yêu quý ! Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm, người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do, độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề".

“... Hỡi chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí. Máu nóng các vị anh hùng càng sục sôi trong lòng các đồng chí. Chi phấn đấu toàn dân đang chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí”⁽¹⁾

Trong thời gian này, các đồng chí đảng viên ở Hành Tín hoạt động rất tích cực, đã liên lạc với Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi ở Cánh an trí Ba Tư, nhận tài liệu rồi về Suối Bùn (Hành Tín) in ấn xong giao cho chị Cao Thị Minh Khương (con gái bà Võ Thị Ninh, lúc bấy giờ mới là cốt cán tin cậy của Đảng) xuôi dòng sông Vệ xuống Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Phước, xuống Tư Nghĩa giao cho các đồng chí Đoàn Thị Mỹ, đồng chí Nguyễn Thị Thông, Nguyễn Thị Toàn là những liên lạc viên giàu mưu trí, kiên cường của Tỉnh ủy chuyển đến các huyện. Cơ sở Đảng ở các xã dọc sông Vệ đã hoạt động trở lại chuẩn bị cho việc lập lại Huyện ủy Nghĩa Hành. Nhân ngày 14-7-1943 (Quốc khánh Pháp), Tỉnh ủy quyết định treo cờ đỏ sao vàng rộng khắp, rải truyền đơn kêu gọi quần chúng tham gia Việt Minh “Đánh đuổi Nhật - Pháp”. Đêm 16 rạng ngày 17 tháng 7, cờ đỏ sao vàng được treo và truyền đơn Việt Minh được rải ở nhiều nơi trong tỉnh. Đồng chí Đoàn Thị Mỹ treo cờ đỏ sao vàng và rải truyền đơn ở Cầu Cát (Tư Nghĩa).

Cuối năm 1943, do đường dây liên lạc với Xứ ủy Trung kỳ bị lộ, một số cán bộ đảng viên bị địch bắt, trong đó có đồng chí Huỳnh Tấn. Ở Nghĩa Hành, sau khi địch bắt được

(1). Hồ Chí Minh toàn tập, tập III, Sđd- Trang 149.

đồng chí Huỳnh Tấn, chúng truy tìm và bắt các đồng chí Đoàn Thị Mỹ, Nguyễn Hiếu ở Hành Tín, tiếp theo chúng bắt tất cả các đồng chí trong Huyện ủy- Đảng bộ Nghĩa Hành bị đứt liên lạc. trên dưới hầu như không còn chi bộ nào hoạt động được.

Cuối tháng 12-1944, một cuộc họp tại lò gạch bên suối Nước Năng (Ba Tơ), Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi được thành lập do đồng chí Trương Quang Giao làm Bí thư. Tỉnh ủy lâm thời lần này được tăng cường nhiều đồng chí lãnh đạo cũ bị tù ở Buôn Mê Thuộc chuyển về Ba Tơ, nên đã tăng sức mạnh về tổ chức lẫn năng lực, chất lượng cho Đảng.

II. CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC - TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG 8/1945 Ở HUYỆN NGHĨA HÀNH :

Sau khi Nhật vào Đông Dương (11-1940), Nhật - Pháp câu kết chặt chẽ với nhau, tăng cường bóc lột nhân dân ta thậm tệ. Nhưng từ năm 1943, lực lượng phát-xít bị Hồng quân Liên Xô và phe Đồng Minh đánh bại liên tiếp trên các chiến trường. Do đó, ở Đông Dương, mâu thuẫn Nhật - Pháp ngày càng bộc lộ gay gắt. Mặt trận Việt Minh có ảnh hưởng sâu rộng từ Việt Bắc đến tận Nam bộ, phong trào cứu nước phát triển khắp nơi, khu giải phóng Việt Bắc được mở rộng. Ngày 22-12-1944, đồng chí Nguyễn Ai Quốc chỉ thị thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Trong tình hình khẩn trương đó, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi quyết định tổ chức một cuộc giải thoát tù tập thể khỏi Căng an trí Ba Tơ ra ngoài hoạt động và chủ trương

treo cờ, rải truyền đơn, phát động phong trào cách mạng rầm rộ trong tỉnh, và nếu thời cơ thuận lợi sẽ phát động một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền bộ phận ở Ba Tư, lập chiến khu du kích, nhằm thúc đẩy phong trào chuẩn bị khởi nghĩa trong toàn tỉnh. Để thực hiện chủ trương trên, các đồng chí phân công nhau về từng khu vực để trực tiếp chỉ đạo phong trào.

Nhận được các chủ trương của Tỉnh ủy, một số đồng chí lãnh đạo cũ của Nghĩa Hành bị bắt an trí ở Ba Tư và Di Lăng rất phấn khởi, tìm mọi cách liên lạc với các đồng chí ở huyện qua đồng chí Nguyễn Thị Thông. Đồng chí Nguyễn Công Huân (Dật Long) đã móc nối được một số cơ sở nòng cốt ở Hành Dũng như các đồng chí Phạm Hương, Võ Hoàng, Phạm Bá Cao, Phạm Toán, Phạm Chánh, còn ở Hành Đức như các đồng chí Trần Văn An, Phạm Công Long, Phạm Công Hoai, Phạm Phụ (Kỳ Thọ), Trần Cao Ba, Trần Cao Nhi (Xuân Vinh) v.v...

Các đồng chí Nguyễn Thượng Tú, Nguyễn Thượng Kinh (Đảng) ở Hành Phước, Nguyễn Nho (Hành Thịnh) cải trang làm người đi mua kén ở Ba Tư để liên hệ xin chủ trương và tài liệu. Các đồng chí này đã mang tài liệu Mặt trận Việt Minh và chủ trương của Tỉnh ủy lâm thời về để hoạt động gây phong trào. Trong lúc đó, đồng chí Trần Lương (Tỉnh ủy viên) được Tỉnh ủy phân công về Nghĩa Hành, Mộ Đức. Trước khi đi, đồng chí Trần Lương gặp đồng chí Nguyễn Tấn Phước tìm hiểu các cơ sở ở Nghĩa Hành để tiện việc liên hệ. Đồng chí cải trang về Nghĩa Hành trong

lúc tại Ba Tư sắp diễn ra sự kiện to lớn trong lịch sử cách mạng Quảng Ngãi.

Đúng như dự đoán của Trung ương Đảng “Nhật sửa soạn tước quyền Pháp” ngày một gấp và hai quân thù Nhật, Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ “Tao sống, mày chết”, quyết liệt cùng nhau⁽¹⁾. Đêm ngày 9-3-1945 tiếng súng nổ suốt đêm ở tỉnh lỵ. Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương. Cũng ngay đêm này, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng để đánh giá tình hình và đề ra chủ trương mới. Hội nghị chủ trương lấy khẩu hiệu : “Đánh đuổi phát-xít Nhật” thay cho khẩu hiệu “đánh Pháp đuổi Nhật” và phát động cao trào chống Nhật, cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Nơi nào có điều kiện thì phát triển chiến tranh du kích giành chính quyền địa phương, chuyển sang những hình thức và phương thức đấu tranh cao và mạnh hơn như biểu tình thị uy, lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng...

Tại Quảng Ngãi, sau khi Nhật đảo chính Pháp, bọn thống trị Pháp trốn chạy. Chiều 10-3-1945 một toán lính khố đỏ do tên quan tư Pháp chỉ huy chạy từ thị xã Quảng Ngãi vừa đến chợ Nhơn Lộc (Hành Tín) thì tạm dừng lại vì quá mệt, trời tối. Các đồng chí Vũ Đình Khánh, Bùi Thanh Đạm đã đưa đồng chí Trương Quang Giao (Bí thư Tỉnh ủy lâm thời) đến thương lượng việc chúng giao nộp vũ khí cho ta. Chúng không nghe, nhưng hết sức lo sợ kéo nhau ra rừng ẩn nấp rồi trốn chạy về hướng Kon Tum, bỏ

1). Cái nhot bọc phải vỡ mù. báo Cờ giải phóng số 7 ngày 28/9/1944, NXB Sự thật - Hà Nội 1955 - Trang 46.

lại số súng đạn, quần áo và quân dụng... Cũng ngay trong đêm, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập hội nghị bất thường tại dốc ông Tài (Ba Tơ). Hội nghị quyết định 7 chủ trương quan trọng về việc chớp thời cơ khởi nghĩa từng phần, về xác định kẻ thù chính của cách mạng, về phương pháp tiến hành và phạm vi khởi nghĩa, về phương thức đấu tranh, về lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng, về thời gian khởi nghĩa, cuối cùng là thành lập Ban lãnh đạo khởi nghĩa. Các đồng chí trong Tỉnh ủy sau hội nghị phân công nhau khẩn trương chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết. Bộ phận ở Ba Tơ đã tiến hành lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi trong ngày hôm sau (11-3-1945) với sự tham gia của đông đảo nhân dân dọc đường 5A. Từ Hóc Kè xuống Hùng Nghĩa, Tân Hội (Đức Phổ) nhân dân chặt cây, phá cầu, lăn đá làm ụ chướng ngại vật, ngăn chặn quân Nhật kéo lên.

Ngay lập tức ở Hành Tín các đồng chí Đoàn Thị Như, Nguyễn Thị Toàn, Võ Đình Khánh, Bùi Thanh Đạm tỏa đi các ngã vận động nhân dân và chuẩn bị cờ, khẩu hiệu tổ chức cuộc mít-tinh vào chiều ngày 12 tháng 3 năm 1945 tại Phú Khương. Hơn 200 người các thôn Nhơn Lộc, Thiên Xuân, Phú Khương, Phú Thọ, Long Bình, Tân Phú... đã đến dự. Các đồng chí Nguyễn Tiểu (Hoàng), Huỳnh Mậu (Huỳnh Quang) chỉ huy việc tập hợp đội ngũ, tổ chức việc bảo vệ và điều khiển cuộc mít-tinh. Các đồng chí Trương Quang Giao, Phạm Trân (Sáu Chim) và Trần Quý Hai (T2) đã lần lượt lên diễn đàn tuyên truyền về mục tiêu lý tưởng của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi mọi người tham gia vào

sự nghiệp cứu nước; giải thích về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và vận động toàn dân ủng hộ về vật chất và tinh thần cho du kích Ba Tơ. Các đồng chí Lâm Đỡ (Mai Sơn) và Trương Đình Thủy (Mười Cẩn), Lê Ngào (đều là người Nhơn Lộc) xung phong ngay vào đội du kích Ba Tơ. Ông Nguyễn Tăng Hiến (Viên Thuật)⁽¹⁾ xung phong ủng hộ nhiều lúa gạo. Cuộc mít-tinh đã diễn ra suông sẻ, tạo được niềm phấn khởi, tin tưởng cho mọi người. Bọn lý trưởng hoang mang, lo sợ không dám ra mặt, phản ứng chống đối.

Riêng bộ phận của đồng chí Trần Lương xuôi dòng sông Vệ về Hành Phước. Biết ở An Chỉ hiện đang có nhóm chính trị thân Nhật, (nguyên họ là đảng viên, trí thức hoạt động tích cực từ thời 1930-1931, 1936-1939 đã từng ở tù Buôn Ma Thuộc và từng quen biết đồng chí Trần Lương), đang có thanh thế ở An Chỉ, đồng chí Trần Lương đến nhà Phan Nguyên khoảng 2-3 giờ (sáng 11-3) để tuyên truyền và bàn với họ cùng phát động khởi nghĩa. Cuộc trao đổi và tranh luận kéo dài không kết quả. Đồng chí Trần Lương gặp một số đảng viên nòng cốt tốt ở Hành Phước phổ biến chủ trương và tình hình mới. Ngày hôm sau, đồng chí về Mộ Đức, Đức Phổ, vài ngày sau trở lại Nghĩa Hành rồi lên Ba Tơ để báo cáo tình hình và cùng chỉ đạo phong trào chung⁽¹⁾

(1) Ông Nguyễn Tăng Hiến người Nhơn Lộc, con quan Lãnh binh được tập tước viên tử nên thường gọi cậu viên (viên Sáu, viên Thuật). Ông giác ngộ cách mạng từ năm 1940. Giúp đỡ nhiều cho các đồng chí hưu trí ở Ba Tơ. Tham gia phong trào Việt Minh tháng 3/1945. Chủ tịch Việt Minh và Liên Việt của huyện Nghĩa Hành.

(1). Theo đồng chí Trần Lương thì do nhóm này hiểu và vận dụng máy móc 3 điều kiện khởi nghĩa theo luận điểm của Lenin "Đảng phải thống nhất, quần chúng nhất tề đứng lên đòi hỏi cách mạng, dịch hoang mang, bộ máy tê liệt, thành phần trung gian đã ngã hẳn với cách mạng" và bảo "không nên đùa với khởi nghĩa vũ trang". Cuối cùng họ đứng bên ngoài cuộc vùng dậy long trời lở đất của nhân dân.

Ở Nghĩa Hành cũng giống như các nơi khác ở Quảng Ngãi, khởi nghĩa Ba Tư thắng lợi (11-3) như một làn sóng mạnh mẽ lan rộng về các huyện lân cận và toàn tỉnh. Một khí thế phấn khởi nô nức của toàn dân dấy lên đều khắp. Giữa lúc đó, các đồng chí Nguyễn Đạm, Nguyễn Hùng, Nguyễn Tấn Thứ ở Càng an trí Gi Lăng, nhân Nhật đảo chính Pháp đã thoát khỏi trại giam về quê, tăng thêm sức và trí tuệ cho phong trào cách mạng Nghĩa Hành

Tình hình địch có nhiều diễn biến phức tạp. Bộ máy cai trị của Pháp và phong kiến tay sai tan rã, trong khi phát-xít Nhật chưa thiết lập được hệ thống cai trị mới. Nhật tạm thời dùng lại một số tay sai của Pháp và ráo riết tuyển chọn Việt gian. Chúng ra sức tuyên truyền cho thuyết “Đại Đông Á”, nêu ra chiêu bài “Nhật đánh Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam”, ra sức quảng cáo cho cái bánh vẽ độc lập. Ngoài tổ chức Việt gian thân Nhật như Quốc dân đảng, nhóm Thanh niên tiến tuyến, chúng còn đội lốt đạo Cao đài để hoạt động chống phá ta. Ở Nghĩa Hành, nhóm trí thức An Chỉ là một điển hình. Chúng khiếp sợ trước sức mạnh của Nhật, không tin tưởng vào lực lượng cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng thế lực của chúng ở đây khá lớn, đã gây cho ta không ít khó khăn trong công tác vận động quần chúng.

Vào cuối tháng 3 và cuối tháng 4-1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức 2 cuộc hội nghị mở rộng ở Mộ Đức để nhận định tình hình và đề ra một số chủ trương lớn như:

- Bảo tồn lực lượng cách mạng, lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng (Căn cứ núi Lớn ở tây Mộ Đức

ở Nghĩa Hành, căn cứ Vĩnh Sơn. ở Vĩnh Tuy - Sơn Tịnh).

- Khẩn trương phát triển phong trào du kích tự vệ, kiên quyết cô lập các tổ chức tay sai thân Nhật, vạch trần luận điệu lừa bịp của chúng trước nhân dân.

- Lập quỹ nuôi quân, mua, sản xuất vũ khí, mua thuốc chữa bệnh và lương thực đưa lên chiến khu.

- Ấn hành những văn kiện quan trọng như điều lệ của các đoàn thể cứu quốc... thành lập Ủy ban Vận động Cứu quốc Quảng Ngãi, ra báo Chơn độc lập.

Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng Quảng Ngãi đã chạy đua với thời gian, nỗ lực phi thường, tự lực vươn lên, chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh.

Ngày 23-3-1945, đồng chí Trần Lương từ Ba Tư về lại Nghĩa Hành, xuống Hành Phước gặp gỡ nhiều đảng viên mới ra tù. Một cuộc họp đã được triệu tập thành lập Ban vận động Cứu quốc lâm thời của huyện Nghĩa Hành gồm các đồng chí Nguyễn Thượng Tứ, Trần Bình, Nguyễn Tấn Thứ, Nguyễn Công Huấn, Nguyễn Thượng Kinh... do đồng chí Nguyễn Tấn Thứ làm Trưởng ban liên lạc với Tỉnh ủy và đại diện Đảng ở Nghĩa Hành. Ban đã chủ trương:

- Đẩy mạnh việc thành lập mặt trận Việt Minh Cứu quốc các xã, phát triển các đoàn thể cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc... Vận động ủng hộ du kích Ba Tư, các xã phải làm kho bí mật, lập Ban vận động của xã.

- Tập trung một số thợ rèn lên chiến khu Núi Lớn

(Hành Tín) vận động sắt thép, lấy đường rây xe lửa rèn vũ khí.

- Thành lập các đội dân quân tự vệ ở các xã, chọn một số cốt cán đưa lên chiến khu tập luyện.

Chạy đua với thời gian, Ủy ban Vận động Cứu quốc lâm thời Nghĩa Hành đảm nhiệm tất cả mọi công tác và phân công một số đồng chí trong Ủy ban tỏa đi các tổng, xã để trực tiếp lãnh đạo và xây dựng phong trào:

- Các đồng chí Nguyễn Thượng Tứ, Võ Hoàng đi tổng Thượng.

- Đồng chí Nguyễn Thượng Kinh (Đảng) đi tổng Cận.

- Đồng chí Nguyễn Công Huấn (Dật Long) đi tổng Trung (Hành Dũng, Hành Minh, Hành Thiện).

Từ sau khởi nghĩa Ba Tơ, phong trào cách mạng của nhân dân Nghĩa Hành đã thực sự tiến lên cao trào mạnh mẽ và đều khắp. Mặt trận Việt Minh từng xã, thôn được thành lập. Các đoàn thể cách mạng như Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc và thân hào được tổ chức đều khắp, có nơi có đoàn thể phát triển đến 40, 50 đoàn viên, hội họp và hoạt động gần như công khai, vì bọn lý hương đã rệu rã, không dám tỏ thái độ chống đối. Nhưng đến cuối tháng 4-1945 bọn tay sai thân Nhật ra mặt chống phá cách mạng. Tên Quản Trân⁽¹⁾ dẫn một trung đội khố xanh đi truy lùng dù kích Ba Tơ. Truy lùng khắp nơi ở Ba Tơ không bắt được ai, chúng kéo đến Hành

(1). Tên Quản Trân còn gây nhiều tội ác ở các nơi khác trong tỉnh. Đến cách mạng tháng Tám, tên Quản Trân đã bị nhân dân xử trị tại Tịnh Hà (Sơn Tịnh).

Tín bất một số người đưa ra tra tấn hết sức dã man, nhưng chúng không moi tìm được dấu vết nào. Đồng chí Huỳnh Châm (Tứ) bị chúng đánh liệt cả hai tay và thành tật suốt đời...

Cũng trong tháng 4-1945, Ủy ban Vận động Cứu quốc tỉnh phái đồng chí Hồng Châu (Nguyễn Hòa) về trực tiếp chỉ đạo phong trào Nghĩa Hành. Đồng chí Đoàn Thị Mỹ phụ trách Phụ nữ Cứu quốc Nghĩa Hành. Đến ngày 18-4-1945 đồng chí Nguyễn Công Phương ra tù về Hành Phước, Nghĩa Hành lại tăng thêm sức mạnh.

Thực hiện chủ trương vận động ủng hộ du kích Ba Tơ của Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Tấn Phước (người Nghĩa Hành tham gia du kích Ba Tơ sớm nhất) đã được ban chỉ huy cử về Nghĩa Hành kêu gọi ủng hộ khẩn thiết về lương thực, vũ khí, thuốc men cho đội phát triển, Ban vận động được thành lập ngay ở huyện và các xã. Lúa gạo, sắt thép, áo quần của nhân dân đóng góp được bí mật cất giấu được các đội vận chuyển (phần lớn là nữ), ngụy trang dưới hình thức đi buôn, đi chợ, đưa đến các trạm đã quy định do các chị Tuyết Lan, Cẩm Tú, Cẩm Vân, Xuân Mai thu nhận. Tất cả đều quy tụ về dọc hai bờ sông Vệ, rồi ban đêm đưa xuống thuyền do các đồng chí Huỳnh Quang Bá (Tùng Giang) Huỳnh Quang Khanh (Thanh Lâm), Lương Trợ, Trần Duy Vĩ sắp xếp và điều khiển. Các thuyền ngược sông Vệ lên tận Bến Buông (Ba Tơ) để các đồng chí Nguyễn Tấn Phước, Phạm Hương tiếp nhận, cất giấu và chuyển dần lên căn cứ Núi Lớn. Hàng trăm tấn lúa gạo, mắm muối, sắt thép, vải vóc của nhân dân Nghĩa Hành và một số huyện

khác, những thợ rèn tự nguyện lên chiến khu rèn vũ khí, các đội viên du kích Ba Tơ được phái về Nghĩa Hành, Mộ Đức huấn luyện du kích đều xuôi ngược sông Vệ bằng thuyền trong suốt 5 tháng trước ngày khởi nghĩa tháng Tám.

Bên cạnh việc vận động toàn dân đóng góp ủng hộ du kích Ba Tơ, Nghĩa Hành còn tranh thủ một số địa chủ tiến bộ làm cầu nối vận động ủng hộ lương thực cho Ba Tơ, nổi bật như Ủy ban vận động của Hành Phước vận động được Xã Thanh, Phan Quỳnh góp mỗi người 500 ang lúa⁽¹⁾, nhóm Hành Dũng (nòng cốt vận động như các đồng chí Phạm Toàn, Phạm Hường, Võ Hoàng) vận động Chánh Tuấn, Chánh Đoàn, Chánh Năm, Giáo Đông... Mỗi người hàng trăm ang lúa, nhóm Hành Thịnh (nòng cốt là Tùng Giang, Huỳnh Kỳ, Huỳnh Bá) vận động ông Đỗ Hịch, Trần Hậu, Trần Đức Khấu, nhóm Hành Minh vận động gia đình ông Phước Long, ông Tờ... Hành Tín vận động ông Nguyễn Tăng Hiến mỗi người đều ủng hộ hàng trăm ang lúa và nhiều tiền bạc.

Đoàn Thanh niên Cứu quốc Nghĩa Hành tích cực vận động thanh niên xung phong vào các đội dân quân, du kích. Thôn xã nào cũng thành lập được 1,2 tiểu đội bí mật tập luyện vào ban đêm và tích cực trang bị vũ khí (chủ yếu là dao bẫy, giáo, mác). Xã Hành Tín còn tổ chức được một trung đội nữ du kích, do đồng chí Cao Thị Minh Khương làm trung đội trưởng dưới sự hướng dẫn của đồng chí Cao Công (Mai Diệu). Nhiều người tình nguyện sung vào đội

(1). Mỗi ang tương đương 5 kg lúa.

du kích Ba Tơ. Một phong trào vận động những người giàu có nuôi quân ăn tập phát triển, điển hình như gia đình đồng chí Tùng Giang (Hành Thịnh), bà Cửu Hội (Hành Phước). Đảng bộ Hành Phước còn phối hợp với tự vệ ga Hòa Vinh thu hàng tấn đất đèn chuyển lên ủng hộ du kích Ba Tơ...

Phong trào cách mạng Nghĩa Hành phát triển mạnh mẽ, toàn diện, hoàn thành tốt các Nghị quyết của Tỉnh ủy. Các xã Hành Phước, Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Dũng đạt nhiều thành tích nhất⁽²⁾. Có thể nói, Nghĩa Hành là hậu phương kịp thời đóng góp sức người sức của quan trọng nhất cho sự lớn mạnh của đội du kích Ba Tơ.

Đến cuối tháng 7 đầu tháng 8-1945, những điều kiện chủ quan và khách quan đã hình thành chỉ chờ thời cơ cách mạng đến là hành động. Sáng ngày 14-8-1945 (7-7 Ất Dậu) một tin mới làm nức lòng người: Hồng quân Liên Xô đánh thắng giặc Nhật, phát-xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Dù chưa nhận được lệnh khởi nghĩa của Trung ương, Tỉnh ủy họp bất thường tại làng Thi Phổ (Mộ Đức) nhận định: Thời cơ khởi nghĩa đã đến, phải cấp tốc huy động quần chúng nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, đánh đổ toàn bộ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân. Hội nghị đã thông qua mệnh lệnh khởi nghĩa ghi rõ trong các chỉ thị số 8,9 gửi đi các địa phương lúc 15 giờ ngày 14-8-45.

Ở Nghĩa Hành, 16 giờ ngày 14-8-1945, đồng chí Nguyễn Tấn Thứ ở tỉnh về hô to: "Khởi nghĩa! Khởi nghĩa! Khởi

(2). Theo tài liệu đồng chí Nguyễn Tấn Phước cung cấp.

nghĩa!". Như một dây thuốc nổ, lập tức đồng bào Hòa Vinh nổi trống mõ, xuống đường mang theo dao rựa, gậy gộc. Các làng xã khác lập tức hưởng ứng. Hành Phước, Hành Tín, Hành Thịnh nổi trống mõ, xuống đường vây bắt Việt gian, thu hồi đồng triện. Tối 14-8 Ủy ban Vận động Cứu quốc của huyện triệu tập họp bất thường, chủ trương phát động toàn dân trong huyện khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Sáng ngày 15 tháng 8, không khí càng thêm náo nức phấn khởi, khắp các làng xã đều rộn ràng trống, mõ. Nhân dân và dân quân Hòa Vinh xông vào đồn Hòa Vinh đòi lính Nhật đầu hàng, nộp vũ khí. Lính Nhật không nghe chia thẳng súng vào tiểu đội du kích của ta. Anh Trần Tiến Thêu, đội viên đội tự vệ xông vào ôm vật làm một tên lính Nhật bị thương nhẹ⁽¹⁾. Hai bên đang xô xát, Ủy ban Vận động Cứu quốc huyện nghe tin lập tức phái người xuống giải thích rằng ta không đánh để gọi Nhật đầu hàng và thu hồi vũ khí, mặt khác cấp báo lên du kích Ba Tư. Một trung đội du kích Ba Tư do đồng chí Đảng dẫn đầu lập tức tiến xuống nhưng bọn Nhật ở Hòa Vinh đã bỏ đồn kéo ra Quảng Ngãi. Trung đội du kích Ba Tư tiếp tục hành quân xuống Mộ Đức gặp trung đội nữ tự vệ xung phong do đồng chí Cao Thị Minh Khương chỉ huy. Cả 2 trung đội hợp quân chặn đánh quân Nhật đang kéo đi trấn áp cuộc nổi dậy của nhân dân Mộ Đức tại Mỏ Cày. Hai lính Nhật bị bắn ngã. Địch hoảng sợ kéo nhau chạy về thị xã. Bên ta, hai đồng chí Lê Ngào (người Khánh Giang- Hành Tín), Võ Cường (người Hành Đức) hy sinh.

(1). Theo tài liệu đồng chí Trần Thị Xuân Lan cung cấp.

Ở Nghĩa Hành, cả ngày 15-8 nhân dân từ các ngã đường kéo về Chợ Chùa đem theo bộn Việt gian (đã phân loại từ dưới lên). Vào lúc 4 giờ chiều, ủy ban tuyên bố cướp chính quyền toàn huyện và xử trị bộn phản quốc. Đến chiều ngày 15-8-1945, nhân dân Nghĩa Hành dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành chính quyền về tay nhân dân trong toàn huyện, chấm dứt vĩnh viễn ách đô hộ phong kiến và thực dân. Quê hương đã hoàn toàn giải phóng⁽¹⁾. Tối 15-8-1945 ủy ban họp để thành lập Ủy ban Cách mạng lâm thời Nghĩa Hành và chỉ định Ủy ban lâm thời các tổng, các xã, quyết định lấy tên chí sĩ yêu nước Lê Đình Cẩn đặt tên cho huyện nhà. Cuộc họp chưa thật nhất trí về chức Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện nên tạm thời để trống. Còn các chức vụ khác được bố trí như sau :

Phó Chủ tịch: đồng chí Trương Đình Khánh (Hành Tín)

Ủy viên Tài chính : đồng chí Huỳnh Thế Dân (Hành Thiện)

Ủy viên Tư pháp : đồng chí Nguyễn Thượng Tứ (Hành Phước)

Ủy viên Quân sự : đồng chí Nguyễn Xuân Dương (Hành Phước)

Ủy viên thông tin tuyên truyền : đồng chí Huỳnh Quang Bá (tức Tùng Giang - Hành Thiện).

(1). Theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929 -1945, Sđd, trang 193, thì chiếm huyện lỵ Nghĩa Hành vào ngày 16-8-1945. Chúng tôi xin ghi lại để xác minh thêm.

Khoảng một tuần sau, tỉnh quyết định cử đồng chí Nguyễn Công Phương làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện. Đến giữa tháng 9-1945 đồng chí Trần Toại, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Lê Trung Đình bị ốm nặng. Đồng chí Nguyễn Công Phương được điều lên thay thế. Tỉnh lại cử đồng chí Nguyễn Đăng Vân làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện.

Giai đoạn cách mạng 1939 - 1945 là một giai đoạn rất phức tạp, tình hình trong nước và thế giới có những chuyển biến to lớn. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Pháp-Nhật tuy mâu thuẫn và chống đối nhau, nhưng chúng đều đã có dã tâm xâm chiếm lâu dài đất nước ta. Đây là thời kỳ mà hai kẻ thù ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân ta. Đồng bào ta một cổ hai tròng, đời sống hết sức khốn khổ. Nhưng đây cũng là thời kỳ mà căm thù của quần chúng đã nâng lên cực điểm, yêu cầu đánh đuổi bè lũ cướp nước, giành độc lập cho đất nước trở thành cấp bách hơn bao giờ hết. Trung ương Đảng đã có chủ trương chuyển hướng rất kịp thời, đưa phong trào cách mạng cả nước tiến lên. Đối với Đảng bộ Nghĩa Hành, có lúc kẻ thù hầu như dè bẹp mọi tổ chức, chặt đứt mọi mối dây liên lạc từ huyện đến cơ sở (1939-1943). Nhưng mầm mống Đảng đã gieo vãi sinh sôi nảy nở. Nhờ đó, cơ sở Đảng được dần dần khôi phục để đến đầu năm 1945, các cơ sở đã đủ vững mạnh thực hiện mọi nhiệm vụ kháng Nhật cứu nước. Là một huyện rất gần gũi về không gian với Ba Tơ - trái tim của cách mạng Quảng Ngãi - cuộc khởi nghĩa của Ba Tơ đã có tác động

manh mẽ vào phong trào cách mạng ở Nghĩa Hành. Ngược lại Nghĩa Hành đã kịp thời chi viện sức người sức của cho khởi nghĩa Ba Tơ. Chấp hành và vận dụng một cách sáng tạo các Nghị quyết, chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, nhân dân Nghĩa Hành dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã nỗ lực phi thường, vượt qua nhiều khó khăn để cùng với nhân dân trong tỉnh bước vào cao trào tổng khởi nghĩa tháng Tám với kết thúc thắng lợi chỉ trong vài ngày.

*

* *

Ngày nay, nhắc lại giai đoạn Cách mạng 1930-1945, nhiều người không hình dung hết nỗi tủ nhục của người dân mất nước, bị thực dân nước ngoài cấu kết với bọn phong kiến phản động trong nước biến thành nô lệ. Bọn thống trị tha hồ vơ vét của cải và đàn áp dã man những cá nhân và tổ chức chính trị chống lại nền thống trị tàn bạo của chúng.

Nói tiếp truyền thống yêu nước của dân tộc, không cam chịu làm nô lệ, hết lớp người này đến lớp người khác ở Nghĩa Hành sẵn sàng đứng lên, lấy máu xương của mình để cứu nước, cứu dân ra khỏi chốn lầm than. Bao lớp người đi trước, mặc dù dưng cảm hy sinh có thừa nhưng thiếu đường lối cách mạng đúng đắn nên cuối cùng phải nuốt hận. Từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trên đất nước Việt Nam và có mặt trên mảnh đất Nghĩa Hành, lịch

sử cách mạng đã sang trang. Sự có mặt của Đảng Cộng sản trên đất Nghĩa Hành, cũng như ở các huyện, tỉnh khác khiến cho kẻ thù run sợ, bên cạnh những hình phạt cũ, chúng tăng thêm các hình thức tra tấn mới, đốt phá, bắn giết với khẩu hiệu "giết lầm còn hơn bỏ sót". Hành động tàn bạo của chúng đã lên đến cực điểm. Chúng đào phá tận gốc từng cơ sở của Đảng, tiêu diệt tận cùng bất cứ ai là đảng viên, hoặc có ít nhiều tư tưởng cộng sản. Các tổ chức của Đảng buộc phải hoàn toàn giữ bí mật, đảng viên phải hành động lén lút, chi bộ họp phải bí mật ở bờ ruộng, góc vườn, xó chợ, liên lạc phải thay đổi hình dạng, chỉ thị, mệnh lệnh cũng chỉ vài lời truyền khẩu. Tỉnh ủy phải họp trên một con thuyền câu lênh đênh trên sông Trà Khúc; họp các Bí thư huyện lúc thì ở lò gạch, lúc ở trại giữ dưa giữa đồng và thường thì trên thuyền câu sông Trà Khúc và sông Vệ. Có lúc chi bộ không còn một Đảng viên, cả huyện bị xóa trắng không còn một cơ sở Đảng nào. Huyện ủy, Tỉnh ủy có lúc bị bắt sạch, không còn đầu mối để liên lạc, vừa bí mật thành lập, lại bị bắt tiếp. Tình hình cách mạng luôn luôn đứng trước hiểm nguy. Từ những năm tháng đầy máu và nước mắt ấy Đảng bộ huyện đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu.

1. Sự ra đời của Đảng bộ là sự nối tiếp tất yếu truyền thống yêu nước chống thực dân-phong kiến của nhân dân Nghĩa Hành. Đó cũng là một tất yếu của tình thế cách mạng ở Nghĩa Hành lúc bấy giờ- tình thế mà yêu cầu độc lập phải đi đôi với người cày có ruộng, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội - mà các phong trào

yêu nước, các tổ chức cách mạng trước đó không thể đảm đương được.

2. Lớp đảng viên đầu tiên, những người mở đường phần lớn từ chủ nghĩa yêu nước đi đến với chủ nghĩa cộng sản, hầu hết là tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, xuất thân từ gia đình giàu có, và các lớp đảng viên kế tiếp phần lớn là nông dân sinh trưởng trên một huyện nông nghiệp (thành phần công nhân hiện đại hầu như không có) hiểu biết lý luận Mác - Lênin chưa nhiều, nhưng lại được rèn luyện trưởng thành trong thử thách khắc nghiệt. 15 năm vượt qua đầy máu và nước mắt, không phải không có một ít rơi rớt như dao động cơ hội, nhưng tuyệt đại bộ phận các đảng viên đã nêu cao được phẩm chất kiên cường, dẫn đầu, nòng cốt trong mọi cuộc đấu tranh, dũng cảm chịu đựng mọi sự tra tấn, sẵn sàng chịu cảnh đầu rơi máu chảy, luôn luôn nêu cao lý tưởng cao đẹp của Đảng và gắn bó chặt chẽ với nhân dân, với đồng chí, đồng bào, với tổ chức. Xuyên qua lưới sắt của tù ngục, các đồng chí còn sống sót tìm cách liên lạc với quê hương, khôi phục lại cơ sở, chỉ đạo các hoạt động và thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng khi có thời cơ. Một Đảng bộ thuần nhất về tư tưởng, kiên cường về hành động đã không chấp nhận những tư tưởng xa lạ như dân chủ tư sản, tờ-rốt-kít v.v... và mãi mãi được quần chúng tin yêu, dám lấy cả sinh mệnh của mình để giữ gìn, bảo vệ. Nhưng trải qua đấu tranh ác liệt cũng bộc lộ một số khuyết nhược điểm như cầu an, ngại ác liệt lúc khó khăn; quá khích, thiên tả lúc thắng lợi, lý luận tư biện sai lầm ở một số đảng viên.

3. Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương và của Tỉnh và biết vận dụng linh hoạt sáng tạo, sát với tình hình thực tiễn của huyện mình, biết phân hóa kẻ thù, biết triệt để lợi dụng những mâu thuẫn trong nội bộ chúng. Biết kết hợp giữa công khai hợp pháp và bí mật bất hợp pháp trong từng công việc và tùy từng lúc, tùy theo tình hình... Phương pháp cách mạng khá phong phú, sáng tạo đó đã giúp Đảng bộ thực hiện nhiều chủ trương đạt hiệu quả cao, đảng viên được rèn luyện nhiều trong thử thách và do đó Đảng bộ cũng ngày càng trưởng thành, mặc dù bị liên tục đánh phá, có lúc tất cả đảng viên đều bị bắt, nhưng tư tưởng của Đảng bao giờ cũng sáng ngời trong lòng nhân dân.

4. Đảng bộ đã xác lập được mối quan hệ mật thiết với quần chúng-từ việc mọi chủ trương, chính sách đều bắt nguồn từ yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng, quan tâm đến lợi ích thiết thân của quần chúng, đến việc mỗi cán bộ, đảng viên nêu cao tinh tiên phong, gương mẫu, nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng khiến cho quần chúng tin yêu, gắn bó máu thịt với Đảng và cùng đi với Đảng làm cách mạng đến cùng. Qua mối liên hệ mật thiết với quần chúng, Đảng bộ giáo dục quần chúng giác ngộ lý tưởng cao đẹp của Đảng trong việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, ngăn chặn tư tưởng nóng vội, nhất là tư tưởng quá khích muốn xóa bỏ ngay những gì là bất công trong xã hội cũ, mà không phân biệt được truyền thống văn hóa, đạo đức của dân tộc

Trong chặng đường 15 năm đấu tranh gian khổ và hết sức anh dũng của Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành từ ngày mới thành lập đến khởi nghĩa tháng 8-1945 thành công có biết bao người con ưu tú của Nghĩa Hành ngã xuống, góp phần vào sự nghiệp vẻ vang chống đế quốc, phong kiến của cả tỉnh, cả nước, mở ra một thời đại mới cho dân tộc, cho quê hương Nghĩa Hành, tạo một bộ phận rất cơ bản, bền vững cho những thắng lợi to lớn hơn nữa về sau.

PHẦN THỨ HAI

ĐẢNG BỘ NGHĨA HÀNH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG CỦA CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CỨU NƯỚC (1945 - 1954)

Chương VI

NGHĨA HÀNH XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG (1945 - 1946)

Cách mạng tháng Tám thắng lợi trong toàn quốc, không khí vui mừng, phấn khởi tràn ngập khắp nông thôn, thành thị. Chưa bao giờ người dân sung sướng, hồ hởi như những ngày này. Bộ máy thống trị của thực dân phong kiến được đập tan, mọi xiềng xích cũ được phá tung. Mọi người ngẩng cao đầu, cùng nhau giải quyết mọi vấn đề của cuộc sống và say sưa trong cảnh đổi đời vừa thực hiện được.

Ngày 30-8-1945, theo chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Nghĩa Hành tổ chức cho nhân dân toàn huyện kéo về sân vận động thị xã Quảng Ngãi để chào mừng cách mạng tháng lợi và chứng kiến lễ ra mắt của Ủy ban Nhân dân Cách mạng Lâm thời tỉnh Lê Trung Đình⁽¹⁾. Hàng chục

(1). Tên tỉnh Quảng Ngãi sau cách mạng tháng Tám. Các huyện, tổng cũng được mang tên những nhà yêu nước, cách mạng tiêu biểu của quê hương mình.

nghìn người dân trong huyện, già, trẻ, gái, trai cơm đùm, cơm gói tập trung theo từng xã, hình thành đội ngũ gươm giáo sáng lòa, cờ băng, khẩu hiệu rực rỡ, trống chiêng vang lừng và theo hai con đường Chợ Chùa - thị xã, Sông Vệ - thị xã kéo về tỉnh, hòa vào cuộc biểu dương lực lượng gồm hàng chục vạn dân Kinh, Thượng của các huyện, với khí thế dũng mãnh, niềm hứng khởi cao độ của những người làm chủ. Ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trình trọng tuyên bố trước toàn thể quốc dân đồng bào sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á

Nhân dân Nghĩa Hành cũng như nhân dân cả nước vui trong niềm vui bất tận của người dân một nước độc lập dân chủ, mặc dù ai cũng biết cuộc sống đang vô cùng khó khăn. Đồng chí Trần Miên (Hồng Quang) thay đồng chí Nguyễn Tấn Thứ về công tác ở tỉnh, làm đại diện Đảng ở Nghĩa Hành với nhiệm vụ: vừa củng cố, phát huy vai trò Mặt trận Việt Minh, vừa xây dựng và tập dượt Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời các cấp trong việc quản lý xã hội, vừa xem xét và khôi phục đảng viên mới ra tù, tích cực kết nạp đảng viên mới và tổ chức lại các cơ sở Đảng. Đến cuối tháng 10-1945, từ các thôn, xã, tổng, huyện Mặt trận Việt Minh đã trở thành một tổ chức chặt chẽ, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhiều mặt công tác do nhu cầu cách mạng mới đặt ra. Mặt trận Việt Minh huyện được bổ sung đồng chí Nguyễn Thượng Tứ làm Chủ nhiệm. Theo chỉ đạo của cấp trên, Mặt trận Việt Minh đã chỉ đạo việc

sáp nhập các thôn, xã cũ thành liên xã mới, to rộng hơn và đảm bảo liên cư liên địa, hỗ trợ nhau xây dựng cuộc sống mới. Sau khi sáp nhập toàn huyện có 12 liên xã. Trên cơ sở đó, Ủy ban Nhân dân Cách mạng Lâm thời các xã cũng lần lượt được xây dựng. Những người nông dân chân lấm tay bùn giờ tự đứng ra quản lý xã hội, gánh vác mọi việc, tuy khó khăn lúng túng nhưng cũng đầy vui tươi hào hứng. Được cấp trên hướng dẫn, công việc dần dần được tổ chức có nề nếp, và kết quả thu được thường vượt quá khả năng tổ chức vì được quần chúng nhân dân thực hiện hoàn toàn tự giác, tự nguyện theo tinh thần "Hy sinh vì Tổ quốc". Các đoàn thể quần chúng đã có cơ sở từ trước chưa đến 1000 hội viên⁽¹⁾, đến lúc này được phát triển mạnh mẽ, rộng khắp. Các Ban chấp hành được bầu lại và bổ sung thêm các đồng chí hăng hái, nhiệt tình nhất. Số hội viên tăng thêm rất nhanh. Có thôn, xóm số hội viên chiếm gần hầu như 100%, số người hiện có. Mỗi người tự tìm thấy niềm tự hào được sống và được tham gia vào sự nghiệp cách mạng lớn lao nhất của đất nước, của dân tộc. Hội Nông dân Cứu quốc, hội Phụ nữ Cứu quốc, tổ chức nào cũng phát triển đến hàng chục ngàn hội viên. Các cụ ông, cụ bà cũng gia nhập hội Thân hào Cứu quốc và sinh hoạt rất nghiêm túc, đều đặn.

Đoàn Thanh niên Cứu quốc bao gồm hầu hết thanh niên trong huyện hoạt động sôi nổi, hào hứng trong mọi lĩnh vực, ghi tên xung phong vào đội du kích Ba Tư, làm nòng

(1). Theo hồi ký của ông Hồ Thiết, cả Quảng Ngãi có 11.000 hội viên trước khi khởi nghĩa, đến khởi nghĩa tháng Tám toàn tỉnh chỉ còn 35 đảng viên, các huyện miền núi, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Nghĩa Hành không còn chi bộ nào chính thức.

cốt trong việc xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ địa phương, tổ chức cắm trại, tập ca hát những bài ca cách mạng. Đặc biệt hầu như xã nào cũng có đội ca, kịch và thường xuyên tổ chức các đêm văn nghệ để tuyên truyền các nhiệm vụ cách mạng như xây dựng cuộc sống mới, phê phán nếp nghĩ lỗi thời, tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan và cổ vũ việc ăn ở gọn gàng, sạch đẹp, đồng thời phục vụ vui chơi, giải trí cho nhân dân trong địa phương mình.

Thực hiện chủ trương "tự giải tán" của Đảng Cộng sản Đông Dương vào ngày 11-11-1945, huyện thành lập Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở huyện và các xã, tiếp tục lãnh đạo toàn diện các mặt công tác thông qua mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp Quốc dân huyện vừa mới ra đời do ông Nguyễn Tăng Hiến, một nhân sĩ yêu nước người Hành Tín, làm Hội trưởng⁽¹⁾. Huyện ủy cũng dồn sức vào việc xây dựng lại các cơ sở Đảng. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, bị kẻ thù đàn áp và khủng bố liên tiếp, gần nhất là lần bị vỡ cơ sở đầu năm 1944, toàn huyện không còn một chi bộ nào hoàn chỉnh, tất cả chỉ còn 3 đảng viên. Các đồng chí đảng viên đã nhanh chóng tuyên truyền giáo dục phát triển đảng viên mới trong số quần chúng tốt của cách mạng; thẩm tra xác minh hơn 50 đảng viên cũ vừa ra tù đã tích cực tham gia phong trào Việt Minh hoạt động trong

(1). Ông Nguyễn Tăng Hiến còn gọi là Viên Sáu, Viên Thuật bí danh là Biện, là người Nhơn Lộc, Hành Tín, con trai một quan lãnh binh của phong kiến Nam triều. Năm 1940 ông giác ngộ cách mạng, tham gia phong trào Việt Minh vào tháng 3/1945 qua trại sản xuất nông nghiệp ở Đá Hông (Bàn Thai - Trường Khánh). Ông giúp nhiều lúa gạo, thuốc men cho đội kích Ba Tơ. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, ông được bố trí làm nhiều việc ở huyện. Đến đầu 1955 ông được bố trí ở lại. Dù bị nguy quyền tập trung cải tạo để đe dọa đàn áp, ông vẫn giữ lòng trung thành tuyệt đối với Đảng cho đến khi qua đời.



**Đồng chí TRẦN MIÊN, Bí thư
Huyện ủy đầu 1946, 1956-1957**



**Đồng chí TRẦN VĂN AN,
Bí thư Huyện ủy 1947**



**Đồng chí HUỖNH BÁ (BC),
Bí thư Huyện ủy cuối 1954**

khởi nghĩa Ba Tơ và hàng hái lãnh đạo nhân dân trong cuộc khởi nghĩa tháng Tám. Theo đúng điều lệ Đảng, nhiều đồng chí đã được kết nạp lại. Nhờ cố gắng liên tục, đến đầu năm 1946, hầu hết các xã đều có Chi bộ riêng, với tổng số 32 đảng viên trong toàn huyện. Hội nghị cán bộ huyện, đồng chí Nguyễn Thượng Tứ vừa mới khôi phục Đảng tịch được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy. Để đào tạo cán bộ có trình độ phục vụ lâu dài cho sự nghiệp cách mạng, nhiều cán bộ, đảng viên trẻ được cử đi học các lớp bồi dưỡng do cấp trên tổ chức⁽¹⁾, đồng thời mở các lớp Chi ủy viên giúp Chi bộ các xã hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo ở xã mình.

Quần chúng nhân dân phấn khởi, hăng hái trong mọi hoạt động cách mạng, các cơ sở Đảng dần dần được khôi phục và phát huy vai trò lãnh đạo của mình. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, toàn dân xây dựng quỹ độc lập để giải quyết tình trạng ngân khố trống rỗng, nhân dân Nghĩa Hành đã đem của cải, vàng bạc kể cả tư trang của mình đóng góp trong Tuần lễ Vàng (22-28/9/1945), được hơn 8 ký vàng và nhiều tiền bạc, châu báu⁽²⁾.

Thực hiện lời kêu gọi chống ba thứ giặc, giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Nghĩa Hành đã đồng loạt tổ chức hũ gạo cứu đói, mỗi bữa nấu cơm bớt một nắm gạo, mỗi tuần nhịn ăn một bữa,

(1). Như đồng chí Trần Văn An được cử đi học, lúc đồng chí đang là Bí thư xã Hành Đức. Sau khi học xong lớp Huyện ủy viên tại Huế đồng chí lại được cử đi học lớp Tỉnh ủy viên tại Hà Nội. Làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi

(2). Theo hồi ký của đồng chí Nguyễn Thượng Tứ. Nghĩa Hành được tỉnh khen là đơn vị hoạt động tích cực nhất, đã đóng góp được 8kg/41 kg trong Tuần lễ vàng của toàn tỉnh

góp được hàng tấn gạo mỗi tháng gửi giúp đồng bào miền Bắc chống đói, đóng góp giúp đồng bào huyện Ba Tư và Lý Sơn cũng đang thiếu ăn trong kỳ giáp hạt. Khắp nơi đẩy mạnh việc tăng gia sản xuất, tập trung vào việc trồng cây lương thực ngắn ngày và trồng thêm rau đậu để phòng, chống đói.

Về chống giặc đốt, Nghĩa Hành có số người mù chữ rất cao, nên đã nhanh chóng mở các lớp bình dân học vụ khắp thôn xóm, bản làng, vận động người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ. Nhân dân vừa hào hứng giành được quyền làm chủ, đang khao khát biết chữ để nâng cao sự hiểu biết, thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình nên sẵn sàng khắc phục khó khăn về giấy bút, đèn dầu, trưa tối, cần cù học tập để chóng được công nhận xóa mù. Ý Đảng, lòng dân như một, tạo nên những hình ảnh thật đẹp, thật cảm động. Thôn xóm nào cũng có lớp học trưa, lớp học tối dưới ánh sáng đèn dầu tù mù với phấn bằng than, hoặc gạch, với giấy súc đen hoặc lá chuối khô. Cảnh mẹ ẵm con vừa cho con bú vừa đánh vần, các cô chú 40 - 50 tuổi miệt mài tô từng chữ một có thể tìm thấy bất cứ nơi đâu trong huyện. Đến cuối năm 1946, có đến 5.000 người thoát nạn mù chữ và hàng trăm người theo học các lớp bổ túc văn hóa. Song song với việc chống giặc đốt là phong trào bãi bỏ các tập tục lạc hậu như lễ bái, ăn uống, đình đám linh đình, xóa bỏ các hình thức mê tín dị đoan, xem bói, lên đồng... và bài trừ dưng như sạch gọn trong toàn huyện nạn cờ bạc, hút xách, đĩ điếm. nếp sống mới trong ăn

uống, sinh hoạt được hình thành khiến các thôn, xã có bộ mặt văn minh hơn hẳn so với trước.

Về chống ngoại xâm, được hưởng tự do, độc lập nhưng Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành không quên nhiệm vụ bảo vệ nền độc lập, tự do vừa mới giành được. Xã nào cũng xây dựng một đại đội dân quân và tự vệ, vừa làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ an ninh trật tự trong xã, vừa tập luyện quân sự. Từ ngày 23-9-1945, giặc Pháp gây hấn ở Nam bộ, giặc Tưởng kéo quân vào miền Bắc với danh nghĩa giải giáp quân Nhật, nhưng thực chất là muốn cướp chính quyền từ tay nhân dân ta. Thực hiện lời kêu gọi của Chính phủ, hàng nghìn thanh niên trong huyện xin gia nhập Vệ quốc đoàn. Một số người tự nguyện xung phong vào đội võ trang tuyên truyền của Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam⁽¹⁾, vào đội cảm tử quân Lương Ngọc Quyến vào chiến đấu ở Nam bộ⁽²⁾. Chấp hành chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, Huyện ủy đã cử hai đồng chí Huỳnh Quang Ngãnh (bí danh Dương Sơn, người Hành Thịnh) và Võ Đình Khánh (người Hành Tín) cùng với 8 đồng chí khác trong tỉnh⁽³⁾ đi Hà Nội học lớp quân chính. Sau 3 tháng học tập, rèn luyện, các đồng chí được lệnh quay về bổ sung cho chiến trường Khu V. Khi giặc đánh nóng ra các tỉnh miền Nam Trung bộ và Tây nguyên, bắn pháo vào thị xã Quảng

(1). Như ông Trần Kim Trán.

(2). Như các ông Trần Văn Năng, Võ Đại Hơn, Trần Kim Bù.

(3). Trong số 10 đồng chí có 5 đồng chí đã qua đời và hy sinh: Lê Trang (Đức Phở), Đỗ Thế (công nhân xe lửa), Huỳnh Quang Ngãnh (Nghĩa Hành), Nguyễn Giới (Mộ Đức), Nguyễn Thuần, 5 đồng chí còn sống hiện nghỉ hưu: Nguyễn Thành (đại tá), Nguyễn Thúc (Tư Nghĩa-Trung tướng), Huỳnh Kim (Sơn Tinh, thủy quân đô đốc), Cao Hùng (thị xã Quảng Ngãi-Đại tá), Võ Đình Khánh (Nghĩa Hành, Vụ trưởng) - Theo tư liệu của đồng chí Võ Đình Khánh.

Ngài, chủ trương sơ tán các cơ quan tỉnh về nông thôn và công tác bố phòng được tăng cường, lực lượng dân quân tự vệ Nghĩa Hành dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy đã được bổ sung tăng lên gấp đôi, các ban chỉ huy hình thành từ xã đến huyện. Ban quân sự huyện do đồng chí Nguyễn Thứ (tức Quân) làm Trưởng ban, đồng chí Lê Văn Bản làm Chính trị viên. Việc tập luyện được tăng cường, các Ban nuôi quân cũng được thành lập, lo quyên góp giúp đỡ việc ăn uống hằng ngày khi tập luyện. Để kịp thời hỗ trợ cho các chiến trường, sau ngày Nam bộ kháng chiến, trung đội Nguyễn Nghiêm thuộc Đại đội Hoàng Hoa Thám của du kích Ba Tư do đồng chí Nguyễn Tấn Phước (người Hành Phước) làm Trung đội trưởng, Nguyễn Duy Phê làm chính trị viên được lệnh về đóng tại Chợ Chùa tổ chức việc tuyển lựa thanh niên các huyện phía nam sông Vệ vào huấn luyện tân binh. Huyện ủy đã tạo điều kiện và hỗ trợ bằng mọi cách để đơn vị huấn luyện được 3 đợt, mỗi đợt một tiểu đoàn, luyện tập trong 4 tháng. Đợt 1 luyện tập xong, phiên chế thành tiểu đoàn chiến đấu do du kích Ba Tư làm chỉ huy, chi viện ngay cho mặt trận Nam bộ đang nóng bỏng. Đợt 2 chia làm ba đơn vị độc lập chi viện cho Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, mỗi tỉnh một đại đội. Đợt 3 cũng chia làm 3, chi viện cho Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa mỗi nơi một đại đội, góp phần ngăn bước tiến của thực dân Pháp đang mở rộng chiếm đóng cả miền Nam Trung bộ. Đến tháng 9-1946 đã có gần 300 thanh niên người Nghĩa Hành (tương đương 3 đại đội) có mặt và chiến đấu trong các chiến trường Nam bộ, Tây nguyên và miền Nam Trung bộ, kịp thời góp phần ngăn chặn âm mưu xâm lược của kẻ

thù và xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ, chuẩn bị phương tiện, chủ động bước vào kháng chiến toàn quốc⁽¹⁾.

Một công việc quan trọng hàng đầu trong giai đoạn này là hình thành một nhà nước kiểu mới. Chủ trương của cấp trên là xóa bỏ sự phân biệt giữa phủ và huyện (đơn vị hành chính dưới tỉnh đều được gọi là huyện) đến đầu năm 1946 xóa bỏ luôn đơn vị tổng - một cấp trung gian không cần thiết. Huyện chỉ đạo trực tiếp xuống xã soát xét và điều chỉnh cho hợp lý việc sát nhập nhiều thôn, xã thành liên xã lại một lần nữa. Nhờ việc chỉ đạo trực tiếp và bàn bạc dân chủ từ trước nên việc nhập xã, đặt tên xã (đều lấy chữ Hành... đặt trước) hoàn thành nhanh gọn, bền vững. Đến năm 1950 theo chủ trương mới, Nghĩa Hành chỉ tiến hành nhập tiếp một số xã (Hành Tân nhập với Hành Trung thành Hành Thịnh, Hành Nhơn và Hành Văn thành Hành Dũng). Chủ trương Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội đầu tiên được ban bố. Người dân Nghĩa Hành hân hoan cao độ vì lần đầu tiên trong lịch sử, chính mình có quyền chọn lựa và bầu cử người đại diện cho mình, quyết định vận mệnh của đất nước và của chính bản thân mình. Các cuộc mít - tinh, dấy cờ, băng, khẩu hiệu tỏ niềm hân hoan diễn ra liên tục khắp nơi trong huyện. Ngày 6-1-1946 thật sự là một ngày hội của toàn dân. Đến quá trưa hôm đó, 100% cử tri trong huyện đã hoàn thành việc bỏ phiếu, cùng với nhân dân cả tỉnh, bầu được 8 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

(1). Theo tư liệu của đồng chí Nguyễn Tấn Phước (đảng viên năm 1936, Huyện ủy viên 1940 -1945, tham gia du kích Ba Tư hoạt động trong quân đội, lập kết ra Bắc chuyển ngành sang làm kinh-tế với chức vụ Vụ trưởng. Hiện đang nghỉ hưu tại Hà Nội.

Tiếp đó, ngày 15-2-1946, gần 30.000 cử tri trong huyện trong số 280.000 cử tri trong tỉnh đi bầu Hội đồng Nhân dân tỉnh và ngày 14-4-1946 cử tri bầu Hội đồng Nhân dân xã. Đến đầu tháng 5-1946, mười Hội đồng Nhân dân xã được chính nhân dân bầu ra, đã tiến hành bầu Ủy ban hành chính chính thức, thay thế Ủy ban Hành chính Lâm thời trước đó⁽¹⁾. Đồng chí Nguyễn Đăng Vân được cấp trên ra quyết định chính thức cử làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Nghĩa Hành.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và của tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện đã lần lượt có chỉ thị bãi bỏ các thứ thuế bất hợp lý, xóa bỏ các món nợ cha truyền, con nối trong chế độ cũ, chỉ đạo trực tiếp việc chia lại công điền một cách công bằng ở các xã, chia cho những người ngụ cư, những người ở các thôn xã trước đây không có công điền, và tiến hành chia hơn 200 mẫu ruộng đất vắng chủ ở Hành Tín, Hành Thiện, ruộng đất tịch thu của bọn Việt gian cho dân nghèo để thực hiện chủ trương người cày có ruộng. Để giúp đỡ cho nông dân có điều kiện tăng gia sản xuất, các tổ vắn, đổi công, ban canh nông, được thành lập ở nhiều thôn, xóm. Sản xuất nông nghiệp nhờ đó được khôi phục, đất ruộng đều được cày cấy, xóa được ruộng hoang. Các ngành nghề thủ công như nấu đường, nuôi tằm, ươm tơ, đan đác cũng được khuyến khích phát triển.

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân

(1). Sau khi khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền cấp xã và huyện được gọi UBNDCM lâm thời, sau một thời gian đổi tên là UBHC lâm thời đều do cấp ủy Đảng địa phương đề nghị và cấp trên chuẩn y.

chủ Cộng hòa non trẻ đã phải đương đầu ngay với thù trong giặc ngoài trong thế nghìn cân treo sợi tóc, chông cá 3 thứ giặc trong cùng một lúc. Nhưng thắng lợi của cuộc cách mạng cũng đã mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên người dân đứng lên làm chủ xã hội, làm chủ đất nước mình. Vừa được 15 tháng được sống trong chế độ mới, các quyền tự do dân chủ đã được đem lại, cuộc đời đã thay đổi, đời sống dần dần ổn định, người cày có ruộng, trình độ văn hóa được nâng lên, các tệ nạn xã hội được xóa bỏ. Cuộc sống mới dần dần hình thành. Người dân Nghĩa Hành càng tin yêu chế độ mới, càng gắn bó với cách mạng, với Đảng và cũng từ đó phát huy được trí tuệ, công sức trong lao động sản xuất, trong chống đói, chống dốt, tự nguyện đóng góp nhiều công sức vào việc xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

Chương VII

TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, XÂY DỰNG HUYỆN THÀNH CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA TOÀN MIỀN (1947 - 1950)

Chúng ta đã nhân nhượng, nhưng càng nhân nhượng bọn xâm lược Pháp càng lấn tới, chúng lần lượt xé bỏ hiệp định sơ bộ 6-3-1946 rồi tạm ước 14-9-1946, đánh chiếm hầu hết các tỉnh miền Nam Trung bộ, Tây nguyên và tăng cường đánh phá với âm mưu xâm chiếm các tỉnh khu V còn lại. Ngày 11-11-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng về Quảng Ngãi, đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ tổ

chức chỉ đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam Trung bộ. Ngày 21-11-1946, tàu thủy Pháp bắn pháo vào thị xã Quảng Ngãi. Không khí chiến tranh đã hiện rõ ở khắp nơi. Ngày 19-12-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến : ...*“Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp và cứu Tổ quốc...”* Nghe theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Nghĩa Hành sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và gian khổ.

Thực hiện chỉ thị của cấp trên, Huyện ủy lãnh đạo thực hiện ngay các chủ trương tiêu thổ kháng chiến, đào phá 3 con đường 5B (đoạn Trường Khánh đi Ba Tư) đường thị xã Quảng Ngãi-Chợ Chùa, Chờ Chùa-Cây Bứa, để cản bước tiến của giặc; huy động người theo kế hoạch, cùng nhân dân các huyện phá bỏ các đồn lũy cũ, thu dọn một số công trình có thể địch lợi dụng trú quân, đồng thời chỉ đạo các xã huy động nhân dân xây dựng xã mình thành làng chiến đấu; cắm chông nhọn trên các gò không, đồng trống chống địch nhảy dù; đào hầm liên lạc qua các thôn chạy suốt cả xã để tiện bề di chuyển trong chiến đấu. Riêng lực lượng dân quân tự vệ đặc trách vào việc đào hầm ẩn nấp trong núi, để phòng sơ tán nhân dân và xây dựng các công sự chiến đấu.

Ban quân sự huyện theo chỉ thị của cấp trên được đổi tên là Ban chỉ huy huyện đội, dựa vào cơ sở đã có củng cố và bổ sung thêm, gồm các đồng chí Tô Nhơn làm Huyện đội trưởng, các đồng chí Lê Kim Thanh, Lê Quang Lai làm

huyện đội phó. đồng chí Lê Văn Bân (Như - Hòa) làm Chính trị viên; gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang bổ sung cho lực lượng thường trực của huyện thành một đại đội được trang bị nhiều vũ khí do đồng chí Lê Bích Thủy làm Đại đội trưởng, đồng chí Trần Thông làm Đại đội phó, đồng chí Tô Nghĩa làm Chính trị viên. Lực lượng bán vũ trang ở các xã được tổ chức lại theo hướng vũ trang toàn dân. Những thanh niên trẻ khỏe, hăng hái chiến đấu được tuyển chọn xây dựng ở mỗi xã một đại đội tự vệ chiến đấu, được trang bị một ít súng và lựu đạn, được huấn luyện về kỹ thuật, kỹ năng chiến đấu. Số còn lại được phiên chế thành lực lượng dân quân, được tập luyện một số động tác, kỹ năng cần thiết và chuyên lo về vấn đề an ninh trật tự thôn xóm, bảo vệ nhân dân, sẵn sàng đưa dân di sơ tán nếu địch đánh tới. Mọi công việc được tiến hành khẩn trương. Với nỗ lực vượt bậc của nhân dân toàn huyện, đến tháng 2-1947, bước vào đại hội Đảng bộ huyện, các mặt công tác đã hoàn thành về cơ bản. Đại hội huyện Đảng bộ đã tổng kết và kiểm điểm những việc đã làm được và quyết định từng việc cụ thể theo tinh thần động viên toàn Đảng toàn dân tham gia toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, đẩy mạnh sản xuất tự cấp tự túc để đảm bảo cho cuộc kháng chiến lâu dài. Đại hội Đảng đã chỉ ra nhiệm vụ phải phát triển và xây dựng Đảng đủ sức lãnh đạo cuộc kháng chiến. Đại hội đã bầu Huyện ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Trần Văn An được cử làm Bí thư⁽¹⁾.

(1) Toàn huyện vào tháng 2-1947 có 67 đảng viên và xã nào cũng có chi bộ riêng. Đồng chí Nguyễn Thượng Tú được Liên khu ủy rút lên làm Bí thư huyện Kom Plông (Kon Tum). Đồng chí Trần Văn An một thanh niên trí thức, quê Hành Đức được bầu làm Bí thư Nghĩa Hành. Được 6 tháng điều về tỉnh và được bầu Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tập kết ra Bắc làm Tổng cục trưởng Tổng cục Khi tượng Thủy văn Việt Nam. hiện nghỉ hưu tại Hà Nội.

Thực hiện sắc lệnh số 5/SL về tản cư của Chính phủ ngày 31-12-1946, 3000 đồng bào Quảng Nam - Đà Nẵng lần lượt tản cư vào Quảng Ngãi được tỉnh phân về sinh sống ở Nghĩa Hành. Huyện phân về các xã. Nhờ sự tận tình giúp đỡ, tiếp đón của chính quyền các xã, sự giúp đỡ của Mặt trận, các đoàn thể và sự yêu thương, đùm bọc, nhường cơm xé áo của nhân dân địa phương, đồng bào tản cư ổn định chỗ ăn, chỗ ở, ổn định sản xuất và đời sống, và cùng góp công sức vào cuộc kháng chiến cho đến năm 1954, khi cuộc kháng chiến chống Pháp hoàn toàn thắng lợi.

Sau chủ trương sơ tán và tiêu thổ kháng chiến, các cơ quan của tỉnh về đóng ở Chợ Chùa. Tiếp theo, nhiều cơ quan của khu, cơ quan đại diện cho Trung ương và Chính phủ, Ủy ban Kháng chiến miền Nam Trung bộ về đóng ở Hành Thịnh, Hành Dũng và Hành Minh (nay là thị trấn Chợ Chùa). Các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Chính phủ như cụ Huỳnh Thúc Kháng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Huỳnh Ngọc Huệ đều đã tạm trú tại Nghĩa Hành. Cụ Huỳnh Thúc Kháng đã công tác và qua đời tại đây. Lần lượt trong các năm 1947, 1948, 1949, Bộ tư lệnh Khu V, xưởng giấy khu V, rồi trại giam khu V, cơ sở sản xuất vacxin khu V, nhóm Bạn đọc của Liên đoàn Văn hóa kháng chiến miền Nam Trung bộ, do đồng chí Phạm Văn Đồng thành lập (ở Hành Phước) đóng rải rác ở Nghĩa Hành.

Tháng 7-1947, xưởng quân giới Lý Văn Bé, dưới cái tên X.270 về đóng phân tán từ Nhơn Lộc (Hành Tín) đến Hòa



**Một trong bốn địa điểm đóng xường Lý Văn Bé trong
kháng chiến chống Pháp tại xã Hành Thiện**



**Một địa điểm đóng trường Lê Khiết trong kháng chiến
chống Pháp (An Ba, Hành Thiện)**

Huân (Hành Thịnh), mỗi nơi sản xuất một bộ phận. Xưởng quân giới Khu V được tách ra đóng từ Tân Phú (Hành Tín) đến Phú Lâm (Hành Thiện). Dòng sông Vệ từ đó thuyền bè tấp nập lên xuống vào ban đêm, chuyên chở sắt thép và vũ khí. Các loại lựu đạn, mìn gói, súng Pháp cải tiến được sản xuất tại đây. Đặc biệt loại vũ khí mới Bazoka được thử nghiệm thành công ở Nhơn Lộc và đưa ra các chiến trường Khu V. Năm 1948, trại tù binh Âu-Phi được thành lập và đóng ở Phú Châu (Hành Đức). Năm 1947, trường Trung học Bình dân Nam Trung bộ do đồng chí Phạm Văn Đồng sáng lập và làm hiệu trưởng danh dự, ông Nguyễn Gia Tiên, một trí thức của huyện được chọn làm Hiệu trưởng, khai giảng năm học đầu tiên của hơn 300 học viên đều là cán bộ từ huyện trở lên ở tất cả các tỉnh miền Nam Trung bộ. Trường đã lần lượt chuyển đến 3 nơi (vì bị bom) Hành Phước, Hành Minh, Hành Dũng, đều trên đất Nghĩa Hành. Tiếp đó, năm 1949, trường trung học Lê Khiết, bị địch ném bom ở Sông Vệ, sơ tán về Hành Thịnh, đào tạo nhiều nhân tài cho cả miền, cả nước, mãi đến khi trường giải thể theo hiệp định Giơnevơ (4-1955). Cơ quan, cơ xưởng, trường học, các đơn vị quân đội chính quy⁽¹⁾, về ngày một nhiều. Các cuộc họp toàn tỉnh, toàn miền cũng thường được tổ chức ở đây.

Năm 1950, cuộc tọa đàm về phục hồi vốn cổ dân tộc giữa các nghệ sĩ các tỉnh Khu V được tổ chức tại Hành Đức gồm rất đông người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật như tuồng, cải lương, bài chòi v.v... Đồng chí Lê Duẩn

(1). Bộ đội chính quy thường đóng ở Hành Phước, Hành Đức để luyện quân, nghỉ ngơi sau một chiến dịch.

trên đường từ Nam bộ ra Bắc đã đến dự và phát biểu. Bệnh viện quân y Liên khu V về đóng trên hầu hết các thôn thuộc Hành Nhơn cũ (Hành Dũng). Nghĩa Hành trở thành an toàn khu. Có lúc Chợ Chùa như một thủ phủ của tỉnh của cả miền. Được các ngành, các cấp tin cậy là một vinh dự lớn đồng thời là một nhiệm vụ quan trọng được Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo hàng ngày để chính quyền, Mặt trận và đoàn thể quần chúng trong huyện làm tốt việc phân phối chỗ ở kín đáo, hợp lý (đều ở trong nhà dân), cung cấp lương thực, thực phẩm, canh gác bảo vệ, tăng cường phòng gian báo mật, thường xuyên rà sát đảm bảo trong sạch địa bàn, và liên tục giáo dục nhân dân giữ gìn bí mật theo nội dung 3 không (không biết, không thấy, không nghe). Nhân dân Nghĩa Hành yêu thương đùm bọc, chia bùi, xẻ ngọt, cùng chịu bom đạn, chịu cảnh người chết, nhà cháy với cán bộ, bộ đội suốt mấy năm liền. Từ cuối 1948 trở đi, địch bắt đầu thả bom, bắn rốc két Hòa Vinh (Hành Phước), An Ba, dọc dải đất nam sông Vệ (Hành Thịnh), Hành Dũng và Hành Đức, nhưng nhờ bảo mật, nhân dân hết lòng che chở và giúp đỡ nên các cơ quan không có thiệt hại lớn. Từ đầu năm 1949, Tỉnh ủy ra quyết định xây dựng Nghĩa Hành thành căn cứ địa vững chắc chuẩn bị cho Tổng phản công. Nghĩa Hành càng trở thành khu vực quan trọng cho cả miền, nơi xuất phát để ra chiến trường Quảng Nam, và bằng con đường 5B đi Kom Plông lên chiến trường Tây nguyên sang An Khê, vào chiến trường các tỉnh miền Nam Trung bộ, mãi cho đến chiến thắng bắc Tây nguyên và cuộc kháng chiến chống Pháp hoàn toàn thắng lợi.

Thực hiện nhiệm vụ nâng cao đời sống của nhân dân, trước mắt là nông dân, chính quyền các cấp đã rút kinh nghiệm lần trước, tiếp tục chia hơn 300 mẫu ruộng của địa chủ Nguyễn Thân và Nguyễn Thượng Hiền nằm ở Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh và Hành Dũng cho người thiếu ruộng, kể cả đồng bào tản cư đến. Tiếp tục phân chia công điền theo công thức tiến bộ hơn, đảm bảo cho "người cày có ruộng" ở những địa phương còn lại và bắt đầu cuộc vận động giảm tô tức cho người lãnh canh, Hội Nông dân cứu quốc đứng ra vận động tăng tiền công, lúa công cho những bản có nông cày thuê, cấy mướn. Từ năm 1948 trở đi, hưởng ứng lời kêu gọi thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy phát động phong trào thi đua sản xuất lương thực, rau màu trong toàn huyện theo hướng tự cung, tự cấp, lấy Hội Nông dân Cứu quốc làm nòng cốt. Phong trào đào ao vét mương đưa nước về ruộng diễn ra sôi nổi. Nông dân Hành Phước thử dựng bờ xe 4 bánh, được một thời gian bị địch bắn phá, quay sang làm guồng nước nhiều bậc. Đồng bào tản cư người Quảng Nam phổ biến cách làm guồng nước, quay bằng sức trâu, khắp nơi làm theo. Các cánh đồng cao dọc hai bờ sông Vệ, sông Giăng được guồng nước làm xanh tốt quanh năm, bất chấp bom đạn, nắng hạn, lúa bắp vẫn đảm bảo thu hoạch hai vụ. Các đồng cao, gò đồi đều được trồng củ lang, củ khoai, không còn chỗ hoang hóa. Phong trào xen canh gối vụ, thi đua sử dụng phân xanh, phân chuồng được thực hiện khắp nơi, rút bớt diện tích trồng mía (vì bị bao vây kinh tế không tiêu thụ được), tăng cường trồng bông, trồng dâu, nuôi tằm để giải quyết cái mặc. Một nghề

mới phát triển, nghề ương tơ, dệt lụa cũng do đồng bào Quảng Nam hướng dẫn. Chưa bao giờ trên bãi phù sa dọc các sông Vệ, sông Giăng, sông Thoa dâu xanh trải dài ngút ngàn đến thế. Các trại nuôi tằm, trại ương tơ, dệt lụa nối liền nhau và người hái dâu nuôi tằm tập nập suốt ngày đêm trong những năm chống Pháp cứu nước.

Ngành chăn nuôi cũng phát triển khá mạnh. Huyện nêu ra chỉ tiêu phần đầu đạt được 1ha/ một đôi trâu hoặc bò. Để đảm bảo phân bón, mỗi nhà nuôi 1 con lợn, 5 con gà, vịt, khuyến khích nuôi thỏ, nuôi vịt đàn để lấy trứng. Hội Phụ nữ Cứu quốc vận động và chủ trì phần nuôi gia cầm. Hội còn chủ trương vận động phụ nữ tự gánh vác việc gia đình thay cho chồng con ra chiến trường, và mỗi người nuôi thêm 1 “con gà kháng chiến”. Không khí thi đua tăng gia sản xuất diễn ra sôi nổi, đều khắp, liên tục và đưa lại kết quả quá mong ước, không những tự túc được cái ăn, cái mặc, mà còn cung cấp cho đồng bào tản cư, cán bộ các cơ quan, công nhân các cơ xưởng, quân đội địa phương và chính quy đóng trên địa bàn và đóng góp xuất sắc phần đảm phụ kháng chiến theo quy định của nhà nước. Ngoài ra, mỗi gia đình còn nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương lập hũ gạo tiết kiệm nuôi quân. Mỗi bữa ăn tiết kiệm một nắm bỏ vào hũ gạo tiết kiệm cuối tháng nộp cho ban vận động dùng vào việc nuôi dân quân tự vệ mỗi khi tập luyện, canh gác. tuy khoai củ còn chiếm 30-40% trong khẩu phần lương thực hằng ngày, nhưng cảnh “cơm ghế củ” không còn phổ biến như trước và đặc biệt không còn người đói. Đời sống được cải thiện rõ rệt, nhân dân thêm tin tưởng, hăng hái

thi đua trên các mặt khác. Đại hội thi đua sản xuất được tổ chức ở từng thôn, xã để phổ biến đúc rút kinh nghiệm và bầu người sản xuất giỏi. Thôn, xã nào cũng có chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến của mình. Đại hội thi đua sản xuất huyện trở thành cuộc liên hoan hào hứng của những người tiêu biểu nhất trong sản xuất nông nghiệp và cuộc trưng bày những nông phẩm đặc sắc như khoai mì nhiều củ, gà đẻ nhiều trứng v.v... Đại hội đã bầu ra 7 chiến sĩ thi của huyện mình đi dự đại hội tỉnh. Ông Phan Đương người Hành Thuận với thành tích xuất sắc về trồng trọt, chăn nuôi đạt năng suất cao và những kinh nghiệm đặc sắc của mình, được bầu là chiến sĩ thi đua của tỉnh rồi của Liên khu V, trong các đại hội tỉnh và Liên khu tiếp sau.

Phong trào thi đua đầu quân do Đoàn Thanh niên Cứu quốc làm nòng cốt lúc nào cũng vượt kế hoạch với hàng trăm người tham gia bộ đội chính quy, khiến vấn đề phải giải quyết lại là vận động người ở lại để có người sản xuất, nuôi cha mẹ già yếu, gánh vác công việc của địa phương. Theo sự chỉ đạo của Ban quân sự tỉnh, Ban quân sự huyện đã điều động mỗi xã một trung đội tự vệ lần lượt thay nhau đến chốt ở Mặt trận Quảng Nam trong 3 tháng để vừa hỗ trợ cho quân đội chính quy, vừa rèn luyện trong thực tế chiến đấu. Các xã hoàn thành xuất sắc nhiều chiến sĩ tự vệ đã chiến đấu anh dũng và nhiều đồng chí đã hy sinh trong nhiệm vụ này (như đồng chí Bùi Đường ở Hành Thịnh). Huyện ủy cũng vượt khó khăn, chấp hành tốt chỉ thị của Khu và Tỉnh ủy, điều động hàng chục Huyện ủy viên, hàng trăm Chi ủy viên, kể cả Bí thư Huyện ủy và

cán bộ quân sự huyện, xã bổ sung cho các huyện ở Kon Tum, Gia Lai, các mặt trận nóng bỏng ở Tây nguyên, Khánh Hòa và Ninh Thuận. Đồng chí Trần Cao Nhị (Hành Đức) ra đi từ đó và đã hy sinh anh dũng ở Đà Lạt.

Về giáo dục, giải quyết được tình trạng thiếu lớp thiếu thầy của 2 năm trước, từ năm 1947-1948 về sau, các xã trong huyện đều có trường tiểu học hoàn chỉnh gồm 4 lớp, lớp 1,2,3,4, nhiều thôn xóm có thêm lớp 1, lớp 2 cho con em mình theo học - một cố gắng vượt bậc trong hoàn cảnh khó khăn thời ấy và là bước tiến chưa bao giờ có trong thời Pháp thuộc⁽¹⁾. Phong trào bình dân học vụ phát triển đều đặn, nhiều thôn được công nhận xóa mù, nhiều xã bắt đầu mở lớp bổ túc văn hóa, vận động các thầy cô giáo phổ thông giảng dạy vào ban đêm.

Ban Y tế huyện, rồi Ban Y tế các xã được thành lập tuy chưa có thuốc men nhiều, mới ở mức độ có đủ băng, bông, sơ cứu, nhưng đã đóng góp tích cực vào việc vận động trồng cây thuốc nam, phổ biến các bài thuốc nam, đặc biệt là vận động việc ăn ở vệ sinh “uống nước đun sôi, ăn dưa hai đầu” với phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”. Phong trào làm nhà tắm, hố xí, cầu tiêu, thi đua thực hiện “tam tinh, tứ diệt” (tức ăn sạch, ở sạch, uống sạch; diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chuột, diệt chấy, rận) sôi nổi khắp nơi.

Huyện đã tuyển chọn và tập trung được một đội văn nghệ, thường xuyên tập luyện, sắp xếp tiết mục đi lưu diễn

(1). Thời Pháp thuộc 4.5 xã mới có 1.2 lớp sơ học yếu lược, toàn huyện mới có 1 trường tiểu học ở Chợ Chùa. nhưng chưa có lớp cuối nên chưa thi được bằng Primaire.

trong toàn huyện, hỗ trợ thêm cho các đội văn nghệ xã, để tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng và Chính phủ, phê phán các hủ tục, lên án tệ mê tín dị đoan, khuyến khích ăn ở theo đời sống mới và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần của nhân dân trong huyện.

Các xã hình thành các đội bóng, xây dựng sân bãi và tổ chức đấu giao hữu giữa các chi đoàn do Đoàn Thanh niên Cứu quốc của xã tổ chức.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam huyện ra đời⁽²⁾, cùng Mặt trận Việt Minh vận động mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt đi sâu vào động viên các nhân sĩ trí thức, tín đồ các tôn giáo, các nhà giàu có, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, chung sức chung lòng đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến. Hội Thân hào Cứu quốc cũng ra đời và phát triển nhanh chóng, thu hút hầu hết những người từ 55 tuổi trở lên. Các cụ cũng sinh hoạt đều đặn hàng tháng trao đổi, kiểm điểm việc thực hiện các chủ trương chính sách, phân công nhau đến các gia đình vận động lương thực, thực phẩm để nuôi du kích tập luyện, làm nòng cốt cho gia đình trong việc vận động con em đầu quân, đào hầm trôn, hầm liên lạc và chống mọi tệ nạn xã hội; mê tín dị đoan. Các đoàn thể cách mạng khác cũng được củng cố tận thôn xóm và đi sâu vào những công tác cụ thể. Hội Nông dân Cứu quốc với phong trào thi đua lao động sản xuất, tuyên truyền kỹ thuật canh tác, vận động dùng phân xanh để tăng năng suất lúa, bình chọn các lao động giỏi,

(2). Do ông Nguyễn Tăng Hiến làm Chủ tịch.

chiến sĩ thi đua. Hội Phụ nữ Cứu quốc với phong trào góp gạo nuôi quân, nuôi gà kháng chiến làm nòng cốt trong phong trào “mùa đông binh sĩ” và vận động các bà mẹ vào hội Mẹ Binh sĩ. Xã nào cũng có 100% các bà mẹ tham gia vào Hội. Hành Phước, Hành Minh nhận đỡ đầu các chiến sĩ trong đại đội thường trực của huyện. Hành Thiện, Hành Đức, Hành Thuận xuất sắc trong may áo mùa đông cho binh sĩ và hội nào cũng tự nguyện cùng với ban vận động nuôi quân lo việc quyên góp bầu bí, rau quả, củ người nấu nướng, theo dõi động viên và ủy lạo các đội tự vệ dân quân của xã mình mỗi khi tập luyện. Các xã đều xây dựng đội Bạch đầu quân, sắm gậy, dây, giáo mác, sẵn sàng sơ tán và bảo vệ các cụ già, em bé nếu có giặc đánh đến. Đoàn Thanh niên Cứu quốc đi đầu trong các việc nặng nhọc như đào ao, vét mương, đào hầm hào chiến đấu, nòng cốt trong xây dựng lực lượng vũ trang, rèn sắm khí giới, trong các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, đặc biệt chăm lo sự phát triển và sinh hoạt của đội Thiếu niên Tiền phong. Đoàn các xã Hành Minh, Hành Đức, Hành Thịnh, Hành Thiện đạt xuất sắc trong nhiều mặt...

Công tác phát triển đảng viên được chọn lọc kỹ càng, thực hiện nghiêm túc các thủ tục. Đến cuối năm 1947, chi bộ xã nào cũng có từ 12 đến 18 đảng viên. Các chi bộ cơ quan huyện cũng được thành lập. các chi bộ đều sinh hoạt chặt chẽ, luôn luôn có phần phê và tự phê trong mỗi cuộc họp, mỗi đảng viên đều được phân công phụ trách từng công việc cụ thể. Qua các cuộc bầu cử, các Chi ủy lần lượt được củng cố gồm các đồng chí giác ngộ tốt, gương mẫu

tích cực trong công tác và sinh hoạt, bớt dần chế độ kiêm nhiệm (vì thiếu đảng viên trước kia), để các đồng chí Bí thư, phó Bí thư có điều kiện chuyên trách công tác Đảng.

Các đảng viên mới được kết nạp đều được Huyện ủy tổ chức học tập trong một tuần về lý tưởng Đảng, nguyên tắc tổ chức và điều lệ Đảng, tình hình nhiệm vụ cách mạng và nhiệm vụ người đảng viên. Sau học tập đều có liên hệ kiểm điểm. Huyện ủy cũng đã tổ chức một số lớp cho các Chi ủy viên và các đảng viên (đã học xong phần cơ bản) học thêm lý luận về chủ nghĩa đế quốc, bản chất đế quốc Pháp, về chủ nghĩa xã hội và vai trò của Liên Xô, tình hình thế giới sau Đại chiến II, chức năng và nhiệm vụ của chi bộ, Chi ủy ...

Qua học tập và liên hệ kiểm điểm bản thân, ý thức chính trị, trình độ lý luận của người đảng viên được nâng cao. Phẩm chất đạo đức và tác phong công tác của cán bộ, đảng viên được rèn luyện thêm. Nhờ đó, các cơ sở Đảng đều vững mạnh, vai trò lãnh đạo được phát huy rõ rệt, nhiệm vụ của từng đảng viên đều được hoàn thành, càng khiến nhân dân quý trọng và tăng thêm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Quần chúng tốt tha thiết xin vào Đảng. Đến cuối năm 1949, chi bộ nào cũng có đến 25-30 đảng viên. Thậm chí có một vài chi bộ do nhận thức chưa đúng tính quần chúng của Đảng, phát triển hơi nhanh, kết nạp thiếu chọn lọc kỹ, đã có số lượng đảng viên đến 35-50 người như Hành Dũng, Hành Thịnh.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy và thực hiện đúng điều lệ của Đảng, năm nào cũng có hội nghị bầu lại Huyện ủy

mới nên Huyện ủy luôn luôn được tăng cường gồm các đồng chí có trình độ giác ngộ cao, đạo đức gương mẫu và nhiều năng lực. Nhờ đó, sự lãnh đạo của Huyện ủy tỏ ra nhanh nhạy, toàn diện và đạt hiệu quả cao. Do nhu cầu công tác, cấp trên điều động các Bí thư, Huyện ủy viên thường được thay thế. Đồng chí Trần Văn An làm Bí thư được 6 tháng, Tỉnh ủy điều động về công tác ở tỉnh, đồng chí Nguyễn Công Huân phó Bí thư lên thay. Sau một thời gian đồng chí Nguyễn Công Huân được cử đi học trung học bình dân, đồng chí Nguyễn Kim về thay. Cuối năm 1948, đại hội huyện Đảng bộ cử 9 đồng chí Huyện ủy viên, đồng chí Nguyễn Kim trúng cử chính thức làm Bí thư. Hai tháng sau, đồng chí Nguyễn Kim và đồng chí Nguyễn Cúc (Thường vụ Huyện ủy phụ trách dân vận) được triệu tập đi học lớp chính trị Phạm Văn Đồng ở Hoài Nhơn (Bình Định). Học được một tháng, đồng chí Nguyễn Kim bị bệnh nặng phải quay về, điều trị thuốc thang không khỏi, đồng chí đã qua đời.

Đồng chí Nguyễn Thượng Kinh, Phó Bí thư tạm quyền Bí thư chờ đại hội⁽¹⁾. Tuy có sự điều động và thay thế liên tục trong 3 năm (1947-1949), nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, nhờ cách làm việc tập thể, nên Huyện ủy đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ lãnh đạo của mình.

Tóm lại, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước đã đứng lên kháng chiến. Quân và dân khắp nơi liên tiếp tấn công địch, buộc chúng phải căng ra đối phó, âm mưu hành quân mở rộng chiếm đóng của chúng

(1). Theo tư liệu đồng chí Nguyễn Cúc (Huyện ủy viên đương thời).

thất bại. Tỉnh Quảng Ngãi cũng như nhiều tỉnh khác trong cả nước đã sẵn sàng bố trí trận địa để nghênh địch, nhưng rồi chúng không đến được, chỉ uy hiếp được bằng không quân và thủy quân. Nhân dân vẫn làm chủ mặt đất và tiến hành xây dựng Quảng Ngãi thành hậu phương chi viện cho cả ba chiến trường miền Nam Trung bộ, Tây nguyên và Quảng Nam. Nhân dân Nghĩa Hành dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện đã góp phần xuất sắc vào nhiệm vụ trên. Với đất đai phì nhiêu và tinh thần cần cù sáng tạo trong lao động của mình, Nghĩa Hành luôn luôn được cấp trên khen ngợi về đóng góp các khoản đảm phụ kháng chiến, cung ứng nhiều lương thực thực phẩm cho nhu cầu trong huyện (cho cả các cơ quan, xí nghiệp trong tỉnh, của khu); cho nhu cầu điều hòa của tỉnh để phục vụ các mặt trận và một số huyện còn nhiều khó khăn khác, quyên góp để giúp đỡ cho đồng bào dân tộc hai huyện Minh Long và Ba Tư trong kỳ giáp hạt. Vải xita, thao, dùi(2), lụa dệt ở Nghĩa Hành tỏa đi nhiều nơi, giải quyết được một phần cái mặc cho nhân dân, góp phần làm thất bại chủ trương bao vây kinh tế của địch. Theo điều động của cấp trên, Nghĩa Hành đã bổ sung được nhiều cán bộ cho các tỉnh Tây nguyên, Ninh Thuận, Bình Thuận và lúc nào cũng có mặt một trung đội tự vệ chiến đấu của xã này hoặc xã khác đứng ở vị trí tiền tiêu của mặt trận Quảng Nam. Do vị trí có tính chất chiến lược của mình, cũng như nhiều lần trước trong lịch sử, Nghĩa Hành lại trở thành căn cứ an toàn cho cả tỉnh, cả miền. Tuy nhiệm vụ có phức tạp

(2). Thao, dùi: sản phẩm dệt thô từ lớp ngoài của kén tằm.

nặng nề thêm, nhưng Đảng bộ Nghĩa Hành đã phấn đấu bảo vệ tốt cho các lãnh tụ, cho các cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến.

Qua đó, Nghĩa Hành cũng được hưởng sự lãnh đạo trực tiếp của cấp trên trong nhiều mặt công tác, Đảng bộ chóng trưởng thành, nhân dân, cán bộ có điều kiện học hành, nâng cao trình độ văn hóa một cách nhanh chóng (nhờ trường Trung học Bình dân miền Nam Trung bộ và trường trung học Lê Khiết về đóng tại huyện, cán bộ và con em nhân dân các xã thuận tiện đi lại học hành nên về sau nhiều cán bộ trưởng thành và nhiều người là kỹ sư, bác sĩ...)

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên mọi lực lượng trong huyện vượt mọi khó khăn, hoàn thành khá xuất sắc các mặt công tác từ chuẩn bị và phục vụ chiến đấu đến tăng gia sản xuất, phát triển giáo dục y tế... Đảng bộ huyện cũng nhanh chóng trưởng thành hệ thống chính trị vững mạnh, hoạt động tốt và có hiệu quả rõ rệt, nhân dân phấn khởi tin tưởng. Ý Đảng, lòng dân là một. Tuy phải đảm đương nhiều việc và nhiều việc quá sức mình, nhưng có thể nói đây là thời kỳ ổn định, thuận lợi, phát triển vững chắc, công tác nào cũng đạt hiệu quả cao. Huyện dần dần trở thành một trong những căn cứ kháng chiến của cả miền, làm cơ sở cho giai đoạn tổng phản công, góp phần cùng cả nước, cả tỉnh đánh thắng hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược.

Chương VIII

ĐỘNG VIÊN NHÂN TÀI VẬT LỰC, PHÁT HUY VAI TRÒ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN; GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1950-1954)

Cách mạng tháng Tám thành công đã được hơn 4 năm. Bốn năm Đảng lãnh đạo nhân dân vượt qua biết bao thử thách để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc mà Trung ương Đảng và Bác Hồ đề ra. Tin chiến thắng từ Nam bộ và Bắc bộ, chiến thắng Sông Lô, chiến thắng biên giới Thu Đông năm 1949 dồn dập đưa về, khiến nhân dân Quảng Ngãi cũng như Nghĩa Hành càng tin tưởng phấn khởi. Đảng bộ càng trưởng thành và càng được củng cố, quyết tâm bước vào giai đoạn chiến đấu mới.

I. CHỐNG DỊCH PHÁ HOẠI, XÂY DỰNG CĂN CỨ PHẤN ĐẤU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA TÌNH HÌNH MỚI (1950-1952)

Tháng 2-1950, hội nghị Liên khu ủy V bàn nhiệm vụ chuyển sang Tổng phản công. Tháng 3-1950, đại hội Đảng bộ tỉnh cụ thể hoá nhiệm vụ trên theo hướng tổng động viên sức người, sức của phục vụ tiền tuyến, đồng thời quyết định phương hướng giải quyết vụ bạo loạn Sơn Hà, tích cực ngăn chặn âm mưu chia rẽ Kinh - Thượng của địch. Đại hội Đảng bộ huyện quán triệt và cụ thể hoá các nhiệm vụ trên với tinh thần tăng cường mức động viên sức người sức của, tích cực xây dựng huyện thành căn cứ địa vững chắc theo chủ trương của cấp trên, ra sức ngăn chặn không

cho vụ bạo loạn Sơn Hà lan đến huyện. Đại hội bầu cấp ủy gồm 11 đồng chí; đồng chí Nguyễn Thượng Kinh (bí danh Đảng) được cử làm Bí thư, tiếp đó Tỉnh ủy lại cử tiếp đồng chí Bùi Tấn Linh về bổ sung vào Huyện ủy đặc trách công tác xây dựng căn cứ kháng chiến.

Về phía địch, thất bại trong mưu đồ chiếm đóng Quảng Ngãi, chúng tăng cường đổ bộ vào các xã ven biển, đánh phá tàu thuyền ghe mành, đánh chiếm đảo Lý Sơn (30-8-1951), oanh tạc bằng máy bay, thả bom đánh sập cầu sắt Hòa Vinh, cầu Sông Thoa hòng cắt đứt đường liên lạc của ta bằng côm-nhông-ray trên đường sắt nối liền các tỉnh tự do Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Máy bay địch đánh phá ác liệt vào những nơi chúng nghi là có cơ xưởng, cơ quan và đơn vị bộ đội đóng quân như Hành Thịnh, Hành Phước, Hành Đức, Hành Thiện. Đặc biệt chúng đánh phá liên tục vào các công trình thủy lợi, trâu bò, các cơ sở sản xuất. Riêng năm 1951, trên địa bàn Nghĩa Hành địch bắn chết 15 người, 18 người khác bị thương, 48 ngôi nhà bị cháy, gần 40 trâu bò bị chết, 3 bờ xe nước dọc sông Vệ bị phá. Chúng ra sức phá hại kinh tế hòng cùng với thiên tai, bão lụt, hạn hán liên tiếp xảy ra làm cho nhân dân Quảng Ngãi lâm vào vòng đói kém, tê liệt ý chí kháng chiến. Vụ bạo loạn Sơn Hà xảy ra vào ngày 25-1-1950, do sai lầm thiếu sót của một số cán bộ ta, một số phần tử bất mãn trong đồng bào Thượng lôi kéo bọn giàu có nổi dậy giết người, cướp của, đốt phá lan ra cả Ba Tư, Minh Long. Lợi dụng tình hình đó, ngày 24-4-1950, Pháp mở cuộc hành quân xuống Sơn Hà tiếp thêm súng đạn, lương

thực cho bọn phiến loạn, khuếch trương thế lực, dùng bọn phiến loạn uy hiếp trực tiếp từ hai phía tây - bắc (Hành Dũng) và tây - nam (Hành Tín) Nghĩa Hành. Huyện ủy chỉ đạo việc củng cố lại lực lượng quân sự. Ban chỉ huy Huyện đội đưa đại đội thường trực do đồng chí Trần Thông làm đại đội trưởng phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh cùng giải quyết. Đồng chí Đỗ Thanh Thảo, Trung đội trưởng. và 8 chiến sĩ thuộc bộ đội địa phương tỉnh đã hy sinh trong trận này (vì không dùng vũ khí, chỉ bám sát dân làm công tác chính trị là chính) Huyện đội Nghĩa Hành còn tổ chức một đại đội chi viện (rút các du kích xã lên) do đồng chí Phan Tấn Sửu (Hành Phong) làm đại đội trưởng và đồng chí Phan Nghĩa (Hành Tín) làm Chính trị viên cùng tự vệ 4 xã Hành Văn, Hành Nhơn, Hành Thiện, Hành Tín giữ chặt địa bàn, bảo vệ đồng bào Thượng của huyện nhà, chống địch lấn chiếm. Bọn địch bị chặn đứng ở Long Sơn, Long Môn (Minh Long), Ba Ngạc, Ba Vì (Ba Tư). Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Liên khu ủy và của Tỉnh ủy, cuộc phiến loạn dần dần được dẹp yên. Đa số kẻ lăm lặc quay về làm ăn lương thiện, một số ngoan cố chạy lên đồn Kom Plông (Kon Tum). Nhưng tại Ba Xa (Ba Tư), tên Đinh Giảng (Già Kiêu) được Pháp tiếp tế lương thực, súng đạn chưa chịu hạ vũ khí. Tháng 2-1951 một trung đội của đại đội thường trực hỗ trợ cho tiểu đoàn 50 và đại đội 9 của trung đoàn 120 Liên khu V vây bắt được Già Kiêu cùng toàn bộ số cầm đầu hơn 30 tên và đưa về cải tạo ở Nhơn Lộc, Tân Phú (Hành Tín). Và với chiến dịch miền Tây Quảng Ngãi (mở màn ngày 12-10-1951) vụ phiến loạn Sơn Hà được dẹp yên. Nhưng

giặc chưa từ bỏ âm mưu kích động những phần tử bất mãn nổi lên phá hoại từ bên trong. Đầu tháng 5-1952, chúng từ Mang Đen, Kom Plông (Kon Tum) mở cuộc hành quân Latêrit thọc sâu xuống vùng sông Re và miền tây Ba Tư nhằm cầm lại bọn “chỉ xéng” và nhen nhúm quân phiến loạn. Nghĩa Hành lại phải điều quân, tiếp tế lương thực cùng lực lượng vũ trang của tỉnh bẻ gãy cuộc hành quân này, đem lại sự ổn định trên toàn lãnh thổ Quảng Ngãi.

Trong lúc phải đối phó với địch họa, Quảng Ngãi lại bị thiên tai suốt mấy năm liền, hạn hán kéo dài suốt 3 vụ từ năm 1950-1951, mùa màng mất nặng, có nơi chẳng thu hoạch được gì. Năm nào cũng có bão, nhất là trận bão lửa⁽¹⁾ và lụt ngày 24-10-1952 gây thiệt hại nghiêm trọng cho cả tỉnh, nhất là ở Bình Sơn, Sơn Tịnh. Nhân dân trong tỉnh nhiều nơi bị thiếu đói. Ở Nghĩa Hành nhân dân phải ăn củ, ăn rau, ăn mít (mít già xác miếng phơi khô ghế với gạo hoặc khoai lang). Một số thực sự đói ăn. Huyện ủy chủ trương thôn nọ giúp thôn kia, gia đình nọ giúp gia đình kia, dồn sức quyên giúp các xã thuộc huyện Bình Sơn đang bị đói nặng (phân công xã giúp xã) theo sự sắp xếp của Tỉnh ủy. Với tinh thần “cứu đói như chữa cháy”, huyện kêu gọi thành lập quỹ đồng tâm tương trợ chống đói. Ngay trong đợt đầu, nhân dân trong huyện đã đóng góp được 1.230.686 đồng, 2.070 ký gạo, 240 ang lúa và nhiều khoai bắp. Mỗi xã cử người mang ra xã mình đỡ đầu vừa thăm hỏi, vừa giúp đỡ, vừa nắm tình hình để vận động quyên góp các đợt sau. Dọ tình hình địch đánh ghe mạnh, một

(1). Vì bão đưa nhiều gió có nhiệt độ cao nên lúc bấy giờ gọi là bão lửa.

số đồng bào miền biển không làm ăn được, muốn chuyển sang làm nông. Các xã đã đưa số đồng bào này về, giúp điều kiện ăn ở, dành phần ruộng tốt để bà con cày cấy. Từ đây hũ gạo kháng chiến trở thành hũ gạo cứu đói, người nào, nhà nào cũng có hàng lang, hàng mì, luống rau, con gà chống đói. Hàng tháng bán cứu đói gom góp lại và chuyển cho xã đỡ đầu. Nhờ tích cực tăng gia sản xuất và triệt để tiết kiệm trong ăn uống chi tiêu, tương trợ nhau, đến tháng 12-1952 ở Nghĩa Hành chỉ còn xã Hành Phong còn bị đói nhiều (570 người), các xã khác chỉ còn một vài gia đình. Nhưng với các xã đỡ đầu ở Bình Sơn còn phải hỗ trợ đến cuối năm 1953, khi nạn đói thật sự bị đẩy lùi.

Tuy phải đối phó với thiên tai, địch họa hết sức nặng nề và cấp bách, nhưng việc xây dựng căn cứ, chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại của địch vẫn ngày một tăng cường, sẵn sàng đánh địch khi chúng lấn chiếm. Nghĩa Hành đã tiến hành một cách khẩn trương với kế hoạch thật cụ thể. Ban chỉ huy quân sự các cấp được tăng cường, các chi ủy viên đảm trách nhiệm vụ chính trị viên xã đội. Các đơn vị vũ trang được củng cố về kỷ luật, tập luyện thường xuyên để nâng cao chiến thuật, tăng cường học tập nâng cao giác ngộ chính trị, tinh thần chiến đấu và được điều động làm các nhiệm vụ góp phần giải quyết vụ bạo loạn Sơn Hà. Các đại đội tự vệ chiến đấu của xã được tăng thêm buổi tập luyện và tập luyện theo chương trình quy định của Huyện đội có kiểm tra hội thao, đánh giá kết quả một cách chặt chẽ. Các bãi rộng, đồng trống được đóng thêm cọc. Các cơ sở quan trọng được ngụy trang chu đáo. Hầm

hào cũ được đào sửa lại, đào thêm các ngách theo hình chữ chi; tăng cường đào hầm trú ẩn (hầm tròn) gần nhà, đảm bảo mỗi người trong gia đình có một hầm và đào dọc theo các trục đường, đảm bảo người đi đường có chỗ ẩn nấp khi có máy bay địch oanh tạc; bắt đầu phổ biến làm hầm kèo chữ A để chống chiến tranh phá hoại. Dân quân, tự vệ mỗi xã vạch phương án tác chiến, trên cơ sở nhận định nơi đổ quân, đường hành quân của địch, xây dựng công sự chiến đấu, bãi mìn, hầm chông, giáo dục nhân dân triệt để phòng gian bảo mật, thực hiện "3 không" và phát hiện người lạ mặt. Những nơi được xác định là căn cứ quan trọng, được bố trí điểm kiểm tra (được nguy trang) từ xa và quan tâm hơn trong việc làm trong sạch địa bàn. Nhân dân không tiếc công tiếc của đem cả gỗ nhà làm hầm, hy sinh cả bụi tre giúp xã rào làng chiến đấu. Trong những năm này, Nghĩa Hành thực sự là một trận địa bày sẵn để đánh kẻ thù, là một phòng tuyến tầng tầng lớp lớp rào giậu, công sự, hầm chông ngăn chặn quân địch. Thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho kháng chiến, các xã đều lãnh đạo việc thu đảm phụ, thường vượt kế hoạch được giao. Nhiều tấm gương rất cảm động, nhiều gia đình nhận phần ăn khoai, ngô, dành lúa gạo nộp đảm phụ đưa ra tiền tuyến để bộ đội ăn no đánh thắng. Từ 1951 chính sách thuế nông nghiệp ra đời thay thế cho việc thu nộp đảm phụ quốc phòng có tính cách khuyến khích trước đó. Thuế nông nghiệp được căn cứ vào diện tích đất canh tác để tính, càng nhiều diện tích lũy tiến càng lớn, phản ánh quan điểm giai cấp rõ rệt. Địa chủ được điều tiết thu nhập, trung bản cố nông được khuyến khích sản xuất. Việc thu nộp thông qua tính toán sổ sách

cụ thể, được niềm yết công khai về khối lượng, đảm bảo công bằng, dân chủ hơn. Năm đầu tiên toàn huyện đã thu được 291.500 đồng và 1.021,346 tấn thóc, thuế nông nghiệp chiếm khoảng 1/4 số thu toàn tỉnh⁽¹⁾. năm 1952 lên đến 3.500 tấn... Chấp hành quyết định xây dựng căn cứ của tỉnh, các tuyến đường từ các huyện khác đến Nghĩa Hành được bí mật phát dọn, mở rộng và nguy trang cẩn thận. Tuyến Nghĩa Hành đi Minh Long, Ba Tư được đào hầm tròn dọc đường, lập trạm gác và chuẩn bị chỗ tạm trú. Đường dây liên lạc từ Hành Tín đi Hòa Vinh, cầu Sông Thoá đã bị đánh sập, năm 1952 ngành công chánh đã hạ mố cầu xuống thấp và bắc đường rây gần sát mặt nước, đủ sức cho từng goong hàng chạy qua. Đầu năm 1952, cơ quan tuần báo *Quân đội nhân dân Liên khu V* chuyển về Hành Tín. Cuối năm, Bộ Tư lệnh Liên khu V cũng chuyển về đóng tại đây.

Trong thời gian này, theo chủ trương của cấp trên, huyện đã lãnh đạo hoàn thiện một bước công tác chính quyền, phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện nhiều chính sách mới, đem lại quyền lợi thiết thực cho nhân dân lao động; nhập thêm một số xã để thành liên xã lớn: Hành Tân và Hành Trung thành Hành Thịnh, Hành Văn và Hành Nhơn thành Hành Dũng, từ 10 xã chỉ còn 8 xã và điều chỉnh cương giới các xã khác một lần nữa (nhờ sắp xếp hợp lý nên ổn định mãi cho đến năm 1985, kể cả thời gian địch kiểm soát).

(1). Tổng số thu toàn tỉnh năm 1951 là 4.383.065 kg thóc. Xem Lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất tỉnh Quảng Ngãi - 1995- Trang 145.

Thi hành chủ trương của cấp trên, Huyện ủy chỉ đạo bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp có nhiều cải tiến hơn trước. Phiếu bầu được đánh máy trước, rút bớt ban viết thay (vì nhiều người đã thoát nạn mù chữ). Phòng bỏ phiếu kín đáo, đảm bảo quyền suy nghĩ lựa chọn của người đi bầu.

Ngày 22-5-1950 sắc lệnh về quy chế lãnh canh và quy định tô tức của Chính phủ được ban hành. Chấp hành sự chỉ đạo triển khai của tỉnh, Nghĩa Hành đã bỏ chế độ chia công điền có thời hạn trước kia và chủ trương tạm cấp ruộng công điền và ruộng vắng chủ, giao hẳn quyền làm chủ cho nông dân thông qua bình nghị dân chủ của nhân dân do hội nghị Nông dân Cứu quốc tổ chức. Riêng ở Hành Tín và Hành Thiện, trong 2 ngày 14-15-11-1950, huyện chỉ đạo chia 302 mẫu 4 sào 1 thước ruộng của địa chủ Nguyễn Hy (vắng chủ) cho 2.368 nông dân nghèo trong vùng. Địa chủ trước đó thường viện nhiều lý do không chính đáng để thu hồi ruộng đất đã cho người khác lãnh canh. Quy chế lãnh canh mới, hạn chế quyền thu hồi của địa chủ, nông dân rất phấn khởi, yên tâm sản xuất. Từ năm 1949 đã có vận động giảm tô, tức, nhiều địa chủ giác ngộ chấp hành một cách đều đặn một số người tìm cách lẩn tránh, thoái thác. Lần này có sắc lệnh của Nhà nước, lại được tổ chức học tập, buộc địa chủ phải thực hiện nhưng vẫn còn không ít khó khăn. Những nông dân nghèo đã thực sự có ruộng cày, tô tức được giảm, đời sống được cải thiện rõ rệt, uy thế chính trị được nâng cao. Khối liên minh công nông được củng cố, thế và lực của cách mạng mạnh hẳn lên,

khôi đoàn kết toàn dân có cơ sở vững chắc, mọi mặt công tác càng được đẩy mạnh.

Để đối phó với nạn đói và chống lại việc phá hoại các công trình thủy lợi của địch, phong trào đào ao, vét giếng, tìm kiếm, tiết kiệm từng gàu nước diễn ra khá mạnh, hàng ngàn ao giếng⁽¹⁾ được đào ngay ở góc ruộng, được tát vét từng gàu. Các đập Đồng Phát (Hành Dũng) và Hồ Đá (cho cả Hành Phong và Hành Đức) được đắp vào dịp này. Trâu bò bị máy bay bắn chết nhiều, thiếu sức kéo, nhiều nơi người phải kéo cày, kéo bừa thay trâu. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Hội Nông dân Cứu quốc huyện và xã ngoài việc làm nòng cốt trong việc đấu tranh đòi địa chủ thực hiện chính sách giảm tô, còn huy động toàn lực lượng ra đồng với tinh thần “vắt đất ra nước thay trời làm mưa”, “biến sỏi đá thành cơm gạo” thực hiện khẩu hiệu “hậu phương thi đua với tiền phương”. Dưới sự hướng dẫn của cấp trên, hội Phụ nữ huyện phát động phong trào “phụ nữ chức nghiệp”, kêu gọi chị em gánh vác việc gia đình, đồng áng cho chồng con yên tâm ra mặt trận, chung sức khắc phục hạn hán, đẩy mạnh sản xuất, để phòng nạn đói và có nhiều lương thực gửi ra tiền tuyến. Việc phụ nữ cày, bừa, đào ao vét giếng, đánh tranh lợi nhà trở thành việc làm bình thường, phổ biến khắp các xã trong huyện. Đến cuối năm 1951, Huyện hội tổ chức “Hội chợ phụ nữ chức nghiệp” tại Hành Minh. Mỗi xã có một gian hàng riêng trưng bày những sản phẩm do tay chị em làm được như

(1). Ao mới đào: 586 chiếc. tưới được 153 mẫu. 3 sào.

Giếng mới đào: 1.153 chiếc, tưới được 55 mẫu.

Cần vọt: 414 chiếc. tưới được 63 mẫu. 5 sào.

lúa, gạo, ngô khoai, bầu bí, rô rá, quần áo tự đan, tự may hết sức phong phú, đặc sắc. Hội chợ đã nâng cao lòng tự tin vào khả năng của chị em và thúc đẩy phong trào thi đua sản xuất trong huyện, có tác động tốt trong toàn tỉnh và hàng trăm chị em được bầu là lao động giỏi, là chiến sĩ thi đua của xã, của huyện.

Mặc dù kinh tế khó khăn nhưng giáo dục vẫn phát triển nhanh chóng. Các lớp xóa mù giảm hẳn, chỉ còn ở một số xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Dũng, nơi có nhiều đồng bào Thượng sinh sống, thay vào đó, số lượng các lớp bổ túc văn hóa tăng hẳn lên, tuy còn gặp khó khăn là thiếu thầy giáo. Bên trường Trung học Bình dân Miền nam Trung bộ đóng ngay trong huyện, huyện cũng mở trường tiểu học bình dân nhằm nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ huyện và xã, do ông Trần Đức Thọ (Hành Thiện) phụ trách. Nhờ trường này, nhiều anh chị em trước cách mạng tháng Tám chỉ biết đọc, biết viết, được học hết tiểu học bình dân xin thẳng vào trung học bình dân, sau này trở thành bác sĩ, kỹ sư và cán bộ lãnh đạo cao cấp. Năm học 1950-1951, thực hiện việc cải cách giáo dục, chuyển hệ giáo dục sang hệ giáo dục phổ thông 9 năm (hết bậc trung học), học sinh lớp 4 (tiểu học) có mặt ở tất cả các xã rất đông, đòi hỏi phải mở trường phổ thông trung học cơ sở (thời đó gọi là cấp II) nhưng do thiếu giáo viên và khó nhất là thiếu địa điểm (vì chỗ nào cũng có kho tàng, cơ quan trọng yếu), huyện phải thương lượng nhờ trường trung học Lê Khiết tiếp nhận và giảng dạy hộ đến gần 300 học sinh. Năm sau huyện chuẩn bị đầy đủ, được Ty giáo dục Quảng Ngãi đồng

ý. trường cấp II Lê Đình Cẩn được mở. nằm rải rác trong địa bàn dân cư ở Hành Đức (cho số học sinh bắc sông Vệ, còn học sinh 3 xã phía nam sông Vệ vẫn học ở trường Lê Khiết) do ông Tôn Thất Cự, một trí thức cách mạng làm hiệu trưởng. Về mặt này, Nghĩa Hành đã thực sự đổi đời, vì học sinh có mặt khắp nơi, ăn khoai, ăn ngô, bận quần đùi, áo vá cũng học trung học, so với trước cách mạng tháng Tám cả huyện tính chỉ có 10 người học ở bậc này và phải đi Huế mới có chỗ học. Đến đầu năm 1953, đã có gần 300 học sinh tốt nghiệp cấp II. Các cơ sở làm giấy (bằng bẹ chuối, lá dứa...) ở Hành Thịnh, Hành Dũng⁽¹⁾, tuy dày xám, sần sùi rất khó viết và phấn làm bằng vôi, bằng bột... chất lượng rất kém, nhưng cũng tạo điều kiện cho giáo dục phát triển.

Về y tế, những người được cử đi học y tá do Y tế tỉnh tổ chức lần lượt trở về. Trạm xá huyện và trạm xá các xã đã được thành lập dưới sự điều khiển của ban Y tế huyện. Thuốc men cũng đã bắt đầu có dùng, chủ yếu là những dược phẩm thông thường do cơ sở dược của ta tự chế. Cộng với tăng cường phát triển đông y, khuyến khích dùng thuốc Nam, công tác phòng bệnh, chữa bệnh đi vào quy củ và có chất lượng hơn. Đặc biệt là công tác nữ hộ sinh diễn ra rộng rãi, chị em sinh đẻ được hướng dẫn, chăm sóc có khoa học, tạo được niềm tin tưởng phấn khởi trong nhân dân.

Các công tác thương binh - xã hội được quan tâm, đặc biệt là công tác thương binh, liệt sĩ. Xã nào cũng có người

(1). Sản xuất mỗi cơ sở chừng 5 tấn giấy/ năm. Theo *Lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất tỉnh Quảng Ngãi* - Sđd - Trang 131.

bị thương từ mặt trận trở về. Huyện đã chỉ đạo cho Mặt trận, các đoàn thể thăm hỏi, ủy lạo, góp tiền, thuốc men giúp việc chạy chữa, lúc lành bố trí công việc tùy năng lực và cấp thêm ruộng đất tốt cho gia đình canh tác. Các liệt sĩ thì được xã tổ chức lễ truy điệu để giáo dục lòng biết ơn trong nhân dân, động viên lòng tự hào trong thanh niên và an ủi gia đình vợ con. Ngoài việc thực hiện các chính sách của Nhà nước, các xã còn tổ chức rất trọng thể lễ truy điệu đối với liệt sĩ Võ Đại Hơn. Đỗ Thanh Thảo (Hành Thịnh), Cao Liêu, Nguyễn Thu (Hành Tín) v.v... Thăm hỏi gia đình trong ngày lễ, ngày tết và có chính sách ưu đãi như cấp thêm ruộng đất để phụng dưỡng cha mẹ, cấp tiền, quà trong ngày giỗ liệt sĩ, gây ảnh hưởng tốt trong nhân dân. Ngày thương binh liệt sĩ bắt đầu được tổ chức và mùa đông nào các mẹ cũng gửi ra tiền tuyến hàng trăm áo trấn thủ, khăn quàng và thuốc men, bánh trái để ủy lạo binh sĩ. Phong trào Hội mẹ binh sĩ nhận bộ đội làm con nuôi sôi nổi khắp trong các xã. Từ năm 1949-1951, Huyện hội phụ nữ tổ chức được 3 buổi lễ cho hơn 200 mẹ đón nhận trọng thể con nuôi của mình⁽¹⁾ (không kể các cuộc đón nhận do Hội phụ nữ từng xã tổ chức). Buổi lễ nào cũng diễn ra đầy phấn khởi, vui vẻ, thấm thiết tình nghĩa. Có mẹ nhận 2 bộ đội làm con nuôi như mẹ Lý ở Hành Phước. Mẹ, con nhận nhau chào mừng vui vẻ, cùng đưa về nhà, cũng được các con trong nhà đón tiếp như người anh em ruột thịt vừa từ mặt trận về nghỉ phép. Bà Hương Hội, bà Tòa (Hành Phước) nhận các anh

(1). Theo tư liệu của đồng chí Trần Thị Xuân Mai, nguyên Hội trưởng Hội phụ nữ Nghĩa Hành cung cấp.

Viên, anh Dự quý như con đẻ. Bà Thanh, bà Thông (Hành Đức), bà Mười Diêm, bà Cảnh (Hành Dũng) cũng như bà Lý đều đi hỏi vợ, cưới vợ cho con nuôi và xem các chị vợ như con dâu trong nhà. Đi lâu thì các mẹ gửi thư từ, về phép được các mẹ ân cần chăm sóc, ra đi các mẹ cho tiền, cho quà đi đường, tình mẹ con quện chặt với tình quân dân thấm thiết giúp các chiến sĩ (nhất là anh em ở miền Bắc) có chỗ dựa tình cảm khi phải xa quê hương, gia đình, và không ngừng phát huy tinh thần chiến đấu vì dân, vì nước.

Chấp hành quyết định của Huyện ủy, không xã nào để xảy ra người đói và chết đói. Các cụ già, người cô đơn được xã động viên, nhân dân xung quanh đùm bọc, chu cấp. Gian khổ nhiều, thiếu thốn lớn, nhưng tình nghĩa con người, quê hương đậm đà gắn bó hơn bao giờ hết. Xã hội chan hòa trong bầu không khí nhân ái.

Thành tựu nhiều mặt kể trên có sự đóng góp của Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cách mạng, trong đó có vai trò của Mặt trận Liên Việt đi sâu vận động các thân sĩ, trí thức, các tôn giáo, giúp các tầng lớp ấy hiểu thêm về âm mưu của Pháp, Mỹ và tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến của ta, làm tăng thêm khối đoàn kết kháng chiến. Tháng 5-1951, Hội nghị hợp nhất Việt Minh và Liên Việt tỉnh, tiếp đó hợp nhất ở các huyện. Hội Liên Việt huyện cũng do ông Nguyễn Tăng Hiến làm Chủ tịch. Hội Liên Việt ra đời cùng với các đoàn thể cách mạng vừa vận động và tổ chức các phong trào quần chúng đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, vừa xây dựng khối đoàn

kết các cộng đồng dân tộc trong huyện.

Về Đảng, trong những năm này đã có nhiều diễn biến mới. Tháng 2-1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2 tuyên bố ra công khai và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam với mục đích tập trung sức hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ: vừa tăng cường sức mạnh của Đảng cả về tổ chức, cả về lãnh đạo, mở rộng khối đoàn kết nhân dân, huy động đến mức cao nhất sức người sức của để đánh thắng hoàn toàn giặc Pháp xâm lược, giải phóng đất nước. Tháng 4-1951, hội nghị Tỉnh ủy bàn bạc việc tổ chức Đảng ra công khai và đổi tên Đảng theo quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc, và hướng dẫn các huyện thực hiện. Đồng thời, hội nghị cũng bàn kỹ kế hoạch hợp nhất Liên Việt - Việt Minh và tăng cường khối đoàn kết toàn dân, phá bỏ âm mưu chia rẽ lương giáo, Kinh-Thượng và thực hiện nghiêm túc các chính sách ruộng đất để thực sự bồi dưỡng sức dân. Chấp hành Nghị quyết đó, Nghĩa Hành đã triển khai đạt kết quả cao trên hầu hết các mặt như đã trình bày. Riêng về xây dựng Đảng cũng có nhiều thuận lợi mới. Uy tín của Đảng lên rất cao. Việc phát triển đảng viên mới rất thuận lợi. Quần chúng cách mạng gắn bó chặt chẽ với Đảng và tha thiết xin được vào Đảng. Đảng bộ Nghĩa Hành đã chọn lựa và kết nạp rất nhiều người ưu tú vào Đảng. Các ngành, các giới đều có đảng viên làm nòng cốt. Mỗi tổ chức, mỗi phong trào đều có đảng viên hoặc tập thể Đảng viên xung phong, gương mẫu cho quần chúng. Nhiều nơi đã có chi bộ làm nhiệm vụ lãnh đạo. Mọi mặt công tác nhờ đó đã hoàn thành xuất sắc. Việc chuyển hướng

đổi tên Đảng và ra công khai lãnh đạo quần chúng đoàn kết, kháng chiến và kiến quốc đã thật sự đưa cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ lên một bước phát triển mới.

Bên cạnh đó, do một số nhận thức lệch lạc và không được uốn nắn kịp thời, việc phát triển Đảng cũng có lệch lạc ngày càng nhiều và phổ biến...

Từ cuối năm 1949 cũng đã có tình trạng phát triển đảng viên quá nhanh ở một số nơi, nhưng sau khi Đảng ra công khai và đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam, việc kết nạp đảng viên mới trở nên ồ ạt ở các xã. Tính quần chúng của Đảng là một trong những đặc điểm thuộc bản chất của một Đảng tiên tiến của giai cấp công nhân nhưng nhiều nơi đã hiểu lệch, việc kết nạp đảng viên ào ạt không đảm bảo được tính chất giai cấp của Đảng, việc học tập chính trị, nâng cao giác ngộ giai cấp, lại tổ chức không kịp. Nội dung sinh hoạt Chi bộ dần dần kém chất lượng, phần phê và tự phê, chỉ nhận xét chung chung, phần phân công công tác cho từng người cũng qua loa, đại khái. Tuy trước mắt, có đông người hô hào nên mọi nhiệm vụ hoàn thành nhanh chóng, nhưng tồn tại nhiều vấn đề nguyên tắc Đảng, gây khó khăn về sau, nhất là lúc tình hình có diễn biến không thuận lợi. Huyện ủy đủ người, đều tay và năng nổ, quán xuyến được hầu hết các mặt công tác, phấn đấu đạt được mọi yêu cầu của tình hình mới. Nhưng do nhu cầu công tác chung nên hay thay đổi. Đầu năm 1953, đồng chí Nguyễn Thượng Kinh được Liên khu ủy điều lên Kon Tum. Đồng chí Bùi Tấn Linh tạm quyền Bí thư mấy tháng. Công tác xây dựng căn cứ cũng đã hoàn thành về

cơ bản. Đồng chí Bùi Tấn Linh cũng được Tỉnh ủy điều đi công tác khác. Đồng chí Nguyễn Thượng Tứ (được Liên khu điều lên làm Bí thư huyện Kom Plông (Kon Tum) từ năm 1947 bị sốt rét nặng được điều về xuôi), được Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư.

Những năm 1950-1952 tình hình có nhiều vấn đề cấp bách mới, đòi hỏi phải có những nỗ lực vượt bậc mới vươn lên được. Nhưng nhờ tin chiến thắng từ các mặt trận trọng Nam, ngoài Bắc dồn dập đưa về, vụ phiến loạn Sơn Hà cũng được dẹp xong, âm mưu hành quân lấn chiếm phía Tây Quảng Ngãi của thực dân Pháp bị ta đánh bại, càng cổ vũ niềm tin cho quần chúng. Mặc dù nạn đói đe dọa, chiến tranh phá hoại bằng oanh tạc, có gây khó khăn lớn, kể cả mất của, hao người vẫn không ngăn được ý chí quyết tâm của quần chúng vươn lên xây dựng, lực lượng cách mạng để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ quê hương. Các sắc lệnh về ruộng đất, về giảm tô tức lại được ban hành, quyền làm chủ ngày một đảm bảo vững chắc, chủ trương bồi dưỡng sức dân được thực hiện một cách thiết thực. Hệ thống chính trị được củng cố, phát huy chức năng tương đối tốt. Ủy ban Hành chính các cấp thạo dần công việc, làm việc có nề nếp, ban chỉ huy quân sự, công an thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của mình. Các Ban chuyên môn, mặt trận và đoàn thể được củng cố, bám sát dân và hoạt động có hiệu quả. Đảng ra công khai và phát triển rộng rãi ảnh hưởng, thực hiện tốt chức năng lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, nhờ thế việc khắc phục thiên tai địch họa có kết quả, xây dựng căn cứ và huy động sức người sức của

phục vụ tiên tuyến thực hiện đầy đủ, kịp thời. Nhiều công việc lớn từ việc tham gia sản xuất, phát huy dân chủ, nâng cao uy thế người lao động, thực hiện các chính sách bồi dưỡng sức dân, xây dựng cuộc sống mới, nâng cao trình độ dân trí, chăm lo công tác xã hội cũng được quan tâm đồng bộ và đưa lại kết quả cụ thể, gây phấn khởi lòng người.

Nhưng tình hình cũng bắt đầu có những diễn biến phức tạp. Các Đảng phái phản động nói xấu chính sách, xuyên tạc đường lối kháng chiến trường kỳ ở các nơi khác tác động vào huyện. Một số địa chủ, chánh tổng, bang tá cũ v.v.... bị đụng chạm quyền lợi trước đây ngấm ngấm bất mãn, giờ chây lười nộp thuế nông nghiệp, trốn tránh giảm tô, giảm tức, nói xấu cán bộ v.v.... Một số cha cố xuyên tạc sự nghiệp chống Pháp cứu nước trong lúc giảng đạo. Trong lúc đó các Đảng bộ trong huyện phát triển Đảng quá nhanh, không đảm bảo bản chất giai cấp công nhân của Đảng, việc giáo dục, rèn luyện đảng viên lại yếu kém và thiếu chú ý việc phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc.

II. PHÁT HUY VAI TRÒ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN, GÓP PHẦN XUẤT SẮC TRONG CHIẾN DỊCH BẮC TÂY NGUYÊN (1953-1954)

Bước sang năm 1953, thực dân Pháp bị đẩy vào thế lúng túng trên khắp các mặt trận. Chúng tăng cường oanh tạc một cách bừa bãi vào dân cư, chợ búa, đổ bộ vào ven biển đốt phá, giết người hòng làm hoang mang tinh thần nhân dân. Đến tháng 5-1953, được sự hỗ trợ và khuyến khích của Mỹ, thực dân Pháp vội vã cử tướng Nava, nguyên

Tổng tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang Đông Dương làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp, nhằm xoay chuyển lại tình thế. Nava đề ra kế hoạch mang tên mình với phương lược : giữ thế phòng thủ chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược ở miền Nam, chiếm đóng tất cả vùng tự do còn lại (trong đó có các tỉnh tự do ở Liên khu V), giành thắng lợi quyết định, tập trung mọi lực lượng cơ động diệt chủ lực của ta trên chiến trường miền Bắc, kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.

Thực hiện kế hoạch trên, ở Liên khu V, địch mở chiến dịch Átlăng theo kế hoạch 3 bước: đánh chiếm Phú Yên trước nhất, bước tiếp đánh chiếm Bình Định, rồi từ đó thực hiện bước thứ 3, từ Bình Định đánh ra, từ Tây nguyên đánh xuống và từ vùng bị chiếm Quảng Nam đánh vào để chiếm toàn bộ vùng tự do Quảng Nam và toàn bộ tỉnh Quảng Ngãi, tiêu diệt bộ phận đầu não, lực lượng xương sống của cuộc kháng chiến các tỉnh miền Nam Trung bộ và tất cả kho tàng ở đây. Để thực hiện ý đồ đó, chúng huy động một lực lượng quân sự rất lớn gồm 6 binh đoàn cơ động bộ binh phối hợp với không quân, thủy quân đổ bộ, đánh phá liên tục ở ven biển. Hàng ngày máy bay địch quăng lượn thả bom, bắn phá. Nghĩa Hành bị thả bom ở Chợ Chùa, Hành Dũng, cầu Hòa Vinh, dọc theo Sông Vệ, Hành Thịnh, Hành Tín, bến đò An Chí, bến đò Phú Lâm (Hành Thiện), thả bom và bắn rốc-két cả vào lớp học trường trung học Lê Khiết. Ngày nào cũng có người chết, trâu bò chết, nhà cửa, lớp học bị cháy ở nơi này hay nơi khác. Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị (9-1953) “phấn đấu tiến

tới giành địa bàn chiến lược Tây nguyên, phá tan âm mưu “bình định” miền Nam của địch”, Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu V hạ quyết tâm giữ vững vùng tự do bằng lực lượng địa phương, tập trung sức mở một hướng tiến công chiến lược lên Tây nguyên. Hàng loạt công việc được chỉ thị khẩn trương thực hiện.

Huyện Nghĩa Hành điều ngay 2 trung đội tập trung của huyện đi làm nhiệm vụ theo lệnh của tỉnh và khu, bổ sung đủ quân số của đại đội thường trực huyện, tăng cường tập luyện kỹ chiến thuật chuẩn bị tư thế, sẵn sàng đánh địch. Đội du kích bán vũ trang của các xã được trang bị thêm vũ khí, lập sơ đồ tác chiến trên xã mình, xây dựng công sự chiến đấu, sửa chữa và đào thêm hầm hố, tu bổ các bãi chông. Toàn huyện lần này có đến 18.000 hầm chông (kể cả số cơ động), 8.000 bần chông sắt, 4.000 chông sắt rời, 2.000 bẫy chông và 8 bãi chông lớn ở các xã gần núi.

Cũng như các huyện khác, Nghĩa Hành dựa vào đội ngũ dân quân hiện có ở mỗi xã, rút thêm các nông dân lớn tuổi, phụ nữ còn khỏe mạnh phiên chế thành đội ngũ dân công A,B,C của cấp trên, có 1,2 cấp ủy viên phụ trách. Ở huyện, ban chỉ huy dân công được thành lập, do đồng chí Huỳnh Dục, Huyện ủy viên trực tiếp phụ trách. Nghĩa Hành còn được giao thêm nhiệm vụ huy động nhân lực và nguyên vật liệu làm cầu tre vượt sông Vệ theo hướng dẫn của công binh và các thợ bờ xe nước Phú Lâm (Hành Thiện) và An Chỉ (Hành Phước). Cầu được ghép bằng tre 3 lớp, thành từng bè dài khoảng 7, 8m, có cầu móc bằng sắt ở 2 đầu. Cứ tối đến, đội dân quân Hành Phước, Hành Thiện,

Hành Thiện ghép 20-30 bè lại với nhau, cấu cột chặt chẽ, tạo thành cầu nổi vững chắc để hàng nghìn người với gánh vác nặng hết đợt này đến đợt khác đi qua. Đến sáng dân quân các xã ấy lại tháo các cấu kiện, dặt từng bè kéo vào giấu kín dưới từng lùm tre ngả úp trên bờ sông. Lúc đầu ta chỉ làm một cầu nổi Phú Lâm - Bàn Thới (Hành Thiện). Không đủ sức chuyển tải số người qua lại ngày càng đông, nhất là không tiện cho việc qua lại 2 chiều, cấp trên ra lệnh làm cầu thứ hai nối Xuân Đình (Hành Thịnh) với An Chi (Hành Phước). Từ đó cầu phao Hành Thiện dành cho lượt đi và cầu phao Thịnh - Phước dành cho lượt về.

Từ đầu tháng 10-1953 trên các cầu, tối nào cũng nô nức người với người, hầu hết là dân quân các xã và một số huyện xung quanh, âm thầm, lặng lẽ chuyển lương thực, súng đạn ra chiến trường. Các nẻo đường Quán Lát đi Hành Thịnh - Hành Tín - Ba Tơ, Chợ Chùa - Hành Thiện - Ba Tơ - An Lão nối đuôi hết trung đội nọ đến trung đội kia với khẩu hiệu "phòng gian bảo mật" tuyệt đối. Trung đoàn 120 chủ lực liên khu đứng chân ở Hành Đức, Hành Phước cũng yên lặng vượt cầu. Một thời gian sau, súng nổ vang động dọc đường 19 và sau 12 ngày đêm chiến đấu, đến ngày 21-11-1953 toàn bộ hệ thống cứ điểm của địch ở An Khê (Gia Lai), bị ta tiêu diệt hoàn toàn⁽¹⁾, lập nên chiến thắng lớn đầu tiên của quân dân miền Nam Trung bộ. Tù binh, chiến lợi phẩm được đưa về cũng bằng các trục đường trên. Trại tù binh Phú Châu lại có thêm nhiều lính Âu-Phi. Nhờ nắm được ý đồ của địch, ta đã vươn lên

(1). Xem lịch sử Công an nhân dân Quảng Ngãi- Sdd- Trang 124.

đánh dập đầu kẻ địch ngay từ bước một.

Trung ương nhận định và chỉ thị: bị thua đau ở Tây nguyên, kẻ địch có thể dốc toàn bộ lực lượng liều đánh chiếm vùng đồng bằng Liên khu V, nhưng đối với ta hướng phát triển giải phóng Tây nguyên vẫn là quan trọng bậc nhất, việc đánh địch tại vùng tự do giao cho lực lượng tại chỗ đảm nhận.

Trong lúc thực dân Pháp buộc phải chi viện thêm 6 tiểu đoàn dự bị chiến lược để cứu vãng An Khê, cho tàu chiến áp sát bờ biển Quy Nhơn, thì ở vùng đồng bằng ven biển Quảng Ngãi, chúng dùng máy bay oanh tạc nhiều ngày, nhiều giờ rất tàn bạo ở Sông Vệ, Cây Bứa, chợ Thi Phổ, thị trấn Châu Ổ, Quýt Lâm, Hành Thịnh, Hành Thiện, hòng buộc ta phân tán lực lượng đối phó giảm nhẹ đòn tấn công của ta ở Gia Lai. Ta lạng lẽ, chủ động chuyển sang chiến dịch bắc Tây nguyên.

Từ tháng 10-1953, trong lúc dân công vận chuyển lương thực súng đạn lên Ba Tơ sang An Lão vào An Khê, đã có một bộ phận lạng lẽ đi theo hướng Mang Đen. Suốt hai tháng trời, đêm nào cũng rầm rập những đoàn người từ Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa được phiên chế thành đại đội, tiểu đoàn, vai gánh (lương thực hoặc đạn dược), vai mang (ruột tượng gao vũ khí) nối đuôi nhau trên các ngã đường qua Nghĩa Hành, vượt cầu lên Ba Tơ và đi sâu vào rừng núi. Về phần vận chuyển vũ khí, Nghĩa Hành theo lệnh của cấp trên chọn 200 thanh niên mạnh khỏe, tin cậy nhất cùng với 300 người của Bình Sơn thành lập đội dân công hỏa tuyến, do đồng chí Trần Văn Pha (trợ lý

tham mưu Huyện đội) làm chỉ huy trưởng, chuyển vũ khí lên tận Mang Đen. Phần lớn số dân công hòa tuyến này lúc quay về vận chuyển chiến lợi phẩm gồm súng đạn, máy móc thu được trong trận hạ đồn Mang Đen. Một số người mạnh khỏe nhất được chọn lựa kỹ, vận chuyển tiếp vũ khí đến bắc thị xã Kon Tum, theo yêu cầu phát triển của chiến dịch. Tuy là dân công làm việc vận chuyển ở phía sau nhưng cũng không kém phần gian khổ hy sinh. Nghĩa Hành đã huy động 5 đợt gồm 15.000 người, mỗi đợt đều phân làm 3 hạng : hạng A trẻ, khỏe, đi xa, dài ngày, hạng B gồm những người thuộc lứa tuổi trung niên, phụ nữ khỏe mạnh đi gần và ngắn ngày hơn, hạng C gồm người lớn tuổi (50) sức yếu, chuyên phục vụ tại chỗ (chuyển kho, làm đường...), tất cả đều do các đoàn thể cứu quốc làm nòng cốt, vận động theo kế hoạch của Ủy ban hành chính, và ban phụ trách dân công tập hợp và điều khiển cụ thể. Từ đó xuất hiện nhiều tấm gương tự nguyện đi dân công đáng được biểu dương. Mẹ đồng chí Trần Ngọc Hồ (cán bộ huyện) đã 55 tuổi ở Hành Thiện chỉ huy một trung đội nữ, vận chuyển lương thực lên tận Mang Đen. Cụ Nguyễn Mậu Chứng, một bạch đầu quân đã 60 tuổi ở Hành Thịnh vẫn gánh đủ số gạo như mọi người lên đến kho Giá Vụt. Những tấm gương tiêu biểu đó đã động viên, cổ vũ lòng người, vượt qua mọi khó khăn trèo đèo, lội suối, sốt rét, hổ báo, đói cơm, khát nước và cả chết chóc nữa⁽¹⁾. Phát hiện thấy vài dấu hiệu nghi vấn, không quân địch ngày nào cũng rải bom trên bầu trời Nghĩa Hành và thả bom đánh

(1). Nghĩa Hành có 8 người hy sinh trong đợt huy động dân công này.

phá đoạn đường sắt từ Phú Vinh (Tư Nghĩa) vào Đá Hai (Hành Phước), lại đánh sập cầu nổi Hòa Vinh, cầu Sông Thoa và triệt hạ gần một nửa xã Hành Thịnh. Nhà cửa, vườn tược, cây cối dọc theo các thôn Mỹ Hưng, Đông Xuân, Ba Bình, Xuân Đình hầu như bị phá sạch⁽²⁾, hàng chục người chết và bị thương, hàng chục trâu bò bị chết. Đây là lần đánh phá ác liệt nhất của thực dân Pháp đối với Hành Thịnh, nhưng mọi việc vẫn tiến hành theo đúng kế hoạch. Ngày 27-1-1954, tiếng súng báo hiệu chiến dịch bắc Tây nguyên mở màn, cuộc đột phá đầu tiên diễn ra quyết liệt. Chỉ một đêm ta hạ được đồn Mang Đen, nơi mà bọn địch thường huênh hoang “khi nào nước sông Re chảy ngược thì Việt Minh mới lấy được Mang Đen”. Thừa thắng ta chuyển sang chiếm đồn Kom Plông, ngày 7-2-1954 ta giải phóng thị xã Kon Tum và triển khai lực lượng lên tập kích Plâycu (Gia Lai). Dân công lại nườm nượp đưa chiến lợi phẩm trở về. Hơn 50 tù binh Âu-Phi mới cũng theo đường này về Phú Châu. Địch bối rối, hoảng hốt chạy tán loạn khắp nơi buộc Nava phải cho quân bỏ các đồn trên về án ngữ tại Plâycu rồi phải tạm đình chỉ chiến dịch Át-lăng, tăng cường đánh phá miền biển, đổ bộ lên Sa Huỳnh, chiếm Quy Nhơn và đặc biệt là dựa vào viện trợ của đế quốc Mỹ, chúng oanh tạc khốc liệt vùng đồng bằng các tỉnh, trong đó Nghĩa Hành chịu đựng nhiều nhất và mất mát cũng lớn nhất.

Về sản xuất nông nghiệp, nhờ động viên cao độ, tận dụng đất đai và sử dụng triệt để các biện pháp kỹ thuật

(2). Theo Hành Thịnh mảnh đất kiên cường - 1995- Trang 42

có thể có, nhất là dùng nhiều phân bón, các năm 1953-1954 đều được mùa. Đặc biệt vụ tháng 3 năm 1954 tăng 14% so với kế hoạch. Năm 1953 bắt đầu triệt để giảm tô theo lời kêu gọi của Bác Hồ "...đồng bào nông dân đóng góp nhiều nhất cho kháng chiến, hy sinh nhiều nhất cho Tổ quốc, thế mà đồng bào nông dân lại là những người nghèo khổ nhất vì họ thiếu ruộng. Thậm chí giảm tô, giảm tức là một quyền lợi chính đáng của nông dân cũng chưa thực hiện đến nơi, đến chốn. Đó là tình trạng rất không công bằng"⁽¹⁾. Thực hiện chủ trương của tỉnh, Huyện ủy chủ trương cho học sắc lệnh và lời kêu gọi của Bác Hồ trong các giới kể cả những gia đình giàu có, qua đó phát động quần chúng, biểu dương những địa chủ nghiêm túc thực hiện việc giảm tô tức từ khi sắc lệnh mới ra đời (1950) như các ông Nguyễn Tiên (Hành Phong), Đỗ Hịch (Hành Thịnh). Cũng qua học tập, phát hiện những người chưa thực hiện, hoặc thực hiện qua loa, kêu gọi họ làm đúng sắc lệnh, trước mắt là thoái tô (phần 2 năm trước chưa thực hiện). Nhiều người vẫn ngoan cố lãn tránh với rất nhiều lý do. Căn cứ vào báo cáo của cấp xã, huyện xét duyệt và cho đưa ra kiểm điểm trước dân những địa chủ Nguyễn Diên ở Tân Phú (Hành Tín), Lê Ấm ở Châu Me (Hành Thịnh) v.v... Cuộc kiểm điểm có toàn thể nhân dân trong xã tham dự dưới sự chủ tọa của Hội Nông dân cứu quốc. Uy thế nông dân được đề cao, kiểm điểm có phân tích thấu tình đạt lý, địa chủ buộc phải chấp nhận thực hiện. Cả huyện, hàng nghìn người được giảm tô, mấy trăm

1). Dẫn theo Lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi . Sđd - 1995 - trang 141

người được thoái tô đến hàng mấy chục tấn. Ở Hành Tín có cuộc đấu tranh với địa chủ Nguyễn Thượng Hiền (Đức Phổ), chiếm hàng trăm mẫu ở Trường Khánh (Hành Tín) đã trốn tránh suốt mấy năm liền buộc phải thoái tô và nộp cả thuế nông nghiệp (không thực hiện mấy năm trước). Sức dân được bồi dưỡng, uy thế của nông dân được nâng cao, tạo niềm phấn khởi lớn cho hậu phương thi đua sản xuất, đóng góp thuế nông nghiệp (cả 2 năm đều vượt mức), thực hiện các đảm phụ, hoàn thành các nhiệm vụ bố phòng, đi dân công hỏa tuyến, đồng thời động viên rất lớn tinh thần các chiến sĩ trên mặt trận. Tín chiến thắng bắc Tây nguyên, rồi thắng lợi Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu” dồn dập đưa về. Đấu tranh giảm tô, giảm tức thắng lợi. Sản xuất nông nghiệp lại được mùa. Tất cả đều diễn ra thuận lợi. Nông thôn như thay đổi hẳn, nét rạng ngời hiện rõ trên mặt người nông dân. Mọi người đang ao ước, chờ đợi thực hiện cương lĩnh cải cách ruộng đất của Trung ương (ra đời tháng 11-1953 mới thực hiện một số nơi ở miền Bắc, chưa thực hiện ở miền Nam).

Trong các năm 1953-1954 các thôn, xã không còn các lớp xóa mù, chỉ có các lớp bổ túc văn hóa. Số thanh niên vẫn say mê học tập. Nhiều người từ đó về sau trưởng thành vượt bậc. Cuối năm 1952, học sinh cấp II tốt nghiệp và ra trường hàng loạt, bổ sung cho các ngành, các giới, nhất là cán bộ chỉ huy các lượng vũ trang. Nhiệt tình cách mạng, quyết tâm chiến đấu cao lại có thêm trình độ văn hóa làm cho các đơn vị quân đội có những chuyển biến đáng kể-hiểu biết rộng hơn, sinh hoạt tinh thần phong phú hơn, sinh

hoạt, văn nghệ luôn luôn sôi nổi. Số học sinh ra trường còn bổ sung cho đội ngũ giáo viên cấp I đang phát triển mạnh, cho các ban, ngành của xã, của huyện trong đợt rèn cán, chỉnh cơ. Tuy thực hiện giản chính (giảm nhẹ biên chế) nhưng chất lượng công tác nhờ đó được nâng lên rõ rệt.

Giáo dục phục vụ nhiệm vụ cách mạng rất kịp thời, thiết thực. Nhờ trường Lê Khiết sơ tán về đóng trong huyện, từ năm 1950 (lúc thực hiện cải cách giáo dục theo hệ 9 năm), Nghĩa Hành đã có một số học sinh học cấp III (lớp 8 và tương đương bán phần Tú tài), nhưng từ năm 1952 đã có hàng loạt học sinh tốt nghiệp cấp II thi tuyển và được vào học cấp III. Bây giờ đến lượt con em Nghĩa hành mặc quần đùi, áo vá, ăn củ , ăn khoai vẫn đi học bậc trung cao học (Tú tài) mà trước năm 1945 chỉ có 2 người con nhà thật giàu có ra tận Hà Nội để học. Đầu năm 1954, theo chủ trương của Liên khu ủy, nhiều học sinh trong toàn Liên khu (đều học ở trường Lê Khiết) được cử ra Việt Bắc để đưa sang Trung Quốc đào tạo ở bậc đại học, cả 2 đợt có đến 60 người. Trong đó Nghĩa Hành có được 2 người là Trần Nghĩa, Trịnh Quang Hạo. Còn hàng trăm người khác tốt nghiệp cấp III, năm 1955 tập kết ra Bắc đều thi đậu vào trường đại học trở thành bác sĩ, kỹ sư như giáo sư Trần Nghĩa - Viện trưởng Viện Hán Nôm, Huỳnh Minh, phó tiến sĩ - giảng viên trường đại học Bách khoa Hà Nội, giáo sư bác sĩ Nguyễn Gia Đồng, tiến sĩ, Phó viện trưởng Viện thực vật, Cao Tấn Khoan, giáo sư tiến sĩ Đỗ công Khanh phó hiệu trưởng trường Đại học Đại cương

- Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh v.v... Cũng nhờ trình độ văn hóa được nâng cao, Nghĩa Hành đã cử hàng loạt người đi học các lớp y tá, y sĩ do khu và tỉnh tổ chức. Cuối năm 1952, hàng loạt anh chị em tốt nghiệp quay về huyện, ban y tá huyện và xã được bổ sung và nâng cấp. Huyện có bệnh xá, xã có trạm xá, đại đội thường trực huyện có một y sĩ phụ trách, các ban quân sự xã đều có y sĩ, túi thuốc.

Hệ thống chính trị huyện và xã được củng cố một bước qua chủ trương "rèn cán chính cơ". Cán bộ được dự bồi dưỡng ngăn ngày về công việc mình đang làm. Cơ quan được làm rõ chức năng, nhiệm vụ tránh sot việc, tránh chồng chéo, dẫm đạp lên nhau và giảm bớt số người không làm được việc. Trung ương Đảng chủ trương tiến hành chỉnh huấn cho toàn Đảng toàn quân và toàn thể cán bộ các cấp nhằm nâng cao giác ngộ cách mạng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho đảng viên và cán bộ, nhằm khắc phục phần non yếu trong việc xây dựng Đảng, kết nạp đảng viên mới mấy năm trước, đồng thời đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến toàn thắng và thực hiện cải cách ruộng đất. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, các đơn vị quân sự đã tiến hành xong trước khi mở chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954 đã thật sự góp phần chiến thắng vẻ vang trong cuộc chống chiến tranh phá hoại của địch và chiến thắng bắc Tây nguyên nổi tiếng. Đối với cán bộ huyện, tỉnh mới mở 2 lớp (mỗi lớp có đến 200 - 300 người chung cho các huyện học từ 1-2 tháng) cũng gần hoàn thành. Đối với cán bộ xã, huyện Nghĩa Hành mới mở được

1 lượ, mỗi xâ cử hơn 10 người đi dự, trong phạm vi 15 ngày vừa xong khâu truyền đạt, chưa triển khai được gì thêm thì phải dừng lại, quay sang thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách do tình hình mới đặt ra:

Đây là thời kỳ nỗ lực cao độ. Bao nhiêu năm phấn đấu xây dựng bây giờ mới đưa đến thành tựu và thành tựu đạt được khá toàn diện. Thắng lợi lớn cả ở tiền phương lẫn hậu phương gây phấn khởi lớn lao trong lòng mọi người. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ. Không ai giấu được niềm vui trước thắng lợi của cả nước, nhưng cũng không ai giấu được nỗi lo về việc tạm giao quyền quản lý cho đối phương trong những ngày sắp đến

Vừa lãnh đạo nhân dân làm cuộc cách mạng tháng Tám thắng lợi giành được quyền làm chủ, Đảng bộ Nghĩa Hành cũng như các Đảng bộ khác phải lao ngay vào những nhiệm vụ mới cực kỳ khó khăn, gian khổ, nhất là phải tiến hành cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp cứu nước. Tuy suốt 9 năm, Nghĩa Hành vẫn luôn luôn là vùng tự do, nhưng với vị trí khá đặc biệt của mình, Nghĩa Hành chịu tổn thất khá lớn trong chiến tranh phá hoại bằng không quân của địch. Cũng do vị trí đó, Nghĩa Hành phấn đấu không ngừng để làm chỗ đứng chân an toàn, làm nơi xuất phát thắng lợi, xứng đáng với lòng tin của tỉnh, của cả miền. Nhờ chấp hành đường lối lãnh đạo sáng suốt của Trung ương và Tỉnh ủy và nhờ biết vận dụng sáng tạo các đường lối chủ trương ấy sát tình hình thực tế của mình, quyền làm chủ của nhân dân đã được xác lập, cả hai nhiệm

vụ kháng chiến và kiến quốc đều thu thắng lợi đáng kể. Nhân dân phấn khởi, trưởng thành, lập nên nhiều thành tích, có mặt đạt mức xuất sắc. Từ đó lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng được nâng cao hơn bao giờ hết. Đảng bộ trưởng thành qua thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng, cả về tư tưởng và tổ chức, phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu của mình trong mọi lĩnh vực công tác, nhưng cũng bắt đầu xuất hiện một số biểu hiện coi nhẹ bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Nhược điểm đó chắc chắn được khắc phục nếu công tác chỉnh huấn được triển khai đầy đủ. Tiếc rằng chủ trương đúng đắn của Trung ương Đảng chỉ mới thực hiện được một phần nhỏ. Thiếu sót, yếu kém vẫn còn nguyên, chắc chắn sẽ để lại khó khăn cho thời gian sắp đến. Hiệp định Giơnevơ quy định tạm thời đất nước chia làm hai miền, cả miền Nam trong đó có Quảng Ngãi, có Nghĩa Hành tạm thời nằm dưới quyền kiểm soát của đối phương. Cán bộ, quân đội phải tập kết ra Bắc, quyền làm chủ của nhân dân lại bị địch cướp lại. Kẻ thù mới có cả thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. Nhân dân Nghĩa Hành vui buồn lẫn lộn bước vào cuộc đấu tranh mới.

PHẦN THỨ BA

NGHĨA HÀNH TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

Chương IX

ĐẢNG BỘ NGHĨA HÀNH CHUYỂN HƯỚNG ĐẤU TRANH, ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIONEVO, CHỐNG ĐỊCH TỔ CỘNG, DI DÂN, LẬP ẤP, BẢO VỆ THỰC LỰC CÁCH MẠNG (1954 - 1960)

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, hiệp định Giơnevơ được ký kết, chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương, nhưng đế quốc Mỹ đã can thiệp từ trước, nay nhân cơ hội Pháp thua, hất cẳng Pháp, nhảy vào xâm lược miền Nam Việt Nam.

Từ đây, vĩ tuyến 17 thành ranh giới tạm thời của hai miền Nam Bắc. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tạm thời do đối phương kiểm soát. Nhân dân miền Nam còn phải tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ, thống nhất nước nhà.

Sau khi hiệp định được ký kết, cùng với cả nước, ở Quảng Ngãi lệnh ngừng bắn được thi hành triệt để, nhân

dân phấn khởi, khắp nơi trong tỉnh tổ chức mừng chiến thắng.

Ngày 2 tháng 9 năm 1954, tại sân bay Thu Phố (Quảng Ngãi) đã diễn ra cuộc mít-tinh lớn do Liên khu V và Tỉnh tổ chức, với hàng chục vạn người tham gia mừng chiến thắng, trong đó có nhân dân Nghĩa Hành.

Song bên cạnh niềm vui còn những nỗi lo âu sắp đến. Bởi theo các điều khoản hiệp định, Nghĩa Hành thuộc khu vực do đối phương tạm thời quản lý. Thế là, từ một vùng tự do với 9 năm xây dựng quyền làm chủ của nhân dân, quân chúng và Đảng gắn bó nhau làm nên nhiều chiến thắng trên chiến trường và lập nhiều thành tích trong sản xuất, xây dựng cuộc sống mới ở hậu phương, bây giờ lại phải hy sinh tất cả. Cán bộ, bộ đội ta tập kết ra Bắc, nhân dân phải xa cách người thân. Kẻ thù trở lại dè dặt cuối cổ, chưa biết rồi sẽ ra sao.

Để tiếp tục cuộc đấu tranh nhằm củng cố hòa bình, thực hiện độc lập dân tộc và thống nhất nước nhà, sau 2 ngày ký hiệp định (22-7-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở đồng bào chiến sĩ cả nước: ... đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, độc lập, dân chủ là cuộc đấu tranh lâu dài gian khổ. Đồng bào từ Bắc đến Nam cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí, tôi tin chắc chúng ta nhất định giành thắng lợi".⁽¹⁾

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, cùng với cả nước, cả tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành vững tin bước vào cuộc

(1). Hồ Chí Minh toàn tập - Tập VII.Sổ - Trang 3

đấu tranh mới đầy khó khăn, gian khổ, song nhất định thắng lợi.

Theo quy định của hiệp định Giơnevơ, sau 300 ngày, kể từ ngày ngừng bắn, quân đội ta rút ra khỏi Quảng Ngãi, chuyển vào Quy Nhơn, xuống tàu tập kết ra Bắc. Thời gian tập kết và bàn giao cho đối phương trong tỉnh được chia làm 3 đợt. Đợt 80 ngày thuộc các huyện phía bắc sông Trà Khúc. Đợt 100 ngày từ nam sông Trà Khúc đến bắc sông Vệ. Đợt 300 ngày gồm các huyện từ nam sông Vệ trở vào Bình Định. Nghĩa Hành nằm trong khu vực thuộc đợt hai (100 ngày) cho các xã bắc sông Vệ, còn 3 xã nam sông Vệ (Hành Tín, Hành Thiện và Hành Thịnh) thuộc đợt 300 ngày⁽²⁾.

Là một huyện có vị trí quan trọng trong vùng tự do, Nghĩa Hành sẽ lại trở thành vùng địch tạm chiếm. Mọi hoạt động của Đảng và quần chúng phải chuyển vào bí mật. Cách mạng trong huyện tạm thời chuyển vào thế đấu

(2). Đợt 100 ngày lấy sông Vệ làm ranh giới, đến cầu Cộng Hòa vạch một đường thẳng đến núi Cao Muôn (Minh Long), phía bắc thuộc vùng kẻ địch kiểm soát, phía nam gồm các xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh còn thuộc quyền ta kiểm soát, đến 300 ngày mới bàn giao cho đối phương theo quyết định của hội nghị quân sự Trung Giã (miền Bắc) cụ thể hóa việc thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ ở Quảng Ngãi và miền Nam Trung bộ như sau: Thời gian chuyển quân tập kết là 300 ngày tính từ 20-7/1954 - 16/5/1955 và chia làm 4 đợt:

-Đợt I: 40 ngày (20/7-30/8/1954)

Ta rút khỏi vùng địch tạm chiếm ở Quảng Nam và Phú Yên, các tỉnh Nam Trung bộ và Tây nguyên.

Địch rút khỏi Quy Nhơn để ta tổ chức khu tập kết 300 ngày.

-Đợt II: 80 ngày (30/8-11/10/1954)

Ta bàn giao vùng tự do Quảng Nam và 2 huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh (bắc sông Trà Khúc).

-Đợt III: 100 ngày (11/10/1954-31/10/1954) ta bàn giao đến thị trấn Sông Vệ, lấy Sông Vệ và núi Cao Muôn (Minh Long) làm ranh giới- địch tiếp quản cả vùng phía bắc.

-Đợt IV: 300 ngày (31/10/1954-16-5-1955) ta bàn giao phần đất còn lại của Quảng Ngãi và toàn tỉnh Bình Định (Theo Lịch sử Công an nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trang 143).

tranh bảo tồn lực lượng. Đó là sự thay đổi cơ bản trong tương quan lực lượng giữa ta và địch.

Cùng với nhân dân miền Nam, cuộc đấu tranh của nhân dân Nghĩa Hành chuyển sang giai đoạn mới đầy khó khăn, thử thách. Tuy thế, Đảng không bao giờ xa rời lợi ích của quần chúng nhân dân. Tranh thủ những ngày hòa bình sau chiến tranh, Huyện ủy đã lãnh đạo nhân dân trong huyện ra sức lao động sản xuất, ổn định đời sống; tu bổ các công trình thủy lợi đủ tưới tiêu cho hàng ngàn hecta cà cây, sửa chữa đường sá, mở thêm trạm xá, trường học; thực hiện chính sách ruộng đất, giúp đỡ các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng; tổ chức cho nhân dân học tập nội dung Hiệp định, kêu gọi toàn dân tin tưởng, đoàn kết đấu tranh đòi Mỹ-Diệm thi hành hiệp định, tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà. Đồng thời để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới, cuối tháng 10-1954, Huyện ủy họp để quán triệt tinh thần chỉ đạo của hội nghị Tỉnh ủy ở Nghĩa Phương (25-10-1954). Hội nghị bàn việc sắp xếp tổ chức, chuyển hướng hoạt động cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới, bố trí người đi tập kết ra Bắc, người ở lại miền Nam hoạt động, thực hiện chuyển quân tập kết, thi hành hiệp định.

Theo sự phân công của Tỉnh ủy⁽¹⁾, đồng chí Huỳnh Bá (tức B.C) làm Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành thay đồng chí Nguyễn Thượng Tứ (tức Phong) đi tập kết. Huyện ủy lâm

(1). Theo sự phân công của Tỉnh ủy, đồng chí Lê Tấn Tỏa về Bình Sơn, đồng chí Phạm Xuân Hòa quyền Bí thư Tỉnh ủy phụ trách chung, Nguyễn Phú Soại về Tư Nghĩa thị xã Quảng Ngãi, đồng chí Nguyễn Cát về Mộ Đức, đồng chí Huỳnh Bá về Nghĩa Hành, đồng chí Lê Phó về Đức Phổ- Tư liệu lịch sử Đảng tỉnh.

thời⁽²⁾ gồm các đồng chí Huỳnh Bá (Bí thư), đồng chí Nguyễn Thượng Kinh (tức Đảng), và đồng chí Lê Quang Ngọc (Phó Bí thư). Ngoài ra ở huyện còn có Ban chuyên hướng do 2 đồng chí Phan Thuyên (Phó chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện) và đồng chí Hắc Hồ (phụ trách tổ chức Huyện ủy) chủ trì, lo các việc hành chánh và giải quyết giấy tờ, phương tiện vận chuyển cho các cá nhân và đơn vị được phép tập kết ra Bắc.

Ở các xã, tổ chức Đảng rút vào hoạt động bí mật, đảng viên và cấp ủy xã chỉ phiên chế thành tổ 3/3 gọn nhẹ bí mật, dễ liên lạc và hoạt động khi nằm dưới quyền kiểm soát của đối phương.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng trước đây như Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên Cứu quốc, chuyển hoá thành nhiều tổ chức biến tướng: hội cấy, hội cày, hội vận công, hội đình, hội chùa... cho phù hợp với tình hình mới và giữ gìn lực lượng cho cách mạng.

Về phía địch, tháng 11-1954, Mỹ-Diệm bắt đầu tiếp quản Quảng Ngãi đợt hai⁽¹⁾, trong đó có các xã bắc sông Vệ của Nghĩa Hành. Chúng thực hiện ngay chính sách đàn áp, khủng bố và lập bộ máy cai trị.

Biết Nghĩa Hành là một trong những huyện có truyền thống cách mạng kiên cường, là căn cứ của Khu ủy và tỉnh Quảng Ngãi đóng, là cửa ngõ án ngữ phía tây thị xã Quảng Ngãi nên ngay từ những ngày đầu tiếp quản, Mỹ - Diệm

(2). Còn gọi là Ban bí mật, Huyện ủy bí mật (theo tư liệu do đồng chí Lê Chí Thống, tỉnh ủy viên, 1 trong 5 đồng chí ở lại hoạt động lúc đó cung cấp.

(1). Theo Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975) - Sđd - Trang 142.

đã gấp rút mua chuộc, lôi kéo, xây dựng lực lượng, tập hợp bọn bọn tay sai phản động, cường hào gian ác (kể cả một số phần tử bất mãn trong kháng chiến) đánh phá cách mạng trong huyện, tập trung đánh phá vào các xã Hành Đức, Hành Dũng, Hành Phước và Hành Phong là những nơi có phong trào mạnh trước kia.

Tháng 1-1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp tại Lương Nông (Đức Minh, Mộ Đức) để nhận định lại những hành động tàn bạo của địch trong vụ Chợ Đước, đập Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Ngân Sơn - Chí Thạch (Phú Yên) và rút kinh nghiệm ngay 2 vụ đấu tranh với địch ở Tịnh Thiện (Sơn Tịnh) và Bình Dương (Bình Sơn) trong tỉnh, chủ trương cho cán bộ và gia đình cán bộ đi tập kết. Đồng chí Huỳnh Bá được Tỉnh ủy quyết định cho đi tập kết, đồng chí Nguyễn Thượng Kinh tạm quyền Bí thư. Hoạt động của Đảng càng đi vào bí mật. Một số cán bộ được bố trí chuyển vùng, sắp xếp lại cốt cán cho từng xã. Đồng thời Tỉnh ủy xúc tiến xây dựng 4 căn cứ ở đồng bằng⁽²⁾, trong đó có xã Hành Tín (Nghĩa Hành) để chuẩn bị cho đấu tranh lâu dài.

Thực hiện chủ trương chuyển vùng, đồng chí Phạm Chương (tức Sa, Thân - quê ở Bình Sơn) sau khi được đề bạt vào Tỉnh ủy, được Tỉnh ủy phân công về làm Bí thư Nghĩa Hành⁽¹⁾, đồng thời chịu trách nhiệm xây dựng một cơ sở cho tỉnh ở Hành Dũng. Đồng chí Phạm Chương về bất liên lạc với các đồng

(2). Bốn căn cứ đồng bằng là Diên Niên (Tịnh Sơn - Sơn Tịnh), Đá Sơn (Tư Nghĩa) An Tây (Phổ Nhơn - Đức Phổ) và Hành Tín (Nghĩa Hành). Tài liệu lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

(1). Tư liệu của đồng chí Lê Quang Ngọc (nguyên phó Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành 1954-1955)

chí trong huyện như Nguyễn Thượng Kinh, Lê Quang Ngọc... để củng cố lại phong trào cách mạng trong huyện.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy phân công phụ trách địa bàn như sau: đồng chí Phạm Chương, Bí thư phụ trách Hành Dũng, Hành Thuận, đồng chí Nguyễn Thượng Kinh phụ trách Hành Phước, Hành Đức, Hành Phong, đồng chí Lê Quang Ngọc phụ trách các xã nam sông Vệ.

Tuy vậy hoạt động của ta lúc đầu còn lúng túng, tổ chức và cán bộ vẫn còn xáo trộn, lo tập kết, lo chuyển vùng cho cán bộ, lo giúp đỡ các xưởng quân giới hoàn thành nhiệm vụ chuyển máy móc, giúp đỡ trường phổ thông trung học Lê Khiết, trường đào tạo văn hóa của khu V hoàn thành năm học 1954-1955 và đại bộ phận thầy trò đi tập kết (1-5-1955) cũng như bàn giao chính quyền cho địch... nên nhìn chung tình hình còn khó khăn. Bản thân đồng chí Bí thư Huyện ủy Phạm Chương là người Bình Sơn, không phải là người địa phương nên khó nắm bắt tình hình, sức khỏe lại yếu, cộng thêm địch đánh phá ác liệt nên phong trào gặp nhiều khó khăn.

Sau đợt chuyển giao 100 ngày, Mỹ - Diệm công khai đánh phá ngay phong trào cách mạng các xã phía bắc của huyện. Chúng thực hiện quốc sách "tố cộng" và "diệt cộng". Đối tượng chính là cán bộ, đảng viên, là những người hoạt động trong kháng chiến cũ, những gia đình cách mạng hay có người thân đi tập kết... nhằm thiết lập ách thống trị của chúng.

Trước hết, dịch lập “ban tổ cộng” từ quận đến cơ sở, ở quận do quận trưởng phụ trách, lấy lực lượng cảnh sát, mật vụ, tình báo, chiến tranh tâm lý làm nòng cốt; huy động các cơ quan hành chính, lực lượng bảo an dân vệ và quân cộng hòa trong quận tham gia đánh phá. “Mục tiêu tổ cộng lúc đầu là đánh trên diện rộng, sau đó đánh vào chiều sâu, đánh cả nông thôn và thành thị, tập trung nơi có phong trào mạnh, lấy việc tiêu diệt Đảng Cộng sản làm mục tiêu quyết định”, với các khẩu hiệu: Tổ cộng là yêu nước”, “toàn dân đồng tâm diệt cộng”...

Chúng phân gia đình, quần chúng ra làm nhiều loại (A,B,C). Mỗi loại có cách thức đối phó khác nhau.

Loại A: là những người hoạt động cộng sản hay có người thân đi tập kết. Loại này mỗi tháng phải trình diện ở quận một lần; ban ngày không được ra ngoài thôn.

Loại B: là những người tình nghi có liên quan đến cộng sản hoặc cảm tình với cộng sản, kháng chiến. Loại này mỗi tháng trình diện ở xã 2 lần và cũng không được đi đâu nếu không được ấp trưởng hoặc liên gia trưởng cho phép.

Cả hai loại này ban đêm phải ngủ tập trung có dân vệ gác.

Loại C: là loại lưng chừng, trung lập, không theo “quốc gia” hay “cộng sản”. Tuy vậy loại này mỗi tháng cũng phải trình diện ở xã một lần, ban đêm phải ngủ ở nhà không được đi đâu.

Chúng ra lệnh cấm tất cả nhân dân không được tự do đi lại. Có việc cần đi phải xin phép, ban đêm không được ra đường, tụ tập 3 người trở lên. Tỉnh thoảng chúng ra lệnh đánh trống tập trung phải có mặt, nếu ai vắng chúng quy tội có liên lạc với "cộng sản" hay hoạt động cho cộng sản.

Chúng đặt hệ thống cai trị từ dưới lên. Có xóm trưởng, xóm phó, liên gia trưởng, liên gia phó. Nhiều liên gia lập thành một ấp. Có ấp trưởng, ấp phó kiêm an ninh, thư ký kiêm thông tin...

Ở cấp xã thì chúng lập hội tên gọi là hội đồng hương chính xã, có xã trưởng, xã phó kiêm trưởng cục cảnh sát hoặc trưởng an ninh xã. Giúp việc thì có lực lượng phòng vệ dân sự, thanh niên tảo trang, nghĩa quân được phiên chế thành tiểu đội, trung đội. Ngoài ra chúng còn có một mạng lưới gián điệp ngầm, cộng tác viên hoạt động bí mật, theo dõi nghe ngóng trong dân chúng, thậm chí theo dõi hàng hóa, thực phẩm, sợ dân tiếp tế cho cộng sản. Nếu ai bị nghi ngờ chúng liền lập sổ đen, giao cho ấp trưởng, liên gia trưởng theo dõi hoặc bắt lên xã, lên quận tra khảo.

Cứ hàng tháng hoặc ba tháng một lần, dịch tập trung số đảng viên cũ, gia đình tập kết và những người bị tình nghi về xã để học tập "tố cộng", "sám hối" thời gian từ 7 ngày trở lên. Nội dung là nói xấu cộng sản, nói xấu Đảng, Bác Hồ, xuyên tạc cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, đề cao quốc gia độc lập giả hiệu, suy tôn Ngô Đình Diệm, cho rằng Hiệp định Giơnevơ là không có cơ sở v.v...

Sau một đợt học tập chúng bắt buộc mỗi người phải làm bản lý khai, hoặc bản tường thuật về lai lịch của mình để chúng theo dõi, thanh lọc, rồi bắt bớ, tra tấn, bó tù. Một số đảng viên cũ, quần chúng trung kiên thì chúng bắt xé cờ Đảng, lý khai Đảng. Vợ phải ly dị chồng tập kết, con phải tố giác cha, gây nên một không khí nghi kỵ, hiểm khích lẫn nhau trong nhân dân, gia đình, họ hàng.

Theo báo cáo của Khu ủy V, chỉ tính từ tháng 10-1954 đến 15-3-1955, địch đánh phá 3 xã Hành Đức, Hành Dũng, Hành Phong. Cụ thể, từ tháng 10-1954 đến 30-11-1954, ở Hành Đức chúng bắt 12 người, Hành Dũng 6 người, Hành Phong 13 người, tổng cộng 31 người, 21 vụ bắt bớ. Từ 29-1 đến 11-2-1955 chúng lại bắt thêm 29 người ở Hành Đức (trong đó riêng thôn Kỳ Thọ, chúng bắt 18 người, vu cho họ là tổ chức "ban ám sát"). Tổng cộng 3 xã là 60 người trong đó có 2 người bị chúng đánh chết, 1 người bị thương, 1 người bị tâm thần. Tháng 3-1955: chúng bắt 2 vụ, gồm 4 người và lập trại giam ở vùng Gò Đu (Chợ Chùa)⁽¹⁾.

Đối với các xã phía nam sông Vệ, chúng luôn luôn vi phạm quy chế khu phi quân sự, cho người lén sang rải truyền đơn, phao tin đồn thất thiệt để nói xấu Đảng, nói xấu miền Bắc, hăm dọa đốt trường Lê Khiết (đóng ở Hành Thịnh), bắt các thầy giáo, vừa đe dọa, vừa lôi kéo học sinh cấp III không cho tập kết ra Bắc theo chủ trương của ta (trường vẫn tiếp tục giảng dạy đến 25-4-1955 mới giải thể), thậm chí cho biệt kích vượt sông ám sát, thủ tiêu cán bộ ban đêm và cả ban ngày⁽²⁾.

(1). Theo tư liệu của Khu (ký hiệu 1.530 lưu lại BNCLSD Tỉnh.

(2). Như vụ bắn đồng chí Hồ Thiết ở Phú An (Đức Hiệp-Mộ Đức), nhưng đồng chí cán vụ đã lấy thân che đạn và hy sinh. Đồng chí Hồ Thiết đã thoát được.

Sau đợt chuyển giao 300 ngày, địch kiểm soát phần còn lại của huyện Nghĩa Hành và của cả Khu V. Chúng điều hành quốc sách “tố cộng” theo các bước như cũ nhưng với mức độ ác liệt hơn. Để trả thù 3 xã Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Thiện, chúng bắt tất cả không cần phân loại. Người nào chịu “hồi chính quốc gia” chúng mới cho về. Thôn xã nào cũng có trại giam. Hàng nghìn người bị bắt tập trung, bắt học tập trong sự giám sát chặt chẽ của bảo an, dân vệ. Qua kiểm điểm tự khai, qua việc tố chức tố giác lẫn nhau, chúng mới lần lượt phân loại và cho về theo chế độ trình diện hàng ngày, hàng tuần và ban đêm phải ngủ tập trung tại một chỗ dưới sự kiểm soát của dân vệ.

Với những thủ đoạn thâm độc, tàn bạo như trên, đến cuối năm 1956 thông qua các chiến dịch tố cộng đẫm máu của địch (Phan Chu Trinh, Giải phóng, Trịnh Minh Thế⁽¹⁾) phong trào cách mạng Nghĩa Hành bị tổn thất nặng. Cơ sở Đảng bị chúng đánh phá tan nát. Hầu hết cán bộ cốt cán đều bị chúng thủ tiêu hoặc giam ở huyện, ở tỉnh. Các xã Hành Đức, Hành Dũng, Hành Thuận không còn cán bộ cốt cán nào. Hành Phong còn đồng chí Tiêu Thọ, Hành Phước ngoài đồng chí Nguyễn Thượng Kinh còn đồng chí Trần Tuấn phụ trách đường dây liên lạc của huyện nhưng đến tháng 4-1955 đồng chí cũng đi tập kết. Hành Tín có đồng chí Bùi Thanh Đạm, Huỳnh Quang; Hành Thiện còn đồng chí Trần Đức Thắng (Hòa Lang), Hành Thịnh còn đồng chí Nguyễn Tấn Châu (công tác ở Tây nguyên vừa

(1). Ở Khu V, các chiến dịch tố cộng Phan Chu Trinh (2/1955), giải phóng (4/1955) Trịnh Minh Thế (5/1955) trở đi...Dẫn theo Nam Trung bộ kháng chiến - Trang 235 (phụ lục)

về) Huyện ủy chỉ còn lại đồng chí Lê Quang Ngọc tạm thay Bí thư (đồng chí Phạm Chương được quyết định đi tập kết), đồng chí Nguyễn Thượng Kinh và đồng chí Trần Miên (Hồng Quang) vừa được điều từ khu về. Hầu hết các đồng chí bị bắt hay hy sinh đều nêu cao khí tiết anh dũng của người cộng sản như các đồng chí Đỗ Hịch (Xuân Ba), Hòa Minh (Thuận Hòa - Hành Thịnh), Phan Quang Thắm (Hành Phước), Nguyễn Cống (Hành Thiện) bị địch tra tấn dã man, không chịu khai báo, sau chúng đưa vào núi thú tiêu. Đồng chí Võ Thục Dực (Thuận Hòa) bị địch treo người lên xà nhà đánh đến chết.

Bên cạnh đảng viên, một số cơ sở quần chúng cũng nêu cao khí tiết anh hùng như ông Nguyễn Thành (Hành Dũng) bị địch tra tấn tại Chợ Chùa đến chết. Các ông bà Hồ An, Lê Thị Minh Hương, Đỗ Đình Huy (Hành Đức), ông Hương Mười tức Mười Diêm người nuôi giấu đồng chí Hồng Quang (lúc bí mật về hoạt động ở Hành Dũng)v.v.... đều không chịu khai báo, bị địch tra tấn dã man vẫn một lòng một dạ theo Đảng, theo cách mạng⁽²⁾.

Song song với chính sách “tố cộng, diệt cộng”, địch tiến hành tịch thu tài sản, ruộng đất, tín phiếu của những gia đình cách mạng. Chị Nguyễn Thị Tuất, quê ở xã Hành Phong, có chồng đi tập kết, mới gặt được 40 ang lúa, bị chúng tịch thu. Nhiều gia đình bị chúng bắt trả tiền trợ cấp trong kháng chiến, cấm nhân dân tự do đi lại làm ăn. Bọn phản động ở Hành Đức khuyên nữ giáo dân có chồng

(2). Tư liệu do đồng chí Huỳnh Phước, Bí thư Huyện ủy sau đó ít lâu cung cấp

đi tập kết bỏ chông⁽¹⁾. Đồng thời địch đòi địa danh xã, thôn để củng cố lại bộ máy chính trị của chúng, tiến tới đánh phá cách mạng lâu dài.

Ở Nghĩa Hành, các xã do cách mạng đặt ra trong kháng chiến, nay chúng thay chữ Hành lại bằng chữ “Nghĩa” ở đầu hoặc thay đổi hoàn toàn. Chẳng hạn, xã Hành Minh (tức Hành Phong cũ) đổi thành xã Nghĩa Chánh, xã Hành Phước đổi thành xã Nghĩa Phước, xã Hành Tín thành xã Nghĩa Phú, xã Hành Dũng đổi thành xã Nghĩa Lộc v.v.. nhằm xóa bỏ tên làng, tên xã đã từng gắn bó với nhân dân trong kháng chiến chống Pháp, cũng như xóa bỏ sự luyến nhớ của nhân dân với Đảng và Bác Hồ (xem phần phụ lục sau).

Chúng bắt toàn dân từ 17 tuổi trở lên phải làm lại thẻ căn cước, để chúng tiện bề theo dõi. Tình hình cách mạng trong huyện gặp nhiều khó khăn. Các cơ sở Đảng bị đánh phá tan nát. Số đông đảng viên cũ bị quản thúc nghiêm ngặt không hoạt động được. Người nào tích cực hoạt động liền bị đưa ra tra tấn, chém giết. Một số đảng viên thuộc thành phần trên và có tư tưởng cơ hội, vào Đảng những năm 1950 - 1952 lúc đầu nằm im, sau lén lút khai báo với địch, đánh phá tàn bạo các cơ sở Đảng như tên Võ Giới (Hành Dũng) là một trường hợp điển hình. Đến cuối năm 1956, các đồng chí Lê Quang Ngọc, Trần Đức Thắng, Nguyễn Tấn Châu, Tiêu Thọ lần lượt bị bắt. Đa số bị đày đi Côn Đảo.

(1). Như trường hợp vợ anh Võ Đoàn ở Kỳ Thọ (Hành Đức).

Tuy vậy, trong 2 năm 1954-1956, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, nhân dân trong huyện nổi dậy đấu tranh, bất chấp dịch khủng bố ác liệt. Chống dịch tổ cộng và để bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở Đảng, nhân dân các xã Hành Đức, Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Minh, Hành Thuận kéo đến trụ sở chính quyền địch ở xã, ở quận đấu tranh, chất vấn, đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, chống dịch khủng bố, cưỡng đoạt ruộng đất của nông dân, đòi dân sinh, dân chủ. Một số nơi, như ở Hành Dũng, Hành Thiện, Hành Minh, Hành Phước... nông dân đấu tranh chống bọn ác ôn, giữ đất nguyên canh, không chịu ký khế ước lãnh canh ruộng đất của bọn địa chủ⁽¹⁾ phản đối các dụ số 2,5,57 về cải cách điền địa của Diệm⁽²⁾. Đồng bào ở chợ Chùa (Hành Minh), Đại An (Hành Thuận)... phản đối địch kiểm soát hàng hóa, chợ búa (vì chúng nghi tiếp tế lương thực, thực phẩm cho cộng sản). Một số nơi ở Hành Thuận, Hành Thiện, Hành Đức... nhân dân không chịu đi dinh điền hay vào khu trù mật. Nhân dân trong huyện tẩy chay trò hề bầu cử "Tổng thống" của Diệm (25-10-1955) "xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ thùng"⁽³⁾ và "Quốc hội" bù nhìn (4-3-1956) của chúng.

-
- (1). Khế ước lãnh canh: Diệm bắt nông dân từ bỏ ruộng đất của mình đã được cách mạng chia trong kháng chiến cũ. phải ký khế ước lãnh canh ruộng đất cho địa chủ (làm thuê cho địa chủ) thời hạn khế ước là 5 năm - mức tô 15-25%.
- (2). Dụ số 2: ra ngày 8/1/1955. Dụ số 7: ra ngày 5/2/1955. Dụ số 57: ra ngày 22/10/1956. Mục đích các đạo dụ trên là cướp đoạt ruộng đất của nông dân, buộc nông dân phải làm thuê (lãnh canh) ruộng đất cho địa chủ, nhằm tạo thế lực cho địa chủ, ngóc đầu dậy chống phá cách mạng. tạo chỗ dựa cho chính quyền Diệm - Nhu (xem LSDCSVN - Tập II - Trang 85 và LSKC chống Mỹ - Trang 89). Phần phụ lục
- (3). "Xanh bỏ giỏ" (bỏ cho Bảo Đại) "Đỏ bỏ thùng" (bỏ cho Ngô Đình Diệm) thực chất gạt bỏ Bảo Đại (hình Bảo Đại màu xanh, hình Diệm màu đỏ) Xem LSKCCMCN (1954-1975)-NXB Chính trị quốc gia hà Nội - 1995 - Trang 9

Đồng bào các thôn An Ba, Mỹ Hưng (Hành Thịnh) An Định, Minh Châu (Hành Dũng) Nhơn Lộc, Phú Khương, Trường Khánh (Hành Tín)... không chịu vào các tổ chức đoàn thể phản động do chúng lập ra (như Phụ nữ Liên đới, Phong trào cách mạng quốc gia, Thanh niên Cộng hoà...). Đặc biệt ở Hòa Vinh, Đề An, An Chỉ (Hành Phước) Kỳ Thọ, Phú Châu (Hành Đức) ta đã treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân đấu tranh khiến chúng hoang mang, lo sợ, đáng lẽ trại đóng trong 3 ngày chúng phải rút gọn xuống một ngày rưỡi rồi vội vàng giải tán vì sợ ảnh hưởng của cách mạng trong dân.

Các cuộc đấu tranh trên đã giành được một số kết quả nhất định, nhiều nơi địch phải nhượng bộ. Ta hạn chế được phần nào tội ác của chúng, tranh thủ được một số binh lính và giáo chức trong hàng ngũ Diệm - Nhu đồng tình hay ủng hộ cách mạng, mong muốn thống nhất nước nhà.

Tháng 10-1955, do tình hình đồng bằng gặp nhiều khó khăn, địch đánh phá ác liệt, Tỉnh ủy họp hội nghị ở Di Ngâu (Trà Bồng) để bàn cách đối phó với địch, đồng thời xúc tiến xây dựng căn cứ địa ở miền núi (Sơn Hà, Trà Bồng)⁽¹⁾ để đấu tranh lâu dài với địch, nhất là ở đồng bằng. Các nhóm "trả đầu" Vói Quít, Phó Nía⁽²⁾ phát triển mạnh.

(1). Tỉnh ủy chọn các xã nam huyện Trà Bồng (gồm Trà Vinh, Trà Thọ, Trà Trung, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Tân, Trà Nham và Trà Lãnh, trong đó có một số xã trước thuộc Sơn Hà), làm trung tâm căn cứ của tỉnh Quảng Ngãi. Dẫn theo Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh Nhân dân 30 năm. Sđd- Trang 154.

(2). Các nhóm "trả đầu" ở Sơn Hà có các nhóm Vói Quít sau có Phó Nía. Ở Trà Bồng có anh Lang sau có Cả Trươn. Ở Ba Tư có anh Hời sau đó có Chánh Khanh. Trả đầu là dựa vào phong tục trả đầu ngày xưa, trước cách mạng tháng 8-1945, để báo thù cho họ hàng, bản làng bị hại. Sau cách mạng tháng 8/1945 bị cấm. Nhưng năm 1955-1958 khôi phục lại chỉ nhằm đánh địch, diệt ác ôn, bảo vệ cách mạng (TB).

Đồng thời Tỉnh ủy bố trí lại lực lượng cán bộ, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh cách mạng nhất là ở ba huyện bị tổn thất nặng là Mộ Đức, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành. Đồng chí Nguyễn Thượng Kinh bị địch truy lùng ráo riết phải ra ẩn nấp trong đồng mía ở Hòa Vinh. Địch lại phát hiện được. Chúng huy động lực lượng dân vệ các xã Hành Phước, Hành Đức lùng sục nhiều lần bắt được đồng chí vào tháng 9-1955⁽³⁾.

Tại Nghĩa Hành cuối 1956 đầu 1957, cơ sở Đảng hầu như bị vỡ gần hết, Sau đồng chí Nguyễn Thượng Kinh phó Bí thư, đến đồng chí Lê Quang Ngọc quyền Bí thư bị bắt, chỉ sót lại một số đồng chí như Trần Miên (Hong Quang), Huỳnh Quang (tức Sát, Dân, quê ở Hành Tín) Cao Bá (Hành Thịnh) và một số cơ sở quần chúng trung kiên.

Đồng chí Trần Miên (Hong Quang) quê Hành Tín tạm thời quyền Bí thư Huyện ủy. Đến tháng 5-1957 địch phát hiện đồng chí Hong Quang và đồng chí Bùi Thanh Đạm đang ẩn nấp trong nhà bà Trần Thị Soạn (Tân Phú, Hành Tín) chúng huy động đại đội bảo an đóng ở Đồng Miếu và trung đội dân vệ ở địa phương lục soát cả thôn và vây bắt đồng chí Bùi Thanh Đạm, đồng chí Hong Quang nấp trong vựa lúa, không chịu đầu hàng theo lời kêu gọi của chúng, quyết dùng súng tử thủ. Địch bắn cả loạt vào vựa lúa. Đồng chí bị thương nặng. Chúng cho băng bó đưa sang Nhơn Lộc, bắt phải nhận tên họ, chức vụ của mình. Đồng chí

(3). Đồng chí Nguyễn Thượng Kinh bị địch đưa về nhà lao Quảng Ngãi tra tấn rất dã man rồi đưa đi nhà lao Huế xử án đày đi Côn đảo. Nhưng đồng chí rất yếu chúng đưa về nhà lao Quảng Ngãi. Ở đây đồng chí nhịn đói đến 9 ngày mới qua đời.



Hố Bà Năm (Hành Dũng) nơi gây dựng cơ sở cách mạng ở cánh bắc huyện trong những ngày đầu chống Mỹ.



Địa điểm đặt trường Đảng huyện trong những năm kháng chiến chống Mỹ (Hành Thiện)

lấy chiếc ảnh Bác Hồ bọc trong túi giơ cao lên và bảo là cha mình và hô “Hồ Chủ tịch muôn năm”, “Đảng Cộng sản muôn năm” rồi bứt tất cả bông băng để máu ở vết thương chảy ra cho đến chết⁽¹⁾. Bà Trần Thị Soạn bị chúng bắt giam tra tấn dã man, vẫn không khai báo ai, ngoài hai đồng chí mà địch đã biết. Tình hình cách mạng ngày càng khó khăn. Tỉnh ủy điều đồng chí Huỳnh Phước (tức Mai, quê ở Phổ An- Đức Phổ) lúc đó đang phụ trách đường dây liên lạc của tỉnh, về phụ trách Nghĩa Hành. Cùng với đồng chí Huỳnh Phước thời gian này, huyện được tăng cường thêm 2 đồng chí cán bộ ở Huyện ủy Minh Long về là đồng Lê Thành Mỹ (tức Lê Hưng - Nguyên phó Bí thư Huyện ủy Minh Long cư trú ở thôn Minh Châu - Hành Dũng nhưng có gia đình ở Long Sơn- Minh Long) và đồng chí Võ Loan quê ở Hành Dũng để xây dựng lại phong trào.

Với số cán bộ đó, Huyện ủy lâm thời được thành lập gồm 4 đồng chí Huỳnh Phước, Lê Thành Mỹ, Võ Loan, Huỳnh Quang do đồng chí Huỳnh Phước làm Bí thư.

Để thuận tiện chỉ đạo phong trào và tránh địch khủng bố, Huyện ủy chia ra 2 tuyến :

- Cánh bắc: gồm các xã Hành Dũng, Hành Minh, Hành Phước, Hành Đức, do hai đồng chí Lê Thành Mỹ (Phó Bí thư) và Võ Loan phụ trách. Cơ sở chính ở xã Hành Dũng.

- Cánh nam: gồm các xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh do hai đồng chí Huỳnh Phước (Bí thư) và Huỳnh Quang (Sắc) phụ trách. Cơ sở chính là Hành Tín.

(1). Có tài liệu nói lúc đồng chí Hồng Quang hô “Hồ Chủ tịch muôn năm” rồi bị địch bắn chết.

Việc Huyện ủy chọn hai xã Hành Tín và Hành Dũng làm cơ sở chính để đứng chân là do địa thế hai xã này có liên quan đến Ba Tơ, Minh Long để bề hoạt động hơn. Phong trào cách mạng và cơ sở quần chúng ở đây còn mạnh, đặc biệt là Hành Tín (không phải ngẫu nhiên mà thời gian trước Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã dự kiến chọn 2 xã này của Nghĩa Hành làm căn cứ của Tỉnh).

Tuy vậy tình hình vẫn còn rất khó khăn. Cơ sở các xã hầu như bị đánh phá tan nát. Các đảng viên người bị giết, người ở tù, người bị địch quản thúc giám sát nghiêm ngặt không được đi xa, không được giao thiệp với nhau. Nhiều đồng chí trung kiên cũng tạm nằm im không hoạt động gì. Việc liên hệ giữa Huyện ủy với cơ sở hầu như bị tắt nghẽn. Các đồng chí Huyện ủy chỉ có thể nằm sâu trong rừng, dựa vào đồng bào dân tộc ở Ba Tơ dần dần bắt mối xuống Trũng Kè (Hành Tín) và Minh Châu (Minh Long). Tình hình đang hết sức khó khăn. Đầu năm 1958 Tỉnh ủy có chủ trương sát nhập 2 huyện Minh Long, Nghĩa Hành làm một để tiện cho việc chỉ đạo, vì Minh Long không còn đồng chí Huyện ủy nào⁽¹⁾.

Đồng chí Huỳnh Phước (tức Mai - Bí thư) dần dần đứng được ở Trũng Kè (Hành Tín) dựa vào Già Hêu (lo việc ăn uống, tiếp tế, đưa tin) và Đinh Ngheo (còn gọi là Đinh Bốn, giúp việc canh gác, bảo vệ). Đồng chí Huỳnh Quang (Sắc, Dấn) tạm lánh lên Ba Tơ cũng về dựa vào cơ sở ở

(1). Theo ý kiến của đồng chí Phan Anh Kiệt và một số đồng chí trong Hội thảo ngày 4-5/12/1995. Đến năm 1959, Trung ương tăng cường một số cán bộ tập kết vào Nam hoạt động, lại tách ra như cũ (xem phần sau).

Trùng Kè, và qua vợ đồng chí Quang tức Đỗ Thị Thứ (sống hợp pháp ở Hành Tín) thường lên Ba Làng làm ăn, bắt mối với các đảng viên cũ như ông Nguyễn Phú các bà Trương Thị Đẹp, Nguyễn Thị Võ, Trịnh Thị Nhi (Chấn) ở Nhơn Lộc, bà Hồ Thị Lê (Huấn) ở Long Bình, bà Võ Thị Soạn ở Tân Bình, Nguyễn Có (Hương) ở Phú Khương; ở Hành Thiện, qua vợ chồng đồng chí Lữ Trị (Bằng) sống hợp pháp ở Gò Vườn (Minh Long) móc nối với hai chị em cô Võ Thị Chính (Cô Mười) liên hệ được một số đảng viên ở Mỹ Sơn, Ngọc Dạ và Phú Lâm Tây. Ở Hành Dũng tuy khó khăn hơn nhưng các đồng chí Lê Thành Mỹ, Võ Loan cũng dựa vào đồng bào Hre ở Minh Châu bắt đầu lên xuống được Yên Ngựa, dựa vào bà Đinh Thị Tê và đồng bào Hre móc nối được ông Hương Mười (tức Mười Diêm) người đã nuôi giấu đồng chí Hồng Quang trước đây và một số đảng viên ở xóm Rẫy, Đồng Vinh, An Sơn và Bình Thành. Nhưng công việc liên hệ móc nối suốt cả năm trời đó cũng chỉ làm được một số việc: nắm tình hình hoạt động của địch, chuyển một số tài liệu thư từ miền Bắc gửi vào. Việc chuyển thư đến tận gia đình cán bộ tập kết cũng hết sức khó khăn, thường là giả người đi mua bán đến nhà và lén để vào nơi nào đó rồi đi ngay. Người nhà sau đó sẽ nhận được⁽¹⁾. Tuy vậy, những hoạt động ít ỏi này cũng củng cố được lòng tin vào miền bắc xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào Đảng và Bác Hồ, động viên tinh thần đấu tranh của

(1) Dẫn theo hồi ký của đồng chí Huỳnh Phước (tức Mai-nguyên Bí thư Huyện ủy lâm thời Nghĩa Hành 1957 -1960) cung cấp. Một số gia đình có người thân đi tập kết ra bắc gửi ảnh, thư từ về bị địch theo dõi, truy bắt, đánh đập một cách dã man như bà Lê Thị Lơ (Đính), bà Đoàn Thị Lại (Hành Thịnh), bà Trương Thị Đẹp, chị ruột đồng chí Trương Đình Khánh và là cơ sở nuôi giấu đồng chí Huỳnh Quang.

nhân dân.

Đến giữa năm 1958, phong trào cách mạng trong huyện có khá hơn so với thời kỳ năm 1955-1956. Thanh niên các xã Hành Thịnh, Hành Phước, Hành Tín... bắt đầu len lỏi lên miền núi tìm cách mạng như các đồng chí Nguyễn Chính rồi Huỳnh Cửu, Nguyễn May (ở Hành Thịnh), hoặc cùng nhau tổ chức thành nhóm nhỏ hỗ trợ nhau trong lúc chạy trốn khi địch bắt lính hoặc chống lại địch khi bị đàn áp. Các tổ chức và hình thức hoạt động còn ở dạng tự phát và chủ yếu dựa vào địa hình rừng núi.

Sau khi nhận được tài liệu của đồng chí Lê Duẩn soạn thảo (Đề cương về cách mạng miền Nam)⁽²⁾ do Khu ủy 5 gửi, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp hội nghị ở Trà Bồng, bàn việc xúc tiến xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ (trước mắt là xây dựng các đội vũ trang công tác), củng cố và phát triển các đoàn thể quần chúng, diệt ác có trọng điểm, nhất là ở các huyện đồng bằng, để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh đi lên. Tiếp đó, ngày 7-7-1958, tại Gò Rô (Trà Phong), dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền núi Quảng Ngãi đã họp, nhằm tập hợp các tầng lớp nhân dân trong tỉnh chống Mỹ-Diệm.

Tình hình trên đã tác động tích cực đến phong trào cách mạng huyện Nghĩa Hành, là nơi tiếp giáp hai huyện miền núi Ba Tư, Minh Long, nơi cư trú chủ yếu của đồng bào dân tộc Hre.

(2). "Đề cương về cách mạng miền Nam", do đồng chí Lê Duẩn soạn tháng 8-1956, lúc đó đồng chí phụ trách miền Nam (sau gọi là Trung ương Cục miền Nam) để ra con đường đấu tranh bằng bạo lực quần chúng, sau khi hết thời hạn Tổng tuyển cử.

Thời gian này, ở các huyện đồng bằng Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ... các đội vũ trang công tác được thành lập, tuyên truyền giác ngộ nhân dân đấu tranh, diệt một số tên ác ôn khét tiếng, có nhiều nợ máu với nhân dân, như các tên Võ Hoàng (Bí thư Quốc dân đảng, quận trưởng Ba Tư, quê ở Tịnh Hà - Sơn Tịnh), Phạm Đình Trực (tức Xã Cẩm, đại diện xã Bình Chương), Cửu Dực (Bình Nguyên)... khiến quần chúng nhân dân Nghĩa Hành và trong tỉnh phấn khởi. Tư tưởng cán bộ, quần chúng bắt đầu ổn định, đấu tranh kiên quyết hơn. Địch bắt đầu hoang mang dao động. Một số công chức, binh lính địch chán ghét chế độ độc tài phát-xít, phản dân chủ, "gia đình trị" của Diệm. Giới Phật tử thì tố cáo Diệm-Nhu ngược đãi Phật giáo⁽¹⁾. Chị em tiểu thương buôn bán thì phản đối thuế khóa nặng nề. Ở Nghĩa Hành, từ những cơ sở đã có, các xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Dũng mọc nổi thêm nhiều cơ sở ở đều các thôn xóm, ở Hành Thịnh đã liên hệ được với bà Đinh Thị Nho, ông Nguyễn Tuấn, ông Đoàn Vong (Xuân Đình) bà Nguyễn Thị Quảng, Lê Sắc, Huỳnh Thị Rầy (Mỹ Hưng); ở các xã Hành Phước, Hành Đức cũng đã xây dựng được một số cơ sở ở Hoà Vinh, Đề An, Hiệp Phổ, Kỳ Thọ, Phúc Hậu, Xuân Vinh. Hình thức hoạt động cũng phong phú hơn. Bà Nguyễn Thị Võ giả làm người bán vải, bà Trịnh Thị Nhì giả làm người nấu bán mạch nha, bà Trương Thị Đẹp giả đi Ba Tư làm ăn, bà Nguyễn Thị Quảng giả

(1). Để hạn chế Phật giáo, Ngô Đình Diệm đã có chính sách phát triển đạo Công giáo (Thiên chúa). Ai vào đạo thì được ưu đãi bổng lộc, ruộng đất, nhân dân mỉa mai "vào đạo có gạo mà ăn", gọi là "đạo gạo, đạo giầy". Theo Nam Trung bộ kháng chiến (1945- 1975). NXB Chính trị Quốc gia., Hà Nội 1995-Trang 248

đi buôn chè ở Minh Long, ông Nguyễn Phú già đi đánh chim đất... để liên lạc với cơ sở, chuyển truyền đơn, cờ. Việc chuyển thư từ miền Bắc gửi về cho gia đình cũng không phải làm lén lút như trước. Truyền đơn chống Mỹ-Diệm đã xuất hiện ở các chợ như chợ phiên Tam Bảo, chợ Chùa, chợ Phú Lâm, chợ Suối Bùn. Phong trào cách mạng đang dần dần phục hồi.

Tuy vậy địch vẫn đánh phá ác liệt nhất là trấn áp các xã giáp miền núi. Ngoài việc dùng bọn tề điệp có nợ máu với nhân dân kèm kẹp nhân dân ở từng liên gia, từng xóm, thôn nhỏ, chúng còn điều quân đến đóng ở các đồn Nhơn Lộc, Phú Khương (Hành Tín), Cộng Hòa (Hành Thiện), An Sơn (Hành Dũng) để khống chế suốt ngày đêm trên các ngã đường vào núi, đường đi qua các huyện khác. Bọn an ninh tỉnh ngục trang dưới nhiều hình thức đánh hơi từng hoạt động của những đảng viên cũ, những người bị chúng tình nghi. Đặc biệt tên Võ Hưng (còn có tên là Diệu) lính khố xanh cũ sau làm phòng nhì cho Pháp (mật thám) người Tư Nghĩa lên Nhơn Lộc mở tiệm hớt tóc từ những năm 1956, 1957 đã bị nhân dân nghi là mật thám chỉ điểm, bây giờ lòng sục khắp nơi rồi liên hệ chặt chẽ với bọn an ninh tỉnh (kéo về hàng tiểu đội) đóng tại nhà đồng chí Nguyễn Phú. Bọn chúng đã đánh hơi được một số hoạt động của ta. Một số cơ sở bị lộ. Đồng chí Võ Loan, cán bộ huyện về xây dựng cơ sở ở Hành Dũng, bị bắt⁽¹⁾(do một

(1). Đồng chí bị tù ở Chí Hòa (Sài Gòn) sau vượt ngục (1968) về làm Huyện ủy viên Nghĩa Hành, sau bị sung phối một năm 1993 tại quê nhà Hành Dũng (Tư liệu đồng chí do Võ Quyền cung cấp).

cơ sở ở Kim Thành phản bội). Đồng chí Lê Thành Mỹ (Phó Bí thư Huyện ủy) thoát được. Nhưng phong trào cách mạng trong huyện vẫn được duy trì, giữ vững.

Bước sang 1959, hoàng sơ trước phong trào lớn mạnh của cách mạng miền Nam, Diệm tuyên bố "đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh" (3-1959) và ra đạo luật phát-xít 10-59 "đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật", "xử bắn không cần xét xử" để đàn áp phong trào cách mạng miền Nam.

Ở Quảng Ngãi, Mỹ-Diệm chia làm 3 vùng⁽²⁾, để áp dụng các biện pháp đánh phá có hiệu quả, trọng điểm là căn cứ miền núi và vùng giáp ranh, đẩy nhân dân ta vào một tình thế bức bách, hoặc đứng lên cầm vũ khí đánh đổ chúng, hoặc chịu khuất phục chúng.

Tháng 1-1959, trong lúc nhân dân Quảng Ngãi và nhân dân Nghĩa Hành đang ra sức xây dựng lực lượng, thì Nghị quyết 15 của Trung ương ra đời, soi sáng và cổ vũ phong trào cách mạng trong tỉnh và trong huyện.

Nghị quyết nêu rõ: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang đánh

(2). Ba vùng đó là: Vùng căn cứ (vùng miền núi do ta kiểm soát), thực hiện chính sách: "ba sạch", vùng tranh chấp (giáp ranh đồng bằng - miền núi) cần quét, phục kích, khủng bố; Vùng do địch kiểm soát (đồng bằng đô thị): thanh lọc, tổ cộng, dồn dân. Theo tài liệu Về tình hình phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi 1954-1959, lưu ở bộ phận NCLS Đảng tỉnh.

dô quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng nên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

Cũng như toàn miền và trong tỉnh. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời là một bước ngoặt lớn, vạch rõ đường lối, phương hướng và phương châm cách mạng cho toàn Đảng và toàn dân trong huyện, là phải đứng lên cầm vũ khí đánh đổ Mỹ-Diệm. Thời kỳ đấu tranh chính trị đơn thuần đã qua, thay vào đó là đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang. Mặc dù tình hình còn khó khăn, nhưng Nghị quyết 15 “đã thổi bùng lên khí thế cách mạng của quần chúng. Đảng cho đánh rồi.”⁽¹⁾

Tháng 6-1959, Tỉnh ủy triệu tập cuộc họp tại Trà Bồng, bàn kế hoạch học tập, thực hiện Nghị quyết 15 và chuẩn bị phát động toàn dân chống phá trò hề bầu cử Quốc hội khóa II (30-8-1959) của Diệm sắp tới.

Sau khi hội nghị Tỉnh ủy, các huyện đều học tập và triển khai Nghị quyết 15, trước hết là xúc tiến xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ cho quần chúng, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị, diệt ác, phá kềm, giành quyền làm chủ.

Ở Nghĩa Hành, tuy chưa thành lập đội vũ trang công tác của huyện, nhưng ở các xã, một số nơi đã thành lập tổ du kích, dân quân tự vệ, như các xã Hành Thịnh, Hành Phước, Hành Tín... để bảo vệ cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng,

(1). Trích Báo cáo chính trị của Tỉnh ủy Quảng Ngãi - Đại hội III (Tháng 10/1968) . Tổng kết hoạt động của Đảng qua các thời kỳ này (1959), Tỉnh ủy đã thành lập đơn vị vũ trang 339 đầu tiên của tỉnh, tiếp đó là các đơn vị 89, 229, V9, V12 (bảo vệ căn cứ). Tài liệu đã dẫn.

chống địch, khủng bố. Đây chính là tiền thân cho sự phát triển lực lượng vũ trang của huyện trong những năm 1960-1961.

Ngày 28-8-1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng bùng nổ và lan rộng ra các huyện miền tây Quảng Ngãi. Đây là một trong những cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên của đồng bào các dân tộc miền núi Nam Trung bộ. Cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi. 16 xã vùng cao ở Trà Bồng và một số nơi ở Sơn Hà, Ba Tơ được giải phóng. Đến cuối tháng 12-1959, hơn 40 xã vùng cao miền tây Quảng Ngãi đã thoát khỏi ách kềm kẹp của Mỹ- Diệm, giành quyền làm chủ, chính quyền nhân dân tự quản các xã được thành lập.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã tác động thuận lợi sâu sắc đến phong trào cách mạng của các huyện đồng bằng, nhất là huyện Nghĩa Hành, nơi giáp giới hai huyện Ba Tơ, Minh Long, tạo cho Nghĩa Hành có chỗ dựa vững chắc lâu dài về sau, đặc biệt là ở hai xã Hành Tín và Hành Dũng, nơi bị đánh phá tàn bạo trong thời kì Mỹ - Diệm tố cộng đẫm máu.

Giữa năm 1959, quán triệt Nghị quyết 15, cũng như toàn miền, toàn tỉnh, huyện được trên tăng cường một số cán bộ người địa phương đi tập kết, trở lại quê hương chiến đấu⁽¹⁾. Đó là các đồng chí Tô Lan (tức Tô Hành, quê ở Hành Thiện), Nguyễn Đăng Long (Hành Phước), Đỗ Ngọc Hồ quê Sơn Tịnh, Nguyễn Nguyên Hành Phước, hy sinh

(1). Giữa năm 1959, Trung ương Đảng bắt đầu tăng cường cán bộ đi tập kết ra Bắc trở lại miền Nam chiến đấu. Xây dựng đường dây 559 (5/59) để chuyển cán bộ và vũ khí vào Nam. Dẫn theo Nam Trung bộ kháng chiến. Sđd, trang 265.

1963) Nguyễn Tài (Hành Đức), Trần Chí Thanh tức Trần Ngọc Hồ (Hành Dũng. sau về khu làm ủy viên an ninh khu, mất năm 1987 tại xã Hành Dũng), Phạm Thiệu, Nguyễn Quảng (bổ sung cho Minh Long), Phạm Hường (tức Tám Hường, quê ở Hành Dũng, Huyện ủy viên Nghĩa Hành 1961-1967). Tiếp sau đó các đồng chí Võ Xuân Huế (Hành Tín) Trần Văn Năng, Trần Dậu, Nguyễn An (Hành-Thịnh) lại tiếp tục về bổ sung lực lượng cho huyện. Bất được liên lạc với các đồng chí Huỳnh Phước (tức Mai, Bí thư) và Huỳnh Quang (Sắc), các đồng chí thành lập ngay ban cán sự huyện gồm các đồng chí Huỳnh Phước, Tô Hành, Phạm Hường, Huỳnh Quang, Nguyễn Tài, Trần Chí Thanh tức Trần Ngọc Hồ. Căn cứ đóng tạm ở nhà đồng chí Đinh Trọng (thuộc làng Tro - Long Sơn - Minh Long) và phân làm hai cánh. Đồng chí Huỳnh Phước, Tô Hành và hai đồng chí khác phụ trách cánh nam về đóng ở Làng Ôn (Ba Tơ), tiếp tục nắm, củng cố các cơ sở đã có và tiếp tục xây dựng thêm nhiều cơ sở mới, nhất là trong tầng lớp thanh niên như các ông Võ Quyền, Nguyễn Văn Được⁽²⁾ v.v.. Đồng chí Phạm Hường cùng hai đồng chí khác phụ trách cánh bắc, lúc đầu dựa vào đồng bào Hre ở Yên Ngựa (thuộc Minh Long) phát triển xuống đèo Chim Hút (Hành Dũng), qua các cơ sở Đinh Ngô, Đinh Thị Têu, tập trung cả 25 nóc gồm 97 nhân khẩu đồng bào dân tộc đang sinh sống ở dốc Bóm lên núi Kỳ Lân họp nghe giải thích về cách mạng, lời kêu gọi của Bác Hồ và làm lễ tuyên thệ sống chết vì cách mạng. Đồng bào đã tìm chỗ ẩn nấp, sắp xếp việc ăn,

(2). Hiện là anh hùng lực lượng vũ trang, ủy viên Trung ương Đảng. Thiếu tướng, chỉ huy trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu V.

ở, bố trí việc canh gác bảo vệ, tổ chức phát dọn được hơn 2 mẫu rẫy và một mẫu ruộng, giúp việc trồng trọt để có cái ăn, cái ở lâu dài cho cán bộ. Tỉnh ủy bổ sung thêm 8 đồng chí người Đức Phổ về cho Nghĩa Hành, với mục đích xây dựng căn cứ vừa làm chỗ đứng chân, vừa là địa điểm liên lạc từ Bắc vào Nam của Cách mạng. Tên gọi “Đá ông Hường”, “Hố bà Năm” xuất hiện từ đó. Với số người được tăng cường, ban cán sự chủ trương chia thành các bộ phận chuyên trách như tổ sản xuất, nhóm y tế, đội công tác, đội vũ trang và từ đó nắm các cơ sở và phát triển rộng dần ra các xã Hành Đức, Hành Thuận, Hành Minh... Hầu hết các đảng viên cũ bị đứt liên lạc, bị địch quản thúc chặt chẽ phải tạm thời nằm im nay đã bí mật tiếp nhận chủ trương và hoạt động trở lại. Các tổ Đảng bắt đầu hình thành, nhất là sau khi diệt một số tên ác ôn như tên Võ Giới thì ở các xã cánh bắc cũng như các xã cánh nam, các cơ sở Đảng từng bước được khôi phục. Một số nơi đã khôi phục và thành lập được chi bộ như Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Dũng, Hành Phước, Hành Đức. Đặc biệt lần đầu tiên ta xây dựng được một chi bộ có 3 đảng viên đều là người dân tộc Hre gồm các đồng chí Đinh Một, Đinh Ngheo (Bốn), Đinh Chỉ, do đồng chí Võ Xuân Huế (người Hành Tín, đi tập kết vừa ở miền Bắc về) trực tiếp làm Bí thư⁽¹⁾. Các đoàn thể quần chúng được củng cố, nhất là Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên. Nhiều thanh niên đã thoát ly, tham gia cách mạng. Nhân dân nổi dậy đấu tranh chống địch khủng bố, tố cộng, phản đối luật 10/59, chống địch cướp đoạt

1). Theo tư liệu của đồng chí Võ Xuân Huế

ruộng đất “trích chí công điền”. tẩy chay các cuộc họp nghiệp đoàn (Phong trào cách mạng quốc gia, Thanh niên Cộng hòa công dân vụ...), đóng “nguyệt phí” của địch. Uy tín của Đảng và cách mạng ngày càng lên cao.

Tháng 2 năm 1960, tại Di Ngâu (Trà Bồng), Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất (trong chống Mỹ) họp, tổng kết phong trào cách mạng và vai trò lãnh đạo của Đảng trong 6 năm (1954-1960), đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới và bầu lại Ban Chấp hành. Tham gia Đại hội, đại biểu Nghĩa Hành có các đồng chí Huỳnh Quang, Huỳnh Phước, Ngô Cửu (tức Ngô Voi, Thận, quê Hành Phước nguyên là cán bộ cơ yếu của tỉnh, sau về huyện)... Đồng chí Huỳnh Phước (Mai) nguyên Bí thư Huyện ủy lâm thời của huyện trúng cử Tỉnh ủy viên chính thức, được Tỉnh ủy cử về làm Bí thư Huyện ủy Mộ Đức. Đồng chí Nguyễn Quang Giao (người Ba Tơ) nguyên Phó Bí thư Huyện ủy Ba Tơ vừa trúng Tỉnh ủy viên được Tỉnh ủy chỉ định về làm Bí thư Huyện ủy, tiếp tục lãnh đạo Đảng bộ Nghĩa Hành và nhân dân trong huyện đấu tranh chống Mỹ-Diệm.

Về đến huyện, tuy bớt gay go hơn trước nhiều, nhưng đồng chí Giao vẫn phải sống ngoài rừng, được đồng bào Trưng Kè (Hành Tín) chăm sóc, bảo vệ. Hàng ngày, vợ chồng đồng chí Đinh Bốn lo việc ăn uống canh gác; đồng chí Đinh Chỉ chuyên việc đưa tin và dẫn đường⁽¹⁾. Thông qua các cơ sở của đồng chí Huỳnh Phước để lại như Phú,

(1). Dẫn theo tư liệu của đồng chí Nguyễn Quang Giao. Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành những năm 1960 -1962.

Quyền, Thọ, Huân, Trí (Hành Tín), Chính, Quang (Hành Thịnh), Mai Kim (Hành Thiện), kết hợp với các đồng chí miền Bắc về trước đây, tiến hành việc xây dựng lại cơ sở Đảng. Huyện ủy đã có gần đủ người phân công phụ trách từng xã một. Đồng chí Phạm Hương phụ trách Hành Dũng, Nguyễn Linh phụ trách Hành Thịnh, Nguyễn Tài phụ trách Hành Đức, Nguyễn Đăng Long phụ trách Hành Thiện... Nhờ thế, cơ sở Đảng phát triển khá đều khắp. Hầu hết các xã đều có chi bộ từ 3 đến 5 đảng viên, trong đó có một số chi bộ lãnh đạo tốt, có phong trào mạnh như Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Phước, Hành Thiện, Hành Dũng, nhất là Hành Tín, một xã có cơ sở cách mạng từ sớm, lại là nơi giao lưu của 3 huyện ở đồng bằng lên Ba Tư (Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành), Trụ sở của huyện lại thường đóng ở đây, lúc ở rừng núi Nhon Lộc, lúc lại chuyển đến rừng núi thuộc Phú Khương hoặc Phú Thọ. Có một bộ phận Huyện ủy đứng cánh ở rừng núi Hành Dũng. Đây cũng là một địa bàn quan trọng liên lạc với Minh Long và tây Tư Nghĩa.

Điều đáng chú ý là thời gian này Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tăng cường hỗ trợ cho phong trào cách mạng của huyện. Tỉnh ủy đã điều động tiếp một số thanh niên Đức Phổ về giúp cho Nghĩa Hành như đồng chí Kim Sơn (sau này làm Huyện đội trưởng Nghĩa Hành) và các đồng chí Liễu, Sĩ, Diệp. Nhờ thế, so với thời kỳ trước (1954- 1959), tuy còn nhiều khó khăn, nhưng phong trào cách mạng trong huyện có chuyển biến lớn. Hệ thống tổ chức Đảng trong huyện được mở rộng và củng cố. Lực lượng vũ trang và đội công

tác các xã trong huyện lần lượt được thành lập. Đường lối đấu tranh ngày càng rõ ràng, nhất là sau khi có nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (1-1959) cho phép đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị. Quần chúng phấn khởi, đấu tranh tự tin hơn.

Phong trào đang trên đà thuận lợi thì vào tháng 4-1960, bọn an ninh quận sau nhiều ngày theo dõi đã tổ chức mai phục bắt đồng chí Huỳnh Quang tại Gò Vườn (Minh Long) ngay trên đường đi công tác, đưa về giam giữ và tra tấn ở quận lỵ, sau đó chuyển về nhà lao Quảng Ngãi.

Biết đã bị lộ, Huyện ủy lập tức chỉ đạo các chi bộ chôn giấu tài liệu, thư từ, cờ ảnh và chuyển vùng ngay một số đảng viên, cốt cán đang bị chúng theo dõi để hạn chế bớt thiệt hại. Nhưng liên tiếp trong 6 tháng sau, địch tổ chức vây ráp cả 8 xã trong huyện, xã nào cũng bị chúng bắt đi vài ba người chúng tình nghi. Riêng ở Hành Tín chúng bắt hàng chục người đều đúng là đảng viên và cơ sở của ta, trong đó có 3 đảng viên là Nguyễn Phú, nhóm trưởng nhóm cơ sở ở Nhơn Lộc, Nguyễn Có (Bí thư chi bộ Phú Khương) và Nguyễn Tài. Chúng tổ chức tra tấn tại chỗ, đưa từng người là cơ sở của ta đến nhận mặt, đối chất. Các đồng chí bị chúng hành hạ đủ mọi cách đến mức không còn đủ sức đứng thẳng lên được. Không khai thác được ở xã, chúng đưa về huyện rồi về tỉnh, ra sức khai thác cơ quan và chỗ ở của các đồng chí trong Huyện ủy, đường dây liên lạc với cấp trên, với lời đe dọa sẽ xử tử tất cả nếu không chịu nói. Suốt 4 tháng liền chúng không khai thác được gì. Phong trào cách mạng trong huyện bị tổn thất đáng kể.

Một số xã ở bắc sông Vệ vừa mới xây dựng chi bộ lại bị tẩy trắng. Nhưng quần chúng cách mạng vẫn hằng hái hoạt động, vẫn dưới nhiều hình thức đấu tranh chống bắt lính, chống bắt bố tràn lan, tố cáo nguy quân, nguy quyền đàn áp, bóc lột, hống hách với nhân dân. Cách mạng vẫn giữ được khí thế đi lên.

Cuối 1960, phong trào cách mạng miền Nam bắt đầu phát triển mạnh, tiếp đó, ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đã tác động rất mạnh đến phong trào cách mạng trong tỉnh và trong huyện. Đến cuối tháng 12 năm 1960, hơn 60 xã ở vùng cao của miền tây Quảng Ngãi đồng loạt đứng lên đánh đổ nguy quyền, làm chủ một vùng rộng lớn. Tình hình trên đã tạo điều kiện cho phong trào cách mạng huyện Nghĩa Hành tiếp tục tiến lên.

Trải qua hơn 6 năm (1954-1960) đấu tranh gian khổ và anh dũng, phong trào Cách mạng Nghĩa Hành đến lúc này đã có những bước phát triển mới. Giai đoạn đầu, những năm 1955-1958 là giai đoạn đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định, bị địch khủng bố ác liệt, cơ sở bị tổn thất nặng (nhất là 1955-1957). Phương pháp đấu tranh lúc đầu còn lúng túng bị động (do sợ vi phạm Hiệp định), nhưng với tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên của Đảng đã vượt qua mọi hiểm nguy, bám dân, bám phong trào hoạt động, vận động nhân dân chống Mỹ - Diệm. Việc chỉ đạo của Huyện ủy đối với các xã vẫn giữ được. Đặc biệt từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (1-1959)

phong trào cách mạng trong huyện tuy bị địch đánh phá liên tục, có những tổn thất nặng nề, nhưng vẫn giữ được khí thế phát triển. Các tổ chức Đảng ở xã, thôn được thành lập và củng cố lại. Từ chỗ đấu tranh chính trị để giữ gìn lực lượng, kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ, quần chúng nổi dậy phá kềm, đòi dân sinh, dân chủ, nhất là các xã giáp giới Ba Tư - Minh Long và nam sông Vệ, tạo tiền đề vững chắc cho phong trào cách mạng trong huyện trong những giai đoạn tiếp theo.

Chương X

ĐẢNG BỘ NGHĨA HÀNH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI PHÁ ẤP CHIẾN LƯỢC, GIÀNH DÂN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ- NGỤY (1961- 1965)

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi và phong trào cách mạng miền Nam đã làm thất bại chiến lược chiến tranh một phía của đế quốc Mỹ. Nguy cơ sụp đổ của Chính quyền Diệm - Nhu, chỗ dựa của đế quốc Mỹ, ngày càng trở thành hiện thực, và là sự ám ảnh nặng nề đối với Mỹ. Ngụy quyền Sài Gòn ngày càng lục đục. Tháng 11-1960 Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh lữ đoàn dù, và Phan Quang Đán tổ chức đảo chính hụt. Để cứu vãn tình thế, từ năm 1961, Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và giữa năm 1961, đế

quốc Mỹ triển khai thực hiện kế hoạch Xtalây - Taylo với quyết tâm “bình định” miền Nam trong vòng 18 tháng, mà quốc sách là lập “áp chiến lược”, với khẩu hiệu là “cứu nông thôn là cứu chế độ”⁽¹⁾.

Trong kế hoạch này, Mỹ- Diệm lấy tỉnh Quảng Ngãi là một trong những trọng điểm đánh phá của chúng. Chúng xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thành Đặc khu quân sự (thực hiện chế độ quân quản) trực thuộc Bộ Tổng tham mưu của chúng, quyết đề bẹp phong trào cách mạng trong tỉnh. Huyện Nghĩa Hành cũng nằm trong bối cảnh đó.

Tại Nghĩa Hành, tuy bị địch đánh phá ác liệt, nhưng nhìn chung đến giữa năm 1961, phong trào cách mạng trong huyện lại dần dần hồi phục và phát triển. Nhiều xã, thôn đã có Chi bộ hoặc tổ chức cốt cán (tiền thân của Chi bộ).. Các tổ chức đoàn thể quần chúng như Phụ nữ, Nông hội, Thanh niên cách mạng... được củng cố, phát triển, nhất là vùng giáp ranh miền núi, như Hành Tín, Hành Thiện, Hành Dũng... Thanh niên thoát ly lên núi, theo cách mạng ngày càng đông. Hầu hết các xã đều có đội vũ trang công tác hoặc tổ du kích tự vệ, lực lượng vũ trang và đội công tác vũ trang của huyện được thành lập, do đồng chí Kim Sơn (quê ở Đức Phổ) phụ trách.. Tình hình trên đã tạo điều kiện cho phong trào cách mạng trong huyện đi lên.

Biết kẻ địch đang sục dũ dội, mà Võ Hưng là một tên mật thám nguy hiểm, Huyện ủy chủ trương phải diệt ngay tên này để hạn chế sự đổ vỡ của nhiều chi bộ khác, cuối

(1). Theo Nam Trung bộ kháng chiến - Sđd trang 292.

tháng 3-1961, đồng chí Mai Kim (Hành Thiện)⁽¹⁾ cài trang là một đại úy ngục cùng 2 đồng chí khác làm cận vệ đến nhà Võ Hưng báo đưa sang Phú Khương truy tìm cơ sở cộng sản. Võ Hưng đưa đồng chí Kim vào núi nơi mà hắn nghi là địa điểm liên lạc của ta. Vào đến núi, cả ba đồng chí bắt tên Hưng trói lại, tuyên đọc bản án rồi xử tử hắn tại chỗ và đi tránh vào rừng một cách an toàn. Vụ giết tên Võ Hưng đã gây chấn động, hoang mang trong hàng ngũ ngục quân, ngục quyền ở Nghĩa Hành, khiến cho bọn ác ôn phải chùn chân, không dám đi lại nghênh ngang, lên to bắt nạt như trước nữa. Quần chúng trong huyện phấn khởi, hồ hởi, nhất là nhân dân Hành Tín.

Mãi đến ngày hôm sau, bọn tề ngục nhờ sự hỗ trợ của trung đội lính cộng hòa đóng ở Đồng Miếu, mới lấy được xác Võ Hưng và đưa về Nhơn Lộc, làm lễ truy điệu rất lớn có cả quận trưởng và bộ máy ngục quyền ở quận về dự, nhằm củng cố lại tinh thần của bọn tề điệp.

Để trả thù cho đồng bọn, hai hôm sau, chúng đưa 3 đồng chí Nguyễn Phú, Nguyễn Có, Nguyễn Tài về Phú Khương và bắt nhân dân cả Hành Tín, Hành Thiện đến xem chúng xử tử hình những người cộng sản. Trước cảnh súng đạn và những lời buộc tội đầy sát khí của luật 10-59, cả 3 đồng chí chúng ta vẫn ngẩng cao đầu hy sinh một cách anh dũng.

Phong trào lại bị tổn thất, nhưng khí thế cách mạng vẫn duy trì đi lên.

(1). Theo tư liệu của đồng chí Võ Quyền, Mai Văn Hội, Cao Bá Chiến và nhiều đồng chí trong hội thảo ngày 21-4-1997 cung cấp.

Ngày 31-1-1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp tại Hà Nội ra Nghị quyết về “Tình hình và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam”, trong đó có nêu “đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, để đưa phong trào cách mạng miền Nam tiến lên”. Tháng 2-1961, theo chỉ thị của Bộ Chính trị, các đơn vị bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc từ năm 1954, trong đó có đồng chí Lê Phò (Hành Thịnh) lần lượt trở lại chiến trường miền Nam hoạt động. Một số con em người địa phương được Tỉnh điều về hoạt động như Kỳ Sơn (Hành Dũng), Tuệ (Hành Đức), Thanh Hồ (Hành Dũng), Nguyễn Linh (Hành Tín), Trịnh Quang Chương (Hành Thịnh), kết hợp một số đồng chí từ miền Bắc về trước đây (1959) tạo điều kiện cho phong trào trong huyện càng có điều kiện phát triển mạnh.

Nhưng cũng từ giữa năm 1961 với sự hỗ trợ của một số đơn vị thuộc sư đoàn 25 nguy và lực lượng bảo an, địa phương quân, Mỹ - Diệm đã huy động cường bức hàng ngàn đồng bào trong huyện đi rào vi, lập ấp chiến lược, nhất là tại các xã xung quanh quận lỵ như Hành Dũng, Hành Thiện, Hành Thuận, Hành Minh và tuyến đường từ Hành Thuận (nối liền thị xã Quảng Ngãi) đi Chợ Chùa (Hành Minh) và hai xã Hành Dũng (cửa khẩu Minh Long), Hành Tín (cửa khẩu Ba Tư) là những tuyến đường quan trọng mà ta dễ bề hoạt động. Riêng ở Hành Tín, biết là nơi có cơ quan đầu não của Huyện ủy đóng ở đây. Chúng đã tiến hành xây dựng ấp chiến lược điển hình ở đây theo kiểu “hai sông, ba núi” nhằm đánh phá phong trào cách mạng

một cách thâm độc hơn. Chúng huy động dân của cả ba xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh cõm ~~dòm~~, cõm gọi đến đây hết tháng này đến tháng nọ, bất kể mưa nắng. Dưới sự chỉ huy bằng roi vọt và súng đạn, bà con bị bắt đào hào, rào vi, lập ấp vô cùng cực khổ để xây dựng cho xong ấp chiến lược theo thiết kế của chúng. Bằng cách này chúng hy vọng sẽ “tát cạn nước để bắt cá” và “cách ly Đảng và nhân dân” hòng bóp chết cơ sở Đảng và phong trào cách mạng trong thiếu thốn đói khổ ở nơi rừng sâu nước độc. Trước khi tiến hành những chủ trương đầy tội ác kể trên, tháng 6-1961, chúng đưa đồng chí Huỳnh Quang (Huyện ủy viên cũ) bị bắt trước đây (4-1960) và tra tấn hơn một năm trời về Hành Tín để xử bắn với mục -đích uy hiếp tinh thần cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ngoài ra chúng lập Ban trị sự ấp (gồm những tên có nợ máu với cách mạng hay bọn địa chủ, tôn giáo phản động) để theo dõi sát sao nhân dân. Những nơi không có ấp chiến lược, thì chúng bắt dân rào vi, đào hào dọc theo sườn núi, bìa làng mà chúng nghi cán bộ ta thường lên xuống hoạt động.

Ngoài ấp chiến lược, rào vi ra, mỗi xã địch đều lập trại giam để giam giữ những gia đình có liên quan đến cách mạng. Chúng tiếp tục phân loại các gia đình theo từng loại A,B,C và theo dõi kiểm soát chặt chẽ⁽¹⁾, đồng thời tiến hành những cuộc lùng soát “tảo thanh cộng sản”, nhằm nhổ tận gốc lực lượng cách mạng, vô hiệu hoá hạ tầng cơ sở của ta.

(1) Loại A : là những gia đình cách mạng hoặc có con em lập kết ra Bắc.

Loại B : là những gia đình lưng chừng, trung lập

Loại C : là những gia đình có người tham gia “Chính quyền quốc gia” (theo tài liệu lịch sử Đảng tỉnh).

Về kinh tế, chúng thực hiện chính sách mị dân “cộng đồng tái thiết quốc gia”, “thăng tiến cần lao” để bòn rút của cải nhân dân. Chúng nghiêm cấm nhân dân tự do đi lại làm ăn, siết chặt các cửa khẩu giáp ranh (Chợ Chùa đi Minh Long, Hành Tín đi Ba Tơ), bao vây cô lập kinh tế miền núi, bắt cùng hóa nhân dân, buộc dân đi “dinh điền” (vào Long Khánh) hoặc vào các khu trù mật, áp chiến lược, để chúng dễ bề quản lý, khống chế, tiến tới dè bẹp phong trào cách mạng.

Với âm mưu và thủ đoạn tàn bạo, đến giữa năm 1962 địch đã xây dựng được 40 ấp và 6 cứ điểm quân sự trong huyện⁽²⁾. Hoạt động của Đảng và quần chúng gặp nhiều khó khăn. Các đồng chí cán bộ, đảng viên thoát ly hầu như phải trải qua thời kỳ “đói cơm, lạt muối”. Song nhờ sự đoàn kết đùm bọc, che chở của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc Hre ở các xã Hành Tín, Hành Dũng, Hành Thiện (giáp giới Minh Long, Ba Tơ) như Trũng Kè, Minh Châu, Long Sơn, Long Xuân... phong trào hoạt động của Đảng vẫn được giữ vững, phát triển.

Để đưa phong trào cách mạng đi lên, quán triệt chủ trương của Khu, cuối năm 1961, đầu năm 1962 Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định đưa lực lượng vũ trang ở miền núi xuống đồng bằng để mở rộng vùng ảnh hưởng giành dân⁽³⁾, trong đó có tây nam Nghĩa Hành (từ Hành Tín đến Hành Thiện)⁽⁴⁾, làm bàn đạp cho việc đồng khởi nông thôn đồng

(2). Theo “báo cáo tình hình 1962” của Tỉnh ủy (trong đó có Nghĩa Hành) lưu ở bộ phận lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

(3). (4). Cụ thể là đại đội 607 xuống Bình Sơn, đại đội 608 xuống Tư Nghĩa, đại đội 609 xuống Đức Phổ. - TĐĐ.

bằng. Trong thời gian này tại thôn Khánh Giang (Hành Tín) dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Quang Giao (Bí thư), Huyện ủy quyết định thành lập Trung đội vũ trang 95 của huyện gồm 3 tiểu đội do đồng chí Nguyễn Hướng phụ trách (B trưởng), đồng chí Nguyễn Cao (Đức Phổ) làm B phó, kết hợp với đội vũ trang công tác của huyện do đồng chí Kim Sơn phụ trách, đánh địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy, diệt ác, phá kềm.

Tại Hành Tín, ta diệt tên Nguyễn Triều, một tên ác ôn tàn bạo, ngay giữa lúc chúng triển khai chủ trương rào vè, lập ấp, nhằm cảnh cáo những việc làm tội ác của chúng. Thấy mọi biện pháp chém giết, bao vây trấn áp đều không trị được cộng sản, Ngô Đình Cẩn, tên chúa tể Trung phần không còn tin cậy quyền Quảng Ngãi và Nghĩa Hành, nên đích thân phái 5 tên an ninh đặc biệt toàn là những tên có hận thù với cách mạng, với quyền lực rất lớn đi thẳng về Hành Tín truy cứu mọi mặt (kể cả việc xử tử các đồng chí Nguyễn Phú, Huỳnh Quang của ta trước đây), lần tìm các đầu mối. Qua việc Nguyễn Phú là đảng viên, nhóm trưởng một nhóm cơ sở, của ta bị chúng xử tử, nhưng tại sao bọn tể ngục và an ninh xã vẫn tin tưởng và có quan hệ tốt, kể cả việc trước đây đưa an ninh huyện về đóng cơ quan tại đây. Càng truy cứu chúng càng nghi bọn tể ngục ở xã đã làm việc "hai mang", nhất là khi chúng bắt vài tên đem ra đe dọa, tra tấn, những tên này quá nhát gan đã khai nhận có làm những việc do ông Nguyễn Phú giao, kể cả góp tiền đưa cho ông Phú chuyển cho cách mạng. Thế là chúng bắt hàng loạt bọn tể ngục ở xã, ở

thôn đưa ra tra tấn hết sức dã man rồi đưa vào rừng thủ tiêu mấy tên và phao vu là “cộng sản ám hại”. Chúng hoành hành một cách ngang ngược, bất chấp sự can thiệp của ngụy quyền tỉnh và huyện suốt trong 6 tháng liền. Bọn ngụy quyền ở xã (số còn lại) và ở huyện đều nhón nháo, ngơ ngác, không biết phải trái, đúng sai như thế nào. Ta được một phen chứng kiến cảnh chúng truy bức, tra tấn dã man lẫn nhau.

Cũng trong thời gian đó, tại xã Hành Dũng, được sự hỗ trợ của tiểu đoàn 95 của Khu, đội công tác vũ trang của huyện phối hợp với du kích xã định diệt tên ác ôn ở Kim Thành Thượng. Nhưng do ta không nắm kỹ đối tượng nên không thực hiện được⁽¹⁾. Việc không thành nhưng cũng gây tác dụng tốt. Bọn ác ôn trong ngụy quyền, dân vệ, bảo an đều khiếp sợ và có phần chùn tay.

Cuối năm 1961, chấp hành chủ trương của Khu và tỉnh liên tục tấn công tiêu diệt địch tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, Huyện ủy tiến hành việc tổ chức phối hợp giữa 3 lực lượng (quân khu, huyện và du kích địa phương) giúp nhân dân

Hành Tín nổi dậy phá ấp chiến lược giành quyền làm chủ, vừa tạo chỗ đứng cho ta, vừa động viên tinh thần quật khởi của nhân dân cả huyện. Ngày 14-11-1961 đánh hơi được ý đồ của ta, tiểu đoàn cộng hoà và đại đội bảo an do tên Trần Hồng chỉ huy kéo đến sục sạo cả khu vực núi Cối. Một đơn vị của Khu đã phối hợp với lực lượng vũ

(1). Ý kiến của các đồng chí Nguyễn Quang Giao, Mai Văn Hội, nguyên Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành, cho rằng do bộ đội Khu không biết mặt tên ấy nên hấn trốn thoát được.

trang huyện và du kích Hành Tín chặn đánh một trận lớn tại Gò Eo (Thiên Xuân). Trận chiến diễn ra ác liệt suốt ngày. Ta chủ động tiến công, ép chúng vào chỗ hiểm yếu đã mai phục sẵn để tiêu diệt. Trận đánh lớn đầu tiên trên đất Nghĩa Hành đã thắng lợi, kết quả ta diệt gần 2/3 tiểu đoàn cộng hòa và một số tên bảo an, gây được phấn khởi to lớn cho nhân dân.

Tiếp đó, nhân lúc bọn tề, ngụy đang choáng váng trước thất bại Gò Eo, theo đúng kế hoạch, ngày 16-11- 1961, tiểu đoàn 95 của khu đánh thẳng vào các ấp chiến lược Phú Khương, Phú Thọ, Tân Phú, tiêu diệt hầu hết đại đội bảo an đóng ở Đồng Miếu hỗ trợ nhân dân các thôn nổi dậy phá banh rào vi, san bằng hầm hào, giành quyền làm chủ; đồng thời một bộ phận của D 95 đánh thẳng vào Nhơn Lộc, Thiên Xuân, hoàn thành kế hoạch giải phóng xã Hành Tín. Chính quyền nhân dân được thiết lập gồm các đồng chí Trần Duy Vĩ, Chủ tịch Mặt trận, đồng chí Võ Xuân Huế, Bí thư chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, Huỳnh Thiên Tứ⁽¹⁾ phụ trách an ninh, Võ Quyền phụ trách quân sự, Võ Thị Soạn phụ trách phụ nữ, Trương Dân phụ trách nông hội. Hành Tín là xã đầu tiên được giải phóng, được thành lập chính quyền mở ra bước ngoặt thuận lợi cho ta làm chủ phong trào cách mạng của huyện sau này.

Song song với hoạt động vũ trang với thắng lợi ở Hành Tín, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân trong huyện cũng diễn ra sôi nổi. Nhân dân các thôn Đại An,

(1) Đồng chí Huỳnh Thiên Tứ trước đó làm đội trưởng đội công tác vũ trang, đồng chí Nguyễn Thịnh làm đội phó công tác ở Hành Thịnh.

An Định, Xuân An (Hành Thuận), Kỳ Thọ Bắc, Kỳ Thọ Nam, Phú Châu (Hành Đức), Ngọc Dạ, Bàn Thới (Hành Thiện) phản đối Mỹ - Diệm bắt dân đi rào vi, lập ấp chiến lược. Đồng bào các thôn Đông Trúc Lâm, Đông Vinh, Kim Thành Thượng (Hành Nhân), Hiệp Phố Bắc, Hiệp Phố Nam (Hành Trung), Vĩnh Thọ, An Chỉ (Hành Phước) chống dịch tố cộng, đôn quân, bắt lính. Một số đồng bào, tín đồ Phật giáo ở Chợ Chùa (Hành Minh) Kỳ Thọ Bắc, Xuân Vinh (Hành Đức) An Định, Kim Thành Hạ (Hành Dũng) Xuân Đình, Mỹ Hưng, An Ba (Hành Thịnh) tố cáo Diệm - Nhu ngược đãi Phật giáo, đề cao Công giáo. Ở Hành Thịnh, các ông Trần Bạt Tuy, Trần Đức Dung (An Ba), Huỳnh Quang Phổ (Xuân Đình) đã kêu gọi lòng yêu nước của đồng bào Phật giáo, tập hợp họ lại để chống Diệm - Nhu⁽¹⁾. Đặc biệt nông dân các thôn Long Bàn, Tình Phú (Hành Minh), An Chỉ, Đề An (Hành Phước) Vạn Xuân, Phú Lâm Tây (Hành Thiện) nổi dậy đấu tranh chống lại bọn địa chủ, ác ôn cướp đoạt ruộng đất của nông dân. Một số nơi tổ chức đốt hình nộm Diệm - Nhu, Lê Xuân. Từ trong phong trào đấu tranh chính trị, ta đã xây dựng 346 hội viên giải phóng gồm Thanh niên giải phóng, Phụ nữ Giải phóng, Nông dân giải phóng và hàng chục cơ sở trung kiên khác.

Đầu năm 1962, lực lượng vũ trang trong huyện có thay đổi. Đại đội bộ đội địa phương liên huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành được thành lập gồm trung đội 95 đã có, và một số đơn vị mới do đồng chí Mai Kim làm đại đội trưởng, đồng chí Võ Trọng Nguyễn (Thường vụ Huyện ủy Tư Nghĩa) làm

(1). Xem Hành Thịnh mảnh đất kiên cường - XB năm 1995 - trang 49.

chính trị viên, cùng các đồng chí Sĩ, Liêm, Cao làm đại đội phó. Đồng chí Kim Sơn (phụ trách đội vũ trang công tác huyện, được Tỉnh điều về làm C trưởng bộ đội địa phương tỉnh. Đồng chí Mai Kim (Mê Sơn- Hành Thiên) kiêm luôn phụ trách đội vũ trang công tác.

Lực lượng vũ trang lớn mạnh khiến kẻ địch lo sợ, ta cũng có điều kiện mở rộng các hoạt động tấn công địch. Công tác binh tế vận cũng được Huyện ủy chú ý. Thông qua các đội vũ trang công tác và quần chúng, ta dùng thư tay hoặc gặp trực tiếp, tranh thủ được 65 nhân viên chính quyền địch trong 4 xã và gọi loa 3 lần vào đồn, kêu gọi con em trong quân đội ngụy trở về với nhân dân, chống quân địch, làm binh biến hoặc theo ta, vận động các gia đình binh sĩ ngụy theo cách mạng⁽²⁾. Phong trào diệt ác phá kềm phát triển, nhất là ở Hành Thịnh, Hành Phước.

Các mặt công tác khác như xây dựng làng xã chiến đấu, xóa nạn mù chữ, sản xuất ở vùng giải phóng (chủ yếu là ở Hành Tín) cũng được đề cao.

Ngày 28-2-1962 địch dùng một lực lượng lớn quân cộng hòa có không quân yểm trợ tái chiếm lại Hành Tín và tiến hành xây dựng 3 đồn: Đồn Tròn (Long Bình) Vạn Lầu (ở Phú Khương) và Gò Đồn (Nhơn Lộc) gồm một tiểu đoàn, mỗi đồn do một đại đội trấn giữ, yểm trợ cho nhau, do tên Trần Văn Bé chỉ huy. Để trấn an tinh thần trong nội bộ binh lính của chúng và để uy hiếp nhân dân, tên Bé huênh hoang tuyên bố :“Bao giờ nước sông Vệ chạy ngược thì cộng sản mới chiếm được Hành Tín”.

(2). Báo cáo tình hình năm 1962 của Tỉnh ủy.

Lợi dụng lúc địch đang tập trung tác chiến ở Hành Tín, Huyện ủy tổ chức phối hợp giữa lực lượng vũ trang Mộ Đức với du kích Hành Thịnh phá ấp chiến lược, giải phóng thôn Châu Me và chặn đánh địch hành quân càn quét tại Ba Bình (Hành Thịnh). Bên ta cũng có một số tổn thất nhất định. Đồng chí Kim Sơn nguyên huyện đội trưởng của huyện trước đây và một số đồng chí Liễu, Sĩ (quê ở Bình Sơn) hy sinh trong khi chống địch càn vào Hành Thịnh⁽¹⁾.

Để củng cố và phát triển thêm lực lượng vũ trang, về sau ta có bổ sung thêm một số đồng chí ở cơ sở lên như Võ Quyền (Hành Tín) Phạm Nguyên, Nguyễn Bảo, Nguyễn Hà, Huỳnh Hưng (Hành Thịnh) Trương Đình Đa (tức Cửa Hành Tín), Nguyễn Kiến (Hòa, Tế). Đội vũ trang công tác của huyện từ lúc mới thành lập (1961) có 10 người, đến cuối năm 1962 lên khoảng 20 người⁽²⁾. Tiếp đó tháng 4/1962, Ban An ninh huyện được thành lập, gồm có 5 đồng chí. Đến cuối năm 1962, đầu năm 1963, các xã Hành Tín, Hành Thuận, Hành Thịnh, Hành Dũng đều có Ban An ninh xã.

Do sự phát triển phong trào cách mạng trong huyện, cũng như sự phát triển lực lượng vũ trang (kể cả số ở miền Bắc vào) sau khi ta giải phóng Hành Tín, lực lượng vũ trang của huyện tách ra khỏi lực lượng vũ trang liên huyện Tư Nghĩa - Nghĩa Hành, hoạt động độc lập, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Nghĩa Hành⁽³⁾.

(1). Theo ý kiến của đồng chí Nguyễn Quang Giao, nguyên Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành 1961-1963.

(2). Theo ý kiến của đồng chí Võ Quyền.

(3). Theo ý kiến của đồng chí Võ Trọng Nguyễn (nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình, Quảng Ngãi 1989 - 1995).

Công tác phát triển Đảng cũng được chú trọng. Một số nơi đã kết nạp được một số đảng viên. Riêng lãnh đạo Huyện ủy, thời gian này, Tỉnh ủy điều đồng chí Ngô Cửu (tức Thận, Voi, quê ở Hành Phước), cùng với đồng chí Nguyễn Quang Giao (Bí thư Huyện ủy), Tô Lan (Thường vụ) về tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng trong huyện⁽¹⁾.

Tuy nhiên, trong phong trào đồng khởi nông thôn đồng bằng toàn tỉnh (1962), phong trào cách mạng của huyện vẫn còn có một số tồn tại nhất định. Đó là phong trào chưa đều (trừ Hành Tín), lực lượng du kích còn yếu, thiếu huấn luyện cơ bản, còn nặng đấu tranh vũ trang, chưa thấy rõ sức mạnh đấu tranh chính trị của quần chúng, tư tưởng ngại hy sinh ác liệt, phi pháo, ngại đánh gần đã xuất hiện. Chiến thuật “trục thăng vận”, “thiết xa vận” của địch khi đánh vào Hành Thịnh, Hành Tín, Hành Dũng... còn làm ta lúng túng. Công tác dân vận chưa tốt; đời sống nhân dân trong huyện còn gặp nhiều khó khăn (nhất là vùng giáp ranh miền núi và đồng bào dân tộc Minh Châu, Trùng Kè...)

Tuy vậy, sau khi địch tái chiếm một phần Hành Tín, chúng ta vẫn làm chủ Khánh Giang, Trường Lệ (Hành Tín) tạo được bàn đạp đứng chân, xây dựng căn cứ địa cách

(1). Đồng chí Ngô Cửu quê Hành Phước, được bố trí ở lại hoạt động miền Nam, làm cán bộ cơ yếu của Khu ủy V; sau về làm cơ yếu cho Tỉnh ủy lấy tên là Thận. Năm 1962 bổ sung vào Huyện ủy Nghĩa hành làm phó Bí thư, sau đó làm Bí thư (1963-1965), tháng 7/1965 trở về tỉnh công tác, trúng cử Tỉnh ủy viên sau đồng khởi Mậu thân (1968) lấy tên là Việt Tấn. Năm 1969 được bầu là ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy. Hy sinh, ngày 28-3-1970 vì rui ro trên đường công tác về Nghĩa Hành (tư liệu do đồng chí Phạm Thanh Biển, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi cung cấp).

mạng, xây dựng được lực lượng vũ trang trong huyện, biết kết hợp đấu tranh “hai chân, ba mũi” nên phong trào cách mạng trong huyện vẫn có chiều hướng đi lên, tạo điều kiện cho giai đoạn sau.

Bước sang năm 1963, về phía địch ở Quảng Ngãi, quân số tăng lên mức cao nhất, gồm 4 trung đoàn của sư đoàn 25 ngụy, 1 tiểu đoàn bảo an, 11 đại đội hải thuyền, 432 trung đội dân vệ, biệt kích và 12.000 thanh niên chiến đấu (tính đến tháng 6-1963). Bình quân 75 người dân có một tên lính. Chúng đã mở các chiến dịch càn quét “Phượng hoàng” Trung Nghĩa (375 cuộc) đánh vào đồng bằng và miền núi, nhất là vùng Vĩnh Tuy - Đức Phổ, Cà Ty và tây nam Nghĩa Hành.

Riêng tại Nghĩa Hành, lực lượng địa phương quân của địch so với năm 1962 tăng lên 9 trung đội. Mỗi xã có ít nhất 1 trung đội, nhiều nhất 120 tên (Hành Minh, Hành Dũng, Hành Thịnh...) để giữ áp. Tháng 3-1963, tiểu đoàn 95 quân khu phối hợp với du kích xã đồng loạt tấn công vào 3 đồn ở Hành Tín. Địch bị tấn công bất ngờ vào ban đêm nên vô cùng lúng túng nhưng vẫn chống trả một cách điên cuồng. Trước làn mưa đạn của kẻ thù, nhiều bộ đội và du kích đã bất chấp hy sinh, vượt qua giao thông hào, hàng rào dây thép gai để tiêu diệt các ụ súng địch, mở đường tiến vào, diệt 116 tên, bắt sống và làm bị thương 40 tên khác, kể cả tên Bé chỉ huy trưởng các cứ điểm này, thu nhiều súng đạn và phương tiện chiến tranh, san bằng đồn bót và áp chiến lược, đem lại niềm phấn khởi lớn cho nhân dân.

· Phát huy thắng lợi vừa đạt được, tiểu đoàn quân khu triển khai lực lượng và phối hợp với du kích Hành Thịnh đánh thẳng vào cơ quan ngục quyền xã Hành Thịnh. Bọn bảo an đóng ở đây định tổ chức lực lượng ứng cứu, tạ tiêu diệt một số tên, chúng bỏ chạy về Đức Hiệp và bị du kích Đức Hiệp (Mộ Đức) tiếp tục tiêu diệt.

Cay cú trước thất bại, hai tháng sau, với lực lượng hai tiểu đoàn lính cộng hòa phối hợp với bảo an quân, có máy bay yểm trợ địch lại tràn vào Hành Tín đốt phá không tiếc tay, chém giết bất kể ai. Ngày 18-5-1963 chúng lập pháp trường xử bắn một lúc 7 cán bộ, đảng viên chúng vừa gom bắt được gồm các đồng chí Nguyễn Thị Tờ (tức Bé), Lâm Văn Đối, Nguyễn Trọng, Phan Điệp (Thuận), Trương Nga (Tôn) Cao Tâm, Huỳnh Hiến⁽¹⁾.

Ngô Đình Diệm ra sức giã dựa nhằm cứu chế độ, không từ một hành động tàn bạo nào, liên tiếp hành quân chém giết, bắt lính. Riêng với Nghĩa Hành chúng đã tiến hành bắt lính 1020 người, đồng thời, tiến hành càn quét (chiến dịch Trung Nghĩa) vào các thôn Phú Khương, Phú Thọ (Hành Tín) An Ba, Ba Bình, Xuân Ba (Hành- Thịnh) Hiệp Phố, Phú Xuân (Hành Đức) Bàn Thới, Mỹ Sơn (Hành- Thiện)... gây cho ta nhiều tổn thất⁽²⁾.

Tuy vậy, lúc này binh lính địch đang hoang mang dao động, quân chính qui bị phân tán, áp chiến lược không

(1). Tài liệu đánh máy "Hành Tín 45 năm đấu tranh cách mạng" trang 121 viết Nguyễn Tài, Nguyễn Phú là không đúng.

(2). Dẫn theo tài liệu: "Báo cáo tình hình năm 1963" của Tỉnh ủy, có đề cập đến huyện Nghĩa Hành. Tài liệu lưu tại bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

phát huy tác dụng. Ngụy quyền Sài Gòn lục đục, mâu thuẫn giữa Diệm - Nhu và phái quân đội ngày càng gay gắt.

Về phía ta, dù bị địch đánh phá ác liệt, nhưng thời gian này phong trào trong huyện đã lên mạnh. Hầu hết các xã đã có Chi bộ, đội công tác võ trang đánh địch⁽¹⁾; nhiều cuộc đấu tranh, tố cáo tội ác Diệm - Nhu và bọn ngụy quyền tay sai ở Hành Phước, Hành Thuận, Hành Minh... diễn ra sôi nổi. Nhân dân các thôn ở Phú Khương, Phú Thọ (Hành Tín), Phú Vinh, Phú Bình (thị trấn Chợ Chùa), Hiệp Phổ Nam, Hiệp Phổ Bắc (Hành Trung)... chống địch kéo dài việc lập ấp chiến lược. Đồng bào Trường Khánh (Khánh Giang- Trường Lệ) tố cáo địch bắn vào làng. Một số đồng bào Phật tử trong huyện kéo về quận ly đấu tranh tố cáo Diệm- Nhu đàn áp Phật giáo (nhất là sau vụ tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức ở Sài Gòn 4-1963), chống địch bắt lính, gôm dân lập ấp v.v... Khí thế cách mạng lên cao, đều khắp.

Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, theo sự phân công của Tỉnh ủy, đầu năm 1963, đồng chí Nguyễn Quang Giao, Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành về công tác tại Mộ Đức. Đồng chí Ngô Cửu (tức Ngô Thận, Ngô Voi), phó Bí thư Huyện ủy, được đề bạt làm Bí thư, lãnh đạo phong trào⁽²⁾. Sau một thời gian đồng chí Đỗ Ngọc Hồ được chỉ

(1). Dẫn theo ý kiến của đồng chí Nguyễn Tấn Bì (nguyên phó bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành 1986-1995) tại cuộc Hội thảo ngày 4 - 5/12/1995 ở huyện.

(2). ...Sau Tỉnh ủy điều đồng chí Đỗ Ngọc Hồ (tức Tài) về làm Bí thư thay đồng chí Ngô Cửu (được điều lên tỉnh). Đến đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 2, đồng chí Ngô Cửu trúng Tỉnh ủy viên, thay đồng chí Đỗ Ngọc Hồ làm Bí thư. Đồng chí Đỗ Ngọc Hồ làm Phó bí thư sau lên tỉnh (Ý kiến đồng chí Phan Anh Kiệt).

định làm Bí thư thay đồng chí Ngô Cửu được điều lên tỉnh.

Điều đáng chú ý là thời gian này, từ khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (12-1960) và Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh được thành lập (11-1961) đến giữa năm 1963, do sự lớn mạnh của phong trào cách mạng trong huyện, Mặt trận Dân tộc Giải phóng huyện Nghĩa Hành cũng được thành lập, do các ông Trần Duy Vĩ (Hành Tín) và ông Võ Duy Thịnh, một nhân sĩ yêu nước (Hành Thịnh) làm phó Chủ tịch, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết chống Mỹ - Diệm. Cờ Mặt trận được treo ở Cầu Dài (Hành Minh)

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng trong huyện và trong toàn miền, kế hoạch Xtalây - Taylo bị phá sản, Mỹ - Diệm bị lún sâu vào con đường bế tắc, lục đục. Để cứu vãn tình thế, ngày 1-11-1963, đế quốc Mỹ buộc phải "thay ngựa giữa dòng", giật dây cho Dương Văn Minh đảo chính, lật đổ Diệm-Nhu, hòng cứu vãn lại tình thế.

Sau khi Diệm-Nhu bị đảo chính, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và Mặt trận Dân tộc Giải phóng huyện, cùng với toàn miền, toàn tỉnh, một phong trào đấu tranh chính trị nổi lên mạnh mẽ khắp toàn huyện. Hàng ngàn người dân ở các thôn Kỳ Thọ Nam, Kỳ Thọ Bắc, Xuân Vinh (Hành Đức), Long Bàn, Tình Phú (Hành Minh), Đề An, An Chỉ (Hành Phước), Bình Thành, Phước Lâm (Hành Nhân), An Ba, Xuân Đình, Thuận Hòa (Hành Thịnh)... nổi dậy trừng trị bọn ác ôn, tay sai Diệm-Nhu. Đặc biệt là hơn 3000 dân ở Phú Lâm Đông, Phú Lâm Tây (Hành Thiện) đã nổi dậy,

vây bắt bọn ác ôn, bắt chúng đền nợ máu. Riêng nhân dân Trường Khánh (Hành Tín) dưới sự chỉ đạo của chi bộ Đảng, đã tổ chức 13 cuộc đấu tranh kéo lên quận và tỉnh, giành được 2.000 ang lúa bị địch cướp⁽¹⁾. Một số nơi như An Sơn, An Định (Hành Dũng), Phú Vinh, Phú Bình (thị trấn Chợ Chùa), Phúc Minh, Đại An (Hành Thuận) phản đối lại bọn tay sai mới (Quốc dân đảng), đòi lại ruộng đất, tài sản cho dân. Cuối năm 1963, ta đánh vào trụ sở Hội đồng Hương chính xã Hành Thịnh diệt được một số tên⁽²⁾.

Có thể nói, sau đảo chính, hầu hết chính quyền xã thôn của địch bị tê liệt. Bọn tay sai hoang mang lo sợ, hoài nghi chế độ của chúng. Mâu thuẫn giữa phái đảo chính (quân sự) và phái Diệm bị đảo chính (Đảng Cần lao nhân vị) càng tăng thêm. Mâu thuẫn giữa bọn ác ôn trong Công giáo và một số tay sai Mỹ trong Phật giáo càng thêm sâu sắc. Tình thế của chúng lại càng rối ren thêm, có lợi cho cách mạng.

Tính đến cuối năm 1963, ngoài việc ta giải phóng xã Hành Tín (có 4.950 dân)⁽³⁾ ta còn làm chủ một số thôn ở các xã Hành Thiện, Hành Thịnh và một số xóm ở Hành Dũng (giáp Minh Long). Căn cứ địa cách mạng trong huyện được mở rộng, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở các xã, thôn được củng cố và phát triển. Hầu hết các xã thôn đều có Ban chấp hành đoàn thể quần chúng (Thanh niên

(1). Theo báo cáo tình hình năm 1963 của Tỉnh ủy (có đề cập Nghĩa Hành). Tài liệu đã dẫn.

(2). Theo Hành Thịnh mảnh đất kiên cường. Sdd.

(3). Sau lần diệt 3 đồn, chúng vẫn luôn luôn hành quân càn quét rồi rút. Ta vẫn làm chủ, nhất là vào ban đêm. Số dân do đồng chí Nguyễn Nghĩa (Nhâm, nguyên chủ tịch UBND tỉnh Nghĩa Bình) cung cấp.

giải phóng, Thanh niên Nhân dân cách mạng, Phụ nữ giải phóng, Nông hội giải phóng...) sinh hoạt, học tập theo đường lối, chủ trương của Đảng và cương lĩnh của Mặt trận. Phong trào chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích phát triển đều khắp, công tác bố phòng được chú trọng, nhất là vùng giải phóng (Hành Tín). Việc xây dựng và phát triển Đảng cũng được đẩy mạnh, nhất là trong tầng lớp thanh niên, du kích và phụ nữ giải phóng.

Nhìn chung trong năm 1963, tuy bị địch đánh phá ác liệt, song dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và Mặt trận các cấp, phong trào cách mạng trong huyện cũng được duy trì, phát triển (nhất là sau đảo chính Diệm-Nhu), khí thế đấu tranh quần chúng lên cao. Tuy vậy phong trào chưa đều. Vùng thị trấn (Chợ Chùa) và một số xã vùng ven thị trấn chưa mạnh. Công tác binh vận còn yếu, đời sống nhân dân ở một số nơi tây và tây bắc huyện còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng ít nhiều đến phong trào và tư tưởng quần chúng⁽¹⁾.

Tháng 12-1963, Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 9 vạch rõ phương hướng đấu tranh cho cách mạng miền Nam trong tình hình mới, trong đó nhấn mạnh “phải kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt, tạo điều kiện cho phong trào quần chúng nổi dậy mạnh mẽ”, “mỗi người dân phải làm cho được ba việc: đánh giặc, đấu tranh chính trị và làm công tác binh vận”, “không cho địch phân vùng, phân tuyến... gom dân, lập ấp”⁽²⁾.

(1). Cuối năm 1963, địch khủng bố ác liệt, có hơn 100 dân ở xã Hành Dũng chạy trở lại vùng địch kiểm soát. tài liệu lưu trữ tại ban NCLS Đảng tỉnh.

(2). Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II.Sổđ, trang 259.

Cuối tháng 12-1963, Tỉnh ủy cũng ra chỉ thị đặc biệt “lãnh đạo nhân dân tập trung phá ấp chiến lược, giành dân ở đồng bằng, mở rộng căn cứ, phát triển phong trào đô thị, trước mắt là phải giành dân, giải phóng và làm chủ nông thôn đồng bằng, mở mạng liên xã, liên huyện, đưa phong trào tiến lên một bước mới, giành thắng lợi to lớn hơn nữa”⁽³⁾.

Nhờ những chủ trương đúng đắn, kịp thời kể trên, cuối năm 1963 đầu năm 1964, cùng với phong trào cách mạng trong tỉnh, phong trào trong huyện được nâng lên một bước. Tinh thần yêu nước và cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân được khơi dậy, kể cả vùng thị trấn và vùng địch kiểm soát.

Đầu năm 1964, sau những thất bại nặng nề về các mặt, Mỹ- ngụy buộc phải co cụm lại, thực hiện “bình định có trọng điểm” (không bình định tràn lan như trước đây). Chúng ra sức tăng cường phòng thủ xung quanh thị trấn và các trục đường giao thông (nhất là tuyến đường lên Minh Long, xuống thị xã Quảng Ngãi), đồng thời đẩy mạnh càn quét, lập “ấp tân sinh” (kế hoạch Giôn-xơn- Mác Namara 1964- 1965, thay cho ấp chiến lược, thực chất là trá hình, mị dân, nhằm bình định miền Nam trong vòng 2 năm) mua chuộc nông dân, như lập “hiệp hội nông dân”, “cộng đồng tái thiết quốc gia” v.v... hòng cứu vãn tình thế suy sụp của chúng. Nhưng các âm mưu và thủ đoạn mới của

(3). Trích Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Ngãi 12-1963. Lưu tại bộ phận NCLS Đảng . Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

địch không thể đảo ngược được xu thế phát triển của phong trào cách mạng trong huyện.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 9 (12-1963) và Chỉ thị của Tỉnh ủy để ra, Huyện ủy Nghĩa Hành quyết định phát động quần chúng trong huyện nổi dậy đồng khởi lần thứ hai⁽¹⁾ (từ tháng 7 đến hết năm 1964) nhằm “giải phóng và làm chủ nông thôn đồng bằng, mở mang liên xã, liên huyện, đưa phong trào tiến lên một bước mới” như tinh thần chỉ thị của Tỉnh ủy.

Kết quả đồng khởi cuối năm 1964 thực hiện phương châm đấu tranh “hai chân, ba mũi”, tiểu đoàn 83 cùng du kích Hành Tín đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch, giải phóng và làm chủ hoàn toàn xã Hành Tín, 9 thôn gồm 5.229 dân, tranh chấp 2 thôn 2.083 dân. Địch chỉ đóng một đồn ở Nhơn Lộc. Riêng ở Hành Thịnh, một bộ phận tiểu đoàn 83 và du kích xã lại đánh vào đồn Ba Bình, Trảng Quế (Xuân Đình) do một đại đội bảo an của địch bảo vệ (do tên Thắng chỉ huy) diệt một trung đội địch, giải phóng lại thôn Châu Me (10-1964) đánh bại 2 trận càn của chúng (11-1964)⁽²⁾ Đồng chí Lê Phò người Châu Me (Hành Thịnh) tiểu đoàn trưởng 83 trực tiếp chỉ huy chiến đấu, nổi tiếng dũng cảm, mưu trí, tài giỏi trong trận này⁽³⁾. Tiếp đó đội công tác huyện diệt đồn Nhơn Lộc

(1). Lần thứ nhất cuối năm 1961-1962. Xem Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - Sđd-, trang 224.

(2). Theo báo cáo tình hình năm 1964 của Tỉnh ủy - Tkkd.

(3). Đồng chí Lê Phò, người Châu Me. Hành Thịnh. cán bộ Quân đội, tập kết ra Bắc học tập rèn luyện, quay về Nam năm 1960. chỉ huy chiến đấu nhiều trận ở khắp Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành; nổi tiếng mưu trí, tài giỏi. Năm 1967, đồng chí hy sinh lúc đơn vị xuống Mộ Cày (Đức Chánh, Mộ Đức) để khảo sát chiến trường.

(Hành Tín). Ở các vùng giải phóng, nhân dân thành lập Ban tự quản, Ủy ban giải phóng để duy trì trật tự trị an trong xã thôn, bảo vệ vùng giải phóng.

Từ trong phong trào quần chúng phát triển sôi nổi, đã xuất hiện nhiều làng xã chiến đấu tiêu biểu như Nhơn Lộc, Phú Khương (Hành Tín) Ba Bình, An Ba, Châu Me (Hành Thiện) Ngọc Dạ, Bàn Thới (Hành Thiện). Phát huy thắng lợi, ta phát triển mũi nhọn tấn công vào khu trung tâm quận lỵ, nơi có chi khu quân sự của chúng. Bộ đội huyện phối hợp với cơ sở đánh một trung đội thanh niên chiến đấu của địch, tiêu diệt 1 tên, bắn bị thương 3 tên, thu 7 súng, bắt 2 ác ôn (đều là đại diện của xã Nghĩa Chánh - tên xã của ngụy đặt cho Hành Minh). Đội công tác Hành Phước đón đường diệt tên ác ôn Nguyễn Huấn. Đặc biệt là phong trào đấu tranh ngày 16-9-1964 của hàng ngàn đồng bào ở Hành Minh, Hành Thiện, Hành Dũng, Hành Đức... kéo về quận lỵ, phản đối địch bắt lính, phản đối chế độ độc tài phát-xít Mỹ - Khánh giết hại đồng bào, dả đảo "Hiến chương Vũng Tàu". Đồng bào xã Hành Thuận kết hợp với nhân dân các xã Nghĩa Lâm⁽¹⁾, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thắng, Nghĩa Điền (Tư Nghĩa) kéo về thị xã Quảng Ngãi đấu tranh, khiến cho bọn ngụy quân, ngụy quyền Quảng Ngãi khiếp đảm, lúng túng, lo sợ.

Qua phong trào, lực lượng vũ trang của huyện phát triển mạnh. Từ chỗ 2 trung đội (1962-1963) phát triển lên 1 đại đội (do đồng chí Trương Đình Đa, tức Cửa quê ở Hành Tín

(1). Ngày 4-10-1964 nhân dân Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa) biểu tình phản đối chính quyền độc tài, chống bắt lính. Mỹ-ngụy đàn áp giết hại 20 người. Căm tức, đồng bào xuống đường biểu tình, có nhiều xã tham gia, trong đó có Hành Thuận (Nghĩa Hành).

phụ trách thay đồng chí Mai Kim ở Mễ Sơn- Hành Thiện)⁽¹⁾ và 2 tổ công binh. Hầu hết các xã đều có một trung đội dân quân tự vệ, khá nhất là Hành Thịnh, Hành Tín, Hành Phước, Hành Thiện và Hành Dũng. Chiến tranh du kích được đẩy mạnh. Công tác bố phòng, phòng gian bảo mật được đề cao, việc chống gián điệp, biệt kích, chống chiến tranh tâm lý, chống chiêu hồi, chống chiêu hàng trong nhân dân lên mạnh.

Các mặt công tác khác như văn hoá, giáo dục, y tế, sản xuất cũng được chú trọng. Tuy có một số khó khăn nhất định nhưng toàn huyện đã xây dựng được 2 tổ văn nghệ gồm 30 người phục vụ đồng bào⁽²⁾. Các mẹ, các chị thì hăng hái tham gia "Quỹ nuôi quân", chăm sóc thương binh, bộ đội đánh giặc. Không khí yêu nước thi đua giết giặc lập công sôi nổi trong toàn huyện. Tư tưởng cán bộ, quần chúng phấn khởi hơn trước.

Về xây dựng Đảng, cuối năm 1964 toàn huyện đã có 112 đảng viên trong đó có 25 đồng chí hoạt động hợp pháp trong lòng địch⁽³⁾. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cũng được chú trọng. Huyện ủy cử nhiều cán bộ, đảng viên đi dự các lớp chính huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ ở tỉnh, ở huyện. Trình độ nhận thức của đảng viên ngày càng được nâng cao. Tổ chức sinh hoạt Đảng chặt chẽ. Uy tín của Đảng lan rộng trong quần chúng. Nhờ vậy, dù bị địch

(1). Theo ý kiến của đồng chí Mai Văn Hội, nguyên Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành.

(2). Báo cáo tình hình năm 1964 của Tỉnh ủy (mục huyện Nghĩa Hành). Lưu tại bộ phận NCLS Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

(3). Báo cáo tình hình Đảng năm 1964 của Tỉnh ủy-Tlđđ.

khủng bố, so với trước vẫn đỡ tổn thất. Phong trào cách mạng trong huyện tiếp tục đi lên.

Ngoài ra, qua sự chỉ đạo của Huyện ủy và các cấp cơ sở Đảng, nhân dân trong huyện đã đóng góp lương thực, tiền bạc để cứu giúp đồng bào trong tình bị lụt nặng (lụt Giáp Thìn tháng 11-1964) ổn định đời sống.

Tuy vậy, việc phát triển Đảng chưa mạnh. Số đảng viên thoát ly nhiều hơn số đảng viên hoạt động hợp pháp. Công tác đào tạo cán bộ (nhất là cán bộ xã, thôn) chưa theo kịp yêu cầu. Nhiều chi bộ chưa tự động công tác, còn ỷ lại cấp trên, còn mạnh đấu tranh quân sự...

Bước sang năm 1965 ở Quảng Ngãi, sau khi bị ta tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân sự (nhất là khu vực đông Bình Sơn, Sơn Tịnh, đường số 5, Ba Tư) tinh thần chiến đấu của địch sa sút. Chúng buộc phải quay về phòng ngự theo các trục đường giao thông, tổ chức thành từng cụm từ một đến hai tiểu đoàn xung quanh thị trấn và các vùng xung yếu (trong đó có thị trấn Chợ Chùa và Hành Dũng). Quân địa phương cũng co lại, giữ áp chiến lược. Địch lâm vào thế bị động, lúng túng.

Để đưa phong trào cách mạng tiến lên, tháng 1-1965, tại Ba Điện (Bà Tư), Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II khai mạc. Đoàn đại biểu Đảng bộ huyện có đồng chí Ngô Cửu (Hành Phước) trúng Tỉnh ủy viên chính thức, đồng chí Đỗ Ngọc Hồ (tức Tài) trúng Tỉnh ủy viên dự khuyết⁽¹⁾.

(1). Dẫn theo tư liệu "Năm đại hội chống Mỹ" của Đảng bộ tỉnh - Lưu bộ phận NCLS Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh (1-1965), đồng chí Ngô Cửu được bầu cử chính thức làm Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành lần thứ II⁽²⁾. Đồng chí Đỗ Ngọc Hồ làm phó Bí thư (sau lên tỉnh). Các cấp ủy Đảng trong huyện được củng cố thêm, vai trò lãnh đạo của Đảng được đề cao.

Hoảng sợ trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng miền Nam, tháng 3-1965, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải quyết định đưa các đơn vị chiến đấu của Mỹ vào miền Nam. Các đơn vị thuộc sư đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ bắt đầu đổ bộ vào Đà Nẵng, mở đầu cho cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nước ta.

Trước tình hình đó, quán triệt tinh thần nghị quyết lần thứ 11 (3-1965) của Trung ương Đảng, nghị quyết 2 của Khu ủy V (4-1965) và nghị quyết mở rộng của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi (4-1965) “dù bất cứ tình huống nào, cũng kiên quyết đánh Mỹ và thắng Mỹ”, Huyện ủy Nghĩa Hành đã tổ chức nhiều đợt học tập cho cán bộ, đảng viên, nhân dân trong huyện, phát động phong trào thi đua diệt Mỹ, xây dựng vành đai diệt Mỹ (nhất là sau khi Mỹ vào Bình Sơn tháng 5-1965). Công tác xây dựng làng xã chiến đấu, phát triển lực lượng được đặt lên hàng đầu.

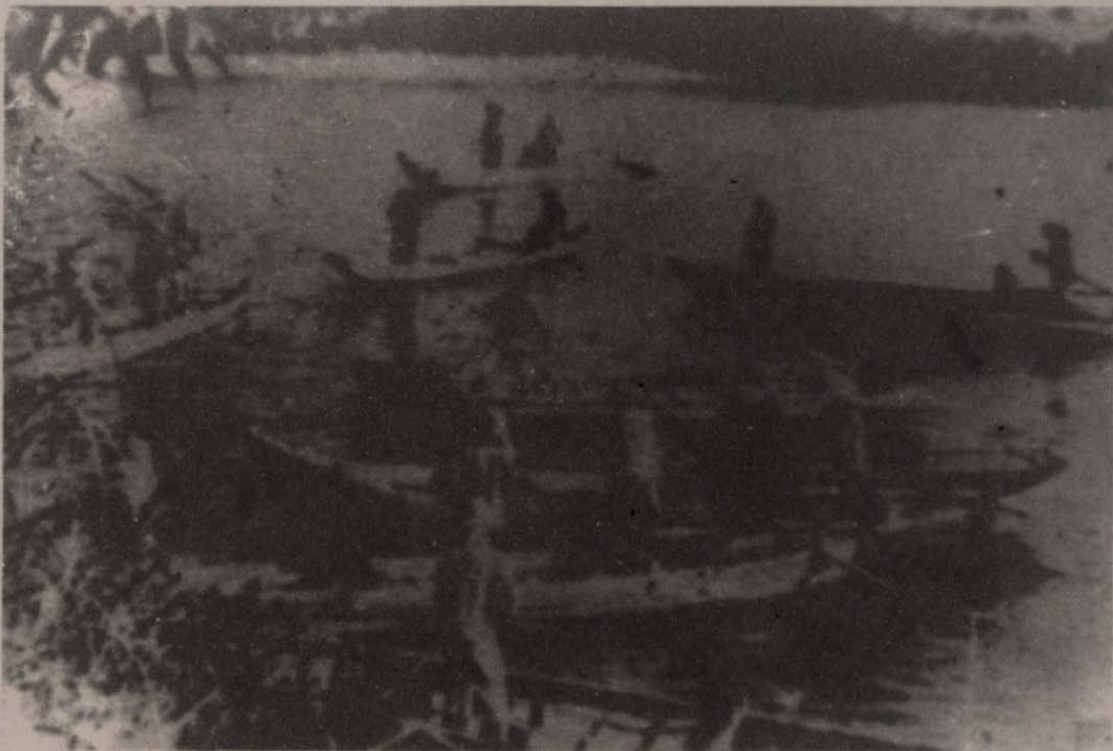
Theo yêu cầu chung của Khu ủy và Tỉnh ủy Quảng Ngãi (sau chiến dịch Xuân 1965), ta quyết định mở chiến dịch Hè 1965 (còn gọi chiến dịch Lê Độ) “nhằm giải phóng nông thôn, đồng bằng và miền núi, chuẩn bị thời cơ tiến lên giải phóng thị xã, thị trấn”⁽³⁾, lực lượng vũ trang của huyện

(2). Sau này đồng chí Tô Lan (tức Hành, quê ở Hành Thịnh thay đồng chí Ngô Cửu lên tỉnh).

(3). Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy tháng (4-1965).



Đội công tác Hành Thịnh - Hành Phước trong những năm kháng chiến chống Mỹ



Đội vận tải thuộc Ban Giao vận Quảng Ngãi làm nhiệm vụ chuyển vũ khí, lương thực trên sông Vệ trong chống Mỹ

được bổ sung và thành lập lại. Tại thôn Khánh Giang (Hành Tín) đại đội 95 của huyện được thành lập (trước đây gọi trung đội 95⁽¹⁾ gồm 3B (B.95, B.96 và B.97), do đồng chí Lê Cẩn (người Huế) làm đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Cao (Đức Phổ) làm đại đội phó, đồng chí Huỳnh Trí (Hành Đức) làm chính trị viên. Sau đó, huyện còn lập thêm một trung đội đặc công (B.4), đánh sâu vào hậu cứ của địch, để mở rộng vùng giải phóng, tạo tiền đề cho chiến dịch Hè 1965 thắng lợi trước khi Mỹ vào.

Cùng với việc tổ chức lực lượng vũ trang, các tổ chức đoàn thể quần chúng cũng được củng cố lại (lấy lực lượng thanh niên, phụ nữ làm nòng cốt), kiện toàn lại Ban đấu tranh chính trị từ huyện xuống xã, mỗi xã có ít nhất từ 3 đến 5 người. Ta cũng đã xây dựng được một tổ thanh niên cách mạng hoạt động bí mật trong thị trấn Chợ Chùa, hòng phối hợp đánh địch.

Nhờ chuẩn bị tốt, trong chiến dịch Lê Độ (từ ngày 15-5-1965 đến ngày 30-5-1965) cùng với quân khu và tỉnh, quân và dân Nghĩa Hành dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, đã đồng loạt nổi dậy tiến công địch ở An Ba (Hành Thịnh), An Chi, Đê An (Hành Phước) đánh địch rất ngoan cường ở Kỳ Thọ Bắc, Kỳ Thọ Nam (Hành Đức), Vạn Xuân, Phú Lâm (Hành Thiện)... diệt hàng trăm tên, bức rút hàng chục cứ điểm, giải phóng toàn bộ xã Hành Thịnh (ngày

(1). Dẫn theo ý kiến của đồng chí Mai Văn Hội (nguyên Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành). Trước đây trung đội 95 do đồng chí Nguyễn Hương (người Hành Minh) làm B trưởng. sau đó phát triển lên 3 trung đội (mang tên C95).

30-5-1965)⁽²⁾, một phần xã Hành Thiện và một số nơi ở Hành Dũng, Hành Nhân, tạo nên một hành lang giải phóng từ tây nam đến tây bắc Nghĩa Hành. Vùng căn cứ của huyện được mở rộng. Hàng chục ngàn dân được giải phóng. Chính quyền địch ở các nơi nói trên bị sụp đổ hoàn toàn. Ủy ban nhân dân các xã, thôn được thành lập.

Có thể nói, cùng với các nơi khác trong tỉnh “đây là thời kỳ giành dân cao nhất trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ ở Quảng Ngãi và Nghĩa Hành”⁽³⁾ và cũng được nhân dân hưởng ứng, ủng hộ hết lòng, ông Thủ Văn (Hành Phước) tặng ngay cho cách mạng 40 con dê. Nhờ giải phóng được cả cánh nam sông Vệ, đầu cầu và hành lang vận chuyển lương thực của quân khu được thiết lập⁽¹⁾.

Ở vùng địch còn kiểm soát chặt, các hoạt động diệt ác, phá kềm cũng phát triển mạnh. Ngay ở Hành Minh, nơi tập trung bộ máy đầu não của quận, An ninh ta (của huyện) phối hợp với cơ sở đột nhập ngay vào Tỉnh Phú lúc ban ngày, bắn vào đầu tên chỉ huy “dân ý vụ” (một tổ chức do Mỹ lập ra). Tuy hấn chỉ bị thương, nhưng hành động táo bạo dũng cảm đó đã có ảnh hưởng rộng lớn. Song song với thắng lợi quân sự và đấu tranh chính trị, công cuộc xây dựng vùng giải phóng trong 6 tháng đầu năm cũng đạt nhiều thành tích quan trọng, nhất là việc giải quyết ruộng đất cho nông dân trong huyện.

(2). Chính quyền nhân dân được thiết lập do đồng chí Nguyễn Chính làm Bí thư, kiêm Chủ tịch UB. đồng chí Nguyễn Kiến làm phó Chủ tịch.

(3). Dẫn theo báo cáo “Năm đại hội chống Mỹ” T.l.d.d

(1). Đây là một trong ba đầu cầu quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi do Quân khu tổ chức để cầu móc mua lúa gạo, thuốc men từ vùng địch đưa lên. Cửa khẩu này có 2 nơi An Ba và Mỹ Hưng rồi chuyển đi Hành Tín, Ba Tơ.

Theo chỉ thị của Thường vụ Khu ủy V (F.102 ngày 16-5-1965) và chỉ thị của Tỉnh ủy Quảng Ngãi (6-1965) về việc giải quyết ruộng đất cho nông dân, động viên nông dân tham gia kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Mặt trận, các cấp đã tạm chia hơn 342 mẫu ruộng cho nông dân trong huyện (trong đó tạm chia 295 mẫu và tạm giao 37 mẫu), phần lớn là số ruộng đất của bọn địa chủ, ác ôn hay ruộng vắng chủ⁽²⁾, đồng thời đẩy mạnh phong trào vòng công hợp tác, tương trợ lao động ở các vùng giải phóng và một số vùng tranh chấp. Quần chúng phấn khởi, hăng hái tham gia cách mạng. Đến cuối năm 1965, toàn huyện đã có 117 tổ Nông hội với 1219 hội viên⁽³⁾, 400 thanh niên Hành Thịnh, Hành Phước, Hành Đức lên núi tha thiết gia nhập lực lượng vũ trang.

Trên cơ sở phong trào lớn mạnh, đến giữa năm 1965 toàn huyện đã có 187 đảng viên, tăng 66,9% so với năm 1964 (112 đảng viên). Ta đã xây dựng được một chi bộ bí mật (3 đồng chí) hoạt động trong thị trấn Chợ chùa (Hành Minh) và 4 cơ sở ở vùng địch kiểm soát⁽⁴⁾. Hệ thống tổ chức Đảng từ trên huyện xuống xã đều thông suốt. Mạnh nhất là Đảng bộ xã Hành Tín⁽⁵⁾, căn cứ địa của cách mạng trong huyện.

Các xã khác như Hành Phước, Hành Thịnh, Hành Thiện... hoạt động khá vững mạnh. Uy tín của Đảng ngày càng lan rộng trong quần chúng. Chiến lược "chiến tranh đặc biệt"

(2). Theo báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm của Tỉnh ủy (Mục Nghĩa Hành)

(3). Theo tư liệu của đồng chí Nguyễn Nghĩa (nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Nghĩa Bình) cung cấp.

(4).(5). Báo cáo tình hình Đảng của Ban tổ chức Tỉnh ủy. Lưu Bộ phận NCLS Đảng tỉnh. Mục Nghĩa Hành.

của Mỹ - ngụy (dùng người Việt trị người Việt) bị phá sản. Vùng giải phóng ngày càng mở rộng. Chỉ riêng Hành Thiện đang gặp nhiều khó khăn, đội công tác của xã gần 10 người bị hy sinh gần hết, mãi đến cuối năm 1965 mới khôi phục lại được.

Tóm lại, so với thời 1954 - 1960, thời kỳ này 1961-1965 phong trào cách mạng trong huyện đã có những bước tiến nhảy vọt. Đường lối đấu tranh rõ ràng (nhất là sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương và Nghị quyết tháng 1-1961 của Bộ Chính trị cho phép kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị). Đội ngũ cán bộ của Đảng ngày càng trưởng thành vững mạnh. Số lượng đảng viên phát triển, từ vài chục đồng chí (1954 - 1960) lên đến 187 đồng chí (tính đến giữa năm 1965)⁽¹⁾, cán bộ quần chúng đấu tranh vững tin hơn. Các tổ chức đoàn thể quần chúng được củng cố và phát triển. Ta đã làm thất bại các âm mưu bình định nông thôn của địch, giải phóng và mở rộng vùng giải phóng (Hành Tín năm 1962, Hành Thịnh 1965...)⁽²⁾ và mở rộng vùng tranh chấp. Quần chúng ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng.

Với những thắng lợi trên cùng với một loạt chiến thắng khác, nhất là sau chiến thắng Ba Gia 30-5-1965, Đảng bộ và nhân dân huyện Nghĩa Hành đã góp phần cùng với quân dân toàn tỉnh, toàn miền làm thất bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy, tạo tiền đề vững chắc cho những thắng lợi về sau.

(1). Báo cáo tình hình Đảng của Tỉnh ủy. Lưu tại Bộ phận NCLS Đảng tỉnh. Mục Nghĩa Hành.

(2). Bọn ngụy quân, ngụy quyền đều bỏ chạy, nhưng địch vẫn thường xuyên hành quân đốt phá rồi kéo đi. Ta lại làm chủ, nhất là vào ban đêm.

Chương XI

CHỐNG ĐỊCH LẤN CHIẾM, MỞ RỘNG VÙNG GIẢI PHÓNG, TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (6/1965 - 1968)⁽¹⁾

Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” bị phá sản, đế quốc Mỹ quyết định đưa quân vào miền Nam, thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” và tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Đến cuối năm 1965, ở miền Nam đã có 184.000 quân Mỹ, 20.000 quân một số nước chư hầu của Mỹ và 500.000 quân ngụy. Với một lực lượng quân sự lớn như vậy, đế quốc Mỹ đã triển khai chiến lược “tìm và diệt” của Oét-mo-len dự định thực hiện trong vòng 18 tháng.

Với chiến lược “chiến tranh cục bộ”, Mỹ - ngụy thực hiện kế hoạch “đánh gãy xương sống Việt cộng”, tức là tiêu diệt quân chủ lực giải phóng và “bình định nông thôn”, loại trừ vĩnh viễn lực lượng cách mạng tại miền Nam, đồng thời áp dụng chiến lược leo thang chiến tranh bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Ở miền Nam, Mỹ sử dụng cùng một lúc hai lực lượng chiến lược là quân Mỹ và quân ngụy, trong đó quân Mỹ đóng vai trò nòng cốt.

Từ giữa năm 1965 lực lượng quân đội Mỹ và bọn tay

(1). Tuy Mỹ vào miền Nam Việt Nam vào tháng 3-1965, vào Quảng Ngãi tháng 5-1965 nhưng đơn vị thuộc sư đoàn Americal đến Nghĩa Hành vào tháng 6-1965.

sai có mặt ở Quảng Ngãi với số lượng lớn. Chúng áp dụng nhiều thủ đoạn man rợ, xảo quyệt để đánh phá ta và khủng bố đồng bào. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân ta bị tù đày, chém giết, mổ bụng, moi gan, chôn sống...

Từ khi quân Mỹ vào, các lực lượng nguy quân, nguy quyền trên đất Nghĩa Hành được củng cố về tinh thần và được tăng cường huấn luyện, trang bị vũ khí nhiều hơn trước. Bọn nguy quyền ở quận lỵ và các xã ven thị trấn được hà hơi tiếp sức, ra sức tìm cách tiêu diệt phong trào cách mạng địa phương. Trên địa bàn Nghĩa Hành, quân địch xây dựng nhiều cứ điểm, chốt, đồn khắp nơi với quy mô vững chắc, trong đó có 7 cứ điểm lớn. Chúng mở chiến dịch "ly thị quy hương", "tìm về tổ ấm" để cài dây bọn gián điệp, đánh phá vùng giải phóng của ta; kết hợp các sắc lính Mỹ và nguy cấp tiểu đoàn trở lên liên tục càn quét, đánh phá vào các xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh. Điểm mới trong chiến thuật càn quét của địch là chúng sử dụng bọn biệt kích, thám báo trước, trong và sau mỗi trận càn. Trong càn quét, quân nguy cướp vụ lúa mùa tháng tám ở các xã giải phóng, lấn chiếm các vùng tranh chấp yếu, vùng ta mới mở ra, và xây dựng bộ máy kèm kẹp ở những nơi chúng vừa kiểm soát. Ngoài những trận càn lớn, địch thường xuyên tổ chức các cuộc lùng sục, án ngữ các tuyến đường giao thông quan trọng để bảo vệ cho quận lỵ và ngăn chặn sự phát triển của lực lượng cách mạng từ bên ngoài vào thị trấn. Trong hai đợt phản công chiến dịch mùa khô (1965 - 1966, 1966 - 1967), địch đánh phá dữ dội vùng tây nam Nghĩa Hành, thực hiện phương châm



***Động Tròn, nơi diễn ra chiến thắng của xã anh hùng
Hành Tín trong kháng chiến chống Mỹ***



***Núi Nhà, nơi diễn ra chiến thắng của xã anh hùng
Hành Thịnh trong kháng chiến chống Mỹ***



đốt sạch, giết sạch để trấn áp tinh thần cách mạng của quần chúng và thực hiện việc dồn dân vào khu dồn Gò Gai (Hành Đức). Chúng gây ra các vụ thảm sát dã man : giết 40 người ở Đẻ An (Hành Phước), tàn sát một lúc 91 người ở đường hầm Hiệp Phố Nam (Hành Trung).

Song song với càn quét, lùng sục, Mỹ - ngụy tăng cường bắn pháo và ném bom hủy diệt, rải chất độc hóa học vào các xã, các vùng ta làm chủ. Chúng thực hiện bao vây kinh tế triệt để bằng cách cho trực thăng bay kiểm soát suốt ngày trên bầu trời các xã Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Tín và Đức Phú (Mộ Đức), thấy ai thấp thoáng ngoài đồng là bắn chết ngay. Nhiều bà cụ xung phong ra đồng để tạo dấu thế hợp pháp đã bị bắn chết như bà Chứa, bà Nôm (Hành Thịnh). Chúng hành quân "tìm diệt" kết hợp với cướp phá, huỷ hoại tài sản của đồng bào hòng làm cho dân không an tâm sản xuất và ta gặp khó khăn trong việc bảo toàn và phát triển lực lượng. Chúng đã dùng pháo, thả bom xăng đốt sạch nhà cửa ở thôn Trường Khánh, phá hoại toàn bộ hoa màu ở Hành Tín và hàng trăm mẫu hoa màu ở các xã khác. Không chịu nổi sự ác liệt, tàn bạo và đói khổ do địch gây ra, số đông nhân dân Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh phải chạy dạt đi khắp nơi - một số lại bị chúng quây dồn bằng máy bay trực thăng đưa về các khu dồn. Vùng giải phóng còn rất ít người và gặp nhiều khó khăn.

Ở vùng địch kiểm soát, chính sách chiêu hồi, chiến tranh tâm lý, bắt lính đôn quân được chúng ráo riết thực hiện. Ngoài lực lượng quân chủ lực gồm 3 đại đội cộng hòa, 5

dại đội bảo an, một trung đội thám báo ở quận lỵ, địch còn xây dựng ở các xã chúng kiểm soát các trung đội dân vệ, thanh niên chiến đấu. Chúng chú trọng lôi kéo dân ở các xã Hành Phước, Hành Đức, Hành Minh, Hành Thuận về các khu định cư chúng tổ chức ở Gò Gai (Hành Đức), Gò Đu (Chợ Chùa). Chúng sử dụng một số tiền bạc, vải vóc, nông cụ mua chuộc một số đồng bào ở vùng chúng kèm kẹp. Còn đối với các vùng do ta làm chủ, chúng dùng máy bay rao loa, rải truyền đơn, cài cây gián điệp đội lột thương lái để nắm tình hình và lôi kéo quần chúng, thực hiện việc dồn dân.

Tháng 10-1965, có đến 5.258 đồng bào ở Hành Phước bị địch dồn và kèm kẹp⁽¹⁾. Hành động tàn bạo của quân xâm lược Mỹ đã làm xáo trộn hầu hết các cơ sở ta đã tốn bao nhiêu công sức để xây dựng. Các xã cánh bắc sông Vệ gần như không còn mấy cơ sở. Nhiều người bị giết hoặc bị tù đày. Số còn lại bị giám sát nghiêm ngặt phải nằm im. Tề, ngụy trở lại lên mặt, hống hách, tiến hành củng cố chặt chẽ các ấp chiến lược, kiểm soát, canh gác suốt ngày đêm làm cho ta không liên lạc trong ngoài được.

Việc đế quốc Mỹ chuyển từ “chiến tranh đặc biệt” sang “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra cả nước làm cho tình hình nước ta từ chỗ “một nước có nửa chiến tranh, nửa hòa bình” đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở

(1). Báo cáo tổng kết năm 1965 của Tỉnh ủy - tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

mỗi miền"⁽¹⁾). Trước tình hình đó, hội nghị lần lần thứ 11 và lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định nhiều vấn đề chiến lược cơ bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đó là động viên lực lượng cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ trong bất kỳ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

Trong tình hình mới, một số đảng viên và quần chúng có biểu hiện lo lắng, tinh thần cách mạng, ý thức trách nhiệm chưa cao. Nhiều cán bộ không chú ý vào việc học tập quán triệt đường lối chủ trương của Đảng trong tình hình mới và nâng cao khả năng thực hiện công việc trên giao. Các cấp lãnh đạo từ tỉnh đến xã chưa theo dõi sát sao phong trào cách mạng ở cơ sở, lãnh đạo công việc chủ yếu bằng mệnh lệnh. Một số cán bộ, đảng viên Nghĩa Hành cũng như các nơi khác thích công tác ở các xã vùng giải phóng, ngại trực tiếp đối đầu với địch. Công tác tư tưởng trong cán bộ, đảng viên chưa được giải quyết thường xuyên, nhiều nơi các đồng chí lãnh đạo cơ sở không thực hiện được phương thức mở rộng lực lượng cách mạng, phương thức "hoa nở trong lòng", đồng bào các xã vùng giải phóng không yên tâm sản xuất và sinh sống. Nhiều nơi địch càn đến là dân chạy như Hành Thịnh⁽²⁾. Ở Hành Tín có cán bộ chỉ huy không dám cho nổ súng khi địch ra ngoài công sự và lọt vào ổ phục kích của ta⁽³⁾. Lãnh đạo huyện chưa

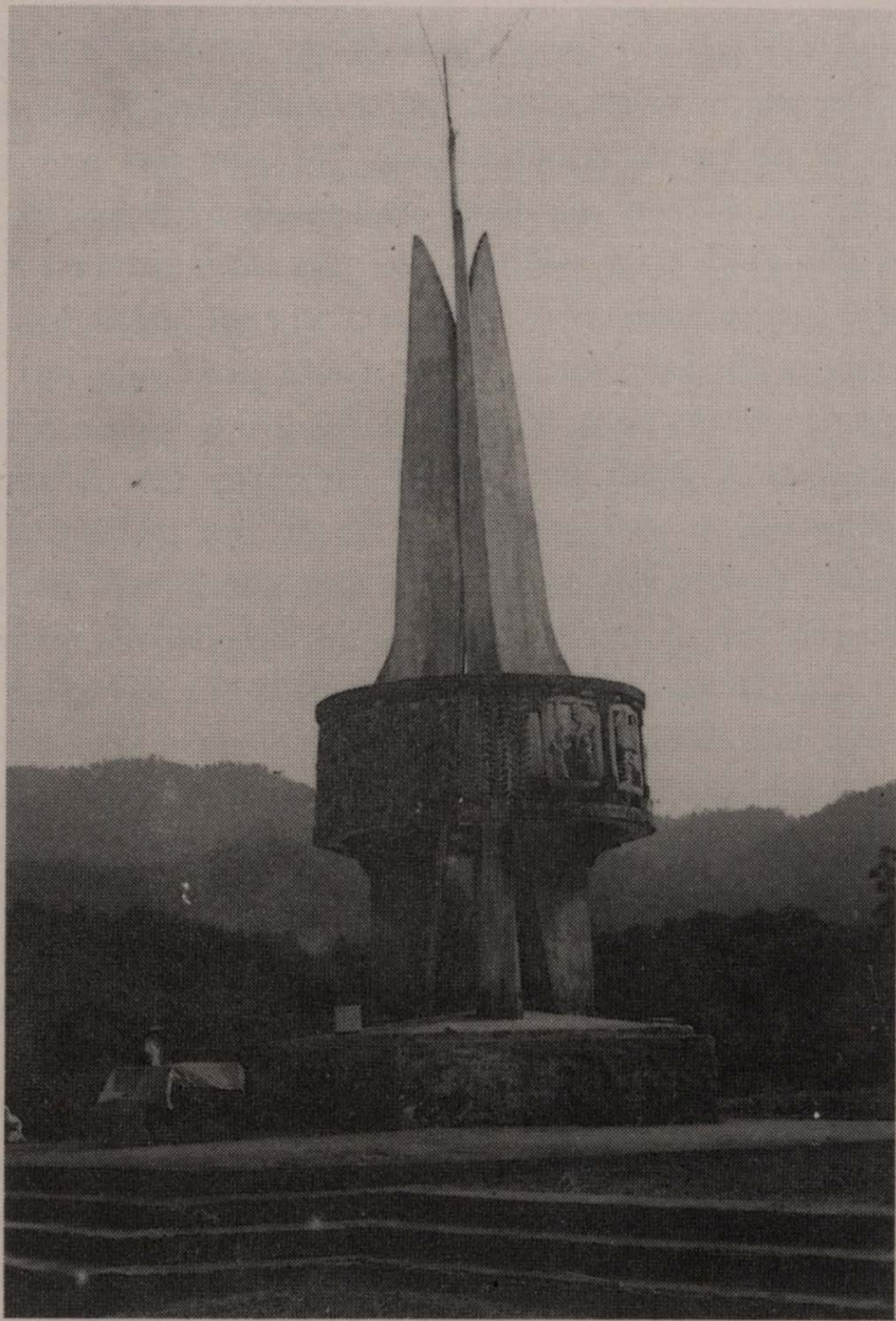
(1). Nghị quyết hội nghị lần thứ (11) của BCH Trung ương Đảng.

(2),(3). Báo cáo tình hình công tác năm 1965 của Quảng Ngãi - Tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

thể hiện được quyết tâm giành và giữ dân, những vùng giải phóng, thậm chí có một số nơi mới mở ra bị địch lần chiếm lại.

Trước tình hình khó khăn, phức tạp của giai đoạn mới, Tỉnh ủy tích cực tổ chức các cuộc học tập, quán triệt đường lối cách mạng của Đảng và chấn chỉnh sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy. Đa phần cán bộ, đảng viên Nghĩa Hành được tham gia các đợt học tập, chỉnh huấn của tỉnh và huyện. Riêng trên địa bàn huyện, Huyện ủy đã mở nhiều cuộc học tập cho cán bộ, đảng viên tận cơ sở nhằm làm quán triệt nhận thức tư tưởng. Trong quần chúng, các đoàn thể của huyện đẩy mạnh công tác phát động truyền thống. Nội dung chính của các đợt phát động là lấy việc giáo dục chính trị, ý thức trách nhiệm trong tình hình mới, quán triệt 4 quan điểm cách mạng; huấn luyện công tác Chi bộ, học tập 7 nhiệm vụ của người đảng viên, sinh hoạt phê bình và tự phê bình để xây dựng và củng cố Đảng bộ. Qua các đợt học tập trên, phần lớn cán bộ, đảng viên đã quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm của mình, biết lo lắng làm tròn nhiệm vụ, nâng cao nhiệt tình cách mạng. Đảng viên ở các xã Hành Tín, Hành Thịnh hăng hái tích cực, lăn lộn, xông xáo trong công tác và biết lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, đồng thời các cấp ủy xã nhận thức được các nhiệm vụ phải hoàn thành trước mắt, vừa chuẩn bị cho nhiệm vụ lâu dài. Chi bộ xã Hành Tín đã biết tự động công tác, hoàn thành nhiệm vụ của mình⁽¹⁾.

(1). Báo cáo tình hình công tác năm 1966 của Quảng Ngãi. Lưu tại bộ phận Lịch sử Đảng. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.



***Đài tưởng niệm 64 đồng bào bị đế quốc Mỹ tàn sát tại
Khánh Giang - Trường Lệ ngày 18.4.1969 - Di tích
Quốc gia***



Tháng 10-1965, tại xã Hành Tín, Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ Nghĩa Hành (trong kháng chiến chống Mỹ) khai mạc. Đại biểu của 217 đảng viên các cơ sở đã về dự đại hội và thể hiện quyết tâm đánh bại bất cứ âm mưu, thủ đoạn nào của địch. Đại hội đã nhận định đúng đắn những kết quả thắng lợi vừa qua, đồng thời kiểm điểm lại những tồn tại, khó khăn trong tư tưởng và hành động của đảng viên cần phải giải quyết trong thời gian sắp tới. Quán triệt đường lối cách mạng của Đảng, chấp hành sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Đại hội đã đề ra các chủ trương lớn phải lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng địa phương trong thời gian tới. Đó là phải khẩn trương giành quyền làm chủ các xã vùng ven thị trấn, chống địch dồn dân lập ấp và bảo vệ an toàn vùng giải phóng, tiếp tục làm bàn đạp quan trọng cho chiến trường Khu V và tỉnh trong việc đánh bại Mỹ - ngụy. Để tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của mình, Đảng bộ đề ra chương trình công tác trong năm 1966. Đảng bộ đặt vấn đề phải tận dụng mọi thời cơ bằng 3 mũi giáp công với mức độ khẩn trương, liên tục để tiêu hao sinh lực địch. Trong khi thực hiện nhiệm vụ phải vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, chú ý đặc biệt mũi vũ trang. Mặt khác, Đại hội xem việc phải đẩy mạnh xây dựng vùng giải phóng, lãnh đạo sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của đồng bào vùng ta làm chủ để đảm bảo thế đứng và lực lượng lâu dài là quan trọng hàng đầu.

Đại hội đã bầu đồng chí Tô Hành làm Bí thư Huyện ủy⁽²⁾.

Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành đã thể hiện niềm tin tưởng, phấn khởi sau Đại hội. Các cấp ủy khẩn trương xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, bán vũ trang của huyện, xã. Đại đội độc lập của huyện được bổ sung đủ người, đủ phương tiện chiến đấu truy kích địch.

Huyện còn tạo điều kiện tốt để cho tiểu đoàn của Tỉnh đứng chân trên địa bàn huyện, làm lễ tuyên thệ trong ngày xuất quân lên đường ra Sơn Tịnh tiêu diệt địch với quyết tâm “xé xác Rồng Xanh, phanh thây giặc Mỹ”. Những du kích xã, thôn càng ngày càng đánh địch tốt, bảo vệ được vị trí địa bàn quan trọng của phong trào cách mạng huyện. Đảng bộ đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho cán bộ, đảng viên trong lực lượng vũ trang, nâng cao hiểu biết kỹ chiến thuật và nắm bắt được phương pháp lãnh đạo cách mạng ở cơ sở để theo dõi và giúp đỡ kịp thời. Huyện ủy phân công nhiều đồng chí đi sâu sát tận thôn, xã, uốn nắn kịp thời sai sót và phát động các phong trào đúng lúc.

Trong nhiệm vụ chiến đấu, giành đất, giành dân, quân và dân Nghĩa Hành tiếp tục đẩy lực lượng nguy quân, nguy quyền của địch vào thế ngày càng suy yếu. Tuy có lúc, có

(2) Đồng chí Tô Hành (Lang) cán bộ chống Pháp, tập kết ra Bắc. Đi B về đến Nghĩa Hành tháng 12-1955, bổ sung Huyện ủy, phụ trách nhiều công tác, có một thời kỳ phụ trách Hành Thành Quyển bí thư Huyện ủy thay đồng chí Ngô Cửu (được rút về tỉnh tháng 6-1965). Tại đại hội lần thứ I (10-1965) đồng chí được bầu chính thức Bí thư Huyện ủy. Sau đó trúng cử vào Tỉnh ủy và được bổ sung Thường vụ Tỉnh ủy ngày 28-10-1968 về công tác ở tỉnh. Đồng chí hy sinh tháng 11-1968 lúc đang công tác tại Nghĩa Hành (theo tư liệu đồng chí Phạm Thanh Biển cung cấp).

nơi địch phản kích dữ dội, gây khó khăn nghiêm trọng cho ta nhưng nhìn chung chúng lùi dần về thế phòng ngự, cố thủ và có biểu hiện tránh xa các vùng giải phóng.

Góp phần cùng cả tỉnh đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô I của Mỹ (1965-1966), nhân dân Nghĩa Hành liên tục chiến đấu tiêu hao sinh lực địch. Đại đội độc lập của huyện gồm 136 người cùng du kích các xã đã chiến đấu nhiều trận với địch. Nhiều đội du kích đã được củng cố nên tận dụng được nhiều tình huống, thời cơ đánh lùi các trận càn quét, lùng sục của Mỹ-ngụy. Du kích các xã đã đánh được quân Mỹ. Phối hợp với lực lượng vũ trang huyện, du kích Hành Đức tiến công các chốt canh gác, phá banh khu đồn Gò Gai, tạo điều kiện cho 500 đồng bào trở về quê cũ.

Từ ngày 30-1-1966 đến ngày 5-2-1966, Mỹ và ngụy tổ chức cuộc càn "Điều hâu đôi" vào các huyện phía nam của tỉnh. Trên địa bàn Nghĩa Hành chúng đánh dữ dội vùng tây nam, sử dụng một lúc 3 tiểu đoàn ngụy, 1 tiểu đoàn Mỹ đánh vào các xã Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Thiện, có máy bay yểm trợ, xe cơ giới đổ quân, xe tăng chà xát và đi đến đâu bắn phá, giết sạch đến đó. Ngoài ra, chúng còn sử dụng máy bay trực thăng đổ bọm biệt kích phục ta từng cụm nhỏ. Đại đội của huyện cùng du kích Hành Tín mai phục chặn đánh địch tại Gò Tranh (Phú Thọ - Hành Tín) diệt hơn 40 tên Mỹ. Đây là trận thắng Mỹ đầu tiên trên đất Nghĩa Hành, gây niềm phấn khởi tin tưởng rất to lớn cho nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện.

Ngày 20-1-1966. lúc 9 giờ sáng. lực lượng vũ trang của huyện và du kích xã Hành Thiện đánh vào đồn Cộng Hòa. Ta tiêu diệt gọn một trung đội lính Hre của ngụy. thu toàn bộ vũ khí, máy thông tin. Số còn lại trong đồn hoảng hốt bỏ chạy. Trận đánh sáng tạo, táo bạo này của quân dân Nghĩa Hành được báo cáo điển hình trước Tỉnh đội và Quân khu V.

Ngày 23-2-1966, phối hợp với tiểu đoàn 83, quân và dân Hành Thiện có sự hỗ trợ của huyện và các xã bạn đã linh hoạt, khôn khéo đánh bại trận càn Hành Thiện I của địch. Ta đã tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 4 của ngụy, xóa sổ một đại đội lính bảo an đi càn quét ở Núi Nhà. Địch còn lại hoảng hốt tháo chạy. Ta thu được 120 súng, có 2 DKZ và nhiều đạn. Thành tích riêng của dân quân Nghĩa Hành trong thời gian này là diệt 31 tên, trong đó có 4 Mỹ, bắn hỏng 3 máy bay và toàn dân tham gia bắt tù binh⁽¹⁾. Các xã có lực lượng du kích bám được làng chiến đấu đánh địch khá trong tỉnh là Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Thiện. Từ cuối năm 1965 đến năm 1966, trên bầu trời các xã Hành Tín, Hành Dũng, Hành Thiện, Hành Thịnh, máy bay của địch muốn dò thám, bắn phá phải bay rất cao vì sợ du kích nổ súng tiêu diệt.

Sau thất bại thảm hại trong đợt phản công chiến dịch mùa khô I trên đất Nghĩa Hành, Mỹ - ngụy điên cuồng mở các đợt tấn công mới nhằm giành lại thế chủ động. Chúng cố sức lấy lại thế mạnh bằng việc tổ chức trận càn

(1). Theo báo cáo tổng kết tình hình tháng 3 năm 1966. Tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng tỉnh. Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

vào Hành Thịnh lần thứ II vào tháng 5-1966. Đêm 11-5-1966, chúng dùng bọn lính địa phương thâm dò, phục kích ta và bị đánh đau phải bỏ xác nhiều tên. Đến 7 giờ sáng hôm sau (12-5-1966) chúng cho tám xe bọc thép yểm trợ lính bộ binh lên lấy xác, đồng thời tổ chức triển khai việc càn quét, đặt Sở chỉ huy ở núi Vom. Vào lúc 8 giờ 30 phút, chúng cho các cụm pháo bắn dữ dội vào Hành Thịnh, tiếp đến dùng 8 máy bay phản lực ném bom, 22 trực thăng bay đến đổ quân, trong lúc 8 trực thăng khác chiến đấu hỗ trợ để các cánh quân tiến lên. Các cánh quân này gồm 4 tiểu đoàn khoảng 1.500 tên thuộc trung đoàn 4 và tiểu đoàn 5 thủy quân lục chiến (lực lượng tổng dự bị ở Sài Gòn ra làm lực lượng xung yếu trong trận càn này). Ngay từ đầu, chúng đã bị các lực lượng vũ trang của ta bắn rơi 2 máy bay HU IA.

Tiểu đoàn 83 cùng các đơn vị địa phương huyện, xã khẩn trương triển khai trận địa chiến đấu bảo vệ Hành Thịnh. Huyện ủy và Ban Chỉ huy mặt trận chủ trương chỉ nên đánh địch lẻ tẻ, cố kéo dài thời gian, ép dần địch lọt vào địa hình ta phục kích. Đến 10 giờ ta chủ trương không cho địch vào làng, đánh bật chúng ra ngoài đồng ruộng và chuẩn bị các lực lượng xuất kích. Từ 11 giờ trưa đến 4 giờ chiều ta đã tiêu diệt toàn bộ tiểu đoàn 5 thủy quân lục chiến và đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn còn lại. Địch ngoan cố cho 22 xe tăng lên ứng viện. Ta bắn cháy 4 xe khiến chúng hốt hoảng bỏ chạy. Thiệt hại của địch trong trận này rất lớn. Chúng bỏ mạng tại trận 700 tên (trong đó có 8 Mỹ), mất 80 súng, 16 máy bộ đàm.. Phát huy thắng

lợi của chiến thắng Hành Thịnh II, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện tiếp tục đánh các chốt diêm ở Hành Phước, tiêu diệt cả đại đội địch và thu nhiều vũ khí. Quân Mỹ vào Nghĩa Hành nhưng vẫn đi sau quân ngụy, vừa hỗ trợ cho quân ngụy vừa thăm dò chiến trường và lực lượng của ta. Về phần ta, lực lượng bán vũ trang chưa quen đánh Mỹ, vẫn còn lúng túng. Huyện ủy chỉ đạo cho lực lượng địa phương tạo cơ hội đánh Mỹ và đánh chắc thắng ngay trận đầu để gây lòng tin cho mọi người. Hướng ứng chủ trương trên, du kích Hành Thiện bám sát trận địa ở Mễ Sơn, chờ cho trung đội Mỹ đi qua bãi mìn đã ~~phục~~ kích sẵn. Mìn nổ, diệt một lúc 9 tên gây niềm phấn khởi lớn là du kích có thể đánh được và đánh thắng Mỹ. Trận đánh của du kích Hành Thiện được biểu dương trong toàn tỉnh. Đội vũ trang tuyên truyền ngày đêm đột nhập vào các ấp, khu đồn diệt tề ngụy và ác ôn. Nổi lên là các xã Hành Dũng, Hành Minh và Hành Đức. Bộ đội ta phối hợp với du kích xã đột nhập vào thôn Phú Vinh, đến tận nhà tên Võ Sĩ, cảnh sát trưởng xã Nghĩa Chánh (Hành Minh) rất tàn ác, ở sát quận lỵ, bắt tên này đưa lên vùng giải phóng xử trị⁽¹⁾. Nhiều nơi dân đã lòng kẹp và ta xây thêm được một số cơ sở mới. Đảng bộ đã kịp thời phát động phong trào nhân dân du kích chiến tranh ở những nơi mới mở.

Song song với mũi vũ trang, Đảng bộ Nghĩa Hành tăng cường chỉ đạo mũi đấu tranh chính trị và binh vận. Huyện ủy đã lập ra chương trình công tác hàng tháng, hàng quý

(1). Theo tư liệu của đồng chí Nguyễn Tấn Bì cung cấp.

của các đoàn, phát động các tổ chức đoàn thể quần chúng phấn đấu làm tốt 2 việc trên. Việc xây dựng lực lượng cán bộ chuyên trách, nòng cốt trong đấu tranh chính trị và binh vận được chú ý nhiều hơn. Trong năm 1966, Nghĩa Hành có 330 nòng cốt, 2.740 quần chúng rộng rãi trong lực lượng đấu tranh chính trị và binh vận. Bộ máy lãnh đạo phong trào này có 3 chỉ huy, 2 liên lạc, 2 trinh sát⁽¹⁾. Trong đấu tranh chính trị, Huyện ủy chủ trương chú ý đấu tranh trực diện tại chỗ, cả quy mô nhỏ, vừa và lớn. Các cuộc đấu tranh chính trị phát triển ngày càng cao hơn về số lượng, chất lượng và nghệ thuật đấu tranh. Mục tiêu đấu tranh chính trị thời gian này là nhằm bảo vệ quyền lợi thiết thực của quần chúng và phục vụ cho việc giành đất, giành dân. Không kể các cuộc đấu tranh lẻ tẻ trong 2 năm 1965 và 1966, quân và dân Nghĩa Hành đã tổ chức được 14 cuộc đấu tranh tập trung với 2.417 lượt người tham gia. Về tổ chức, đấu tranh trực diện lớn nhỏ, huyện đã tiến hành được 188 lần với 6.453 lượt người tham gia⁽²⁾. Ta đã có nhiều cơ sở nội ứng trong hàng ngũ ngụy quyền. Cơ sở Đề An (Hành Phước) hoạt động rất mạnh và có hiệu quả. Tính đến cuối năm 1966, ta đã vận động được 437 binh lính đào ngũ, rã ngũ, mang súng đạn trở về với nhân dân, hạn chế được một phần lớn tổn thất xương máu của đồng bào và chiến sĩ. Nhờ cơ sở nội tuyến, ta đã phát hiện một vụ tình báo gồm 13 tên địch không có giấy tờ, giả đào ngũ về vùng giải phóng hoạt động⁽³⁾. Binh lính ngụy tuy được

(1). Báo cáo tổng kết phong trào đấu tranh chính trị năm 1966 - Tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

(2),(3). Tổng hợp số liệu đấu tranh chính trị, binh vận 1965-1966

hà hơi, tiếp sức nhưng tinh thần rệu rã, chờ thời cơ là đào ngũ hoặc đi theo cách mạng. Nhiều binh lính và gia đình họ đồng tình tham gia vào các cuộc đấu tranh của quần chúng. Phong trào đấu tranh chính trị và binh vận huyện Nghĩa Hành buộc địch phải nhượng bộ nhiều trường hợp, giải quyết nhiều yêu sách của đồng bào. Ở nhiều nơi, đồng bào đã mạnh dạn trực diện đấu tranh với lính Mỹ.

Nhờ đấu tranh mạnh, đồng bào tàn cư lại lần lượt kéo về. Đến cuối năm 1966 vùng giải phóng của huyện có 11.324 người dân sinh sống, làm ăn và tham gia chiến đấu.

Vừa tấn công địch phía trước, Huyện ủy còn tập trung sức lãnh đạo công tác xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng. Bằng nhiều biện pháp tích cực, chính quyền nhân dân tự quản, các đoàn thể quần chúng, nhất là nông hội đã góp phần vào việc xây dựng và ổn định mọi mặt đời sống ở xã. Nhiều lớp đào tạo cán bộ mới cho xã, thôn, nhiều lớp học tập đả thông tư tưởng cho cán bộ, đồng bào được tổ chức. Chính vì vậy mà trong khó khăn, nhân dân các xã vùng giải phóng (có 6.000 cử tri) đã cố gắng sản xuất, tổ chức cuộc sống và đóng góp cho cách mạng. Trong 2 năm 1965, 1966 phong trào dám phụ của Nghĩa Hành rất mạnh. Đồng bào đã đóng góp mỗi lần từ 60% đến 80% của cải sản xuất cho cách mạng. Riêng năm 1966, đồng bào Nghĩa Hành đã đóng đảm phụ 146.126 kg lúa gạo và 72.400 đồng. Sản xuất ban ngày bị địch đánh phá, đồng bào chuyển sang ban đêm. Các xã vùng giải phóng với hơn 11.000 nhân khẩu đã cấy được và thu hoạch 3.501,333 tấn lúa, 2.380,906 tấn hoa màu. Bình quân lương thực đầu người

đến cuối năm 1966 đạt 316 kg. Hai xã Hành Tín (Nghĩa Hành), Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa) là 2 xã điểm trồng sản xuất ở vùng giải phóng của tỉnh. Trong phạm vi huyện, các thôn Vạn Xuân (Hành Thiện), Ba Bình (Hành Thịnh) là những tấm gương tiêu biểu. Đồng bào rất quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong khó khăn thiếu thốn, sẵn sàng chia sẻ, cứu giúp cho người nghèo khó, neo đơn.

Các mặt văn hóa, giáo dục, y tế ở vùng giải phóng ngày càng được quan tâm. Trong 2 năm học 1965-1966 và 1966-1967, huyện đã tổ chức được 17 lớp học cấp I, 2 lớp học cấp II cho học sinh phổ thông và nhiều lớp bổ túc cho cán bộ.

Đồng bào Nghĩa Hành đã cử 283 con em của mình lên đường nhập ngũ, 187 thanh niên khác vào lực lượng thanh niên xung phong và 2.738 người đi dân công hỏa tuyến.

Thất bại nặng nề trong năm 1966, địch điên cuồng tìm mọi cách đánh phá phong trào cách mạng Nghĩa Hành. Cuối năm 1966, đầu năm 1967, chúng mở đợt phản công chiến lược mùa khô II hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường. Nhiều đơn vị chủ lực tinh nhuệ được điều đến Nghĩa Hành. Quân nguy ở địa phương được tăng cường số lượng và trang bị vũ khí mới. Chúng dựa vào ưu thế của không quân và cơ giới mở các đợt càn quét thực hiện chương trình khủng bố trắng, nhằm gây khiếp đảm cho dân. Trong càn quét, chúng phối hợp cả quân Mỹ và quân nguy (quân Mỹ đóng vai trò xung kích) và sử dụng chiến thuật "bủa lưới phóng lao" (dùng trực thăng, xe tăng đánh bật ta ra khỏi quần chúng, thực hiện xúc tác). Cùng với

cần quét, chúng sử dụng các chốt điểm, trận địa pháo bắn phá các vùng giải phóng và tăng cường rải chất độc vào Hành Tín, Hành Thiện. Chúng không từ bỏ một thủ đoạn nào, cố làm cho các vùng giải phóng luôn luôn diễn ra cảnh người chết, nhà cháy, làng mạc bị tàn phá, đồng ruộng hoang tàn. Dân bị dồn trong các khu dôn, khu định cư bị đàn áp đe dọa. Hầu hết thanh niên từ 16 đến 33 tuổi phải đi trình diện và bị bắt lính, thiếu nhi 15 tuổi phải làm thẻ căn cước.

Bắt đầu từ thời gian này trên địa bàn Nghĩa Hành thường xuyên có 2 tiểu đoàn lính cộng hòa, 4 đại đội bảo an, 21 tiểu đội và 20 trung đội nghĩa quân, 4 đoàn bình định. Chúng lập trên địa bàn huyện 12 ấp đời mới (tên gọi của ấp chiến lược trong thời gian này) và giao cho bọn địa phương quân, bọn bình định trực tiếp phụ trách. Chúng thực hiện phương châm "tiến chậm, giữ chắc", tổ chức các vùng kẹp và các cứ điểm thành thế liên hoàn, phát triển vùng kiểm soát theo phương pháp vết dầu loang.

Ở Hành Dũng, sau khi ta tiêu diệt cứ điểm Hòn Bà và An Sơn, vào ngày 5-3-1967, địch cố sức xây dựng lại đồn An Sơn. Từ năm này, việc sử dụng hệ thống hoạt động biệt kích đã trở thành yếu tố quan trọng trong âm mưu của địch. Lính biệt kích thường xuyên hoạt động gây khó khăn cho ta. Biệt kích Mỹ tổ chức thành từng trung đội thâm nhập đánh phá Hành Tín, Hành Thiện. Bọn biệt kích ngụy phục kích, ngăn chặn hành lang qua lại, các tuyến giao thông của huyện nối với Minh Long, Ba Tư, Mộ

Đức, gây khó khăn cho việc di chuyển của ta và việc đi lại, làm ăn của đồng bào.

Trong bốn lớp tình báo Mỹ tổ chức trong toàn tỉnh, địch tổ chức một lớp ở Nghĩa Hành. Bọn “gián điệp con thoi” được sự huấn luyện và chỉ đạo trực tiếp của bọn tình báo sâu tầm, tình báo quân đội, tình báo “Tinh Đoàn xây dựng nông thôn”, “Trung tâm dân ý vụ”, “chiêu hồi” tìm mọi cách xâm nhập, móc nối phá hoại ta. Do mất cảnh giác trong ăn ở, đi lại trên huyện Nghĩa Hành đã có trường hợp bị khai hầm bí mật làm thiệt hại tính mạng cán bộ, chiến sỹ, mất súng đạn và tài liệu quan trọng.

Bằng mọi biện pháp, mọi thủ đoạn thâm độc, trong 6 tháng đầu năm 1967 địch đã lừa, xúc trên 7500 dân ở Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Dũng vào các khu đồn ở Xóm Xiết (Hành Thuận) và khu đồn Phú Bình (Hành Minh). Có lúc dân ở 2 xã Hành Tín, Hành Thiện chỉ còn lại trên dưới 600 người.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giữ dân, phá tan mọi cách xúc tát, dồn dân của địch, Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành tiếp tục đẩy mạnh hoạt động. Thực hiện đường lối đấu tranh của Đảng, Huyện ủy lãnh đạo đánh và tiêu diệt địch tại địa phương với phương châm lâu dài và liên tục, kiên định và nâng cao hiệu quả “hai chân, ba mũi”, lấy việc vừa đánh địch vừa bồi dưỡng củng cố lực lượng, vừa tấn công phía trước, vừa củng cố phía sau là việc làm thường xuyên. Đối với các xã phía trước, Huyện ủy chủ trương chọn những cốt cán tốt ở 3 xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh cắm vào dân tại đó; tổ chức các đội công tác vũ trang ban đêm tiến công vào các ấp chiến lược,

diệt ác, phá kèm, xây dựng cơ sở cho địa phương nhằm hỗ trợ cho nhân dân vùng dậy. Trong các chiến dịch, các đội du kích 3 xã Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Thiện cũng được điều đến tham chiến hỗ trợ cho du kích địa phương. Rất nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng cho các xã phía trước. Còn ở phía sau, Huyện ủy đặc biệt chú trọng việc chỉ đạo xây dựng hệ thống phòng thủ cho từng xã, thôn. Hàng chục ngàn mét giao thông hào chạy xuyên suốt được đào vét. Hàng triệu mũi chông tre, chông sắt được cắm dày, đặt trong các hầm sâu và rào cản địch. Hàng trăm hầm bí mật được xây dựng thêm. Du kích lúc ẩn, lúc hiện, bám sát lưng địch, ném lựu đạn, bắn chặn đầu, buộc địch phải rối loạn đội hình, rơi vào hầm chông, ổ mìn. Huyện ủy cũng dồn sức vào công tác xây dựng các đoàn thể quần chúng, trong đó đặt công tác dân vận làm gốc, lấy công tác xây dựng con người mà đưa phong trào lên, lấy việc tổ chức các đoàn thể là việc quyết định cho sự đoàn kết toàn dân. Để thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc xây dựng và củng cố các xã phía sau theo khẩu hiệu "xây dựng được hậu phương vững chắc, bảo đảm cho nhu cầu cách mạng, kháng chiến trong bất kỳ tình huống nào", Huyện ủy cử cán bộ, đảng viên nắm chắc cơ sở, nắm chắc tình hình tư tưởng, tổ chức của xã, thôn và tổ chức học tập kiểm điểm trong chi bộ và cán bộ xã, theo hướng xây dựng chi bộ 4 tốt và các chỉ tiêu phát động quần chúng, tự chịu trách nhiệm và chủ động trong mọi tình huống. Đối với các xã phía trước⁽¹⁾, Huyện ủy tổ chức các đội công tác, mỗi đội gồm nhiều nhóm phụ trách một xã với trách nhiệm diệt ác phá kèm, xây dựng cơ sở cho địa phương. Các đội công

(1). Gồm các xã nằm dưới vùng kèm kẹp của địch ở bắc sông Vệ.

tác chủ yếu hoạt động vào ban đêm theo hình thức im lặng tập kích vào ấp chiến lược, xây dựng lại đầu mối, liên lạc với cơ sở, chi dẫn đường lối đấu tranh và lúc cần thiết thì diệt ác ôn và phát động quần chúng nổi dậy. Đồng thời, Huyện ủy cử các đảng viên đã được bồi dưỡng về mọi mặt bí mật về dựa vào cơ sở làm Bí thư ở các xã như : Trần Văn Tình - Bí thư xã Hành Thuận, Nguyễn Văn Nghĩa - Bí thư xã Hành Minh, Nguyễn Tài, rồi sau đó Nguyễn Tấn Thứ làm Bí thư xã Hành Đức v.v...

Trong quý I năm 1967, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện, xã đã đánh 13 trận lớn nhỏ, tiêu diệt trên 100 tên địch. Đáng chú ý là đội du kích Trưng Kè (Hành Tín) đã diệt gọn một toán biệt kích gồm 16 tên thâm nhập sâu vào vùng giải phóng, thu được nhiều ba lô, súng đạn. Du kích Nghĩa Hành đã bắt sống được giặc Mỹ. Vai trò của nữ du kích trong chiến đấu ngày càng được khẳng định. Mặc khác ta cũng thiệt hại lớn. Địch gặp ai bắn nấy, người chết không kịp chôn, nhất là ở Trưng Kè.

Trong đợt hoạt động mùa thu năm 1967, nhân dân Nghĩa Hành dồn địch vào thế bị động, hoang mang, lo sợ. Đêm 29-8, lực lượng tập trung huyện đánh sập cầu Xóm Xiết, đánh tan một trung đội biệt kích giữ cầu, làm 5 tên bị chết và thu 3 súng, 450 viên đạn, 6 lựu đạn. Cùng đêm, đội công tác thị trấn và các nòng cốt đấu tranh chính trị, binh vận đã đột nhập vào khu định cư Xóm Xiết, Phú Bình, bắt 4 tên ác ôn tay sai, kêu gọi quần chúng phá khu dồn trở về. Từ sáng ngày 30-8 đến ngày 1-9 đã có một số đồng bào lần lượt trở về làng cũ. Ở khu định cư Gò Gai

ta tăng cường đánh mạnh xung quanh, tạo điều kiện cho dân nổi dậy. Ngoài ra ta còn tổ chức các đợt vũ trang tuyên truyền vào Hiệp Phố Bắc, Hiệp Phố Nam (Hành Trung).

Mũi dẫu tranh chính trị và binh vận cũng có nhiều chuyển biến lớn. Trong các đợt dẫu tranh chính trị ta đều có nhiều nòng cốt. Đồng bào dẫu tranh với nội dung chống địch đồn dân, đòi dân sinh, dân chủ, đòi cứu đói, cứu đau, đòi bồi thường tính mạng, tài sản, chống cướp phá, rải chất độc hóa học... Ngay từ đầu năm 1967, trong dịp Tết nguyên đán, Đảng bộ Nghĩa Hành đã vận động được 1582 lượt người tham gia biểu tình, dẫu tranh chống bọn Mỹ vi phạm lệnh ngừng bắn, mừng 2 tết đi càn. Đồng bào vùng giải phóng dẫu tranh giành lại 1300 con bò bị địch cướp. Cao điểm trong phong trào dẫu tranh chính trị lúc này là đợt chống địch tổ chức bầu cử Tổng thống và Thượng, Hạ nghị viện. Nhiều nơi đồng bào tẩy chay, không đi bỏ phiếu hoặc đập phá thùng phiếu. Nhiều truyền đơn, khẩu hiệu chống bầu cử được dán, rải khắp nơi. Ở vùng giải phóng, Huyện ủy tổ chức hội họp, mít-tinh biểu tình, phát động quần chúng ủng hộ phong trào chống bầu cử của đồng bào vùng địch. Trong nhiều đơn vị địch ở Nghĩa Hành, cơ sở nội tuyến của ta hoạt động tốt. Nhiều tổ bao vây, ém đồn bót địch được hình thành, góp phần hạn chế sự lùng sục, bắn phá của địch và bảo vệ được hành lang giao thông.

Bằng các mũi hoạt động, ta phá tan 6 ấp chiến lược và đưa toàn bộ xã Hành Dũng lên thế làm chủ từ tháng 3-1967, mở kèm cho 1500 dân. Nơi nào địch bỏ chạy, Huyện ủy

nhANH chóng tổ chức đưa dân về làm chủ (Hành Minh, Hành Thuận, Hành Đức...). Trên địa bàn huyện Nghĩa Hành đến cuối năm 1967 không có nơi nào bị kẹp chặt. Ở quận lỵ, ta đã phát triển một số đảng viên hợp pháp và chỉ đạo việc trừng trị ác ôn, tay sai.

Tính đến cuối năm 1967 đầu năm 1968, dân số Nghĩa Hành có 47.650 người. Số lượng đảng viên toàn Đảng bộ có 253 người, sinh hoạt trong 17 chi bộ. Số cán bộ huyện có 72 người.

Đánh giá đúng tình hình địch, ta trong năm 1967, tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã họp và ra Nghị quyết động viên toàn quân, toàn dân mở chiến dịch Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu thân 1968. Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhanh chóng tổ chức cho các Huyện ủy học tập, quán triệt chủ trương của Trung ương và chuẩn bị mọi thực lực cách mạng, sẵn sàng chiến đấu.

Đảng bộ huyện Nghĩa Hành triển khai đợt học tập, tiến hành chỉnh huấn củng cố lại đại đội độc lập của huyện và các đội du kích xã, thôn. Ngoài ra Huyện ủy chủ trương chọn lựa trong đội du kích 3 xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh đủ quân số 120 người thành lập thêm một đại đội, cử đồng chí Huỳnh Lân (xã đội trưởng Hành Thiện) làm đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Tứ (xã đội trưởng Hành Tín) làm đại đội phó. Các xã vùng giải phóng, vùng lòng kẹp đều có từ 1 đến 2 đội du kích. Ở các thôn đều có tổ du kích. Số lượng Đảng viên, đoàn viên trong lực lượng vũ trang, bán vũ trang được tăng cường. Huyện ủy cũng chuẩn bị tốt cho quần chúng đấu tranh chính trị, mở

các lớp huấn luyện với nội dung hướng dẫn cách chiếm lĩnh, cách chỉ huy hợp pháp, phương thức liên lạc và trinh sát. Trong những ngày cuối tháng 12-1967, Huyện ủy kiểm tra lại đội ngũ, tập dượt việc chiếm lĩnh cho đồng bào.

Cuối năm 1967, đầu năm 1968 địch không mở được trận càn nào lớn ở Nghĩa Hành. Chúng tổ chức những cuộc càn quét nhỏ với tính chất lùng sục để bảo vệ căn cứ, đối phó với các trận đánh tiêu diệt của ta.

Cùng với tiếng súng tiến công nổ ra khắp tỉnh, vào lúc 2 giờ 30 sáng ngày 31-1-1968 tại Nghĩa Hành quân ta bắt đầu pháo kích vào quận lỵ. Gần 150 tên ngụy quyền quận, xã hốt hoảng bỏ chạy ra Chu Lai và Lý Sơn lánh nạn. Bộ máy ngụy quyền thôn, xã tan rã hoàn toàn. Ta bắt được một tình báo quan trọng của quận lỵ và 3 tên chỉ điểm khác⁽¹⁾. Có đến 70% cảnh sát và nhân viên ngụy quyền bỏ việc đến 10 ngày sau mới dám trở lại. Ta cũng gom được 92 tên "đại diện", áp trưởng, liên gia trưởng đưa về cải tạo ở Trưng Kè (Hành Tín)⁽²⁾.

Đại đội vũ trang của huyện và du kích xã hoạt động liên tục, bao vây, ép địch co cụm vào đồn bót. Vào những ngày tổng công kích Xuân Mậu thân 1968, quân chúng trong vùng địch kiểm soát nổi dậy hỗ trợ cho đồng bào và du kích bên ngoài. Ở các trại định cư, đồng bào đứng lên phát cờ, giăng khẩu hiệu, nổi trống và dùng gươm, dao phá trại, kéo vào quận lỵ đòi quận trưởng ký vào yêu sách để cho dân trở về quê cũ. Tên quận trưởng phải ký vào đơn,

(1). (2). Theo tư liệu do đồng chí Phan Hồng Diệp cung cấp.

hứa để đồng bào tự do đi lại làm ăn, tự do mua lúa gạo. Thừa thắng, đồng bào đồng bào tổ chức biểu tình, hô vang các khẩu hiệu chống địch. Nhân dân các vùng tranh chấp, lòng kẹp phá rã nguy tề, thành lập thế bao vây địch trong quận. Nhiều đơn vị cộng hòa, bảo an có chiều hướng trung lập, chờ ta đánh mạnh là rã toàn bộ, 140 tên bỏ hàng ngũ.

Trong đợt này, ta phá banh 20 ấp, khu đồn, giải phóng 4 xã Hành Dũng, Hành Phước, Hành Đức, Hành Thuận, trong đó có 2 khu đồn lớn là Xóm Xiết (Hành Thuận) và Phú Bình (Hành Minh), giải phóng 15.200 dân, đưa lên tranh chấp một số vùng, thành lập chính quyền cách mạng ở nơi mới giải phóng. Trên 6.000 đồng bào ở 2 xã Hành Tín, Hành Thiện kéo về quê cũ. Đồng bào khu đồn Hành Đức kéo vào đồn Đá Hai buộc tên đồn trưởng chấp nhận cho dân về chỗ cũ.

Trong thế lúng túng, bị động, Mỹ-ngụy liền điều động một đơn vị chủ lực ngụy về đóng vùng đất giáp giới Hành Thuận và Tư Nghĩa, gọi là để bảo vệ cho thị xã Quảng Ngãi. Chúng đi đến đâu bị du kích ta chặn đánh đến đó. Một tổ của đội công tác Hành Đức đã chặn đánh 1 đội bảo an địch, đuổi chúng chạy bán sống, bán chết, bỏ lại nhiều súng đạn, trong đó có 1 trung liên, 2 máy bộ đàm, 30 ba lô.

Để trả đũa, địch điên cuồng đánh phá, phản kích lại vùng giải phóng của ta. Ngày 12-3-1968 một tiểu đoàn Mỹ, một tiểu đoàn ngụy cùng 32 xe bọc thép càn vào Hành Đức. Các đợt càn đều bị ta chặn đánh trả quyết liệt. Trong

suốt 6 tháng cuối năm 1968, ta liên tiếp mở các đợt tấn công tiêu diệt địch. Trong giai đoạn này, phong trào nhân dân du kích chiến tranh có nhiều điểm nổi bật. Đến tháng 10-1968 số lượng du kích Nghĩa Hành có 504 người và có các tổ chuyên môn như bắn máy bay, đặc công, tổ đánh xe tăng, tổ sản xuất vũ khí tự tạo gồm cả bom bay⁽¹⁾. Nhiều lớp đào tạo cán bộ xã đội, thôn đội đều được tổ chức. Ở các xã giải phóng, đồng bào xây dựng làng chiến đấu, đào hầm trú ẩn, hầm bắn máy bay, hào chống xe tăng càn quét.

Vượt qua khó khăn gian khổ, các xã giải phóng tích cực sản xuất và ổn định đời sống. Việc đào, đắp các đập nước như Đồng Thất (Hành Dũng), Hồ Đá (Hành Thiện), Cây Gáo (Hành Thịnh) được thực hiện bảo đảm đủ nước tưới cho ruộng lúa, màu ở địa phương. Nhân dân các xã Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Thiện sau khi phá đồn về đã tranh thủ cày bừa, trồng lang, tía bắp và cấy lúa tứ quý. Ông Trà ở xã Hành Thịnh bị xúc tác, đấu tranh trở về không có trâu bò vẫn cuốc được 3 sào ruộng trồng lúa, trồng 2 sào mì, 3 sào lang, tía 3 sào đậu. Đảng viên các xã gương mẫu trong sản xuất và vận động quần chúng gieo mạ mỗi gia đình từ 1 đến 5 ang lúa giống để giúp bà con mới trở về cấy kịp thời vụ.

Công tác y tế phát triển khá, phòng và chống kịp thời các bệnh dịch. Ban y tế huyện, tổ dân y các xã phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, có tác dụng thiết thực nâng cao sức khỏe của quần chúng

(1). Theo *Hành Thịnh thơ ca và hồi ký kháng chiến* - Trang 85.

và chiến sĩ. Ngành giáo dục tiếp tục đẩy mạnh việc dạy và học. Số học viên bình dân học vụ và học sinh phổ thông ngày càng nhiều. Các tổ chức quần chúng được củng cố hơn trước, phát huy ngày càng tốt hơn. Toàn huyện có 317 đoàn viên Thanh niên Giải phóng sinh hoạt trong 18 chi đoàn.

Trong vùng giải phóng, công tác an ninh, phòng gian bảo mật được tăng cường. Các cấp chính quyền tự quản từ huyện xuống thôn thực hiện tốt việc trấn áp bọn phản cách mạng. Đồng bào ngày càng được học tập đầy đủ các nội dung cảnh giác và chống được những thủ đoạn do thám, moi móc tin tức của bọn gián điệp. Dù địch đánh phá, đời sống thiếu thốn nhưng đồng bào Nghĩa Hành tiếp tục đóng góp xứng đáng sức người, sức của cho kháng chiến.

Tính đến cuối tháng 10-1968 dân số Nghĩa Hành ở tại địa phương có 37.000 người, trong đó dân vùng giải phóng có 8.500 người, lỏng kẹp có 18.500 người, chạy dạt và ở trong các khu dồn 9.000 người⁽¹⁾.

Tiếp tục tăng cường sức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, trong suốt những năm tháng này, Huyện ủy luôn luôn xem việc xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đủ sức thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng là vấn đề sống còn trước mắt và lâu dài. Công tác tư tưởng luôn đặt ở vị trí hàng đầu trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Qua các đợt học tập, chỉnh huấn, hầu hết cán bộ, đảng viên đều thể hiện rõ sự vững vàng trong tư tưởng, ý thức giai cấp và không ngại khó ngại khổ, luôn đi đầu trong mọi mặt chiến đấu và xây

(1). Báo cáo tổng kết xây dựng Đảng năm 1968 của Tỉnh ủy. Tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng-Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

dựng Đảng bộ, quán triệt đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng, tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, đã bám sát được các nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn cách mạng, có kế hoạch sát hợp, kịp thời trong công tác giáo dục, uốn nắn những biểu hiện sai lệch của một số đảng viên.

Việc xây dựng chi bộ 4 tốt, chi bộ tự động công tác, khẩn trương đào tạo cất nhắc cán bộ đủ sức lãnh đạo mọi phong trào được Đảng bộ xem là khâu then chốt trong xây dựng và củng cố Đảng. Đa số các chi bộ biết lãnh đạo toàn diện công tác trong thôn, xã. đảng viên học tập nhiều nội dung thiết thực và thông hiểu quyền hạn, nhiệm vụ của mình trong việc xây dựng chi bộ.

Công tác phát triển đảng viên có kế hoạch cụ thể từng quý, từng năm. Trong giai đoạn đầu trực tiếp đánh Mỹ, Huyện ủy đã kết nạp nhiều đảng viên mới từ các phong trào. Riêng trong quý I năm 1968 trong lớp 3/2, Huyện ủy đã kết nạp được 73 đảng viên mới. Các chi bộ nắm vững nguyên tắc tổ chức trong việc phát triển đảng viên mới và làm đúng thủ tục kết nạp.

Đến cuối năm 1968 Đảng bộ Nghĩa Hành có 18 chi bộ (5 chi bộ xã, 10 chi bộ cơ quan, 3 chi bộ các lực lượng vũ trang, bán vũ trang), trong đó có 9 chi bộ đạt bốn tốt, 8 trung bình và 1 kém. Chi bộ Hành Đức là một chi bộ tốt đã hạ quyết tâm lãnh đạo nhân dân chống càn thẳng lợi, giữ vững được thành quả cách mạng. Với những thành tích đã đạt được trong thời gian này, Đảng bộ Nghĩa Hành đã được Đại hội lần thứ 3 Đảng bộ tỉnh trang trọng tuyên

dương : “Đảng bộ Nghĩ Hành từ đầu xuân đến nay đã có nhiều cố gắng vận dụng tốt phương châm phá lòng kim kẹp đưa một số lớn dân ở khu đồn về vùng giải phóng, ổn định, trụ bám và tiếp tục bao vây quận lý”⁽¹⁾

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong sự lãnh đạo của Đảng bộ vẫn còn tồn tại một số khuyết điểm. Có lúc, có nơi việc giáo dục tư tưởng cho đảng viên và quần chúng chưa đều, chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của tình hình và nhiệm vụ. Sản xuất và tích lũy kinh tế chưa thật bảo đảm yêu cầu ngày càng cao của đời sống nhân dân và dự trữ lâu dài. Trong tuyên truyền, ta chưa kịp thời phát huy chiến thắng để cổ vũ, động viên quần chúng phấn khởi với nhiệm vụ cách mạng, chưa đập tan được tận gốc rễ các luận điệu tuyên truyền chiến tranh tâm lý và chiêu hồi của địch.

(1) Trích văn kiện đại hội III Đảng bộ Tỉnh Quảng Ngãi tháng 10-1968. Tài liệu lưu lại bộ phận NCLS Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Chương XII

PHÁT ĐỘNG TOÀN DÂN ĐÁNH GIẶC, KẾT HỢP “HAI CHÂN BA MŨI GIÁP CÔNG”, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 - 1972)

Thất bại liên tiếp về quân sự, chính trị tại miền Nam, đặc biệt là trong xuân Mậu thân (1968), Mỹ - ngụy gặp

khó khăn nghiêm trọng, buộc phải chuyển chiến lược “bình định và tìm diệt” sang “quét và giữ” để tránh cho quân nguy khỏi tan rã và sụp đổ nhanh chóng. Tháng 12-1968 chúng phải ngồi đàm phán với ta tại Paris. Mặt khác, chúng âm mưu xuống thang trên thế mạnh bằng việc điều chỉnh lực lượng và ổn định tình hình chính trị, kinh tế ở miền Nam.

Sau khi lên cầm quyền, Ních-xơn buộc phải chấp nhận một xu thế không thể nào cưỡng lại được là sẽ rút quân Mỹ về nước. Ních-xơn đã điều chỉnh chủ trương “phi Mỹ hóa” của Giôn-xơn thành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Đây là một bộ phận trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ, là một kế hoạch toàn diện cả về chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế nhằm tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, ngăn chặn phong trào cách mạng ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Thực chất của chiến lược này là sử dụng đội quân viễn chinh Mỹ làm chỗ dựa để thực hiện học thuyết của Ních-xơn “dùng người Việt đánh người Việt” bằng tiền bạc, vũ khí và trang bị của Mỹ, do Mỹ chỉ huy để xoa dịu làn sóng chống chiến tranh trong lòng nước Mỹ. Chính quyền Ních-xơn vừa từng bước rút quân Mỹ, vừa ra sức củng cố và tăng cường nguy quân, nguy quyền, vừa xuống thang chiến tranh, vừa phản công và tiến công với một cường độ dữ dội quyết liệt để chống lại phong trào cách mạng của nhân dân ta. Chúng tập trung hầu hết lực lượng Mỹ - nguy để “bình định nông thôn”, sử dụng phương tiện chiến tranh hiện đại, kể cả vũ khí hóa học, chiến tranh điện tử, để tiến

hành “chiến tranh hủy diệt, chiến tranh giành dân và chiến tranh bóp nghẹt”, hòng làm cho cuộc kháng chiến ở miền Nam bị tàn lụi, tạo thế cho chúng giành thắng lợi về quân sự và chính trị.

Như vậy, chiến lược mới của Ních-xơn và tập đoàn cầm quyền Mỹ không nằm ngoài chính sách tiếp tục chiến tranh ở cường độ ác liệt, đẫm máu hơn, không những nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng mà còn nhằm khủng bố, đàn áp nhân dân, đánh mạnh vào quần chúng, làm cho chiến tranh cách mạng mất chỗ dựa.

Để giữ và xây dựng lại lực lượng, bước sang năm 1969, ở Nghĩa Hành, Mỹ-ngụy ra sức phòng thủ, bảo vệ thị trấn và các nơi trọng yếu. Chúng đổ quân xây dựng vùng ven Nghĩa Hành giáp Tư Nghĩa 3 vành đai gần chặn ảnh hưởng của phong trào cách mạng Nghĩa Hành đối với thị xã Quảng Ngãi. Chúng thành lập các đơn vị quân sự hỗn hợp, điều chỉnh quân số và hỏa lực ở các cứ điểm và đồn bót. Liên đội địa phương quân mang phiên hiệu 1-37 gồm bốn lính bảo an, nghĩa quân được thành lập và hoạt động ở huyện. Về phần quân chủ lực, lúc nào trên đất Nghĩa Hành cũng có mặt bốn lính của tiểu đoàn 1, tiểu đoàn 3, tiểu đoàn 4 của trung đoàn 4, sư đoàn 2. Ngoài ra khắp các xã, thôn thuộc chúng kiểm soát và tranh chấp có 26 trung đội dân vệ (692 tên), 7 đoàn bình định (240 tên), 3 trung đội biệt kích (80 tên), 5 trung đội thanh niên chiến đấu (614 tên). Bộ máy ngụy quyền thôn xã có 437 tên, trong đó có 123 tên ác ôn có nợ máu với nhân dân, với cách mạng⁽¹⁾. Dịch sử dụng 5 chốt điểm, đồn bót lớn không

(1). Báo cáo tổng kết năm 1969. Tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

ché các địa phương, các hành lang của huyện. Trong đó, chốt Núi Đá (An Sơn) là một trong những yếu khu của tỉnh.

Bằng các lực lượng trên, địch gấp rút đánh phá, truy bắt cơ sở ta. Các đồng chí được cử về xây dựng cơ sở ở Hành Minh, Hành Đức bị chúng tàn sát gần hết, một số xã lại bị xóa trắng không còn cốt cán nữa. Đồng thời, chúng ra sức xây dựng hạ tầng cơ sở, củng cố lại chính quyền xã ấp, tiến hành các đợt dồn dân lập ấp. Chúng tăng cường các đợt hành quân cảnh sát nhằm kiểm soát việc đi lại, làm ăn của đồng bào ta.

Trong 6 tháng đầu năm 1969, địch tổ chức trên 40 trận càn lớn nhỏ với lực lượng phối hợp Mỹ - ngụy ở ven quận lỵ và các xã vùng giải phóng. Kết hợp cả 2 hình thức: hai mũi tiến công bằng hành quân bộ ở phía trước, dùng trực thăng đổ quân khóa chặt ở phía sau. Rồi dùng chiến thuật "Mỹ công", "Mỹ léch" đánh bất ngờ, đánh phủ đầu, đánh nhanh, rút nhanh vào các xã Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Thiện. Mức độ tàn bạo, ác liệt trong càn quét ngày một tăng, lực lượng cách mạng trong đó có lực lượng du kích hy sinh tổn thất nhiều. Nhân dân liên tục bị bom đạn tàn sát, nhà cửa bị đốt phá. Tai họa, đau khổ diễn ra hàng ngày. Chẳng những thế, suốt ngày trên bầu trời địch còn dùng trực thăng quần lộn lùng sục khiến nhân dân không thể đi lại làm ăn được. Máy bay B52 sẵn sàng đổ bom như vãi cát vào bất cứ chỗ nào chúng nghi ngờ. Từ quận lỵ, từ các cụm Mộ Đức, Đức Phổ địch nã pháo vào vùng giải phóng bất cứ lúc nào. Qua càn quét, đánh phá, địch

xúc tác được một số dân vào khu đồn gần quận lỵ. Xã Hành Thiện bị chúng xúc tác 180 dân, xã Hành Tín đến 200 dân, xã Hành Thịnh 150 dân. Một số bị chúng đưa đến tận sân bay Gò Hội (Đức Phổ).

Ngày 2-3-1969, lữ đoàn 11 thuộc sư đoàn 23 Americal đổ quân xuống cầu Liêm (Nhơn Lộc) đến Đá Chát trên đường 5B và tiến hành càn quét trên diện rộng. Cánh quân đổ xuống cầu Liêm sục sạo vào núi bắn chết rất nhiều người, trong đó có đồng chí Trần Duy Vĩ (Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng huyện)⁽¹⁾. Lúc chúng tiến ra đến đầu thôn, sa vào bãi mìn của du kích, chết 13 tên. Chúng vẫn vừa hành quân vừa bắn giết đến chỗ hợp quân tại Trường Khánh. Chúng lừa tất cả bà con dân tộc mà chúng vây bắt được ra bãi trống tra tấn một cách dã man mong khai thác được chỗ ở của Việt cộng. Không khai thác được gì, chúng dùng súng liên thanh bắn chết tất cả 64 đồng bào ngay tại chỗ⁽²⁾.

Ngày 14-7-1969 Mỹ-ngụy mở chiến dịch “Phượng hoàng”, trung đoàn 4 lính cộng hòa dùng trực thăng đổ quân xuống An Chỉ (Hành Phước), rồi càn quét ra xung quanh, đốt cháy hầu hết nhà cửa, bắn

(1). Đồng chí Trần Duy Vĩ là cha đồng chí Trần Miên (Hồng Quang) người thôn Nhơn Lộc, giác ngộ cách mạng từ năm 1930 - 1931, tham gia khởi nghĩa tháng 8-1945, Chủ tịch Mặt trận Liên Việt xã nhiều năm. Ở lại chiến đấu ở miền Nam, bị địch bắt tra tấn 3 lần hết sức dã man như: treo ngược lên cây suốt ngày; châm kim mười đầu ngón tay; chôn sống đến tận cổ. Đồng chí vẫn một lòng kiên trinh bất khuất. Năm 1964, xã Hành Tín được giải phóng, đồng chí được giao làm Chủ tịch Mặt trận DTGPMNVN xã, sau lên làm phó Chủ tịch Mặt trận huyện. Đồng chí bị tiểu đoàn 44 thuộc trung đoàn 4, cánh quân đổ bộ ở cầu Lim bắn chết.

(2). Còn sót được em Nguyễn Thị Đa (người thứ 65) còn nhỏ, trúng đạn bị thương, nhờ thi hài người chết che lấp nên còn sống sót.

chết hơn 10 người. Bọn bảo an thường xuyên đánh nông ra vùng ta làm chủ ở Hành Dũng. Bọn lính biệt kích thì ngày đêm sục sạo khắp nơi, bắt bớ, ám sát cán bộ ta, truy tìm tài liệu, hầm bí mật, nơi cất giấu súng đạn v.v...

Song song với việc càn quét, đánh phá, địch tổ chức các lớp học tập cái gọi là phương pháp tố cộng, diệt cộng và bắt đồng bào đang bị chúng kèm kẹp tham dự. Chúng lại phát động chiến dịch mệnh danh Diên Hồng để dụ dỗ, đầu độc học sinh và thiếu niên. Chúng tích cực lợi dụng sự hồn nhiên ngây thơ của các em thiếu nhi để phát hiện cơ sở ta và mua chuộc một số đồng bào nhằm nắm bắt mọi tình hình vùng giải phóng. Có lúc chúng đã dùng 1.600.000 đồng và một số máy bơm nước phát cho dân ở khu đồn Phú Bình với ý đồ lôi kéo dân vùng giải phóng, vùng lỏng kẹp về với chúng. Chúng mở cả chiến dịch gọi là "Chống bão", thực chất là tiến hành việc cướp lúa của đồng bào ta.

Đi đôi với việc càn quét, đánh phá vùng giải phóng, dụ dỗ uy hiếp đồng bào vùng chúng kèm kẹp, địch còn dùng cả chất độc hóa học hủy diệt môi trường sống. Trong năm 1969, chúng rải 18 lần chất độc hoá học từ Ba Tư đến Hành Tín và làm cho hàng nghìn hecta rừng cháy khô, huỷ hoại tất cả hoa màu, đầu độc các dòng sông, khe suối. Chúng phong tỏa các cửa khẩu An Ba, Mỹ Hưng (Hành Thịnh), nơi thu mua lương thực, thực phẩm đưa lên miền núi; kiểm soát chặt chẽ mọi cửa ngõ ra vào giữa vùng ta và vùng chúng kiểm soát, hạn chế đến mức tối đa việc đi gao, muối lọt vào tay cách mạng. Tất cả việc làm của chúng đã khiến đồng bào ta nhiều nơi bị thiếu đói nghiêm trọng.

Các đơn vị vũ trang rơi vào cảnh đói cơm, lạt muối, có lúc không còn củ mài, củ sắn để ăn, phải ăn lá cây, củ ấu. Năm đầu tiên của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", địch đã làm cho 1.400 đồng bào xã Hành Tín thiếu đói nặng nề, ta phải giải quyết lâu dài và hết sức cố gắng mới vượt qua được. Ở thị trấn, địch tổ chức lại hệ thống liên gia. Mỗi liên gia gồm 5 gia đình gọi là "ngũ gia liên bảo" để kiểm soát lẫn nhau. Chúng bắt mọi người làm lại thẻ căn cước, phát thẻ liên gia, phân loại nhân dân, lập danh sách gia đình có người đi tập kết, có người tham gia cách mạng, quản lý chặt chẽ những đối tượng tình nghi.

Cùng với việc tổng động viên, địch thực hiện quân sự hóa học đường, nghiêm cấm mọi cuộc hội họp, biểu tình, đình công. Không khí trong thị trấn luôn căng thẳng, nặng nề.

Bằng vũ lực tàn bạo và âm mưu chính trị thâm độc, địch đã cưỡng ép hàng ngàn người vào các trại tập trung, khủng bố, giết hại nhiều dân thường.

Những âm mưu, thủ đoạn mới của ngụy quân, ngụy quyền tay sai đã làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân Nghĩa Hành trở nên căng thẳng và quyết liệt gấp nhiều lần so với trước và tổn thất nghiêm trọng. Đảng bộ và đồng bào Nghĩa Hành lại bước vào một giai đoạn mới, đầy thử thách gay go và phức tạp.

Tháng 11-1968, dựa vào báo cáo của Đảng bộ miền Nam, Bộ Chính trị Trung ương Đảng vạch ra phương hướng cho năm 1969 là phải chuẩn bị các đợt công kích và khởi nghĩa đánh vào các sào huyệt địch để xoay chuyển cục diện chiến

trường có lợi cho ta. Tỉnh ủy kịp thời tổ chức học tập và chỉ đạo các Huyện ủy quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới.

Đảng bộ Nghĩa Hành khẩn trương thúc đẩy công tác kiện toàn cấp ủy ở cơ sở. Đến lúc này có 8/9 chi ủy đã được kiện toàn, trong đó có 2 chi ủy Hành Thịnh, Hành Thiện được Đại hội bầu ra và 6 chi ủy phía trước do Huyện ủy chỉ định. Trong phát động thi đua đầu năm, 2 chi ủy Hành Thịnh, Hành Thiện đạt tiêu chuẩn trong sạch 100%. Huyện ủy đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập chính huấn Nghị quyết 8 của Khu ủy và mở đợt động viên chính trị ngoài quần chúng nhằm chuẩn bị tích cực mọi mặt cùng tỉnh mở chiến dịch Xuân Kỷ Dậu 1969 (Z). Trong 40 ngày đêm liên tục, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện, xã kiên trì bám đất, bám dân, liên tục công kích địch, tiêu hao nhiều sinh lực địch, hỗ trợ tốt cho công tác mở kèm, giành dân ở các khu đồn. Hầu hết các khu đồn bị ta phá. Quân dân ta vận dụng được chiến thuật thọc sâu, đánh nhanh, rút nhanh, lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều. Công tác xây dựng xã thôn chiến đấu được Đảng đặc biệt coi trọng trong thời gian này. Các xã ta làm chủ nhân dân cảnh giác đào hầm, hố, đào hào lũy và bố trí các ổ phục kích chống địch càn và lùng lội.

Trong đấu tranh chính trị và binh vận ở đợt Xuân Kỷ Dậu 1969 (Z), đội ngũ nòng cốt của phong trào đã phát động được số đông đồng bào góp phần cùng mũi vũ trang giữ thế liên tục tấn công địch, giành và giữ được một số dân. Tại thị trấn từ ngày 8 đến ngày 12 tháng 2, hơn

1.050 đồng bào đưa đơn cho quận trưởng. hô vang khẩu hiệu chống nguy, đòi dân sinh dân chủ. Cũng trong đợt này, quần chúng nổi dậy phá kèm, diệt 2 tên binh định và làm rã 4 tên. Ngày 2 tháng 2, tại một số nơi ven quận lỵ đồng bào nổi dậy bắt bọn liên gia, áp trưởng, hạ uy thế chúng trước nhân dân, một số tên chống đối buộc phải giết chết 2 tên tại chỗ, đợt nhập vào quận treo 2 lá cờ và rải 200 tờ truyền đơn. Trong dịp Tết nguyên đán ở vùng giải phóng ta tiếp xúc mời thêm 100 binh lính về ăn tết và tổ chức tuyên truyền đường lối cách mạng. Nhiều binh lính và sĩ quan ở tiểu đoàn 2, trung đoàn 5 đóng tại Hành Đức đã bày tỏ sự ủng hộ, đồng tình với ta.

Trong thời gian chiến dịch Z, các đơn vị chủ lực của tỉnh, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện tiếp tục tấn công đẩy lùi các trận càn của địch ở phía sau, tiêu diệt địch ở phía trước. Du kích các xã Hành Minh, Hành Thiện kiên cường bám dân, bám đất. Trong tình hình địch sử dụng chiến dịch "Phượng hoàng", xem tây Nghĩa Hành là vùng đất phải diệt sạch vì đây là một trong những bàn đạp tấn công quan trọng của quân chủ lực ta, ở Hành Thịnh hầu như ngày nào Mỹ cũng đổ quân càn quét, đốt phá, chém giết hết sức tàn bạo. Vượt qua thử thách hy sinh to lớn, du kích và đồng bào Hành Thịnh đã trụ bám kiên cường tại chỗ, nghiên cứu và thực hiện chiến thuật "bám sát lưng địch mà đánh" bọn Mỹ càn, diệt hàng trăm tên, hạ một máy bay.

Từ ngày 21-6-1969 đến ngày 27-6-1969, du kích Hành Thịnh bằng vũ khí cải tiến tự tạo đã đánh lùi cuộc càn

quét của một tiểu đoàn lính cộng hòa có xe tăng mở đường đi trước, không quân hỗ trợ bên trên và quân Mỹ hỗ trợ hai bên. Xe tăng tiến vào xóm, đồng bào được huy động ra chặn đường với lý do không cho giẫm lúa. Xe tăng tiến theo đường gò, giẫm mìn, 2 xe tăng hỏng. Địch không dám tiến, co cụm lại và cho pháo binh quét đi quét lại suốt 3 ngày đêm. Ngày 24 tháng 6 chúng mới tiếp tục hành quân, xe tăng lại giẫm phải mìn bị hỏng. Du kích phục kích bắn tỉa khắp nơi. Kết quả trong trận này du kích đã đánh hỏng 9 xe tăng, loại khỏi vùng chiến đấu 106 tên địch, buộc địch phải rút lui. Cũng trong tháng 6, Mỹ đổ 3 tiểu đoàn xuống Hành Tín, 1 tiểu đoàn sục sạo ở Nhơn Lộc. Du kích gài mìn ở gò Cây Quảng diệt 49 tên⁽¹⁾.

Ngày 10-8-1969, địch đổ quân xuống thôn Phú Khương (Hành Tín) trúng vào ổ phục kích sẵn của du kích ta, chúng bị đánh ngay từ đầu, nhưng với hỏa lực mạnh chúng vẫn lùng sục bắn giết, đốt nhà và quây bắt đồng bào tập trung lại một chỗ. Du kích vẫn bám sát tập kích và tiêu diệt suốt ngày được 16 tên. Anh du kích Lê Lệ với khẩu súng K14 bắn cháy 1 trực thăng rơi xuống Núi Đất. Nhưng lính Mỹ đã phá được một số cơ quan của ta, trong đó có cơ quan lương thực huyện. Đồng chí Trịnh Quang Chương, phó phòng lương thực huyện, bị chúng bắn chết rồi bỏ xuống hầm đốt xác. Lúc quay về chúng còn bắt 82 đồng bào chở về căn cứ Gò Hội. Quân chúng bị bắt đấu tranh kiên trì và dũng cảm buộc bọn Mỹ phải gọi tên quận trưởng đến

(1). Theo Hành Tín 45 năm đấu tranh cách mạng - T.l.d.d trang 6b - là ngày 17/9/1969 (chúng tôi ghi lại chỗ chưa thống nhất để xác minh tiếp).

giải quyết. Tên quận trưởng buộc phải đồng ý giải quyết các yêu cầu về đời sống cho đồng bào, trả đồng bào về chỗ cũ và hứa không bắn pháo vào làng để đồng bào tự do làm ăn. Ngày hôm sau, quân Mỹ phải cho máy bay chở 82 đồng bào đó về lại chỗ cũ. Ở khu Phú Bình, hơn 6.000 quần chúng được sự hỗ trợ của đội công tác phía trước nổi dậy đốt trụi 100 nóc nhà, 121 người trở về vùng giải phóng, 2.000 người khác bung ra khỏi khu đồn. Vụ phá khu đồn Phú Bình đã gây tiếng vang rất lớn trong toàn tỉnh.

Từ tháng 8-1969, ở các khu đồn mỗi ngày đều có 50-70 người trực tiếp đến bọn đại diện và quận trưởng đưa đơn kêu kiện đòi giải quyết đời sống, đòi trở về quê cũ làm ăn và loan tin chiến thắng của ta khắp nơi khiến bọn ngụy quyền lo sợ. Trước khí thế đấu tranh sôi nổi của quần chúng và nhằm xoa dịu tình hình, ngụy quyền quận Nghĩa Hành phải giải quyết một số yêu sách như cấp một ít tiền và bảy tám tôle cho mỗi gia đình ở khu đồn Gò Gai.

Trong số 45.000 dân Nghĩa Hành (tính đến cuối năm 1969) ta đã làm chủ các loại A,C được 25.400 người, lỏng kẹp 13.470 người. Giữa lúc phong trào cách mạng đang vượt qua những khó khăn lớn lao, thì ngày 2-9-1969 tại Hà Nội, Bác Hồ kính yêu qua đời. Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành nhận được tin Bác mất với niềm đau xót và thương tiếc vô hạn. Đồng bào hứa với Bác dù gian khổ khó khăn đến mấy cũng quyết tâm thực hiện hoàn thành những lời dạy của Bác.

Tháng 10-1969, đại hội đại biểu Đảng bộ Nghĩa Hành lần thứ II (trong kháng chiến chống Mỹ) được triệu tập tại

Hành Tín. Đại hội đã phân tích và đánh giá các mặt quân sự, chính trị, binh vận đều thu được một số kết quả phân khởi, phong trào tiến công cách mạng dần dần phục hồi sau một thời gian dịch thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh". Tuy nhiên đại hội nhận định hiệu suất chiến đấu của lực lượng vũ trang, bán vũ trang còn thấp. Có nơi chưa chuẩn bị kỹ điều kiện chống càn quét, bình định nên để mất dân, mất đất, vùng giải phóng chưa thực sự mạnh, công tác phát triển đảng viên mới, đào tạo cán bộ trẻ còn chậm. Đại hội xác định nhiệm vụ trung tâm của năm 1970 là động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, quân dân trong huyện, ra sức chống "bình định cấp tốc" của Mỹ-ngụy, giữ vững và xây dựng vùng giải phóng.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành khóa mới gồm 13 đồng chí. Đồng chí Phạm Hương trước quyền Bí thư nay làm Bí thư⁽¹⁾, đồng chí Phan Hồng Diệp làm phó Bí thư.

Sang năm 1970 dịch tiếp tục tăng cường mọi hoạt động chống phá cách mạng tại Nghĩa Hành. Ngoài số lượng quân đóng tập trung ở quận lỵ, ở các xã Hành Thuận, Hành Phước, Hành Dũng, Hành Minh, Hành Đức, ~~dịch~~ còn thành lập các liên trung đội nghĩa quân do Lâm Văn Dư, một tên ác ôn khét tiếng chỉ huy, tổ chức thêm các trung đội bảo an, nhóm "bình định nông thôn". Chúng chốt giữ các vị trí quan trọng, củng cố an toàn cho các chốt điểm. Riêng chốt Gò Sim (Hành Dũng) nằm trong thế liên hoàn nối một loạt các bót, khu đồn đến tận vùng tây nam Nghĩa

(1). Đồng chí Phạm Hương trước quyền Bí thư thay đồng chí Tô Hành được điều về công tác ở tỉnh. Qua đại hội, đồng chí Phạm Hương mới được bầu chính thức làm Bí thư.

Hành. Số lượng bọn nguy quyền xã tăng lên rất nhiều. Bọn điệp ngầm có mặt khắp nơi. Trên toàn huyện có 12 cố vấn Mỹ chỉ huy toàn bộ hoạt động của địch. Chúng tiếp tục thực hiện chương trình "Bình định nông thôn" với diện rộng hơn và tập trung vào những trọng điểm mà năm 1969 chúng chưa làm được. Mức độ đánh phá không ô ạt mà thâm hiểm tàn bạo và dai dẳng. Kết hợp nhiều mặt: đổ quân chớp nhoáng bằng trực thăng, khai hầm bí mật giết chết du kích rồi bay ngay; tiếp tục dùng chiến thuật "Mỹ lếch" lừa cho du kích ta bộc lộ đầy đủ để tiêu diệt ⁽²⁾ nhằm làm cho lực lượng ta hoàn toàn tê liệt và quân chúng kiệt quệ về sức lực và tinh thần để chúng dễ dàng xúc tác gom dân. Chúng dùng xe tăng chà nát hoa màu, cướp phá tài sản, bắn trâu bò nhằm ngăn chặn không cho đồng bào ta sản xuất. Có nơi như Hành Tín, ban đêm chúng dùng trực thăng đổ quân tập kết, đốt phá làm cho dân lo sợ, không yên tâm sản xuất. Chúng lập khu đồn Quán Qua (Hành Minh) kéo dài từ đồi 68 đến đèo Eo Gió, đồn dân các xã Hành Thiện, Hành Tín. Đồng bào Hre ở Ba Tư cũng bị đồn về đây. Hoạt động mạnh mẽ của địch làm cho Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành tiếp tục khó khăn về mọi mặt. Đời sống nhân dân, chiến sĩ thiếu thốn hơn bao giờ hết. Tư tưởng cán bộ, đảng viên có nhiều diễn biến phức tạp.

Đứng trước khó khăn và ác liệt do địch đẩy mạnh chiến tranh hủy diệt, trong hội nghị tổng kết tháng 1 năm 1970, Huyện uỷ nghiêm túc kiểm điểm việc lãnh đạo và chỉ đạo

(2) Xem Hành Thịnh thơ ca kháng chiến và Hồi ký kháng chiến - trang 95.

mọi mặt của phong trào cách mạng của địa phương. Huyện ủy đề ra nhiệm vụ cấp bách là phải giữ vững vùng giải phóng, bảo vệ được lực lượng, giữ được quần chúng và tích cực đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh.

Hiệp đồng với chiến trường chung, đêm 31-3-1970, bộ đội và du kích đã tấn công và phát động quần chúng nổi dậy trong 6 vị trí và khu đồn, áp chiến lược. Du kích Hành Thuận tập kích áp Phúc Minh Tây diệt 2 tên "xây dựng nông thôn", làm bị thương 2 tên. Các đội du kích Hành Đức, Hành Dũng, Hành Minh đột nhập vào các ấp Vinh Quang, Cầu Vồng, Phú Châu để vũ trang tuyên truyền. Cùng thời gian đó ta pháo kích vào quận lỵ. Đêm sau ta tấn công áp Phú Hậu, địch bỏ chạy, ta tổ chức mít-tinh phát động quần chúng.

Đêm 3-4, lực lượng quân sự địa phương và đội công tác Nghĩa Hành tập kích địch ở khu đồn Phú Bình diệt và làm bị thương một số tên, ta làm chủ khu vực này.

Ngày 5 tháng 4, địch cho 38 xe tăng càn lên Hành Thịnh, ồ ạt kéo vào An Ba cố tiêu diệt lực lượng du kích và lực lượng Hắc Hải (bộ đội chuyên trách bảo vệ và vận chuyển lương thực, súng đạn của hai cửa khẩu An Ba và Mỹ Hưng lên miền núi về Kon Tum)⁽¹⁾. Địch vừa vào thôn liền bị mìn của du kích nổ chết 3 tên cố vấn Mỹ, hỏng một xe tăng, chúng liền vội vàng quay xe chuồn thẳng. Cùng ngày, một cánh quân Mỹ lùng sục vào núi Côi (Hành Tín) bị chiến sĩ ta chặn đánh diệt 32 tên, bắn rơi 14 máy bay HUIA.

(1). Hành lang vận chuyển quân lương chính còn lại của Quân khu V

Ngày 11-4, địch cho quân đi càn cướp lúa ở Hành Dũng bị ta phục kích tiêu diệt 9 tên, thu 3 súng và một số đồ dùng quân sự.

Bị đánh đau khắp nơi, ngụy quân rất hoang mang hốt hoảng bắn vào nhau, như bọn lính đóng ở Núi Ngang đã bắn chết 4 tên lính đồng bọn đi sục ngoài đồng về, rồi bỏ đồn Núi Ngang (Hành Thịnh) tháo chạy.

Nội bộ quân địch cũng lắm rối ren mâu thuẫn. Tên Lâm Văn Dư (quê Hành Dũng), liên trung đội trưởng nghĩa quân Nghĩa Hành khét tiếng gian ác quỷ quyết dâm bạo đã bị chính Trần Bảy, lính biệt động quân người cùng quê, đưa đồng bọn từ Quảng Nam về diệt (Bảy tự đập lựu đạn lao vào Dư, cả hai tên cùng chết tại chỗ và một số khác bị thương).

Phong trào đấu tranh chính trị tiếp tục phát triển. Đảng bộ thường xuyên tổ chức học tập, bồi dưỡng cho đồng bào các hình thức đấu tranh. Đồng bào đã có ý thức rõ ràng trong cách tổ chức và biết chọn biện pháp đấu tranh thích hợp. Nhiều cuộc đấu tranh đòi cứu đói, cứu đau, đòi về chỗ cũ, đòi bồi thường của đồng bào nổ ra quyết liệt. Cơ sở ta xây dựng được trong hàng ngũ địch có tác dụng lớn. Ta giáo dục lính ngụy, diệt ác có kết quả.

Đảng bộ huyện lãnh đạo xây dựng xã “3 vững mạnh” và đã phát động nhiều đợt thi đua sản xuất sôi nổi. Đảng bộ lấy việc đẩy mạnh sản xuất làm trọng tâm trong công tác xây dựng thực lực cách mạng. Nhờ vậy đồng bào sản xuất với tinh thần địch phá một ta làm hai, ba. Mọi giới, mọi lứa tuổi liên tục ra quân sản xuất. Tỉnh hỗ trợ một

số giống mới và nông cụ. Phong trào tương trợ nhau trong lao động sản xuất sôi nổi khắp vùng giải phóng. Huyện Nghĩa Hành đã có 8 tổ nông hội tự động công tác. Nhờ sản xuất tốt, thu nhập khá, bình quân đầu người đạt 230kg chất bột, mức cao nhất so với các huyện đồng bằng trong tỉnh cùng thời gian⁽¹⁾.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy về tăng gia sản xuất và sự giúp đỡ to lớn của tỉnh và tỉnh thân "sản xuất là yêu nước" của đồng bào Nghĩa Hành vụ sản xuất đông xuân 1970-1971 có kết quả, nạn thiếu đói đã được khắc phục một phần. Cuộc sống ở vùng giải phóng dần dần ổn định lại.

Đánh giá tình hình địch đang trên đà xuống thang mạnh, tháng 11-1970 Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ IV đã ra nghị quyết xác định nhiệm vụ trung tâm của quân và dân Quảng Ngãi thời gian tới là "Tập trung sức chỉ đạo, kiên quyết đánh bại kế hoạch bình định đặc biệt của địch, đồng thời ra sức diệt ác phá kẹp, mở ra hướng giành dân, làm chủ từng vùng rộng lớn, đưa lên tranh chấp và lỏng kẹp những vùng còn lại. Khẩn trương xây dựng vùng ta làm chủ vững mạnh về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội"⁽²⁾.

Tháng 12-1970, Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ huyện Nghĩa Hành diễn ra tại núi Cây Xoài, Hành Tín. Sau khi đánh giá tình hình vừa qua, phân tích rõ những

(1). Xem "Nhớ về của khẩu An Ba" của Hoài Bảo Ngọc. trong "Hành Thịnh thơ ca"... Sdd. trang 101.

(2). Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 4- Tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng - Ban tuyên giáo Tỉnh ủy.

âm mưu và thủ đoạn mới của địch, Đại hội tiếp tục xác định nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ và quân dân Nghĩa Hành trong thời gian tới vẫn là tập trung mọi sức lực đánh bại căn quét, bình định của địch, nắm được dân ngày càng nhiều, đồng thời đưa mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của các xã vùng giải phóng lên một bước mới. Đại hội đã bầu 15 đồng chí vào Huyện ủy, đồng chí Võ Quyền được bầu làm Bí thư⁽²⁾, đồng chí Phạm Hồng Diệp và đồng chí Lâm Vũ Bảo làm phó Bí thư.

Triển khai các Nghị quyết, Huyện ủy Nghĩa Hành nhanh chóng chỉ đạo cho các cơ sở Đảng kiên quyết và khẩn trương đưa cán bộ, đảng viên, du kích trở lại bám chặt các địa bàn, dựa chắc vào quần chúng để xây dựng lực lượng và chiến đấu tiêu diệt địch. Huyện ủy chỉ thị cho toàn cán bộ, đảng viên trong huyện quyết tâm không để mất thêm bất kỳ một thôn xã nào đã được giải phóng. Đồng thời, Huyện ủy cũng điều động những cán bộ, đảng viên dày dạn kinh nghiệm đấu tranh tăng cường cho các vùng khó khăn. Các đội công tác hoạt động mạnh ở vùng xung yếu để xây dựng cơ sở. Trong quá trình luồn sâu vào vùng địch, cán bộ và đảng viên phải chịu nhiều hy sinh, gian khổ, tổn thất để xâm nhập vào trong dân tuyên truyền, tố cáo tội ác địch, động viên tư tưởng, phát động đồng bào đấu tranh đòi trở về chỗ cũ làm ăn, và thực hiện nguyên tắc “4 bám” (cán bộ bám dân, dân bám đất, du kích bám địch, trên bám dưới) để xây dựng và phát triển phong trào. Nhờ thực hiện “4 bám”, nhân dân và du kích nảy ra nhiều sáng kiến

(2). Thay đồng chí Phạm Hương được điều về công tác ở tỉnh.

mới như dụ địch thả bom, lấy thuốc nổ của bom lép để làm mìn đánh địch. Bám sát địch nên biết qui luật của “Mỹ lếch”. từ đó tạo ra cách đánh mới, chỉ trong 6 tháng du kích Hành Thịnh đã loại khỏi vòng chiến đấu 466 tên địch, phần nhiều là Mỹ, một số là ngụy quân⁽¹⁾, hoặc dụ địch, hù địch để tiêu diệt chúng. Phương châm hoạt động của Đảng bộ Nghĩa Hành thời kỳ này lấy thôn, xã làm địa bàn chính, đánh địch bằng 3 mũi giáp công, giành với địch từng tấc đất, từng người dân. Huyện uỷ thực hiện cuộc vận động xây dựng “Chi bộ 4 tốt”, “đảng viên 4 tốt” để nâng cao vai trò hạt nhân lãnh đạo của cơ sở.

Nhiều đợt sinh hoạt chính trị theo chủ trương của Tỉnh uỷ được tiến hành, (từ giữa tháng 12-1970 đến tháng 1-1971) và triển khai tận đến cơ sở.

Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện, xã ở vùng giáp quận lỵ phải chiến đấu cực kỳ gian khổ cả ngày đêm trong suốt năm 1970, khó khăn chồng chất, sinh lực bị tiêu hao nhưng vẫn nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh trụ bám và chiến đấu ở vị trí của mình. Trong chiến dịch Xuân Hè 1971, cùng với quân chủ lực của tỉnh, quân và dân Nghĩa Hành tấn công đánh thắng địch trên khắp các vùng trong huyện. Các chốt Vĩnh Thọ, Núi Trụi, vành đai Hành Đức bị tiêu diệt. Tháng 3-1971 du kích Hành Thịnh bằng “hai chân, ba mũi giáp công” bao vây Gò Rú suốt nửa tháng trời, dùng lựu đạn, bom bay tiến công liên tục buộc địch không còn cơm ăn, nước uống, đi vệ sinh ngay trong đồn vì không dám ra ngoài. Cuối cùng cả đại đội cộng hòa

(1). Xem Hành Thịnh thơ ca kháng chiến... Sđd.

phải rút chạy. Ta nhớ được chót cuối cùng ở Hành Thịnh. Em Nguyễn Thuật 15 tuổi, bắn một máy bay thả bom, hy sinh trong đợt này. Ta thông được con đường tiếp vận từ cửa khẩu An Ba đi Ba Tơ, Kon Tum. Quân dã ngoại ngụy ở Hành Tín bị đánh chạy bán sống bán chết.

Hoạt động chính trị, binh vận của đồng bào huyện nhà thời gian này có vai trò rất quan trọng. Tháng 2-1971, sau khi ta đánh Núi Bé, bọn ngụy quân chống lệnh ngụy quyền không giữ đồn. Tên quận trưởng bắt giam số lính này. Ta nhanh chóng phát động 200 người trong các gia đình binh sĩ kéo đến quận lý đòi thả chồng con, đạt kết quả tốt. Kết hợp với đấu tranh của đồng bào Phật tử, ta huy động 3.460 người tổ chức biểu tình đấu tranh đòi ngừng bắn trong dịp Tết, 123 lính ngụy tan rã, đào ngũ. Ta rải được 400 tờ truyền đơn, gọi loa 18 lần vào đồn bót, gửi 25 thư tranh thủ. Ngày 9-6, một lính biệt kích chạy ra đầu thú ta ở Hành Tín.

Nhận thấy tình hình chuyển biến ngày càng có lợi cho cách mạng về so sánh lực lượng và thế chiến lược, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972 nhằm đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ - ngụy.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về tấn công địch năm 1972, Huyện ủy tổ chức nhiều đợt sinh hoạt học tập trong cán bộ, đảng viên nhằm quán triệt tinh thần, nhiệm vụ cách mạng trên. Huyện ủy phát động cao trào diệt và làm tan rã ngụy quyền, ngụy quân, giành quyền làm chủ vùng đất rộng lớn. Huyện ủy kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng

viên nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, góp phần cùng cả tỉnh giành thắng lợi trong năm này. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang của huyện được củng cố, huấn luyện và sẵn sàng phối hợp với quân chủ lực tỉnh tiêu diệt địch. Thanh niên các xã vùng giải phóng hăng hái tham gia tòng quân giết giặc, bổ sung cho các lực lượng của tỉnh 87 người. Các xã đưa du kích ra phía trước bám đường, bám khu đồn để hạn chế sự cướp phá của địch, bảo vệ nhân dân sản xuất. Các xã đã sử dụng thành thạo phương châm “hai chân, ba mũi giáp công” trong bao vây và đánh địch, điển hình là du kích và nhân dân Hành Thịnh. Từ đây Mỹ không còn dám đổ quân càn quét vào vùng giải phóng của huyện, chỉ tăng cường hoạt động bằng không quân. Ở vùng địch kèm kẹp, mỗi xã đều thành lập Ban phá đồn, đưa dân về. Ta phá banh khu đồn Quán Qua, tạo điều kiện cho hơn 100 đồng bào Hre quay về Ba Tư, gần 500 đồng bào khác về Hành Thiện và Hành Tín. Huyện ủy cử cán bộ về cơ sở theo dõi, đôn đốc các mũi chính trị, binh vận. Ngày càng có thêm những cán bộ, cơ sở nòng cốt vững vàng.

Thắng lợi của ta trong các chiến dịch năm 1972, nhất là việc giải phóng huyện Ba Tư, đã làm cho tình hình chiến trường ở Nghĩa Hành bất lợi cho địch. Nhiều nơi lính ngụy bị ta đánh tan tác, ngụy quyền xã, thôn tê liệt không dám hoạt động. Cuối năm 1972 hầu hết các khu đồn, ấp chiến lược bị phá. Ta khắc phục được vùng trắng dân của huyện trước đó. Nhân dân lần lượt kéo về quê cũ làm ăn.

Các mặt công tác khác ở các xã giải phóng tiếp tục thu được những kết quả đáng phấn khởi. Với tinh thần tự lực tự cường, Đảng bộ Nghĩa Hành liên tục tiến hành giải quyết đời sống và sản xuất của đồng bào. Từ sau vụ tám năm 1970, phong trào thi đua sản xuất được đẩy mạnh. Đồng bào chú trọng trồng mì, lang cứu đói kịp thời. Sản xuất mì cuối năm 1972 tăng gấp 2,5 lần so với đầu năm 1969. Công tác khai hoang, vỡ hóa được đẩy mạnh khắp nơi. Ban chấp hành nông hội huyện có 3 đồng chí, ở các xã giải phóng có 13 đồng chí.

Tiếp tục đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, nhân dân Nghĩa Hành hăng hái tham gia tòng quân, đi thanh niên xung phong, đi dân công. Số thanh niên đã lên đường nhập ngũ và làm việc tại các cơ quan, công trường của tỉnh, khu là 576 người.

Trong vùng giải phóng, công tác y tế cũng phát triển sâu rộng. Ban y tế huyện hướng dẫn cho dân ăn, ở vệ sinh, phòng dịch bệnh cho người và gia súc. Khắp nơi cán bộ y tế phát động phong trào “ba sạch” làng xã, và xây dựng mạng lưới y tế xóm, thôn. Huyện ủy đã mở 4 lớp bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ và 46 lớp học phổ thông cho con em gồm có 606 học sinh theo học (có cả con em đồng bào các xã còn bị địch kiểm soát gửi học).

Nhìn chung, từ cuối năm 1969 đến năm 1972, Mỹ-ngụy tập trung mọi lực lượng đánh phá hết sức khốc liệt đối với huyện Nghĩa Hành. Cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào tưởng chừng như khó khăn bế tắc không vượt qua nổi. Song cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Nghĩa Hành lại một

lần nữa phát huy cao độ lòng yêu nước, khắc phục mọi khó khăn, mọi trở lực, tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Trong những năm tháng khó khăn nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, kiên định với đường lối cách mạng chung, tuân thủ sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Nghĩa Hành tiến hành lãnh đạo cách mạng tại địa phương một cách sáng tạo. Đảng bộ làm tốt việc gắn chặt giữa tấn công địch với xây dựng phía sau, trong đó lấy tấn công làm chính. Phong trào nhân dân du kích chiến tranh khá rõ nét trong giai đoạn này.

Về công tác giáo dục tư tưởng, Đảng bộ luôn luôn chú ý đến việc tổ chức cho đảng viên, cán bộ học tập quán triệt tình hình và nhiệm vụ, xác định mục tiêu chiến đấu cụ thể của mỗi đồng chí. Các chi bộ giữ vững việc sinh hoạt thường kỳ, lấy việc phê bình và tự phê bình làm chính để nâng cao chất lượng Đảng. Nhiều trường hợp vướng mắc về tư tưởng được giải quyết kịp thời. Đa số đảng viên mang tư tưởng tiến công cách mạng, tiên phong gương mẫu. Có thể nói rằng thắng lợi mọi mặt của quân và dân Nghĩa Hành trước hết là thắng lợi về công tác chính trị, tư tưởng.

Việc xây dựng các tổ chức Đảng được chú ý đúng mức, luôn luôn gắn chặt với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ. Nhiều chi bộ ngày càng thể hiện rõ được vai trò, bám sát được quần chúng, lãnh đạo được mọi hoạt động ở địa phương. Công tác phát triển đảng viên mới được nâng lên một bước. Trong giai đoạn này, Đảng bộ đã kết nạp được vào hàng ngũ của mình những con người ưu tú, được thử thách qua



**Chứng tích địa đạo Hành Trung, nơi địch tàn sát 91
đồng bào ta**



**Du kích Hành Thịnh và tiểu đoàn 7 của tỉnh làm lễ
ra quân chống lấn chiếm**

các phong trào, trong đó chú ý số nữ, trẻ. Số đảng viên hợp pháp ngày càng nhiều.

Khâu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ Đảng. cán bộ chính quyền ngày càng được chú ý. Huyện ủy đã mở nhiều lớp học cho Chi ủy xã và tạo điều kiện cho một số đồng chí đi học ở trên. Các ban, ngành xung quanh huyện được chỉ đạo kịp thời và ngày càng làm tốt vai trò tham mưu. Bộ máy tổ chức đoàn thể thanh niên, nông hội, phụ nữ ngày càng lớn mạnh.

Tính đến cuối năm 1972, dân số Nghĩa Hành thuộc vùng ta làm chủ có 11.720 người. Đảng bộ có 26 chi bộ trong đó có 12 chi bộ "4 tốt". Số lượng đảng viên là 240 người, trong đó số mới phát triển có 86 người.

Những tồn tại trong giai đoạn này cần phải khắc phục là nhiều lúc, nhiều nơi Đảng bộ chưa lãnh đạo tốt việc khắc phục tư tưởng ngại ác liệt, sợ hy sinh, cầu an tiêu cực trong một số đồng chí, đồng bào. Nhiều nơi chi ủy chưa thấy rõ nhiệm vụ lâu dài mà lo chạy theo các việc trước mắt. Tuy số lượng đảng viên mới có tăng nhưng vẫn thiếu, vẫn chậm so với yêu cầu. Lực lượng vũ trang của huyện trong nhiều trận đánh còn chưa phát huy hết hiệu suất.

Ngày 27-1-1973 đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai buộc phải ngồi vào bàn ký Hiệp định Paris với nội dung chính là chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Nhân dân ta đã giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ chống Mỹ - ngụy. Cả nước tiếp tục chuẩn bị cho trận quyết chiến cuối cùng

nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương XIII

THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH PARIS, CHỐNG LẤN CHIẾM, TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH, TOÀN MIỀN NAM (1973-1975).

Sau ngày Hiệp định Paris ký kết, Nguyễn Văn Thiệu công khai tuyên bố phá Hiệp định. Chúng liên tục mở ra những cuộc hành quân qui mô lớn có xe tăng, máy bay và pháo binh yểm trợ thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”, giành dân, lấn đất, xóa thế “da báo”, trước hết giành lại các vùng giải phóng, xóa bỏ Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Trên chiến trường đã xuất hiện một hình thái giằng co vô cùng quyết liệt. Địch điên cuồng tìm mọi thủ đoạn để lấn chiếm, ta kiên cường trụ bám, quyết tâm giữ vững vùng ta với khẩu hiệu: “Một tấc không đi, một li không rời”.

Trên địa bàn Nghĩa Hành, địch tiến hành các cuộc hành quân qui mô hàng trung đoàn, quân chủ lực kết hợp với bọn bảo an, dân vệ quay lại đánh phá dữ dội vùng phía tây của huyện nhằm nối lại trục đường chiến lược Nghĩa Hành - Minh Long. Trong các cuộc càn quét, chúng ra sức đánh vào kinh tế của ta bằng nhiều thủ đoạn tàn bạo như đốt phá nhà cửa, cướp bóc tài sản, hãm hiếp phụ nữ, dùng xe tăng chà xát hoa màu, tăng cường bắn pháo cối để hủy.

diệt từng vùng và dồn dân, bình định. Chúng tập trung mọi lực lượng trên địa bàn tổ chức hành quân có trọng điểm đánh phá Hành Thiện nhằm mở đường tiếp tế cho quận lỵ Minh Long. Thủ đoạn thâm độc của địch là càn quét đến đâu thì cắm chốt, cắm cờ đến đó rồi dựa vào chốt mà nống lẩn, dồn dân, bình định. Đối với vùng tranh chấp và vùng trắng, địch ra sức thực hiện kế hoạch bình định mới. Chúng chủ trương hồi cư, đưa dân về làng cũ, đưa lính và ác ôn về cắm chốt, lập khu đồn, bình định dân tại chỗ. Đối với vùng chúng kiểm soát thì ra sức tuyên truyền, lừa bịp, xuyên tạc Hiệp định Paris và vu khống ta vi phạm các điều khoản đã ký kết. Song song với việc bóp nghẹt các quyền tự do dân chủ của nhân dân, địch tiến hành mua chuộc đồng bào bằng tiền của, vật chất. Chúng liên tục mở các cuộc hành quân tàn sát, tiến hành những cuộc họp làng, truy lùng, thanh lọc, bắt bớ thanh niên đi lính, bắt quân chúng vào phòng vệ dân sự, củng cố lại nguy quyền xã ấp.

Đối với các xã giải phóng của huyện, địch tiến hành bao vây kinh tế, ngăn chặn sự giao lưu hàng hóa ở các cửa khẩu.

Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, các lực lượng của ta kiên cường chống địch, nhưng trong năm 1972 đã chiến đấu quá nhiều, tình hình quá ác liệt nên sức khỏe của lực lượng vũ trang và bán vũ trang huyện, đội du kích các xã giảm sút nặng. Mặt khác khi hiệp định được ký kết, một bộ phận cán bộ, đảng viên chiến sĩ và nhân dân có biểu hiện mệt mỏi, ảo tưởng hòa bình, hy vọng vào khả

năng thi hành hiệp định và vai trò của Ủy ban liên hiệp quân sự bốn bên... mà không đề cao cảnh giác, thiếu kế hoạch cụ thể để đánh địch vi phạm hiệp định.

Trong khi có những diễn biến phức tạp trong tư tưởng, hành động của cán bộ, đảng viên thì sự vi phạm Hiệp định một cách trắng trợn của địch đã gây ra cho ta vô vàn khó khăn. Địch gây ra nhiều tổn thất về người và của trên đất Nghĩa Hành. Một số dân phải chạy dạt đi nơi khác sản xuất, làm ăn.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy họp và ra Nghị quyết vạch rõ bản chất và âm mưu của địch, uốn nắn những thiếu sót về phương châm, phương thức hoạt động, đẩy mạnh công tác chống lấn chiếm bằng ba mũi giáp công.

Tháng 4-1973, Đại hội Đảng bộ Nghĩa Hành lần thứ IV (trong kháng chiến chống Mỹ) được triệu tập tại Hành Tín. Đại hội đánh giá toàn bộ tình hình hoạt động của Đảng bộ và quần dân Nghĩa Hành trong những năm vừa qua. Đại hội khẳng định những thắng lợi cách mạng to lớn của địa phương trong giai đoạn chống chiến tranh hủy diệt 1969-1972 của địch. Đại hội nghiêm túc kiểm điểm các vấn đề tồn tại trong tư tưởng của đảng viên, cán bộ, đồng bào sau ngày hiệp định ký kết. Đại hội đề ra các nhiệm vụ cơ bản của Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành trong thời gian tới. Đó là:

1 - Quyết tâm giữ vững vùng giải phóng của huyện, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn lấn chiếm, dồn dân của kẻ thù, xây dựng đời sống mới, phát triển mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ trật tự an ninh địa phương, củng cố vững

chắc chính quyền cách mạng và đoàn thể các cấp huyện, xã.

2 - Lãnh đạo lực lượng vũ trang và bán vũ trang giám sát, bảo vệ các hành lang, các cửa khẩu để tạo điều kiện cho việc giao lưu hàng hóa giữa các vùng được tốt.

3 - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ trong mọi hoạt động, chú ý sự lãnh đạo đối với lực lượng vũ trang và bán vũ trang.

Đại hội đã bầu 17 đồng chí Huyện ủy viên và đồng chí Võ Quyền được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy.

Từ sau Đại hội, Nghị quyết của Đảng bộ huyện thấm nhuần đến cán bộ, chiến sĩ và đồng bào, nhận thức tư tưởng được củng cố. Đảng viên, cán bộ lãnh đạo, đồng bào kiên định tư tưởng đấu tranh chống địch mạnh mẽ, trụ bám kiên cường và đẩy mạnh sản xuất. Một số đồng bào chạy dạt đi nơi khác đã lần lượt trở về vùng giải phóng bám trụ sản xuất và đấu tranh. Các mũi vũ trang, chính trị, binh vận hoạt động liên tục chống lấn chiếm của địch có hiệu quả, buộc địch phải dừng lại, lùi từng bước để củng cố.

Đảng bộ đã phát động đều đặn nhiều cuộc học tập để ổn định tư tưởng và hoạt động của quần chúng. Nhân dân Nghĩa Hành thấy rõ bản chất và âm mưu của địch, biểu hiện quyết tâm giữ vững mọi thành quả cách mạng mà huyện nhà đã giành được.

Từ cuối tháng 9-1973 trở đi do ta hoạt động vũ trang đều và liên tục, trùng trị bọn lấn chiếm và tề nguy gian

ác nên binh lính địch đóng các chốt ở Nghĩa Hành tỏ ra lo sợ, dao động, lo đào công sự củng cố thể phòng ngự, ít dám ra càn vùng xung quanh. Một số lính bắt đầu đi thanh minh với quần chúng, không còn hung hăng như trước. Chấp hành chủ trương của Huyện ủy, chi bộ Hành Tín đã đưa 5 đảng viên ra hoạt động hợp pháp do đồng chí Trần Thị Đây⁽¹⁾ làm tổ trưởng. Các đồng chí này đã bám vào các khu đồn Phú Bình, Quán Qua; đồng thời điều một tổ du kích bí mật gồm 4 đồng chí do đồng chí Huỳnh Thân làm tổ trưởng đến hoạt động trực tiếp, lo việc tiêu diệt tên ngụy trong 2 khu đồn này. Hai tổ trên đã góp phần phá tan hai khu đồn trên.

Một số thôn xã mặc dù bị địch càn quét dai dẳng, phá hoại kinh tế triệt để nhưng vẫn kiên trì trụ bám, dùng mọi lý lẽ thuyết phục, đấu tranh với địch để được ra đồng sản xuất, đi lại buôn bán, làm ăn và tham gia giúp đỡ lẫn nhau, giúp đỡ lực lượng cách mạng. Một số dân bị địch xúc tác vào khu đồn thường xuyên đấu tranh không cho địch lập bộ máy kèm kẹp và tìm mọi cách bung về làng cũ. Đồng bào Nghĩa Hành ở trong khu đồn Quán Qua đấu tranh kiên trì và bung về gần hết⁽²⁾. Tính đến cuối năm đã có 360 người dân trở về vùng giải phóng và bắt tay vào sản xuất, ổn định cuộc sống.

Thực tế trong gần một năm, Đảng bộ và quân dân Nghĩa Hành tiến hành công cuộc chống lấn chiếm của địch trong

(1). Còn có tên là Lê.

(2) Báo cáo tổng kết tình hình công tác năm 1973 của UBND cách mạng tỉnh Quảng Ngãi - Tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

điều kiện vừa tấn công phía trước vừa phải xây dựng phía sau, trải qua nhiều thử thách vất vả. Đảng bộ vừa phải lãnh đạo sâu sát việc bổ sung, xây dựng các đơn vị vũ trang, bán vũ trang của huyện, vừa phải động viên quần chúng đóng góp sức người, sức của cho toàn tỉnh. Khó khăn, trở ngại thường xuyên xảy ra nhưng Đảng bộ và quân dân Nghĩa Hành cơ bản phá được âm mưu thâm độc của địch và giữ vững được vùng giải phóng.

Trong tình hình mới vừa có thuận lợi vừa có khó khăn, Đảng bộ huyện đã họp nhiều lần bàn về phương hướng xây dựng kinh tế vùng giải phóng, mà nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp là yêu cầu trọng tâm. Trong năm 1973, đồng bào Nghĩa Hành ở các xã giải phóng tập trung mọi cố gắng làm tốt công tác đào đắp các kênh, mương thủy lợi, cày cuốc ruộng để gieo trồng. Vì vậy đời sống nhân dân từng bước được ổn định, nguồn dự trữ cho cách mạng ngày càng nhiều tuy trong năm bị địch đánh phá và thời tiết không mấy thuận lợi. Kết quả giành được trên mặt trận sản xuất có sự giúp đỡ kịp thời giống má, phương tiện của các ngành cấp tỉnh. Bình quân lương thực qui thóc trên đầu người đạt 400kg.

Cũng cần nói rằng, trong những ngày đầu sau khi ký hiệp định, do chủ quản của ta và do địch ngoan cố vi phạm hiệp định nên một số đồng bào bị thiếu đói. Tỉnh đã xuất gạo cứu đói cho Nghĩa Hành là 5447 kg và trợ cấp số tiền 2.113.940 đồng. Trong các tháng bão lụt nhân dân vùng giải phóng Nghĩa Hành còn được cứu trợ 2 triệu đồng.

Sau ngày hiệp định Paris được ký kết, Huyện ủy chú ý đến việc vận động các ngành, các giới tham gia làm công tác giao thông vận tải. Đồng bào Nghĩa Hành đã huy động được 1.627 lượt người góp phần làm hoàn thành các đường ô tô trong tỉnh⁽¹⁾. Ở Nghĩa Hành thành lập đoàn thuyền Nguyên Hòa (Phú Khương) để vận chuyển thương binh, lương thực hàng hóa trên sông nước giao lưu trao đổi giữa các vùng và phục vụ chiến trường.

Công tác thương nghiệp, mậu dịch thời gian này tiến bộ rõ nét. Việc mua bán trao đổi hàng hóa trong nhân dân ngày càng nhiều. Ở các xã giải phóng, các cửa khẩu vùng giáp ranh đồng bào đã tổ chức được nhiều chợ.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh nói chung có tiến bộ, các công tác phòng chống bệnh dịch, giữ gìn vệ sinh được phát động liên tục và có hiệu quả. Bệnh xá huyện đã điều trị được hơn 1400 lượt người. Một số thuốc dựa trên dược liệu của địa phương được sản xuất và có công dụng tốt. Mạng lưới y tế ở xã, thôn được xây dựng đều khắp. Ở huyện, xã đã xây dựng được Ban bảo trợ thương binh, tổ chức được các cuộc học tập cho cán bộ và toàn dân nhớ ơn thương binh, liệt sĩ. Huyện đã tiến hành xây dựng thí điểm nghĩa trang ở một số xã.

Trong tình hình mới, công tác trị an ở vùng giải phóng huyện có nhiều vấn đề xuất hiện khá phức tạp, nhất là địch lợi dụng quan hệ hai vùng đẩy mạnh hoạt động gián điệp, dả kích cán bộ ta, gây một số hiểu lầm trong đồng bào. Đảng bộ huyện đã đưa vấn đề ra phát động học tập

(1). Bộ phận đường Trường Sơn đi qua phía tây của tỉnh.

phòng gian bảo mật, xây dựng qui ước nông thôn ở các xã giải phóng và kiên quyết trừng trị những biểu hiện sai phạm, những phần tử phá rối. Vì vậy an ninh trật tự vùng giải phóng được kịp thời chấn chỉnh, không để xảy ra trường hợp nào lớn. Trong việc kiên quyết trừng trị hành vi tham nhũng, bớt xén của công, Huyện đã lập hồ sơ vụ tham ô lương thực và báo cáo lãnh đạo tỉnh để xử lý.

Đầu năm 1973, thực hiện quyết định của Tỉnh ủy về việc xây dựng chính quyền các cấp, Đảng bộ Nghĩa Hành đã tiến hành củng cố lại Ủy ban Nhân dân Cách mạng huyện, phân công đảng viên có kinh nghiệm sang phụ trách và công tác ở chính quyền, thành lập Văn phòng Ủy ban và xây các ngành ở khối chính quyền để lãnh đạo, chỉ đạo. Ở các xã củng cố lại Ủy ban và Hội đồng Nhân dân xã đã có từ trước. Số lượng thành viên của Ủy ban nhân dân cách mạng huyện có 9 đồng chí, ở các xã có từ 5 đến 7 đồng chí. Hoạt động của chính quyền xã tiến bộ rõ rệt.

Thất bại trong âm mưu lấn chiếm, sang năm 1974, địch phải điều chỉnh vị trí của từng đơn vị quân nguy trên địa bàn Nghĩa Hành. Chúng dùng bọn bảo an giữ các chốt điểm và tập trung quân chủ lực đánh phá một số nơi, hòng chiếm lại đất, giành lại dân đã mất. Chúng rải quân phòng giữ các trục giao thông và các vị trí quan trọng, các cửa khẩu thông thương giữa huyện Nghĩa Hành với các huyện xung quanh, nhất là Minh Long. Mặt khác, chúng ra sức đôn quân bắt lính bù cho số quân bị ta diệt và đào, rã ngũ sau hiệp định. Nguy quân thay nhau đi học tập huấn

luyện cùng cố tinh thần tại thị xã Quảng Ngãi và Hòa Cẩm (Quảng Nam)

Thời gian này, chúng dùng bộ binh yểm trợ cho công binh làm đoạn đường từ quận lỵ đi đèo Eo Gió. Đối với vùng giải phóng của ta, chúng tung bọn viên thám trình sát hoạt động từng tốp nhỏ đến mọi nơi. Chúng tiến hành không thám⁽¹⁾, pháo kích vào các nơi đông dân mà ta làm chủ. Bọn cảnh sát đứng gác khắp các ngã đường, kiểm soát chặt chẽ nhân dân và theo dõi ráo riết việc mua bán ở các cửa khẩu, nhất là lúa, gạo.

Bắt đầu từ 1974, Huyện ủy một mặt lo ổn định đời sống, phát triển kinh tế vùng giải phóng, một mặt tích cực chuẩn bị lực lượng chờ thời cơ giải phóng huyện. Đảng bộ huyện chỉ đạo sâu sát việc phối hợp chặt chẽ ba thứ quân đánh vỡ một số tuyến phòng ngự của địch, cắt đứt một số đoạn giao thông, bao vây và bức rút một số chốt điểm, phá khu đồn và giải phóng một số đồng bào. Nhân dân các xã vùng giải phóng, lòng kẹp kiên trì đấu tranh, duy trì được sự giao lưu ở các cửa khẩu, lôi kéo được nhiều hàng hóa, lúa gạo ra vùng ta. Địch phải để cho dân tự do đi lại sản xuất.

Đồng bào thường xuyên tham dự các cuộc hội họp, mít-tinh hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận giải phóng tỉnh, lập kiến nghị gửi lên Ủy ban liên hiệp quân sự bốn bên tố cáo tội ác của địch. Trong dịp xuân 1974, các xã giải phóng, đồng bào tổ chức vui chơi, sinh hoạt mừng xuân, gọi binh lính ngụy cùng về vui xuân. Tháng

(1). Không thám: do thám bằng không quân.

1-1974 ở Nghĩa Hành 20 gia đình (58 người) từ vùng địch chạy về vùng ta sinh sống làm ăn⁽¹⁾.

Trong thời gian này, Huyện ủy tiếp tục triển khai nghị quyết 2 của Tỉnh ủy, mở các đợt sinh hoạt chính trị xuống tận thôn, xã nhằm làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt tinh thần, đường lối, chủ trương của Đảng trong giai đoạn mới. Hàng tháng ở huyện có bản tin tình hình địch, ta trong huyện, trong tỉnh. Mặt khác để củng cố và xây dựng Đảng bộ vững mạnh, Huyện ủy đã mở các lớp đào tạo Chi ủy, tổ trưởng Đảng.

Tháng 4-1974 tiểu đoàn 117 của ngụy ở khu vực Cộng Hòa (Hành Thiện) bị quân chủ lực của tỉnh và lực lượng vũ trang huyện đánh tiêu diệt. Địch buộc phải điều tiểu đoàn 142 và hai đại đội của tiểu đoàn 103 vào giải tỏa khu vực. Sau đó, chúng chuyển tiểu đoàn 118 ở tây Tư Nghĩa vào đứng ở khu vực Cộng Hòa thay cho tiểu đoàn 117 đang thiếu hụt quân số và bạc nhược tinh thần. Ta giành thế chủ động trên chiến trường, thu hồi dần vùng mà địch lấn chiếm. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang huyện, xã bứt địch phải rút bỏ các chốt điểm... Đêm 20 rạng ngày 21-4, bộ đội chủ lực của tỉnh và quân dân địa phương đánh dứt điểm chốt núi Ngang; diệt gọn một đại đội bảo an, đánh bọn chỉ huy bảo an ở cầu Cộng Hòa và pháo kích vào quận lỵ Minh Long, gây cho địch một số thiệt hại. Phát triển thế tiến công, ta vây ép các chốt. Địch hoang mang bỏ cao điểm 68, rút chạy. Ta thu hồi

(1) Báo cáo quý I/1974 của Tỉnh ủy. Tài liệu lưu tại bộ phận NCLS Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

toàn bộ phía nam sông Vệ, từ Hành Tín, Hành Thiện xuống Hành Thịnh, cắt đứt từ Eo Gió đi cầu Dài. Cánh quân khác chặn đánh bọn lính tiếp viện làm thiệt hại nặng một đại đội của tiểu đoàn 103. đánh sập một cầu, một cống, đánh đứt điểm chốt Chủ Đề và nam cầu Cộng Hòa, diệt gọn hai đại đội bảo an. Quân chúng nổi dậy phá khu đồn Phúc Minh (Hành Thuận) trở về làng cũ 300 người.

Đêm 18-5 tiểu đoàn 7 bộ binh của tỉnh diệt gọn một trung đội dân vệ ở chốt Hòa Vinh (Hành Phước), địch hốt hoảng tháo chạy nhiều nơi. Ta đưa lên thế tranh chấp 740 người ở Hành Dũng, Hành Minh, Hành Đức, Hành Phước. Ta thu hồi toàn bộ khu vực tây nam Nghĩa Hành, một trong những địa bàn quan trọng của huyện, bứt địch phải rút bỏ luôn 17 chốt điểm ở cụm cứ điểm Cộng Hoà.

Quân chúng ở một số nơi lỏng kẹp chạy về vùng giải phóng. Cùng với đánh địch, giành dân ở phía trước, đồng bào 3 xã phía sau (Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Tín) được huy động vào việc mở rộng đường Trường Sơn, chuẩn bị cho chiến dịch mới ở Tây nguyên và toàn miền Nam. Nhân dân các xã này còn được huy động giúp H16 (đại đội công binh) mở đường, bắt cầu, và giúp H 14 (đại đội trinh sát) thăm dò, dọn đường từ Suối Chú (Long Bình) đến đỉnh núi Hàng Rào, đưa pháo vào trận địa để ngày 17-8-1974 tiến công giải phóng Minh Long.

Từ ngày 24 đến 26-12-1974 tại Hành Tín, Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Hành lần thứ V diễn ra trong không khí phấn khởi, tin tưởng của toàn thể cán bộ, đảng viên. Đại hội nhận định tình hình thời gian này là hoàn toàn

có lợi cho ta. Dịch suy sụp, rệu rã, tinh thần tư tưởng bạc nhược hơn lúc nào hết. Trong thế đang lao xuống dốc, nguy quân, nguy quyền có thể sụp đổ nhanh chóng. Đại hội đề ra quyết tâm quyết đánh thắng dịch, sẵn sàng huy động toàn bộ sức người sức của giải phóng huyện nhà khi có điều kiện. Đại hội bầu 19 đồng chí vào Huyện ủy. Đồng chí Võ Quyền được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy. Đồng chí Lâm Vũ Bảo làm phó Bí thư. Toàn Đảng bộ trước ngày bước vào Đại hội có 28 chi bộ, 2 Đảng bộ (Hành Tín, Hành Thiện), số đảng viên hoạt động hợp pháp có 12 đồng chí. Số dân toàn huyện tính đến thời gian này có 6.869 người trụ bám bền vững ở vùng giải phóng, 20.707 người nằm ở khu vực tranh chấp và lòng kẹp, 20.000 người còn nằm trong vùng kẹp.

Phát huy thắng lợi trong việc đánh bại các cuộc phản kích của địch trong mùa mưa 1974, ra sức giữ vững và phát triển thành quả đã giành được, đầu năm 1975, Tỉnh ủy ra chỉ thị khẩn trương chuẩn bị cho chiến dịch Xuân Hè. Các chi bộ tổ chức học tập nghị quyết đại hội, bàn kế hoạch chống địch phản kích lấn chiếm và vạch các mũi tiến công mới.

Địch cũng có những âm mưu mới. Bị thua đau trong âm mưu phản kích hè thu ở Nghĩa Hành và cả ở mặt trận đông, tây Bình Sơn, Sơn Tịnh, chúng bỏ kế hoạch lấn chiếm Đông Sơn, tập trung lực lượng vào tây Mộ Đức và tây nam Nghĩa Hành với âm mưu cố đẩy lực lượng của ta ra xa, chiếm lại các cao điểm đã mất, lập lại thế trận như đầu năm 1974 và chuẩn bị điều kiện để tái chiếm Minh

Long. Chúng tập trung một binh lực lớn gồm liên đoàn biệt động số 12, trung đoàn 4,5,6 của sư đoàn 2, liên đoàn biệt động số 14, cùng các tiểu đoàn bảo an 103,139, các đại đội bảo an biệt lập và các trung đội dân vệ, theo kế hoạch đã vạch sẵn thay phiên nhau đánh phá khu vực này. Đầu tháng 1-1975 chúng cho các trận địa pháo ở các quận lỵ, chi khu (với trên 70 khẩu pháo) bắn rải thảm, bắn đi, bắn lại nhiều lần liên tiếp nhiều ngày đêm vào khu vực gồm các xã Đức Hòa, Đức Hiệp (Mộ Đức), Hành Thịnh, Hành Phước và một phần Hành Đức, mà vùng trọng điểm là khu vực An Chi, Đề An (Hành Phước) Mỹ Hưng, An Ba, Đồng Xuân, Xuân Đình (Hành Thịnh). Nhà cửa bị thiêu hủy, cây cối bị đào trốc. Cả một vùng dài hơn 8km, rộng 7km không còn một bóng cây, một ngôi nhà. Đứng ở đèo Đá Bàn (Hành Phước), đèo Quán Thơm (Hành Thịnh) có thể nhìn thấy đường số 1. Sau đó, dưới sự yểm trợ của không quân, phi pháo và xe tăng, trung đoàn 5 và 2 tiểu đoàn bảo an tiến lên giải tỏa khu vực Hành Phước, chiếm núi Đình Cương - một điểm cao mà chúng cho là trọng yếu, có thể uy hiếp sườn phía tây nam thị xã Quảng Ngãi (nơi có cơ quan đầu não của chúng) và cũng là điểm cần thiết để chúng tiến lên chiếm lại Minh Long. Một cánh khác tiến lên dọc phía nam Sông Vệ qua Đức Hiệp, Hành Thịnh lên chiếm đỉnh Núi Ngang, nhằm cắt đứt hành lang liên lạc và tiếp tế từ An Ba đi Ba Tư- Kon Tum, vừa yểm trợ sườn phía nam Đình Cương.

Nhưng bọn chúng đã bị K55 và D7, lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với đại đội 195 của Nghĩa Hành chặn đứng chúng ở sườn phía đông núi Đình Cương. Lực lượng

du kích Hành Thịnh, Hành Thiện chặn địch dọc phía nam sông Vệ. Đại đội 169 Mộ Đức và du kích các xã Đức Hiệp, Đức Hòa, Đức Phú (Mộ Đức) chặn đánh địch dọc đường từ Đồng Cát lên đèo Lộc Lành (Đức Phú). Tướng ngự từ Sài Gòn bay ra động viên. Hỏa lực ở khắp nơi được lệnh tập trung chi viện cho bọn chúng đến cao độ. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra rất quyết liệt hai bên sườn đỉnh núi Đình Cương. Gần hai tháng trước và sau Tết âm lịch Ất mao, ta và địch giành nhau từng tấc đất, từng mỏm cao trên đỉnh núi. Bộ đội chính quy và các lực lượng vũ trang địa phương của ta vừa ăn tết dưới hầm, vừa đánh địch. Nhân dân hai xã Hành Thịnh, Hành Phước đội bom đạn đi quyên góp quà bánh, vừa tiếp tế lương thực, vừa ủy lạo bộ đội và du kích. Du kích bám chặt các chốt bắn tỉa, bố trí các trận địa mìn, chông, không cho địch cứu viện cho nhau, đồng thời chuẩn bị đánh địch khi chúng tháo chạy. Không chịu nổi sức chiến đấu ngoan cường của ta, địch mở đường rút chạy về giữ phía tây quận lỵ cố giữ Hành Dũng, quận lỵ Nghĩa Hành, làm hàng rào án ngữ phía tây thị xã.

Tính từ ngày 20-3-1975, ta đã tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, loại ra ngoài vòng chiến đấu 1700 tên, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép. Qua chiến đấu cực kỳ ác liệt, các lực lượng vũ trang của ta đã nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, không nề hà gian khổ, hy sinh, đói khát, mưa nắng, bám giữ từng hầm hào, từng thước đất của quê hương⁽¹⁾. Cũng qua trận chiến đấu này, ta thấy rõ quân địch đã suy yếu, rệu rã cực điểm. Tuy quân

(1) Mọi diễn biến và số liệu trong phần này đều dựa vào tài liệu cung cấp của đồng chí Lê Tấn Tỏa - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi lúc này.

số, hòa lực của chúng nhiều áp đảo so với ta, nhưng chúng không còn tinh thần chiến đấu, vừa đánh vừa chờ lệnh rút. Và đó cũng là một trong những cơ sở để Bộ Chính trị dựa vào để có nhận định kịp thời thế và lực của ta và địch, hạ quyết tâm động viên mọi lực lượng tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Tình hình diễn biến cực kỳ mau lẹ. Ngày 11-3-1975 ta giải phóng Ban Mê Thuột. Địch bỏ chạy khỏi các tỉnh Tây nguyên, thế sống, thế chết tử thủ Đà Nẵng. Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ thị cho các huyện gấp rút chuẩn bị cho trận đánh cuối cùng với kế hoạch giao cho tiểu đoàn 7, tiểu đoàn 20 cùng với lực lượng địa phương của Nghĩa Hành và Mộ Đức bám trụ địa bàn và sẵn sàng đánh địch khi có lệnh. Huyện ủy Nghĩa Hành tạo thế thuận lợi cho các đơn vị trên làm tốt cả kế hoạch bảo vệ địa bàn và tiến công, đồng thời bố trí trận địa phối hợp giữa các cánh, phân công Huyện ủy viên phụ trách từng mặt, từng khu vực và chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy khi có điều kiện.

7 giờ 40 sáng ngày 20-3-1975 chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy, Huyện ủy chỉ thị cho lực lượng vũ trang huyện áp sát quận lỵ và chi khu quân sự Nghĩa Hành, điều 2 đơn vị không chế chắc chắn 2 trục giao thông thị xã Quảng Ngãi- Minh Long và Cây Bứa - Chợ Chùa. Du kích các xã cũng được huy động áp sát các chốt, sẵn sàng chờ lệnh.

Pháo của ta ở các cụm được lệnh bắn vào chốt Xóm Xiết và các chốt dọc đường thị xã Quảng Ngãi-Chợ Chùa. Bị pháo ta đập không ngóc lên được, lại nghe tin "xe tăng Bắc Việt" sẽ đánh xuống, đơn vị địch đóng ở Hòn Ẽn hoảng

hốt bỏ chạy. Nghe tin sắp bị tiến công và biết rõ các chốt dọc đường Chợ Chùa - thị xã Quảng Ngãi quân ngụy đã bỏ chạy, bọn ngụy quân, ngụy quyền ở Nghĩa Hành lo ngại đường bị cắt đứt, lợi dụng lúc vừa tối, nhin đói, nhin khát hồi hả kéo chạy về thị xã. Nghe quần chúng báo tin, lực lượng vũ trang huyện triển khai bao vây thì chúng đã chạy khỏi cầu Xóm Xiết. Một lực lượng tiến vào thăm dò, các đồn bót, công sở của chúng đều bỏ trống, giấy tờ vật dụng vung vãi khắp nơi. Huyện ủy vừa kịp phát lệnh cho nhân dân Hành Minh và khu đồn Phú Bình vũ trang nổi dậy. Đúng 20 giờ ngày 23-3-1975, Tiểu đoàn 20 và lực lượng vũ trang của huyện cùng nhân dân tiến vào chiếm lĩnh và làm chủ các đồn bót và các cơ quan của ngụy⁽¹⁾. Như một phản ứng dây chuyền, được tin địch đã bỏ chạy, ta đã làm chủ quận lỵ, nhân dân các xã Hành Thuận, Hành Dũng, Hành Đức, Hành Phước dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã lần lượt nổi dậy, làm chủ các đồn bót, trụ sở hội đồng hương chính, vây bắt bọn bảo an, dân vệ. Suốt đêm 23-3-1975 đèn đuốc sáng rực khắp nơi, tiếng trống mõ vang dội phá tan màn đêm tối. Các xã vùng giải phóng cũ (nam sông Vệ) cũng tập hợp đốt đèn đuốc, hô vang các khẩu hiệu chào mừng huyện nhà được giải phóng. Cả huyện Nghĩa Hành được hoàn toàn giải phóng trong đêm 23-3-1975.

6 giờ sáng ngày 24-3-1975 D20 cùng lực lượng vũ trang huyện đang tiến hành việc tước vũ khí bọn dân vệ bảo an, gọi hàng và vây bắt bọn tàn quân và ngụy quyền ác ôn ở

(1). Theo Nghị quyết số 01/NQ-HU ngày 19-10-1996 của Huyện ủy Nghĩa Hành về việc xác định ngày giải phóng hoàn toàn huyện Nghĩa Hành là ngày 23-3-1975.

các xã, giúp đỡ nhân dân khu đồn Phú Bình. Phước Hậu v.v.. thu thập gồng gánh kéo nhau về quê cũ thì có lệnh đội trưởng kiêm chỉ huy trưởng tiền phương Cao Văn Luật ra lệnh cho tiểu đoàn 20 và lực lượng vũ trang Nghĩa Hành tiếp tục xuống đánh chiếm sân bay Quảng Ngãi và phối hợp với các lực lượng vũ trang khác tham gia chiến dịch giải phóng thị xã.

Tiếp liền sau đó ta đánh địch thất điên bát đảo trên đường trốn chạy ra Chu Lai và tiếp quản tỉnh lỵ Quảng Ngãi ngay trong ngày 24-3-1975, chặn địch ở phía nam, góp phần giải phóng Quảng Nam-Đà Nẵng. Tiếp đó theo quyết định của Bộ Chính trị, toàn bộ các quân chủng thần tốc tiến về phía nam. Nghĩa Hành, Quảng Ngãi cũng được lệnh góp phần công sức sang bằng mọi dinh lũy của kẻ thù, để ngày 30-4-1975 giải phóng Sài Gòn, giải phóng toàn miền Nam, thực hiện lời dạy ân cần của Hồ Chủ tịch trước đó 6 năm :

*“... Đánh cho Mỹ cút
Đánh cho ngụy nhào...
... Bắc Nam sum họp
Xuân nào vui hơn...”*

Thế là phải trải qua 20 năm lội trong máu lửa, đương đầu với bao nhiêu chiến lược, chiến thuật thâm hiểm nhất, tàn bạo nhất của một tên đế quốc hùng mạnh nhất thế giới, để có được đại thắng mùa xuân 1975 lịch sử. Nghĩa Hành, một bộ phận của đất nước Việt Nam, cũng phải huy động hết cả sức lực, trí tuệ của mình để có thể đứng vững

và từng bước vươn lên trong cuộc chiến tranh kéo dài, tập trung cao độ cả sức người và sức của. Biết bao máu xương đã đổ ra trong 20 năm tàn khốc ấy. Có lúc không còn một cơ sở, không còn một Huyện ủy viên cũng không còn một chỗ đứng chân. Nghĩa Hành ghi nhận sâu sắc công ơn của những Làng Ôn (Ba Tơ), Gò Vườn, Làng Tro, Minh Châu (Minh Long), những đồng bào dân tộc thân thương, những cán bộ hỗ trợ quê ở các huyện do tình điều về, đã từng là thành lũy che giấu, là lực lượng giữ gìn đóm lửa còn sót lại trong những ngày chỉ được đấu tranh bằng chính trị đầy đau thương với một kẻ thù toàn dùng sắt thép để về sau nhen nhóm thành ngọn lửa lớn thiêu cháy quân thù. Nghĩa Hành cũng ghi nhận sâu sắc công ơn chi viện hết mình của nhân dân miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã là nguồn tiếp sức lớn lao trong các thời kỳ nhất là thời kỳ đánh Mỹ cứu nước. Con số 1.692 liệt sĩ, tuyệt đại đa số là vô danh, đang nằm ở nghĩa trang liệt sĩ các xã chưa chắc đã đủ nói lên được ý nghĩa về máu xương liền khúc, về máu chảy ruột mềm, về chị ngã em nâng, về Nam - Bắc một nhà, cho con người hôm nay và cho mãi mãi muôn đời sau.

“Được Đảng cho đánh rồi” như tiếng reo vui, chào mừng một giai đoạn mới, mặc dù ai cũng biết rằng cuộc chiến đấu sẽ khốc liệt hơn, dữ dội hơn với cái chết cận kề. Nhưng dù sao cũng được ngẩng cao đầu, trong việc bảo vệ quê hương, bảo vệ cửa khẩu, bảo vệ chỗ đứng chân, bảo vệ cuộc sống tự do của mình làm tròn nhiệm vụ cách mạng với cá tính, cả miền. Con số 92 bà mẹ Việt Nam anh hùng đã được phong tặng 2.742 liệt sĩ, hơn 1.000 thương binh các

loại⁽¹⁾ và ít nhất cũng bằng con số ấy là nhân dân trụ bám nói lên mức độ ác liệt của cuộc chiến đấu và sự ngoan cường của con người trên đất Nghĩa Hành. Đã có hơn 1.000 quân Mỹ và gần gấp đôi số đó là quân nguy bỏ mạng tại đây. Chính quân xâm lược đã gây ra cuộc thảm sát hơn 40 người ở Đề An (Hành Phước), 64 người ở Trường Khánh (Hành Tín), 91 người ở địa đạo Hành Trung mà hầu hết là ông bà già, phụ nữ, trẻ em và nhân dân cả xóm Hồ Cả, chỉ còn sót một bà cụ dân tộc, theo chính sách phá sạch, đốt sạch, giết sạch của chúng.

Kẻ thù đã không cho chúng ta sống yên ổn, với chiến lược phi Mỹ hóa chiến tranh, rồi Việt Nam hóa chiến tranh, vũ khí Mỹ và cả chất độc hóa học Mỹ, cày xới cả huyện. Nhiều xã không còn một cây cao, một ngôi nhà (chỉ còn một ít ở thị trấn Chợ Chùa). Đồng ruộng hầu hết bị bỏ hoang hóa, để lại những hậu quả của chiến tranh nặng nề và kéo dài. Nhân dân và Đảng bộ Nghĩa Hành, dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã phải chiến đấu và chiến thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ bằng cả ý chí và trí tuệ của mình, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng toàn tỉnh, toàn miền, hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước.

Thắng lợi mùa Xuân 1975 của Nghĩa Hành là thắng lợi vẻ vang, là kết quả của sự lớn mạnh của Đảng bộ Nghĩa Hành, của tinh thần yêu nước, yêu chế độ, vượt qua vô vàn

(1). Xem phần phụ lục.



Địa điểm đồn Nhơn Lộc - nơi diễn ra chiến thắng của xã anh hùng Hành Tín



Đồn Gò Rú, nơi diễn ra chiến thắng của xã anh hùng Hành Thịnh

gian khổ, hy sinh của quân và dân Nghĩa Hành, là việc chấp hành nghiêm túc và sáng tạo đường lối, chiến lược của Đảng cấp trên và là việc thực hiện lời hứa đối với di chúc thiêng liêng của Bác Hồ. Kỳ nguyên mới trong đấu tranh và xây dựng của Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Hành được mở ra với niềm tin tưởng ở thắng lợi mới.

PHẦN KẾT LUẬN

Sau mười lăm năm ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, tiếp đó là chín năm đánh thắng thực dân Pháp xâm lược và hai mươi một năm đánh thắng đế quốc Mỹ, tên đế quốc giàu mạnh nhất thế giới-giành được độc lập, thống nhất, hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ trên cả nước.

Lịch sử Việt Nam 45 năm qua (1930-1975) là lịch sử cuộc trường chinh vĩ đại của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng công sản Việt Nam. Lịch sử diễn ra đã đúng với từng miền, từng tỉnh, từng huyện trong từng sự kiện. Cũng có sự sớm muộn về thời gian nhưng chưa có sự kiện nào chênh lệch nhau quá 2 tháng. Điều đó nói lên đường lối sáng suốt tuyệt vời của Đảng lãnh đạo và ý chí thống nhất, kiên cường của cả dân tộc, suốt từ Bắc vào Nam. Cho nên lịch sử một tỉnh, một huyện chỉ là tấm gương phản chiếu, thu nhỏ của những trang lịch sử đầy hào hùng nói trên. Nói về Nghĩa Hành - một bộ phận nhỏ của tỉnh Quảng Ngãi, của nước Việt Nam chỉ là nói cái đặc thù, cái riêng biệt do một hoàn cảnh, điều kiện nào đó cấu thành bên cái chung, cái toàn bộ đầy hào hùng và vĩ đại đó.

Đảng bộ Nghĩa Hành ra đời và trưởng thành từ việc tiếp thu tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng tiên tiến nhất của nhân loại, từ việc vận dụng sáng tạo đường lối, chính trị, đường lối tổ chức, chiến lược và sách lược của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Nhưng Đảng bộ tồn tại

trên mảnh đất lấm sông, nhiều núi chia cắt, địa hình phức tạp, đã từng là căn cứ trong nhiều thời kỳ lịch sử trước kia. Cũng chính trên mảnh đất vườn rộng, ruộng nhiều, đất đai phì nhiêu, giàu có lâm thổ sản ấy lại là nơi lấm nắng dãi, mưa dầm, đồng đất lại quá cao, mùa khô hạn vét từng gàu nước, mùa mưa lũ nước ngập cả xóm làng. Sự phân hóa giàu nghèo lại rất rõ rệt, từ đó mâu thuẫn giai cấp thường xuyên gay gắt trong lịch sử. Là một cộng đồng sống lâu dài trong điều kiện tự nhiên và xã hội như vậy, bên cạnh những phẩm cách chung của dân tộc và của người Quảng Ngãi ở người Nghĩa Hành còn có những nét riêng đáng lưu ý. Đức tính cần cù dung hòa được tinh thần chịu khó với tinh thần ham hiểu biết, thích tìm tòi cái mới; tinh thần trọng đạo nghĩa dung hòa được tinh thần nhân ái với tấm lòng hào hiệp; ý chí bất khuất dung hòa được sự kiên trì bền bỉ và tinh thần gan dạ, quyết liệt trong đấu tranh.

Phẩm chất đó đã thể hiện qua nhiều thế hệ trong nhiều giai đoạn lịch sử như những Võ Duy Ninh, Lê Tựu Khiết, Lê Đình Cẩn, Nguyễn Công Phương và tiếp theo là các cụ Bùi Tá Hiệp⁽¹⁾, Nguyễn Thượng Tứ, những người thuộc lớp đảng viên đầu tiên của Đảng bộ huyện, năm nay đã ngoài 90 tuổi, hiện còn khỏe mạnh, là những chứng nhân lịch sử cho các sự kiện huyện nhà từ năm 1930 đến nay.

Chính nhờ được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất ấy,

(1). Cụ Bùi Tá Hiệp sinh năm 1904 tại thôn Phú Văn xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa, là lớp đảng viên đầu tiên, cùng được kết nạp với đồng chí Nguyễn Công Phương đã hoạt động nhiều năm ở Nghĩa Hành, sau chuyển về hoạt động ở Tư Nghĩa.

trong truyền thống ấy mà Đảng bộ vừa mới ra đời đã cắm rễ sâu trong lòng dân mà trưởng thành. Đảng bộ đã trải qua mọi thử thách khác nghiệt: đấu tranh bí mật, vừa công khai vừa bí mật, nắm chính quyền rồi lại tạm giao chính quyền, chịu những tổn thất lớn lao, rồi lại phải hy sinh lớn lao để giành lại chính quyền. Trong những thử thách đó, Đảng bộ vẫn ngoan cường đứng vững và trưởng thành trong suốt 45 năm qua. Cũng như Đảng bộ các huyện khác, nhưng trong điều kiện và hoàn cảnh riêng của mình, Nghĩa Hành có thể rút ra những bài học sau đây :

1 - Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, vận dụng một một cách linh hoạt, sáng tạo, thích hợp với điều kiện hoàn cảnh riêng của mình để phấn đấu đạt hiệu quả cao trong đấu tranh cách mạng.

Phấn đấu để đạt được hai mục tiêu: hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước là nhiệm vụ của mỗi đảng viên, mỗi cán bộ. Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đại diện cho trí tuệ sáng suốt nhất của toàn Đảng đã vạch ra đường lối, sách lược và chủ trương thích hợp trong từng giai đoạn cách mạng khác nhau. Toàn thể đảng viên trong Đảng bộ chẳng những phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng, đường lối trên mà còn phải vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo thích hợp với hoàn cảnh đặc điểm riêng biệt của mình để đảm bảo đạt được mục tiêu đã đề ra. Trong cuộc đấu tranh cách mạng dân tộc, dân chủ vừa qua, Đảng bộ Nghĩa Hành đã vận dụng khá thành công cả hai mặt nói trên. Tổ chức được cuộc biểu tình Kỳ Thọ (1931) là hết sức cần thiết để khẳng

định sự ra đời của Đảng bộ với những mục tiêu đấu tranh cụ thể và nhất là biểu dương sức mạnh của quần chúng. Cũng cần thiết như thế trong những năm 1956, 1957 chuyển hướng sang đấu tranh hòa bình đòi hiệp thương tổng tuyển cử và bảo toàn lực lượng cách mạng. Đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ ở Nghĩa Hành - một huyện có nhiều ruộng công điền, nhưng sự chiếm hữu lại rất bất công - không có gì rõ hơn, lôi cuốn hơn việc đấu tranh chia lại công điền theo phương thức công bằng, dân chủ hơn trong những năm 1935, 1936. Biết rõ tiềm năng con người, đất đai của mình, động viên mọi người "vất đất ra nước, thay trời làm mưa", sản xuất tự cung tự cấp, góp phần vào việc chống đói, đóng góp vượt mức mọi thứ đảm phụ kháng chiến những năm 1952, 1953. Động viên tinh thần yêu nước và khơi dậy truyền thống đùm bọc hào hiệp vốn có, tổ chức nhân dân Kinh, Thượng trong huyện làm nên thành lũy, tai mắt cho các cơ quan đầu não, bảo vệ các công xưởng, đồng thời đưa hàng ngàn con em mình lên đường hỗ trợ cho các tỉnh bạn trong những năm chống Pháp xâm lược⁽¹⁾.

Trong những năm 1959, 1960, không diệt được ác thì không phá được kềm. Nhưng ác ôn thì nhiều, xã nào cũng có, phải chọn lọc thật kỹ, chỉ diệt tên nào tàn bạo nhất và đã cảnh cáo nhiều lần mà không chịu ăn năn, sửa

(1). Nghị quyết khen thưởng tỉnh Quảng Ngãi của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 31-10-1949 ghi rõ: Trong lịch sử đấu tranh cách mạng ở miền Nam Trung bộ trong khoảng 20 năm :
1. Có công giúp đỡ phong trào Bình Định - Phú Yên.
2. Từ 29/3/1945 đến nay Quảng Ngãi cung cấp cán bộ, bộ đội cho cuộc kháng chiến nhiều nhất, là nơi gây cơ sở cho việc sản xuất vũ khí đầu tiên ở miền Nam Trung bộ... Dẫn theo Lịch sử MTDTTN Quảng Ngãi - Sđd - Trang 135 - Nghĩa Hành góp phần xuất sắc các mặt trên.

chữa. Đối với những tên có nợ máu chồng chất và ngoan cố thì dù phải chấp nhận tổn thương lớn, biện pháp mạo hiểm nhất cũng phải quyết tâm diệt cho kỳ được để cảnh tình hàng loạt kẻ khác. Vận dụng tốt chiến thuật “2 chân, 3 mũi giáp công” trong những năm 1966, 1967 rồi bám đất, bám dân để đánh “Mỹ công”, “Mỹ lết”, những năm 1970, 1971 là hoàn toàn đúng đắn trên thực tế chiến trường. Vận dụng một cách sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng sát với tình hình từng lúc của huyện nhà, Đảng bộ huyện đã chỉ ra từng bước đi cho quần chúng và nhờ đó phát huy được tài năng, trí tuệ và ý chí kiên cường của nhân dân. Trong cuộc trường chinh 45 năm vô cùng ác liệt vừa qua, không phải không có những tổn tại, khuyết điểm. Nhưng những tổn tại khuyết điểm đó chỉ là nhất thời, bộ phận. Còn nói chung, trong chiều dài 45 năm lịch sử Đảng bộ Nghĩa Hành luôn luôn phấn đấu vươn lên phát huy vai trò lãnh đạo của mình, động viên được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong huyện nâng cao tinh thần tự lực tự cường, hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu, xây dựng quê hương mình và cống hiến nhiều mặt cho sự nghiệp cách mạng chung.

2- Dựa vào dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy đầy đủ vai trò cách mạng của dân, đảm bảo mọi thắng lợi cho cách mạng. Mối quan hệ giữa dân và Đảng là mối quan hệ sống còn. Ngay từ những ngày đầu, các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Nguyễn Công Phương, Nguyễn Thị Nhạn nếu không dựa vào dân, không nhờ dân nuôi nấng bảo vệ thì không thể có Đảng trên đất Nghĩa Hành

từ những năm 1930. Không có đồng bào dân tộc Làng Ôn (Ba Tơ) Gò Vườn, Minh Châu (Minh Long) thì làm sao còn người giữ gìn nhen nhóm lại ngọn lửa cách mạng trong những năm 1957-1958. Ông Tám Mộc (An Chi - Hành Phước) tự nhận mình là người đã giết tên lý trưởng ác ôn và sẵn sàng chịu tử hình để bảo vệ đảng viên trong thời kỳ mới có Đảng. Bà Ninh, bà Chấn, bà Võ, bà Đẹp (Hành Tín), ông Mười Viêm, ông Thánh⁽¹⁾ (Hành Dũng) Phan Tấn Hành, Võ Toàn (Hành Phước, Hồ An, Lê Thị Minh Hương, Đỗ Đình Huy (Hành Đức), chị Chinh, cô Mười, bà Bằng (Hành Thiện), bà Quảng, bà Đinh (Hành Thịnh) đều sẵn sàng hy sinh bảo vệ nuôi giấu cán bộ. Bà Võ Thi Soạn bất chấp hy sinh tính mạng, nhà cửa, của cải hết lòng bảo vệ các đồng chí Hồng Quang, Bùi Thanh Đạm trong thời chống Mỹ-ngụy. Tất cả là những tấm gương chói ngời về mối quan hệ sống còn giữa dân với Đảng. Biết nói sao cho hết công lao của mấy gia đình đồng bào dân tộc ở Trùng Kè (Hành Tín) đã nuôi giấu các đồng chí Bùi Thanh Đạm, Huỳnh Phước (Mai) trong những năm cực kỳ gian khổ. Và cũng biết nói sao cho hết ơn nghĩa của 25 gia đình đồng bào dân tộc Dốc Bóm (Hành Dũng) đã đón tiếp 5 cán bộ đầu tiên từ miền Bắc về, từ chỗ che giấu, bảo vệ, nuôi nấng, đến việc phát rừng làm rẫy tía lúa, trồng khoai để nuôi ngày càng đông cán bộ các nơi tập trung đến, đến cả việc tạo đường dây móc nối xuống tận An Sơn, Kim Thành Thượng, Kim Thành Hạ để mở ra một cục diện mới trên một địa bàn bị kèm kẹp một cách tàn khốc bởi những tên

(1). Ông Thánh người Hành Dũng. nuôi giấu cán bộ thời chống Mỹ, bị địch bắt lên quận tra tấn dã man. Ông không khai, bị chúng đánh đến chết.

ác ôn khát máu.

Nếu nói Nghĩa Hành nhiều lúc là chỗ dựa cho cán bộ, đảng viên huyện Mộ Đức, huyện Tư Nghĩa, thì cũng phải nói đến Minh Long, Ba Tư nhiều lúc là chỗ dựa của cán bộ, đảng viên Nghĩa Hành. Đối với cách mạng, lòng dân không bao giờ có biên giới. Trước kẻ thù, tính mạng, tài sản, làng xóm, đất nước đều đứng trước mối đe dọa sống còn cho bất cứ ai. Chỉ có gắn bó lại với nhau, giúp đỡ cứu mang nhau, chia nhau từng mẩu sắn, từng hạt muối, hỗ trợ nhau trong chiến đấu mới tự cứu được mình. Vì thế tình cảm gắn bó, yêu thương đồng chí, đồng bào đến mức sống chết có nhau chưa bao giờ sâu sắc, dạt dào như mấy mươi năm chống Pháp và chống Mỹ - ngụy trước đây. Nhận thức sâu sắc điều đó, Đảng bộ Nghĩa Hành không ngừng chăm lo xây dựng khối đoàn kết giữa các bộ phận trong cộng đồng dân tộc và khối đại đoàn kết toàn dân.

Nhờ thế mà lúc Mỹ - Diệm tập trung cả bộ máy tuyên truyền và dùng mọi biện pháp để vẽ mặt Ngô Đình Diệm thành "chí sĩ yêu nước", tô điểm chế độ của chúng là "dân chủ", thì chỉ có một số tên nuôi hận thù giai cấp nghe theo, còn tuyệt đại đa số nhân dân chẳng ai chấp nhận. Có người không sợ tù tội hỏi thẳng "yêu nước, dân chủ sao lại hành hạ, chém giết những người kháng chiến" (chỉ những người tham gia cách mạng tháng Tám và chống Pháp). Có người không còn chịu được lối tuyên truyền và hành động đối trắng thay đen của chúng, đã nhiều lần cầm đùm, cầm gói, vượt suối trèo đèo đi vào tận vùng núi Cao Muôn, núi Lớn để tìm Đảng, tìm cách mạng. Còn khi Mỹ

- Diệm đưa tiền bạc, áo quần, thuốc men lên dụ dỗ đồng bào dân tộc Trưng Kè (Hành Tín) mặc dù thiếu, đói vẫn một mực không nhận. Cán bộ hỏi vì sao đồng bào không nhận, đồng bào nói: “Tui là người của Bác Hồ, của Đảng mà!”. Và đã là người của Đảng thì đồng bào hết lòng che giấu, bảo vệ. Ai là người truy bắt người của Đảng thì người đó là kẻ thù. Biết bao tấm gương cao đẹp gắn bó giữa dân với Đảng như vậy. Chỉ tiếc rằng không thể nào viết đầy đủ về lòng dân Nghĩa Hành đối với Đảng trong suốt chiều dài lịch sử, nhất là những lúc Đảng gặp nhiều khó khăn nhất.

3- Phát huy đầy đủ sức mạnh của quần chúng, hướng dẫn quần chúng tự tổ chức, tự phát huy cao độ năng lực nội tại của mình trong quá trình cách mạng.

Dựa vào dân, xây dựng khối đoàn kết rộng lớn trong nhân dân như trên kia đã nói không phải chỉ vì lý do bảo vệ Đảng. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, hay nói như các sử gia tiến bộ : “Nhân dân mới là người làm nên lịch sử”. Về mặt này, cần phải khẳng định rõ ràng ngay từ đầu là Đảng ta dù có đông, có hùng hậu đến mấy cũng chỉ có sức mạnh về trí tuệ trong việc vạch rõ mục tiêu, định ra đường lối chủ trương và hướng dẫn phương pháp đấu tranh, người tổ chức lãnh đạo cách mạng. Còn thực hiện đấu tranh để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu của cách mạng lại là của quần chúng nhân dân. Bài học đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của Đảng và của dân tộc đã diễn đạt theo cách nói của nhân dân: “dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó

**Tượng đài chiến thắng Đỉnh
Cương được dựng từ năm
1995 tại Huyện lỵ**



**Núi Đỉnh Cương (nằm giữa các xã Hành Phước, Hành
Đức, Hành Thiện, Hành Minh) nơi diễn ra cuộc quyết
chiến lịch sử 1974 - (Di Tích Quốc gia)**

ngàn lần dân liệu cũng xong” và Đảng ta cũng đã tổng kết, phân tích sâu sắc từ lâu. Thành tựu thu được trong cách mạng dân tộc, dân chủ vừa qua ở Nghĩa Hành cũng là thành quả chung của nhân dân Nghĩa Hành. Điều đáng nói là dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Đảng bộ đã tổ chức cho quần chúng hành động một cách tự giác làm nên được, khác hẳn với trước kia. Điều đó thể hiện trong việc Đảng bộ Nghĩa Hành không ngừng chăm lo việc xây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng, các mặt trận đoàn kết đấu tranh, đặc biệt là quan tâm đúng mức việc xây dựng lực lượng tại chỗ, rồi giáo dục hướng dẫn họ, đưa họ chủ động tự giác tham gia mọi quá trình cách mạng. Không ai khát khao ruộng đất bằng người nông dân, cũng không ai hiểu biết vấn đề tô tức, sưu thuế và tha thiết đấu tranh chống sự bóc lột đó bằng tổ chức của những người nông dân như Nông hội đỏ trước kia và Nông hội ngày nay. Không ai thương chồng, thương con và thương thân phận mình, từ đó cảm nhận được nỗi đau khổ của người dân mất nước, người sống trong chế độ bất công bằng người phụ nữ, và cũng không ai dẫn dắt họ tốt hơn trong sự nghiệp đấu tranh cứu nước và sự nghiệp giải phóng phụ nữ bằng Hội Phụ nữ của chính họ. Và cũng như vậy, muốn phát huy được sức mạnh của quần chúng, trong đấu tranh thực tiễn ở Nghĩa Hành, một bài học nữa được rút ra là phải xây dựng cho được lực lượng tại chỗ, xây dựng được cốt cán chính là người ở địa phương đó. Có một thời gian khá dài trong chống Mỹ cứu nước, Nghĩa Hành hình thành rõ rệt hai vùng khác nhau: vùng gọi là các xã phía trước (vùng địch kèm kẹp) vùng gọi là các xã phía sau (vùng đã giải

phóng). Kẻ địch đã thực hiện khẩu hiệu “táo cán, diệt cộng” bóc sạch các cơ sở đã có, kèm kẹp ác liệt đồng bào ta trong hàng rào “hai sông ba núi” của ấp chiến lược với những mật vụ, thám báo dày đặc ở các xã phía trước. Huyện ủy đã tốn bao công sức xây dựng các đội công tác làm nhiệm vụ diệt ác, phá kềm, xây dựng cơ sở và chọn lọc đưa hàng loạt cán bộ trung kiên bí mật cắm vào các xã đó. Có xã phải bố trí liên tục đến 6 người nhưng hầu hết đã hy sinh hoặc bị đánh bật. Phong trào cách mạng không có cơ sở vững chắc luôn luôn ở tình trạng di ọp trước nguy cơ bị dìm chết. Nhưng khi xây dựng được lực lượng tại chỗ, không nhiều, chỉ có 3 người, trong đó có một cốt cán là người địa phương, phong trào vững mạnh hẳn lên, quần chúng có chỗ dựa, khí thế đúng là “hoa nở trong lòng” địch như phương châm xây dựng cơ sở cách mạng thời bấy giờ thường nói.

Khi quần chúng đã phát huy được sức mạnh của mình thì bên ý chí chiến đấu kiên cường vốn có còn có cả trí thông minh được phát huy đến mức không ngờ. Những năm khó khăn 1947 - 1948 thực hiện lời kêu gọi sản xuất để tự cung tự cấp, “hậu phương thi đua với tuyến phương” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghĩa Hành vượt mức về diện tích canh tác, về sản lượng, về đóng góp các đảm phụ, không phải chỉ do ruộng đất phì nhiêu, con người cần cù chịu khó mà có lẽ còn do nhiều cải tiến, sáng tạo. Guồng nước được cải tiến nhẹ hơn, đưa nước lên ruộng được nhiều hơn. Cách làm hồ xí vừa vệ sinh, sạch sẽ, vừa tăng thêm nguồn phân bón cho sản xuất lương thực. Tiếp thu nhanh chóng nghề

quay tơ dệt lụa đòi hỏi nhiều kỹ thuật thế mà khung dệt vốn có được người Nghĩa Hành cải tiến tốt hơn, đạt năng suất cao hơn; lụa, thao, dũi do người Nghĩa Hành dệt có chất lượng cao hơn. Tinh thần đó lại được phát huy một lần nữa trong những năm 1970 - 1971 ở ba xã vùng giải phóng (nam sông Vệ). Thực hiện chủ trương của Huyện ủy "Địch phá một ta làm hai", chẳng những khắc phục được nạn đói do địch phá hoại sản xuất, bao vây kinh tế, cố làm cho vùng giải phóng kiệt quệ, mà còn hỗ trợ cho các xã, huyện khác và đóng góp xuất sắc đảm phụ kháng chiến.

Trong chiến đấu với kẻ thù, nhân dân cũng tỏ ra rất thông minh. Trong những năm 1958-1959 Mỹ Diệm chủ trương lập ấp chiến lược bắt dân canh gác suốt ngày đêm, bà con Kim Thành Thượng (Hành Dũng) bàn nhau cách đánh mō hết chỗ này đến chỗ khác, buộc bọn dân vệ phải lùng sục suốt đêm trong năm mươi ngày liền. Khi bọn dân vệ ngán lùng sục, bà con liên hệ với cơ sở tổ chức cho cán bộ vào thôn. Năm 1969, địch tăng cường kèm kẹp ở khu đồn Phú Bình (nay thuộc thị trấn Chợ Chùa) nằm sát hòng súng địch. Thực hiện chủ trương phá bung của ta, đồng bào tự đốt nhà mình. Cùng một lúc hơn 100 ngôi nhà bị phát hỏa, bọn dân vệ, bọn ngụy quyền tại chỗ và của cả quận đều bó tay. Hơn 2000 người bung ra khỏi khu đồn và gần 200 người về luôn vùng giải phóng. Tháng 2-1971 ta đánh chốt địch đóng ở Núi Bé, ta vận động một số lính bảo an lấy lý do địa điểm không an toàn, không chịu trở lại đóng quân ở chỗ cũ. Tên thiếu tá quận trưởng Nguyễn Ngọc Giàu buộc tội chống quân lệnh, bắt giam số lính bảo

an đó. Ta phát động 200 người gia đình các binh sĩ nói trên đến quận đòi chồng con. Tên quận trưởng ra lệnh cho lính gác không cho vào. Bà con người kêu, kẻ khóc gây xúc động với binh lính canh gác, rồi hàng loạt người vừa lê, vừa bò, vừa lăn thẳng vào bên trong khiến bọn địch ngỡ ngàng, không còn cách đối phó. Tên quận trưởng buộc phải xuất hiện định dọa nạt, đồng bào lao vào, hấn hoảng sợ bỏ chạy, cuối cùng buộc phải thả số lính bảo an này ra, hơn 10 người nhớ ơn cách mạng, bỏ quân về luôn nhà. Năm 1969, quân Mỹ đổ bộ bằng trực thăng rồi kéo nhau đi đâu mà du kích không theo dõi kịp, không biết được quân số, nơi đóng quân và ý đồ của chúng. Ban chỉ huy xã đội Hành Thịnh bàn nhau chưa tìm ra cách gì, đến hôm bà Đính, nhờ bà giúp đỡ. Bà vận động được 6 người cùng đi với bà, mang theo cả bánh trái, đèn nhang với danh nghĩa đi cúng ông bà trong ngày tết. Các bà phát hiện thấy một trung đội lính Mỹ đang tập trung trong mấy trại của dân (bỏ vắng) ở cuối thôn với trạm gác, hầm hào, súng máy phòng ngự đầy đủ. Các bà đi thẳng vào trại rộng nhất, có nhiều lính Mỹ nhất và ra hiệu là các bà đi cúng tổ tiên. Vào thẳng nhà đến chỗ có bàn thờ, Mỹ chất đầy balô, súng đạn, các bà ra hiệu là chỗ thờ cúng không được để súng đạn, rồi không cần chúng hiểu hay không, các bà xách ba lô, súng đạn bỏ xuống đất, đặt bánh trái đốt đèn nhang lên, vừa cúng lễ, vừa quan sát xung quanh. Khi mọi điều cần tìm hiểu hoàn thành, các bà thu dọn lễ vật, còn tỏ ra thân thiện lúc ra về. Nhờ thế mà đội du kích có đầy đủ tình hình để lên phương án tiêu hao địch sau đó. Còn biết bao sáng kiến du kích Hành Tín, Hành Thịnh, Hành Phước,

Hành Đức gần như chuyện thần thoại trong việc đánh “Mỹ công”, “Mỹ lết”. Du kích Hành Thịnh treo cờ dụ địch thả bom để có bom lép, tự cứu lấy thuốc nổ để làm bom bay, vừa dùng cảm vừa táo bạo sáng tạo nên cách đánh mới, diệt địch đạt hiệu quả cao⁽¹⁾. Chủ trương là của cấp trên, tổ chức thực hiện là của cấp ủy xã, nhưng không cấp ủy nào lại bày cho dân bung lễ vật di cúng tế, và cách giải quyết mọi tình huống xảy ra. Bám đất, bám dân, đánh giặc giữ làng là chủ trương của Đảng nhưng tìm thuốc nổ làm bom bay, phóng bom bay là sáng tạo của du kích. Sáng tạo của quần chúng đã tạo nên sức mạnh cho chủ trương của Đảng và sức mạnh ấy nhiều lúc quả thật không ngờ. Từ bài học trên phát huy đến mức cao hơn, thực hiện cho được nguyên lý “Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân”, phát huy đầy đủ vai trò của quần chúng, tạo điều kiện để quần chúng thật sự làm chủ trong các quá trình cách mạng chắc chắn sẽ đưa lại hiệu quả to lớn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để đạt mục tiêu dân giàu nước mạnh, theo định hướng XHCN trên đất Nghĩa Hành sắp đến. Bài học dựa vào dân, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong quá trình cách mạng là bài học sâu sắc mãi mãi còn có giá trị.

4 - Không ngừng xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đủ sức làm hạt nhân lãnh đạo tổ chức mọi thắng lợi trong đấu tranh cách mạng.

Sinh ra từ cuộc đấu tranh sinh tử với kẻ thù nên ngay từ đầu, Đảng bộ đã đặt vấn đề xây dựng Đảng chu đáo,

(1). Xem Hành Thịnh thơ ca kháng chiến và hồi ký kháng chiến - Sdd, trang 105.

cẩn mật trong từng khâu một.

Có thể tự hào mà nói rằng, Đảng bộ Nghĩa Hành đã làm tốt việc xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, về lý tưởng chiến đấu. Dù bất cứ tình huống nào, tuyệt đại đa số đảng viên vẫn trung thành tuyệt đối với mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH của Đảng. Tù tội, chém giết cũng không làm thay đổi được mục tiêu cao cả đó. Mục tiêu ấy đã thành lẽ sống không thể xa rời được. Đó là lý do vì sao Đảng bộ Nghĩa Hành không bị nọc độc của những tư tưởng phi vô sản, tư tưởng trót-kít làm nhiễm bẩn. Về ý chí chiến đấu, người đảng viên Nghĩa Hành kiên cường bất khuất, giữ được khí thế tiến công trong mọi tình huống. Các loại kẻ thù bằng mọi cách tàn bạo nhất, thâm hiểm nhất vẫn không đánh gục được ý chí chiến đấu của họ. Tấm gương của các đảng viên trước khi hy sinh vẫn đấu tranh, ở trong tù ngục vẫn đấu tranh và chỉ đạo việc đấu tranh ở bên ngoài là tấm gương phổ biến, xuất hiện liên tục trong các thời kỳ đấu tranh ác liệt nhất. Không phải không có những người đã ngại hy sinh gian khổ đã nằm im, tạm ngừng hoạt động trong một thời gian nào đó, nhưng lý tưởng của cách mạng đã thôi thúc họ lấy lại ý chí chiến đấu và ngoan cường trong đấu tranh. Những tên cơ hội đấu hàng chỉ là một vài u bướu độc hiểm hoi. Để có được thành quả lớn lao trong xây dựng Đảng bộ về mặt tư tưởng như nói trên là nhờ Đảng bộ quan tâm đúng mức đến việc không ngừng giáo dục và rèn luyện đảng viên. Trong thời kỳ mới thành lập, cũng như dưới thời kỳ Mỹ - ngụy, tù ngục và máy chém luôn luôn đe dọa, Đảng bộ không có điều kiện tổ

chức việc học tập đầy đủ về mặt lý luận cách mạng, thường chỉ trao đổi những nội dung thiết thực nhất. người này truyền đạt cho người kia, thậm chí chỉ truyền cho nhau một vài điều cốt yếu. Nhưng khâu rèn luyện đã bổ sung chỗ khiếm khuyết đó. Chọn lựa đảng viên thông qua rèn luyện, và đưa đảng viên vào thực tế đấu tranh để rèn luyện là việc làm cốt yếu trong việc xây dựng Đảng trong thời ác liệt đó. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Nghĩa Hành thuộc vùng giải phóng và trong chống Mỹ, từ năm 1965 về sau, ta làm chủ được nhiều vùng, có điều kiện tổ chức việc học tập chính trị tư tưởng có qui củ, có chương trình, có lớp, có khóa hẳn hoi. Nhờ đó, Đảng bộ đã giúp cho đảng viên mở rộng tầm hiểu biết, nâng cao tầm nhìn, bồi đắp thêm vững chắc lập trường chính trị, nâng cao thêm ý chí, phẩm chất cách mạng của người đảng viên. Nhưng học tập và rèn luyện là hai khâu liên quan mật thiết với nhau, quyết định lẫn nhau, nếu không nói khâu rèn luyện có ý nghĩa quyết định hơn cả. Kinh nghiệm cho thấy, người đảng viên có thể chỉ nắm vững những điều cơ bản nhất về lý tưởng của Đảng, về phẩm chất đạo đức của người đảng viên, về nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng, về mối liên hệ sống còn giữa quần chúng nhân dân và Đảng, và nhiệm vụ của người đảng viên, qua thực tiễn đấu tranh nâng cao bồi dưỡng dần. Học nhiều, đọc nhiều lý luận mà không thông qua rèn luyện nghiêm ngặt trong thực tiễn đấu tranh dễ dẫn đến lý luận tư biện độc hại hoặc giáo điều. Nghĩa Hành đã chứng kiến đau lòng về một đảng viên đã gia nhập Đảng ngay từ đầu với tất cả nhiệt tình cách mạng, ra tù vào tội, nhưng cuối cùng lại

chống lệnh khởi nghĩa của Đảng. Chỉ vì, đồng chí ấy đọc nhiều sách vở dẫn đến hiểu một cách cứng nhắc, giáo điều về 3 điều kiện cần có của một cuộc khởi nghĩa do giai cấp vô sản lãnh đạo. Trong nội dung giáo dục chú ý đúng mức bản chất giai cấp của Đảng, lập trường giai cấp vô sản của người đảng viên là tối cần thiết, nhưng thiếu phân tích sâu sắc tinh thần yêu nước - cơ sở tư tưởng tình cảm dẫn người đảng viên đi đến chủ nghĩa Mác - Lênin là một thiếu sót, từ đó đưa đến xử lý một chiều đáng tiếc trong một số trường hợp. Ở khía cạnh khác, chúng ta nói nhiều về chủ nghĩa cộng sản, nhưng chưa làm rõ vị trí và quyền sống của con người trong lý tưởng cách mạng cao cả đó, dẫn đến tư tưởng bè phái, bản vị và kéo dài tư tưởng gia trưởng - tàn dư của tư tưởng phong kiến, vi phạm quyền dân chủ của nhân dân vẫn còn thỉnh thoảng xảy ra.

Về mặt xây dựng tổ chức, trước tiên là việc phát triển Đảng. Đảng bộ Nghĩa Hành có vinh dự to lớn là được nhân dân tin yêu tin nhiệm nên bất cứ lúc nào cũng có người xin vào Đảng. Thời kỳ bị địch đánh phá ác liệt, vào Đảng là đưa thân vào tù đày, máy chém nhưng lòng tha thiết vào Đảng vẫn không hề giảm. Được kết nạp vào Đảng là một vinh dự lớn lao, bất chấp cả tính mệnh, hoạt động hăng hái, bất chấp nguy nan như nhóm Ngô Vĩ ở Hành Dũng. Thời kỳ Mỹ-ngụy đánh phá ác liệt (1958-1959), nhiều người vào núi tìm Đảng và yêu cầu được kết nạp vào Đảng hết sức cảm động kể cả đồng bào dân tộc như bà Đinh Thị Năm, Đinh Thị Têu (Hành Dũng). Không thể nào kể hết những đảng viên trung thành tuyệt đối với lý tưởng

chiến đấu hy sinh đến giọt máu cuối cùng vì sự nghiệp cách mạng của dân, của Đảng như các đảng viên Nguyễn Công (Hành Thiện), Đỗ Hịch, Hòa Minh (Hành Thịnh), Trần Duy Vỹ, Nguyễn Hường (tức Có. Hành Tín), Nguyễn Thành, Nguyễn Tích. Các đồng chí đã bị kẻ thù tra tấn, hành hạ đến cùng rồi bắn chết. Đặc biệt là bà Đinh Thị Năm, người đảng viên dân tộc, tận tụy gan dạ mà ngày nay dân vẫn thường nhắc đến tên bà gắn liền với tên một địa điểm hồ Bà Năm, từng là nơi giao dịch huyết mạch của cách mạng thời kỳ chống Mỹ-ngụy. Đồng chí Trần Duy Vỹ bị địch ba lần bắt giam và tra tấn châm kim 10 đầu ngón tay, treo ngược lên cây suốt cả ngày, đào lỗ chôn sống chỉ chờ cỗ, bắt phải khai báo vẫn không khai thác được một điều gì, thả ra đồng chí lại kiên cường tiếp tục hoạt động. Nhưng ngược lại, lại có một số kẻ khi địch vừa tiếp quản đã ra đầu thú, và nhận làm việc cho địch. Ở đây đã có sự sai lầm trong việc coi nhẹ tính giai cấp của Đảng trong những năm 1950-1953. Sau khi kết nạp, lại chưa kịp tổ chức giáo dục rèn luyện đầy đủ. Việc vào Đảng của họ chỉ là một hành động mang tính chất cơ hội. Khi tình hình có chuyển biến, cách mạng ở thế bất lợi, Đảng gặp phải khó khăn, bản chất bóc lột đàn áp của chúng đã trở dậy, việc chúng quay mặt đối lập với Đảng cũng là điều dễ hiểu. Tuy đây là hiện tượng cá biệt xảy ra trong một thời điểm nhất định, nhưng thẳng thắn chỉ ra khuyết điểm trong việc phát triển Đảng không đảm bảo tính giai cấp, tính Đảng - một khuyết điểm - bên cạnh những thành công to lớn trong 45 năm xây dựng Đảng - để làm bài học cần thiết cho chúng ta hiện nay và về sau.

Nhìn lại việc xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán các cấp của Đảng bộ, chúng ta vui mừng thấy tuy các đồng chí phải lăn lộn trong mọi gian nguy, trong nhà tù và trước máy chém, nhưng các đồng chí xứng đáng là rường cột vững chắc, xứng lòng tin yêu, kính phục của đảng viên và nhân dân trong huyện.

Lịch sử của huyện phải dành dòng đầu tiên ghi tên đồng chí Nguyễn Công Phương, người truyền bá tư tưởng Mác-Lênin, người đảng viên đầu tiên và cũng là người khai sinh ra Đảng bộ, bất chấp tù đày, tra tấn, suốt đời tận tụy phục vụ cách mạng. Nối tiếp là các đồng chí Nguyễn Công Huân, Trần Miên, Nguyễn Thượng Kinh, Ngô Cửu, Tô Hành, Trịnh Quang Tân, Huỳnh Quang Thâu, Trần Minh Hóa đều là Huyện ủy viên, Bí thư Huyện ủy đã nêu cao tấm gương: có mặt bất kỳ ở đâu khi Đảng cần, không nệ công danh, chức vụ, không ngại gian khổ hy sinh và đã hy sinh trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng đều ngã xuống một cách anh dũng trước mũi súng của quân thù. Hình ảnh cao đẹp đó cũng sáng ngời ở các cán bộ mỗi thôn xã, đồng chí Nguyễn Hương (Cố) Bí thư Chi bộ Phú Khương, Lê Thị Công xã đội phó Hành Tín, đồng chí Võ Dương Công (Võ Hỷ) đội trưởng đội công tác, Nguyễn Đường, Nguyễn Thị Tới-xã đội trưởng (đều ở Hành Dũng), Nguyễn Khánh xã đội trưởng, Nguyễn Thị Nhâm, Cao Thị Diễm, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Mười... (Hành Thịnh), Trần Văn Tình, Bí thư Hành Thuận, Nguyễn Văn Nghĩa, Bí thư Hành Minh, Nguyễn Tài, Nguyễn Tấn Thức, Bí thư Hành Đức. Tuy nhiều người trong số họ còn rất trẻ nhưng đã



**Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND xã
Hành Thịnh - 1978**



**Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND xã
Hành Tín - 1995**

bình thân đời cuộc sống của mình để bảo vệ làng xóm, bảo vệ cuộc sống yên bình của nhân dân. Những tấm gương đó là những ngôi sao sáng trong lịch sử Đảng bộ Nghĩa Hành. Tuy không ít khó khăn trong thời kỳ đấu tranh trực diện với kẻ địch, có lúc chúng đánh phá đến mức trắng sạch cơ sở, cán bộ không thay thế kịp, nhưng bằng cách chuyển vùng, đưa cán bộ phía sau hỗ trợ cho phía trước (thời chống Mỹ), Đảng bộ vẫn đảm bảo được tính liên tục, tính kế thừa trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ. Nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ đã hoàn thành, năm 1975 bắt đầu chuyển sang nhiệm vụ mới. Số cán bộ huyện, xã của Nghĩa Hành từ chiến tranh tàn khốc bước ra với nhiệt tình cách mạng, tinh thần chiến đấu dũng cảm có thừa, nhưng cũng bị hạn chế về nhiều mặt. Đảng bộ đã tạo mọi điều kiện để họ được bồi dưỡng về mọi mặt, nhất là số trẻ, và đa phần trong số họ đã tiến kịp và giữ được vai trò tiên phong gương mẫu của người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

Là một Đảng bộ huyện, cấp cơ sở và trên cơ sở, cầu nối giữa Đảng với dân, nơi tổ chức thực hiện mọi đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng. Thành công hay thất bại của Đảng, của sự nghiệp cách mạng là ở đây, cho nên nói nhiều về phát huy vai trò của nhân dân và việc xây dựng Đảng cả mặt tốt, chưa tốt là điều cần thiết. Lịch sử trong sự phát triển khách quan của nó bao giờ cũng chứa đựng cả hai mặt tiến bộ và hạn chế. Với quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, với tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng ta phấn đấu để phát huy được nhiều mặt tiến

bộ, loại bớt những mặt hạn chế. Tất nhiên vấn đề còn tùy thuộc mức phản động của kẻ thù - yếu tố khách quan không thể coi thường trong quá trình lịch sử. Cũng vì thế, nói đến hạn chế do chủ quan ta gây ra (như vấn đề phát triển Đảng những năm 1950 - 1951) chúng ta nghiêm khắc tự phê phán trước lịch sử, còn nói đến những hạn chế do khách quan gây ra (địch đánh phá ác liệt trong các thời kỳ) kể cả việc nhắc lại tên người này người khác hoàn toàn không vì ghét bỏ, định kiến mà vì phải tôn trọng tính khách quan của lịch sử; phải nhắc lại những việc đau lòng đã qua để làm bài học chung cho mọi người, từ đó dân gắn bó với Đảng hơn, Đảng bám sát dân hơn nữa để thành tựu trong giai đoạn mới đạt cao hơn, xuất sắc hơn, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không phải cho riêng ai mà cho cả toàn dân trong huyện.

Mấy bài học trên tuy rút ra từ 45 năm đấu tranh đã qua (1930-1975), nhưng chắc chắn vẫn là những bài học có giá trị cảnh tỉnh nhắc nhở đối với mọi đảng viên trong Đảng bộ, trong sự nghiệp cách mạng XHCN tiếp theo. Và đó cũng là những bài học quý đối với mỗi người dân yêu quý Đảng trong huyện. Nhân dân cũng cần biết rõ để theo dõi, nhắc nhở giúp Đảng luôn luôn làm tốt nhiệm vụ có lợi cho nước, cho dân, trong đó có quyền lợi cho chính bản thân mình. Tất nhiên, giai đoạn cách mạng mới có nội dung và yêu cầu mới. Đánh giặc cứu nước cần đức tính hy sinh dũng cảm, xây dựng đất nước theo hướng dân giàu nước mạnh, vẫn cần đức tính trên nhưng chưa đủ, còn cần trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ rất cao.

Người đảng viên lúc nào cũng phải là tấm gương sáng về phẩm chất đạo đức, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư như Bác Hồ đã dạy, phải được rèn luyện tu dưỡng như thế nào trong thời kỳ phát triển kinh tế, trong cơ chế thị trường, hòa nhập với nền kinh tế thế giới? Yêu cầu nội dung mới phải do mỗi người đảng viên tự phấn đấu để đạt cho kì được và Đảng bộ huyện chấp hành các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, kết hợp với mấy bài học trên phải đề ra được những chủ trương, biện pháp thích hợp xây dựng Đảng và rèn luyện, bồi dưỡng đảng viên, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng mới, phù hợp với tình hình đặc điểm riêng của mình để có thể viết tiếp những trang sử vẻ vang cho Đảng bộ và nhân dân huyện nhà.

PHẦN PHỤ LỤC

CÁC XÃ HUYỆN NGHĨA HÀNH HIỆN NAY VÀ CÁC THỜI KỲ

TT	TÊN XÃ, THỊ TRẤN HIỆN NAY	DÂN SỐ ⁽¹⁾	TÊN THỜI MỸ NGUY	TÊN CÁC THÔN, XÃ THỜI PHÁP THUỘC
01	Hành Thuận	6.795 (3.553 nữ)	Nghĩa Phương	Phúc Minh, Đại An đông, Xuân An, Phú Định, Đại An tây
02	Hành Dũng	6.957 (3.638 nữ)	Nghĩa Lộc	An Sơn, An Hòa, An Phước, An Định, Kim Thành hạ, Trung Mỹ
03	Hành Nhân ⁽²⁾	8.012 (4190 nữ)	Nghĩa Lộc	Phước Lâm, Đồng Trúc Lâm, Đồng Vinh, Nghĩa Lâm, Bình Thành, Kim Thành thượng, Tân Lập
04	Hành Minh (Từ 1945-1954 gọi là Hành Phong)	5.287 (2764 nữ)	Nghĩa Chánh	Long Bằng, Tinh Phú
05	TT chợ Chùa ⁽³⁾	9092 (4.755 nữ)	Nghĩa Chánh	Phú Vinh, Phú Bình
06	Hành Đức	10.405 (5.422 nữ)	Nghĩa Hưng	Kỳ Thọ nam, Kỳ Thọ bắc, Phú Châu, Xuân Vinh
07	Hành Trung ⁽⁴⁾	11.093 (5.868 nữ)	Nghĩa Hưng	Hiệp Phổ bắc, Hiệp Phổ nam, Hiệp Phổ trung
08	Hành Phước	12.626 (6.602 nữ)	Nghĩa Phước	Hòa Thọ, Hòa Vinh, Hòa Mỹ, An Chỉ, Đê An

09	Hành Tín	8.385 (4.523 nữ)	Nghĩa Phú	Nhơn Lộc, Thiên Xuân, Trường Khánh, Trưng Kè, Đồng Giữa, Nguyễn Hòa, Tân Hòa, Đồng Miếu, Tân Phú, Phú Khương, Phú Thọ, Long Bình
10	Hành Thiện	6.554 (3.428 nữ)	Nghĩa Thuận	Mễ Sơn, Ngọc Dạ, Bàn Thới, Vạn Xuân, Phú Lâm Tây, Phú Lâm Đông
11	Hành Thịnh ⁽⁵⁾	8.675 (4.596 nữ)	Nghĩa Thành	Thuận Phong, Hòa Huân, Xuân Đình, Ba Bình, Đồng Xuân, Mỹ Hưng, An Ba, Xuân Phú, Ba Tơ

(1) Dân số toàn huyện là: 93.881 (nữ 49.359) theo thống kê tháng 5-1996

(2) Tách từ Hành Dũng ra, từ năm 1986

(3) Tách từ Hành Minh ra, từ năm 1984

(4) Tách từ Hành Đức ra, từ năm 1986

(5) Trước năm 1950 gồm 2 xã Hành Tân và Hành Trung, 1950 nhập lại lấy tên Hành Thịnh

CÁC BÍ THƯ HUYỆN ỦY NGHĨA HÀNH QUA CÁC THỜI KỲ

TÊN HỌ	BÍ DANH	THỜI GIAN	THỂ THỨC ⁽²⁾
1-THỜI MỚI THÀNH LẬP ĐẢNG (1930-1945)			
Ông Nguyễn Công Phương		1930	Chỉ định
Ông Lê Hoàng		Cuối 1930- đầu 1931	Chỉ định
Bà Nguyễn Thị Nhạn		Cuối 1931	Chỉ định
Ông Trần Bình ⁽¹⁾		Vài tháng cuối 1931	quyển
Ông Nguyễn Thượng Tú		1936-1939	quyển
Ông Nguyễn Công Huân	Dật Long	1940-1941	quyển
Ông Nguyễn Thượng Kinh	Đảng	1941-1942	quyển
Ông Nguyễn Tấn Thứ		1945	Đại diện
2-THỜI CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1951)			
Ông Trần Miên	Hồng Quang	6 tháng đầu năm 1946	Chỉ định
Ông Nguyễn Thượng Tú		1946-1947	Bầu cử
Ông Trần Văn An		1947	Bầu cử
Ông Nguyễn Công Huân	Dật Long	Cuối 1947-1948	Bầu cử
Ông Nguyễn Kim		1948-1949	Bầu cử
Ông Nguyễn Thượng Kinh	Đảng	1949-1952	Bầu cử
Ông Bùi Tấn Linh		Mấy tháng đầu năm 1953	Quyển
Ông Nguyễn Thượng Tú		1953-1954	Chỉ định
Ông Huỳnh Bá	BC	Mấy tháng cuối năm 1954	Chỉ định
3 - THỜI CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1955-1975)			
Ông Lê Quang Ngọc		1/1955-4/1955	Quyển
Ông Phạm Chương		4/1955-2/1956	Chỉ định
Ông Trần Miên	Hồng Quang	2/1956-5/1957	Quyển
Ông Huỳnh Phước		6/1957-1960	Chỉ định
Ông Nguyễn Quang Giao		1960-1962	Chỉ định
Ông Ngô Cửu (lần 1)	Thận	1963	Chỉ định
Ông Đỗ Ngọc Hồ	Tài	1964	Chỉ định
Ông Ngô Cửu (lần 2)	Thận	1964	Bầu cử

Ông Tô Hành Ông Phạm Hương Ông Võ Quyền Ông Phạm Hương Ông Võ Quyền	Lan	1968-1969 1969-1970 1970 1971 1972-1975	Bầu cử Bầu cử Bầu cử Chỉ định Bầu cử
4 - THỜI HÒA BÌNH TỪ 1975 ĐẾN NAY Ông Lê Hưng		10/1976-10/1982	Bầu cử 2 nhiệm kỳ
Ông Võ Quyền Ông Võ Kỳ Sơn Ông Mai Văn Hội		11/1982-6/1983 7/1983-9/1986 10/1986-2/1995	Bầu cử Bầu cử Bầu cử
Ông Trần Bảo Phát Ông Cao Bá Chiến		3/1995-4/1996 6/1996-nay	3 nhiệm kỳ Bầu cử Bầu cử

Chú thích :

- (1). Từ 1932 đến 1935 chưa rõ ai làm Bí thư. Có thể địch đánh phá ác liệt, Đảng bộ chưa khôi phục lại được nên chưa thành lập lại Huyện ủy.
- (2). Chỉ định: do Tỉnh ủy chỉ định. Quyền: tạm thay thế làm Bí thư, lúc đồng chí Bí thư trước được điều động đi công tác khác - Đại diện do cấp trên tạm chỉ định một người thay mặt Đảng chỉ đạo mọi việc của Đảng. Bầu cử: Do các đại biểu được triệu tập trực tiếp theo điều lệ (mỗi thời kỳ có quy định khác nhau) bầu ra.

CÁC ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN TRONG THỜI KỲ CHỐNG MỸ ⁽¹⁾

LẦN ĐẠI HỘI	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM HỌP	SỐ ĐẢNG VIÊN TRONG ĐẢNG BỘ	SỐ ĐẠI BIỂU ĐƯỢC TRIỆU TẬP	SỐ ĐẢNG ỦY VIÊN ĐƯỢC BẦU	BÍ THƯ HUYỆN ỦY
I	10/1965	Hành Tín	217	45	13	Tô Hành
II ⁽²⁾	10/1969	Hành Tín	180	41	13	Phạm Hương
III	12/1970	Hành Tín	221	44	15	Võ Quyển ⁽³⁾
IV	4/1973	Hành Tín	?	47	17	Võ Quyển
V ⁽⁴⁾	12/1974	Hành Tín	232	?	19	Võ Quyển

- (1) - Từ năm 1965 mới có Đại hội. Thời Đảng mới ra đời, cấp trên bí mật chỉ định, thời chống Pháp có hội nghị Chi ủy và đều do bí mật chỉ định.
- (2) - Các đại hội trong bản này trình bày theo tài liệu còn lưu trữ. Theo đồng chí Mai Văn Hội nguyên Bí thư Huyện ủy (1985-1990) thì còn hai Đại hội vào các năm 1967-1968? xin ghi lại để tiếp tục xác minh.
- (?) - Những chỗ có dấu (?) là căn cứ vào trí nhớ của nhiều người khác nhau, e chưa thật chính xác
- (3) - Vì lý do đặc biệt, đồng chí Phạm Hương đã được rút lên lĩnh công tác được điều về thế đồng chí Võ Quyển một thời gian.
- (4) - Đại hội lần này bị mật vụ luôn vào đặt mìn định giờ tại gần bàn Chủ tịch đoàn, nhưng mãi đến quá 12 giờ trưa, lúc Đại hội nghỉ ngơi và ăn trưa mìn mới nổ, giết chết 2 đồng chí: Trần Văn Khiêm - Bí thư chi bộ Hành Thịnh, và Nguyễn Thị Thanh đang ngồi nghỉ gần đó. Sau tháng 10/1975 ta truy bắt và xử trị ngay tên mật vụ này.

KHEN THƯỞNG

I - ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

1- CÁ NHÂN:

- Đồng chí: Nguyễn Văn Đức-xã Hành Tín, Thiếu tá E-Phó B141-Sư đoàn 312 - Quân đoàn I, nay là Thiếu tướng, Tư lệnh trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu V. Ủy viên Trung ương Đảng.
- Đồng chí: Phạm Minh Tư - Liệt sĩ, không rõ xã, trung úy chính trị viên C432 bộ đội địa phương tỉnh Thuận Hải
- Đồng chí: Nguyễn Kim Vàng - Liệt sĩ - quê xã Hành Đức Đại đội trưởng an ninh vũ trang thị xã Tuy Hòa, Phú Yên.
(Đều theo lệnh tuyên dương số 01/LTD ngày 15-1-1976 do Bác Tôn ký).

2- ĐƠN VỊ, TẬP THỂ:

- Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hành Thịnh. Tuyên dương ngày 06-11-1978.
- Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Hành Tín. Tuyên dương ngày 20-12-1994.

II - HUÂN, HUY CHƯƠNG, BẰNG KHEN

(Do Nhà nước khen tặng cho cán bộ và nhân dân qua các thời kỳ)

1 - Trong kháng chiến chống Pháp: 79 trường hợp

- 58 bằng khen
- 10 huy chương
- 11 huân chương

2 - Trong kháng chiến chống Mỹ:

- 479 bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi
- 438 bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng
- 489 huy chương kháng chiến hạng 2
- 650 huy chương kháng chiến hạng 1
- 1354 huân chương kháng chiến hạng 3
- 3491 huân chương kháng chiến hạng 2
- 2600 huân chương kháng chiến hạng 1

III - HUÂN, HUY CHƯƠNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN:

- 01 Huân chương Quân công hạng II (Nhà nước tặng Lực lượng vũ trang ND huyện).
- 02 Huân chương kháng chiến công giải phóng hạng 3.
- 628 Huân chương chiến công
- 1371 Huân chương chiến sĩ giải phóng
- 315 Huân chương chiến công giải phóng
- 119 Huân, huy chương chiến thắng
- 227 Huân chương hữu nghị
- 417 Huân chương bảo vệ Tổ quốc
- 1219 Huân, huy chương chiến sĩ vẻ vang⁽¹⁾

IV- BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

- 92 bà mẹ đã được phong tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng .

(1). Con số ở mục I, II, III trong phần này chỉ thống kê được số hiện ở quê nhà.

V - LIỆT SĨ⁽¹⁾

ĐỊA PHƯƠNG	NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG	NGƯỜI NƠI KHÁC	VÔ DANH ⁽²⁾	TỔNG SỐ
Hành Thuận	81			81
Hành Dũng	54	365		419
Hành Nhân	86	3	5	94
Hành Minh (Kể cả chợ Chùa)	28	69	125	222
Hành Đức (Kể cả Hành Trung)	120		136	256
Hành Phước	86	35	140	261
Hành Tín	147		268	415
Hành Thiện	102	212	53	367
Hành Thịnh	241		286	527
Tổng cộng	945	684	1.013	2.642

VI - THƯƠNG BINH CÁC LOẠI:

Thương binh các loại (kể cả bệnh binh) : 1.166 người

VII - GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG :

Số gia đình có công với cách mạng: 127⁽²⁾

VIII - CÁC CÁN BỘ CÁCH MẠNG LÃO THÀNH

(Tiền khởi nghĩa) : 8⁽³⁾

(1) - Hiện có ở Nghĩa trang liệt sĩ các xã - Theo thống kê của Phòng Thương binh-xã hội huyện tháng 4-1996.

(2) - Phần lớn số liệt sĩ vô danh là người miền Bắc, hoặc trong đơn vị Hắc Hải, hoặc các đơn vị vận tải của Cục hậu cần Quân khu đến cửa khẩu An Ba lấy gạo bị hy sinh không biết tên.

(3) - (4). Chỉ thống kê được số còn ở quê. Không tính được số rất đông ở thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Nha Trang, Đà Nẵng v.v...

TƯ LIỆU THAM KHẢO

- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - tập I, tập II
NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội 1995.
- Hồ Chí Minh toàn tập. NXB Sự thật Hà Nội
- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (Sơ thảo).
Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Nghĩa Bình 1985.
- Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi XB 1995.
- Lịch sử Công an Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi - Tập I - 1993.
- Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Tơ tập I - XB 1989.
- Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của
Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi của Bùi Định
Sở Văn hóa thông tin Nghĩa Bình xuất bản 1985.
- Sao sáng Sông Trà: của Hồng Sinh - Hồng Phú
Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản - 1975.
- Khuôn mặt Quảng Ngãi - Phạm Trung Việt XB 1973.
- Thi ca và giai thoại miền Ấn Trà - Phạm Trung Việt XB 1973.
- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập I-NXB sự thật Hà Nội 1981.
- Việt Nam những sự kiện lịch sử
NXB Khoa học xã hội- Hà Nội 1976.
- Những sự kiện lịch sử Đảng - NXB thông tin và lý luận Hà nội 1985.
- Nam Trung bộ kháng chiến - NXB CTQG - Sự thật - 1992.
- Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng Bộ tư lệnh liên khu V 1989.
- Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm NXB Tổng hợp 1988.
- Sơ thảo phong trào cách mạng phụ nữ Quảng Ngãi - tập I
- Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Mộ Đức - tập I
- Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và đội du kích Ba Tơ - NXB Chính trị Quốc gia
1995.
- Hành Thịnh mảnh đất kiên cường (sơ thảo truyền thống) 1995.
- Hành Thịnh thơ ca kháng chiến, hồi ký kháng chiến 1995.
- Cẩm Thành số 6. Bài đi tìm những cứ liệu về phong trào Tây Sơn .

TÀI LIỆU CHƯA XUẤT BẢN

- Hồi ký "Phong trào hoạt động cách mạng năm 1930-1945" của huyện
Nghĩa Hành

- Hồi ký của nhiều lão thành cách mạng do đồng chí Nguyễn Cúc ghi chép
- Hồi ký hoạt động cách mạng của ông Nguyễn Công Phương Bản đánh máy
- Hồi ký của nhiều cụ lão thành cách mạng do cụ Nguyễn Tín ghi lại
- Hồi ức của ông Hồ Thiết do Bùi Định ghi
- Hồi ký của cụ Trần Hàm do Trần Mộng Nam ghi
- Hồi ký của cụ Trần Huy do Trần Mộng Nam ghi
- Báo cáo về tình hình chính trị ở Quảng Ngãi do Công sở Quảng Ngãi - Bản dịch
- Hồi ký của cụ Nguyễn Tín - Bản đánh máy
- Quyết đi tìm Đảng của cụ Nguyễn Thiệu Kế Hoài Nghĩa ghi - (Bản chép tay)
- Về đồng chí Nguyễn Nghiêm.
Hồi ký của cụ Trần Hàm và Trần Huy do Trần Mộng Nam ghi
- Tư liệu do các đồng chí Phạm Thanh Biền, Lê Tấn Tỏa, Võ Trọng Nguyễn, Nguyễn Nghĩa nguyên bí thư, phó bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi cung cấp.
- Hồi ký của cụ Nguyễn Sinh Châu (bản đánh máy)
- Nhiều nhật ký số liệu do đồng chí Nguyễn Nghiêm cung cấp
- Quảng Ngãi với Tây Sơn Hưng Quốc vận - Nguyễn Hồng Sinh - tài liệu in Rôneô.
- Hành Tín truyền thống yêu nước và kháng chiến - Tài liệu in rôneô
- Một số tư liệu Báo cáo tổng kết của Khu từ 1954 - 1975 theo bản sao lưu ở bộ phận NCLS Đảng Tỉnh
- Hồi ký của đồng chí Huỳnh Phước, Nguyễn Quang Giao, Phạm Hương - nguyên Bí thư huyện ủy Nghĩa Hành. Đồng chí Trần Văn An nguyên Bí thư huyện rồi Bí thư tỉnh Quảng Ngãi và đồng chí Hoàng Trương, cán bộ lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi cung cấp.
- Một số tư liệu do các đồng chí Bùi Tấn Linh, Nguyễn Tấn Phước, Nguyễn Cúc, Lê Quang Ngọc, Phan Anh Kiệt, Võ Hoàng, Võ Đình Khánh, Trần Thị Xuân Lan, Nguyễn Tấn Thứ, Võ Quyến, Mai Văn Hội, Hoài Lang, Lê Thành Mỹ, Cao Bá Chiến, Trần Bảo Phát, Lữ Đình Oanh, nguyên là Bí thư huyện ủy hay thường vụ huyện ủy và cán bộ các xã trong huyện cung cấp.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

PHẦN MỞ ĐẦU

VÀI NÉT VỀ ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI NGHĨA HÀNH TRƯỚC NĂM 1930

- Chương I: Đất nước - Con người Nghĩa Hành (trang 6)
- Chương II: Truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng của nhân dân Nghĩa Hành trước 1930 (trang 18)

PHẦN THỨ NHẤT

ĐẢNG BỘ HUYỆN NGHĨA HÀNH RA ĐỜI VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, GIÀNH CHÍNH QUYỀN VỀ TAY NHÂN DÂN (1930-1945)

- Chương III: Đảng bộ Nghĩa Hành ra đời - Cao trào cách mạng 1930-1931 (trang 33)
- Chương IV: Đảng bộ Nghĩa Hành lãnh đạo phong trào cách mạng 1932-1939 (trang 56)
- Chương V: Đảng bộ Nghĩa Hành lãnh đạo phong trào cách mạng 1940-1945 (trang 76)

PHẦN THỨ HAI

ĐẢNG BỘ NGHĨA HÀNH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG CỦA CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN TRONG CHỐNG PHÁP CỨU NƯỚC (1945-1954)

- Chương VI: Nghĩa Hành xây dựng chế độ mới, xây dựng thực lực cách mạng (1945-1946) (trang 103)
- Chương VII: Tiếp tục xây dựng chế độ mới, xây dựng huyện thành căn cứ kháng chiến của toàn miền (1947-1950) (trang 113)
- Chương VIII: Động viên nhân tài vật lực, phát huy vai trò căn cứ kháng chiến, góp phần đánh bại thực dân Pháp xâm lược (1950-1954) (trang 129)

PHẦN THỨ BA

NGHĨA HÀNH TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

- Chương IX: Đảng bộ Nghĩa Hành chuyển hướng đấu tranh, đòi địch thi hành hiệp định Genevơ, chống địch tổ cộng, di dân, lập ấp, bảo vệ thực cách mạng (1954-1960) (trang 158)
- Chương X: Đảng bộ Nghĩa Hành lãnh đạo xây dựng thực lực cách mạng tiến tới phá ấp chiến lược, giành dân, góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ngụy (1961-1965) (trang 189)
- Chương XI: Đánh lấn chiếm, mở rộng vùng giải phóng, tích cực xây dựng lực lượng, góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Đế quốc Mỹ (1965-1968) (trang 218)
- Chương XII: Phát động toàn dân đánh giặc, kết hợp "hai chân ba mũi giáp công" góp phần đánh bại "Việt Nam hóa chiến tranh" của Đế quốc Mỹ (1969-1972) (trang 244)
- Chương XIII: Thực hiện Hiệp định Paris, chống lấn chiếm, tiến tới giải phóng toàn huyện, góp phần giải phóng toàn tỉnh, toàn miền Nam (1973-1975) (trang 267)

PHẦN KẾT LUẬN

(trang 287).

PHẦN PHỤ LỤC

(trang 308)

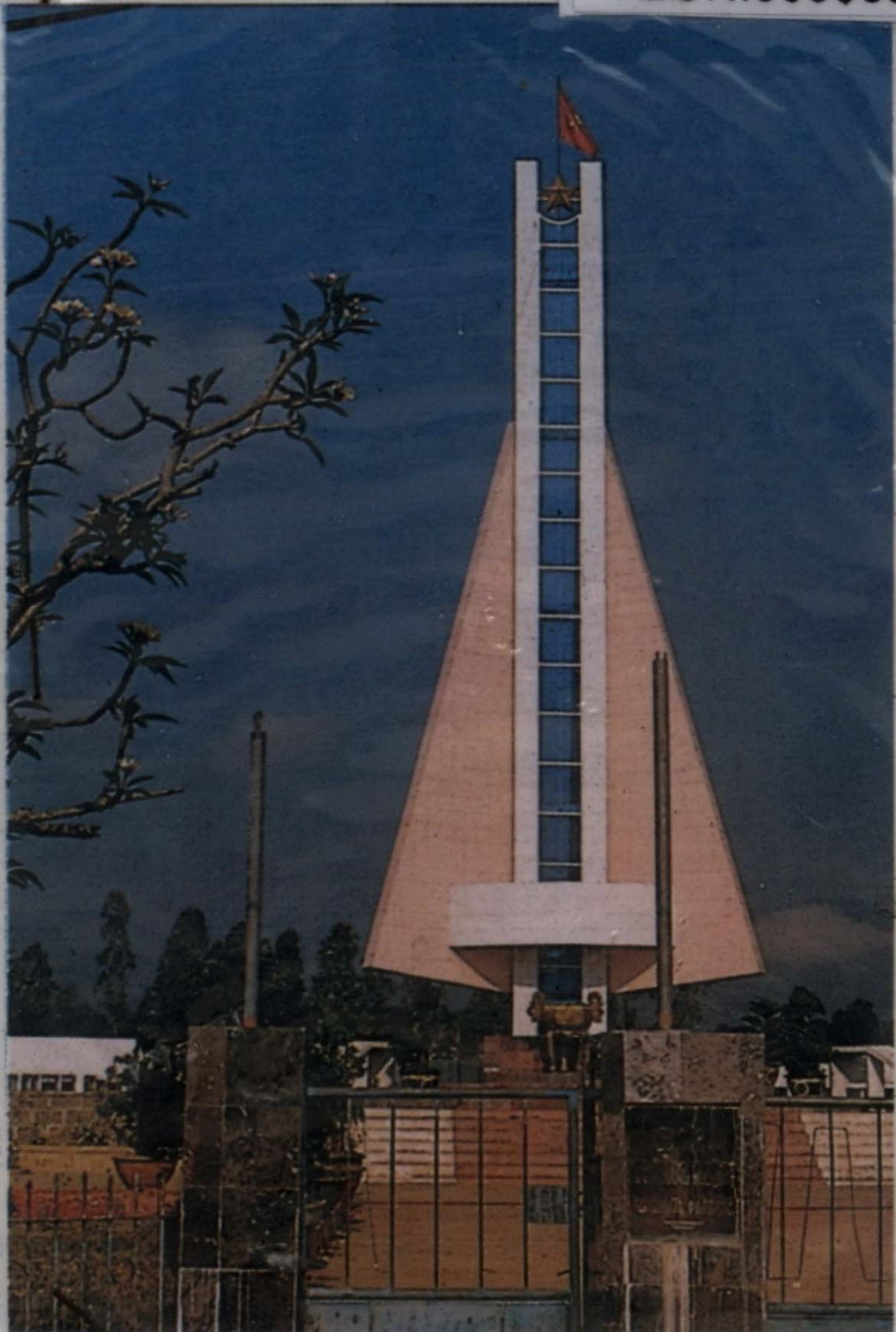
TƯ LIỆU THAM KHẢO

(trang 316)

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000069



ĐÀI TƯỢNG NIỆM LIỆT SĨ HUYỆN NGHĨA HÀNH